

TỪ ĐIỂN ĐÀN
SIATON
TOÀN CẦU HÓA VÀ
TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
(*Sách tham khảo*)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2000

CHỦ BIÊN:

Nguyễn Văn Thanh

NHÓM BIÊN SOẠN:

Daniel Blais – Tổ chức Oxfam đoàn kết Vương quốc Bỉ

Lady Borton – Tổ chức Quaker

Bùi Thế Giang

John Egan – Tổ chức Hợp tác quốc tế vì phát triển và đoàn kết (CIDSE),

Ramesh Singh – Tổ chức Viện trợ hành động Anh (ActionAid)

Joachim Theis – Quỹ cứu trợ trẻ em Anh

Trần Phong Hải và Bé Văn Trung

Mục lục

Lời Nhà xuất bản		9
Lời ghi nhận và cảm ơn		11
Bản chú giải các chữ viết tắt		13
Tổng quan, Nguyễn Văn Thanh		17
Phần thứ nhất	Một thất bại thảm hại	47
Chương I	Ngược dòng thời gian, Nguyễn Văn Thanh	49
Chương II	Cuộc phản kháng thế kỷ, <i>Nguyễn Văn Thanh</i>	61
Chương III	Một cái chết được báo trước, <i>Walden Bello</i>	71
Chương IV	Từ khủng hoảng đến chiến thắng của các nước đang phát triển, Aileen Kwa	79
Phần thứ hai	Hậu quả của sự bất bình đẳng	93
Chương V	Lần theo dấu vết của sự đổ vỡ, <i>Walden Bello</i>	95
Chương VI	Người thắng và kẻ thua trong toàn cầu hoá - Phân tích thời kỳ sau GATT, <i>Michael Barratt Brown</i>	137

Chương VII	WTO và các nước đang phát triển, <i>Aileen Kwa</i>	147
Chương VIII	Phương Nam tiếp tục bị nghiền nát hơn nữa tại Siatơn?, <i>Chakravarthi Raghavan</i>	167
Chương IX	Lập trường của Nhóm 77, <i>Martin Khor</i>	181
Phần thứ ba	Những vấn đề cốt lõi	195
Chương X	Thương mại và an ninh lương thực - Đánh giá Hiệp định về nông nghiệp tại Vòng đàm phán Uruguay, <i>Mark Ritchie</i>	197
Chương XI	Tại sao không nên đưa những vấn đề mới vào Hội nghị Siatơn, <i>Martin Khor</i>	269
Chương XII	Cộng đồng châu Âu 'khởi động trở lại' quy chế đầu tư tại WTO, từ Theo dõi phát triển Bắc - Nam	281
Chương XIII	Cuộc đấu tranh về văn hoá ở WTO, <i>Maude Barlow</i>	293
Phần thứ tư	Con đường phía trước	299
Chương XIV	Ba năm để WTO thực hiện toàn cầu hoá - Chủ quyền quốc gia bị đe dọa đến mức độ nào, <i>Susan George</i>	301
Chương XV	Thương mại công bằng	311
	Định nghĩa thương mại công bằng <i>Pauline Tiffen</i>	311
	Người uống và người trồng cà phê cùng có lợi, thương mại công bằng trong thực tiễn <i>Humphrey King</i>	316

Chương XVI	Hướng tới tương lai	325
	Kêu gọi khởi động một Vòng phát triển, <i>Mark Ritchie</i>	325
	Đâu là tương lai của châu Á và WTO?, <i>FEER</i>	329
	WTO sau Siaton, <i>Oxfam Anh</i>	333
	Bình minh, <i>Ignacio Ramonet</i>	337
Kết luận, Nguyễn Văn Thanh		341
Phụ lục		347
Phụ lục I	Tuyên bố của Hội nghị G77 ở Marrakesh	349
Phụ lục II	Báo cáo của Oxfam về WTO trước Nghị viện Anh	355
Phụ lục III	Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng WTO tại Singapo	367
Phụ lục IV	Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng WTO tại Geneva	382
Phụ lục V	Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng về thương mại điện tử toàn cầu	388
Phụ lục VI	Tuyên bố của các tổ chức thành viên xã hội dân sự quốc tế phản đối Vòng đàm phán thiên niên kỷ hay vòng đàm p hán thương mại toàn cầu mới	390
Phụ lục VII	Lời kêu gọi của tổ chức Attac	394
Phụ lục VIII	Điều 301 đặc biệt của Mỹ	396
Phụ lục IX	Cơ cấu của Tổ chức thương mại thế giới	399

Lời Nhà xuất bản

Hội nghị cấp bộ trưởng của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) diễn ra tại Siaton từ ngày 30 tháng Mười một đến ngày 3 tháng Mười hai 1999 đã bế mạc mà không đạt được thoả thuận về một vòng đàm phán tự do hoá thương mại toàn cầu mới. Các đại biểu chia tay trong bầu không khí gay gắt của sự bất đồng và dư âm của các cuộc tuần hành phản đối sôi sục trên đường phố Siaton. Đây là thất bại lớn nhất của WTO kể từ khi tổ chức này chính thức ra đời ngày 1 tháng Giêng 1995.

*Để góp phần giải đáp câu hỏi tại sao Hội nghị Siaton lại thất bại nặng nề đến như vậy và tương lai của mậu dịch quốc tế sẽ như thế nào, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **TỪ ĐIỂN ĐÀN SIATON — TOÀN CẦU HOÁ VÀ TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI**.*

Trên cơ sở trình bày quá trình hình thành và phát triển của WTO, một trong ba trụ cột của toàn cầu hoá bên cạnh Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, cuốn sách tập trung phân tích những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển trong thương mại thế giới, mâu thuẫn giữa các nước phát triển, chủ yếu giữa Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, nhằm giành giật thị trường, lợi nhuận và khu vực ảnh hưởng - những nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự đổ vỡ ở Hội nghị Siaton. Các tác giả

còn đưa ra một số khuyến nghị về những tu chỉnh cần thiết đối với tổ chức thương mại đầy quyền lực này, tập trung vào ba vấn đề là kiểm điểm, sửa chữa và cải tổ WTO.

Các nhà nghiên cứu còn cho rằng chúng ta đang chứng kiến một giai đoạn khác của chủ nghĩa thực dân mới, giai đoạn thông trị thế giới bằng ba thiết chế (còn gọi là tam đầu chế) kinh tế, tiền tệ và thương mại kết hợp với thế lực hùng hậu của các tập đoàn xuyên quốc gia. Bởi vậy, mỗi quốc gia phải tìm cho mình một phương thức phát triển thích hợp để tận dụng được những lợi thế của toàn cầu hoá và thương mại quốc tế đồng thời hạn chế tới mức thấp nhất những hệ lụy mà nó gây ra.

Tuy các quan điểm nêu trong cuốn sách là của các học giả, các tổ chức phi chính phủ, phản ánh những nhận thức khác nhau về toàn cầu hoá và Tổ chức thương mại thế giới, nhưng có giá trị tham khảo hữu ích, vì nó phản ánh phần nào suy nghĩ, tâm tư và nguyện vọng của những người dân phương Nam cũng như phương Bắc.

Chúng tôi chân thành cảm ơn ông Nguyễn Văn Thanh, Ủy viên Đoàn chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, và các thành viên khác trong nhóm biên soạn cùng một số tổ chức phi chính phủ: Oxfam Bỉ, Quaker, CIDSE, ActionAid và Quỹ cứu trợ trẻ em Anh đã dành nhiều thời gian và công sức biên soạn cuốn sách này.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các bạn về cuốn sách cũng như mảng sách tham khảo của chúng tôi.

Tháng Hai 2000

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Lời ghi nhận và cảm ơn

Cuốn sách này được ra mắt bạn đọc là nhờ sự khuyến khích và động viên của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ về tư liệu của bạn bè gần xa. Xin chân thành cảm ơn các bạn Daniel Blais, Tổ chức Oxfam đoàn kết Vương quốc Bỉ, Lady Borton, Tổ chức Quaker, John Egan, Tổ chức Hợp tác quốc tế vì phát triển và đoàn kết (CIDSE), Ramesh Singh, Tổ chức Viện trợ hành động Anh (ActionAid), Joachim Theis, Quỹ cứu trợ trẻ em Anh (SCF-GB) đã tham gia nhiều ý kiến quý báu, cung cấp nhiều tư liệu bổ ích, và tham gia biên soạn.

Xin cảm ơn các bạn trong tổ chức Tập trung cho phương Nam toàn cầu, Mạng lưới Thế giới thứ ba, Trung tâm phương Nam, Viện nghiên cứu Thế giới thứ ba, Thế giới thứ ba trở dậy, GREASEA, Quỹ văn xã nghiên cứu môi trường, CAFOD, đã cung cấp và cho phép chúng tôi sử dụng nhiều tư liệu và thông tin liên quan.

Xin cảm ơn Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong việc định hướng, biên soạn và thiết kế cuốn sách.

Xin chân thành cảm ơn quý độc giả cho nhận xét để bổ khuyết cho những thiếu sót của cuốn sách.

Tháng Giêng 2000

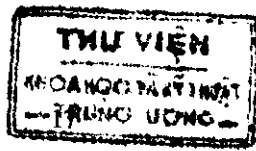
Chủ biên: **Nguyễn Văn Thanh**

Bản chú giải những chữ viết tắt

ACP	Các quốc gia châu Phi, Caribê và Thái Bình Dương
AMS	Lượng định tổng quan về hỗ trợ
AOA	Hiệp định về nông nghiệp
ATC	Thoả thuận về hàng dệt và may
CAC	Tiểu ban chuẩn về nông nghiệp
CAP	Chính sách nông nghiệp chung của EU
CARICOM	Cộng đồng Caribê
CBD	Công ước về đa dạng sinh học
CTD	Ủy ban thương mại và phát triển
CTE	Ủy ban thương mại và môi trường
DSB	Cơ quan xử lý tranh chấp
DSU	Quy ước giải quyết tranh chấp
EC	Ủy ban châu Âu
EU	Liên minh châu Âu
FAO	Tổ chức lương nông của Liên hợp quốc
GATS	Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ

GATT	Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
IPRs	Các quyền sở hữu trí tuệ
ITCSD	Trung tâm quốc tế phi chính phủ về thương mại và phát triển
ITO	Tổ chức mậu dịch quốc tế
LDC	Các quốc gia chậm phát triển
MAI	Hiệp định đa phương về đầu tư
MTA	Hiệp định thương mại đa phương
NAFTA	Hiệp hội tự do thương mại Bắc Mỹ
NGO	Tổ chức phi chính phủ (TCPCP)
NGDO	Tổ chức phi chính phủ phát triển
NFIDC	Các nước đang phát triển phải nhập khẩu ròng lương thực
NTB	Hàng rào phi thuế quan
OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
QUAD	Bao gồm Hoa Kỳ, Canada, Nhật Bản, và EU còn gọi là tứ giác hay tứ đầu chế
SAP	Chương trình điều chỉnh cơ cấu
SAPTA	Thoả thuận ưu đãi thương mại Nam Á
SPS	Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và vệ sinh thực vật

TBT	Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với mậu dịch
TNC	Tập đoàn xuyên quốc gia
TRIMs	Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại
TRIPs	Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ
UNCTAD	Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển
UPOV	Công ước của Liên minh bảo vệ các giống loài cây mới
UN	Liên hợp quốc (LHQ)
UNHCR	Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn
US	Hoa Kỳ (Mỹ)
WFP	Chương trình lương thực thế giới
WHO	Tổ chức y tế thế giới
WIPO	Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới
WTO	Tổ chức thương mại thế giới



Tổng quan

Bất cứ ai điều khiển được thương mại của thế giới thì người ấy nắm được cửa cái của thế giới, và do đó, cả thế giới.

— SIR WALTER RALEIGH
(1554-1618)¹

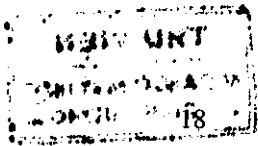
Nguyễn Văn Thanh

Ngày 30 tháng Mười một 1999, Hội nghị lần thứ ba cấp bộ trưởng thương mại của Tổ chức thương mại thế giới (gọi tắt trong tiếng Anh là WTO), diễn ra trong bốn ngày tại Siaton, Hoa Kỳ, gồm đại diện của 135 quốc gia thành viên, đại diện của các thiết chế tài chính quốc tế, các tổ chức Liên hợp quốc để thảo luận về những vấn đề liên quan đến mậu dịch và nhiều chủ đề quan trọng khác, đã kết thúc mà không đạt được kết quả như nước chủ nhà và WTO trù liệu. Mike Moore, Tổng giám đốc WTO mới được bầu hai tháng trước, ngán ngẩm: “Tất cả chúng ta giả tử Siaton thất vọng nhưng không mất tinh thần khi không thể hoàn thành công việc mà chúng ta đến đây để làm”.²

1. Sir Walter Raleigh, chủ trương chiến lược tấn công bằng hải quân, thành lập thuộc địa Anh ở Bắc Carolina, Mỹ từ năm 1584. Ông là nhà văn và là tác giả cuốn Lịch sử thế giới (1614).

2. WTO, *Thông cáo báo chí*, ngày 7 tháng Mười hai 1999. www.wto.org/wto/new/press160.htm.

VV 253
2002
1/10/02



WTO được xây dựng và phát triển trên nền tảng của Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch, gọi tắt trong tiếng Anh là GATT, thành lập đã hơn nửa thế kỷ. Vào cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, các nhà kinh tế học, Maynard Keynes,³ người Anh, và Harry Dexter White, người Mỹ, đề nghị lập ra một Tổ chức mậu dịch quốc tế (ITO) đồng thời với các thiết chế Bretton Woods là Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB). Lúc bấy giờ, ý tưởng của Keynes là hình thành một thể chân vạc về kinh tế, tài chính và thương mại cho thế giới sau những cuộc khủng hoảng dữ dội đã dẫn đến chủ nghĩa phát xít và chiến tranh khốc liệt. Tài chính và tiền tệ do IMF chịu trách nhiệm; phát triển kinh tế là phần việc của Ngân hàng thế giới; ITO sẽ là tổ chức chịu trách nhiệm xúc tiến đồng bộ các vấn đề liên quan đến mậu dịch giữa các quốc gia nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các nước sau chiến tranh.

Nhưng ý tưởng thúc đẩy sản xuất, nhất là các sản phẩm công nghiệp, của các nước đang phát triển không hợp với sở vị của các nước phương Tây. Và thế là thay vào đó, GATT đã ra đời năm 1947 như một hợp đồng quốc tế định ra luật lệ cho mậu dịch thế giới, chủ yếu là để ký kết các hiệp định giảm thuế quan và những hạn chế khác đối với các sản phẩm chế tạo của các nước công nghiệp phát triển. Như vậy, bên cạnh Liên hợp quốc (1945), một tổ chức chính trị, và Tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) 1949, một công cụ sức mạnh, cùng với kế hoạch Macsan tái thiết châu Âu,⁴ đã có ba tổ chức kinh tế-tài chính-

3. John Maynard Keynes (1883-1946), nhà kinh tế học Anh, tác giả Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ (1936), chủ trương tăng sức tiêu thụ, hạ lãi suất, khuyến khích đầu tư công cộng để bảo đảm toàn dụng việc làm.

4. Bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ George C. Marshall đề nghị viện trợ tái thiết cho châu Âu, sau này được biết dưới tên kế hoạch Macsan, 12 tỷ USD trong bốn năm 1947-1951.

thương mại, tất cả đặt dưới sự chi phối của chủ nghĩa tư bản do Mỹ đứng đầu, với ý đồ bá chủ thế giới và quyết định vận mệnh của các dân tộc.⁵ Kèm theo đó là chủ nghĩa tự do mới, quan điểm nhân quyền tư sản và chủ trương tư nhân hóa cực đoan, có thể được xem như là những chỗ dựa về mặt lý luận và xã hội, một thứ học thuyết phi lịch sử được nặn ra nhằm phục vụ lợi ích của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và củng cố sự thống trị của chúng.

Sự hình thành của các tổ chức và học thuyết trên thể hiện rõ xu hướng toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa một cách toàn diện, ý đồ biến thế giới này thành một thể thống nhất, cả về chính trị, kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội, từng bước xóa bỏ các biên giới quốc gia – như đã được thấy ở mô hình liên minh khu vực châu Âu, và các khu vực tự do thương mại tại nơi này nơi khác trên thế giới.⁶

Vòng đàm phán Uruguay kết thúc ngày 15 tháng Mười hai 1993 cũng là sự cáo chung của GATT. ‘Sứ mệnh lịch sử’ của nó đã đến hồi kết thúc. Phương Tây cần một thiết chế thương mại, có đủ sức mạnh cho một hệ thống thương mại thống nhất khi đã có những tiền đề chính trị và xã hội cần thiết vào đầu thập kỷ 1990 sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Các bộ trưởng ký Định ước cuối cùng tại Marrakesh,

5. Michael Barrat Brown, Chủ tịch Mạng lưới thông tin Thế giới thứ ba: “WB và IMF được dàn dựng để phục vụ cho chủ nghĩa bá quyền của Hoa Kỳ”. *WTO, khuôn khổ ý thức hệ của toàn cầu hóa*, Global Publication Foundation, 1998.

6. WTO đã thừa nhận 14 tổ chức thương mại khu vực như EC, EFTA, CEFTA, NAFTA, CACM, MERCOSUR, SAFTA... Theo tài liệu của ActionAid, trích dẫn từ nguồn WTO 1998. Nhưng theo Nigel Simister, *Thương mại quốc tế và an ninh lương thực* cũng của ActionAid thì WTO đã thừa nhận 103 hiệp định thương mại khu vực và đang xét 60 đề nghị công nhận khác, phần lớn là song phương.

Marôc, tháng Tư 1994, khẳng định kết quả của Vòng Uruguay, vòng đàm phán thương mại thứ tám và là vòng cuối cùng của GATT. WTO ra đời ngày 1 tháng Giêng 1995, kế tục GATT. Nhưng GATT chỉ đóng khung trong mua bán hàng hóa. WTO bao quát cả thương mại, dịch vụ và cả ‘mậu dịch tư duy’ hay quyền sở hữu tài sản trí tuệ và nhiều lĩnh vực khác. GATT mang tính chất những hợp đồng tự nguyện giữa các quốc gia. WTO là thiết chế pháp lý của hệ thống thương mại thế giới.

“WTO quy định các nghĩa vụ chủ yếu mang tính cam kết để xác định các chính phủ xây dựng và thực thi luật pháp và các quy chế thương mại trong nước như thế nào”.⁷

Điều khiến cho mọi người chú ý khi nhìn vào các chức năng của WTO là phạm vi toàn cầu và quyền hành quá lớn của nó vượt lên trên các quốc gia.

“Chức năng chủ yếu của WTO là: điều hành và thực thi các hiệp định thương mại đa phương và hiệp định giữa một số bên cấu thành WTO; hoạt động với tính chất một diễn đàn cho các cuộc thương lượng mậu dịch đa phương; tìm kiếm các giải pháp xử lý tranh chấp thương mại; giám sát các chính sách thương mại quốc gia; và hợp tác với các thiết chế quốc tế khác liên quan tới hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu”.⁸

Thỏa thuận WTO gồm 29 văn bản pháp quy riêng rẽ, bao quát mọi thứ từ nông nghiệp đến vải vóc và may mặc, từ dịch vụ đến mua sắm của chính phủ, từ nguồn gốc hàng hóa đến sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó còn có 25 văn bản bổ sung là tuyên bố, quyết

7. WTO, *Tài liệu cơ bản*, www.wto.org.

8. Tài liệu đã dẫn.

định và ghi nhớ cấp bộ trưởng giải thích rõ các nghĩa vụ và cam kết thêm của các thành viên WTO.

Các quy định của WTO nay mở rộng ra các lĩnh vực truyền thống nhạy cảm như mua bán hàng nông sản, vải vóc và may mặc. Với nông nghiệp, những quy định của WTO bao quát các điều kiện tiếp cận thị trường, các biện pháp hỗ trợ nội địa, hạn chế trợ cấp xuất khẩu và an toàn lương thực, các quy chế về vệ sinh thực vật và gia súc. Các quy định mới cũng yêu cầu một thời hạn 10 năm để chấm dứt hiệp định đa sợi và đưa lĩnh vực dệt may vào luật lệ của WTO.

Hiệp định đa phương đầu tiên về thương mại trong dịch vụ giải thích rõ nghĩa vụ của các thành viên như phạm vi thi hành, đối xử quốc gia, tiếp cận thị trường và đưa ra một khuôn khổ cho tiến trình tự do hóa thương mại trong dịch vụ. Thỏa thuận về các cam kết mở rộng thị trường cho viễn thông cơ bản và dịch vụ tài chính đã đạt được năm 1997. Đang tiếp tục thương lượng về vận tải đường biển và di chuyển qua biên giới của các thể nhân. Một thỏa thuận đầu tiên khác là Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs). Hiệp định này không những bao gồm các quyền khác nhau về sở hữu trí tuệ như bản quyền, bằng sáng chế và quyền trình diễn mà còn bảo vệ thiết kế công nghiệp, thương hiệu, bí mật thương mại và bí quyết sản xuất. Đối với mậu dịch hàng hóa, luật lệ WTO bao quát các lĩnh vực như chống phá giá, trợ cấp và bù giá, định mức thuế quan và cấp phép nhập khẩu, làm rõ khi nào các biện pháp đó được sử dụng, sử dụng đến phạm vi nào và như thế nào, kèm theo các cơ chế bảo đảm sự minh bạch.

Đáng quan tâm là WTO cấm phân biệt đối xử giữa các thành viên, giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước. Chẳng hạn, theo Điều I, về 'tối huệ quốc' (MFN), các thành viên phải đối xử với sản phẩm của các thành viên khác không kém hơn sự đối xử với bất cứ quốc gia nào khác. Một hình thức thứ

hai về không phân biệt đối xử gọi là 'đối xử quốc gia', yêu cầu một khi hàng ngoại đã vào một thị trường thì phải được đối xử không kém thuận lợi so với hàng nội.

Về giảm thuế, kể từ năm 1948 sau khi GATT thành lập, trải qua bảy vòng thương lượng đã tiến hành giảm thuế từng bước. Đến vòng thứ tám, Vòng Uruguay, giảm thuế mạnh hơn, đồng thời tăng đáng kể số lượng các mặt hàng cần giảm. Tính ra, theo WTO, trong vòng năm năm đã cắt được 40 phần trăm thuế quan đánh vào các mặt hàng công nghiệp nhập vào các nước phát triển, từ mức thuế bình quân 6,3 phần trăm giảm xuống còn 3,8 phần trăm, đưa giá trị các hàng công nghiệp nhập khẩu được miễn thuế ở các nước phát triển từ 20 phần trăm lên 44 phần trăm.

WTO khác với GATT trên năm điểm cơ bản:

- GATT chỉ là một loạt quy định, một thỏa thuận đa phương không mang tính chất thiết chế và chỉ có một ban thư ký điều phối nhỏ, có từ thời chuẩn bị thành lập Tổ chức mậu dịch quốc tế ITO nhưng bất thành. WTO là một thiết chế thường trực, có cả một bộ máy văn phòng điều hành lớn.
- Các quy định của GATT được áp dụng trên 'cơ sở lâm thời'. Các cam kết của WTO là toàn bộ và thường trực.
- Các quy định của GATT chỉ áp dụng đối với buôn bán hàng hóa. WTO thì ngoài hàng hóa còn bao quát cả thương mại trong dịch vụ và thương mại về các phương diện liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.
- GATT là một công cụ đa phương, và từ những năm 1980, có thêm nhiều hiệp định của một số bên nên mang tính chất chọn lựa. Hầu hết các hiệp định của WTO là đa phương và như vậy đòi hỏi sự cam kết bắt buộc của tất cả các thành viên.
- Hệ thống xử lý tranh chấp của WTO nhanh hơn, liên động

hơn, và như vậy giảm nguy cơ bế tắc so với hệ thống của GATT. Việc thực thi cũng được bảo đảm hơn.

‘GATT 1947’ tồn tại cho đến cuối năm 1995. Nhưng ‘GATT 1994’, bổ sung và cập nhật nó, là bộ phận tổng thành của WTO và vẫn tiếp tục phát huy chức năng, tác dụng về thương mại hàng hóa quốc tế trong tổ chức mới này.

Quy trình ra quyết định của WTO tiếp tục truyền thống của GATT là đồng thuận chứ không phải bằng bỏ phiếu. Phương pháp này, theo WTO, là nhằm bảo đảm cho quyền lợi của các thành viên được coi trọng, “mặc dù có khi họ có thể đồng thuận vì lợi ích chung của hệ thống thương mại đa phương”.⁹ Nhưng nếu không đạt được đồng thuận thì thỏa thuận WTO cho phép đầu phiếu theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số và mỗi nước một phiếu. Và như vậy, có thể coi, ít ra về hình thức, WTO hình như ‘dân chủ’ hơn IMF và WB, nơi số phiếu tỷ lệ thuận với tổng số tiền đóng góp của mỗi nước, khiến cho Hoa Kỳ với 17-18 phần trăm quyền đầu phiếu trong WB và IMF đủ sức để khuynh đảo mọi kết quả trưng cầu.

Thỏa thuận WTO quy định bốn trường hợp bỏ phiếu:

- Một đa số phiếu ba phần tư có thể thông qua một diễn dịch (interpretation) của bất kỳ hiệp định thương mại đa phương nào.
- Cũng bằng đa số đó, Hội nghị bộ trưởng có thể quyết định cho một thành viên nào đó lùi thời gian thi hành một hiệp định đa phương nào đó.
- Những quyết định bổ sung một số điều khoản của các hiệp định thương mại có thể được thông qua nếu được tất cả các thành viên hoặc được một đa số hai phần ba chấp thuận, tùy

9. Như trên.

theo tính chất của vấn đề. Tuy nhiên, các điều khoản bổ sung đó chỉ có hiệu lực đối với các thành viên đã chấp nhận chúng.

- Việc kết nạp thành viên mới phải được đa số hai phần ba của Hội nghị cấp bộ trưởng tán thành.

Tuy dân chủ đã được chế định bằng nguyên tắc đồng thuận và thiểu số phục tùng đa số, nhưng trong thực tế thì có rất nhiều thao tác để tránh né hoặc để vượt lên trên các nguyên tắc đó, vì các nước phát triển nắm trong tay công cụ lợi hại nhất là sức mạnh tài chính và kinh tế. Trong thực tế, các nước được gọi chung là tứ giác, đứng ra nên gọi là tứ đầu chế (QUAD) bao gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada và Liên minh châu Âu có thể họp riêng, cửa đóng then cài, và thường là như vậy, để thống nhất ý kiến và quyết định, sau đó đưa ra Đại hội đồng có tính chất chiếu lệ. Ngày 6 tháng Mười một 1999, 11 nước gồm Bolivia, Cuba, Ôndurat, Môrixơ, Cộng hòa Đôminica, En Sanvađo, Goatêmala, Uganda, Paragoay, Panama và Dibuti đã gửi một bức thư chung phản đối kiểu họp kín 'Phòng Xanh', và đòi phải có sự tham gia thích đáng của các nước đang phát triển, không thể nhân danh 'hiệu quả' mà thi hành chính sách điều hành độc đoán.¹⁰

Việc giải quyết tranh chấp trong WTO được coi là một yếu tố trung tâm bảo đảm cho việc vận hành thương mại một cách an toàn và nằm trong tầm dự kiến. Các thành viên phải tự cam kết không hành động đơn phương chống những điều được họ coi là vi phạm luật lệ thương mại, mà phải dựa vào hệ thống giải quyết tranh chấp đa phương và phải tuân thủ các quy định và phán quyết của hệ thống này. Trong vòng 30 ngày sau khi nhận

10. Thông tin do Thierry Kesteloot, Oxfam Solidarite Bỉ cung cấp từ Martin Khor, Third World Network.

được khiếu kiện hoặc kháng án, Cơ quan xử lý tranh chấp (DSB) phải họp để phán quyết. Bên bị phải tuyên bố rõ ý định chấp hành khuyến nghị. Nếu có khó khăn trong việc tuân thủ ngay lập tức thì có thể được DSB cho kéo dài ‘một thời gian hợp lý’ để chấp hành. Trong trường hợp vẫn không chấp hành được thì thành viên bị kiện phải thương lượng với bên nguyên để xác định những điều kiện bồi thường có thể chấp nhận được cho cả hai phía – chẳng hạn, giảm thuế suất về một số lĩnh vực nào đó có lợi cho bên nguyên.

Nếu sau 21 ngày mà yêu cầu bồi thường vẫn chưa được thỏa mãn thì bên nguyên có thể đề nghị DSB cho phép mình thực hiện việc đình chỉ thỏa nhượng hoặc nghĩa vụ với phía bên kia. DSB sẽ phải đồng ý với đề nghị này sau khi mãn hạn 30 ngày nói trên. Vụ việc sẽ nằm trong nghị trình của DSB cho đến khi đã được hoàn toàn giải quyết. Như vậy, “DSB có thẩm quyền duy nhất thành lập các hội đồng xét xử, thụ lý các báo cáo của hội đồng xét xử và kháng án, duy trì giám sát việc thực thi các phán quyết và khuyến nghị, cho phép vận dụng các biện pháp trả đũa trong những trường hợp không chịu chấp hành các khuyến nghị”.¹¹ Một ví dụ sốt dẻo là vào tháng Tư 1999, Mỹ được DSB cho phép tăng 100 phần trăm thuế đánh vào số hàng nhập khẩu trị giá 191,4 triệu USD gồm khăn trải giường, áo quy, túi xách đất tiền, giấy và hộp bìa cứng, cà phê và chè đã qua chế biến của các nước thành viên EU, vì lý do các nước này không chịu xoá bỏ ưu tiên dành cho chuỗi Caribê so với ‘chuỗi đô la’ của các đồn điền Del Monte và Chiquita ở Mỹ Latinh.

Có lý do chính đáng để lo ngại rằng, “nếu WTO được trao cho quyền phán xử đối với đầu tư quốc tế, cấp bằng sáng chế và mua sắm của chính phủ, như nhiều nước phương Bắc mong muốn, thì nó sẽ có quyền cho phép trả đũa trong những lĩnh vực

11. Thông tin từ www.wto.org.

chẳng liên quan gì đến thương mại. WTO có thẩm quyền rộng rãi: nhân danh 'thương mại tự do', nay WTO đang lấn sang các lĩnh vực gọi là 'rào cản phi thuế quan' (như các tiêu chuẩn về y tế và môi trường) cũng như bất cứ quy định nào (của các nước) được coi là làm 'biến dạng' hoặc 'cản trở' sự lưu thông tự do của hàng hóa và dịch vụ".¹²

Tính đến cuối năm 1994, trong tổng số 128 thành viên (nay là 135) của WTO có 97 nước đang phát triển, 9 quốc gia Đông Âu và Liên Xô trước đây đang trong thời kỳ 'quá độ'. Theo WTO, đây là những nước nằm trong nhóm cần được giúp đỡ để thực thi các nghĩa vụ đối với WTO.

Hội nghị cấp bộ trưởng (Ministerial Conference) là cơ quan quyền lực tối cao của WTO, gồm đại diện của tất cả các thành viên, ít nhất hai năm họp một lần và có thể ra quyết định về mọi vấn đề thuộc bất kỳ hiệp định thương mại đa phương nào.

Công việc thường ngày do một số cơ quan sau đây chịu trách nhiệm: Đại hội đồng (General Council), cũng gồm tất cả các thành viên, có trách nhiệm báo cáo cho Hội nghị cấp bộ trưởng. Đại hội đồng điều hành công việc thường xuyên nhân danh Hội nghị cấp bộ trưởng, thành lập hai bộ phận chuyên trách là Cơ quan xử lý tranh chấp (Dispute Settlement Body) và Ban kiểm điểm chính sách thương mại (Trade Policy Review Body).

Đại hội đồng giao trách nhiệm cho ba cơ quan chức năng:

- Hội đồng mậu dịch về hàng hóa;
- Hội đồng mậu dịch về dịch vụ;
- Hội đồng mậu dịch về các phương diện liên quan đến sở hữu trí tuệ.

12. Báo cáo chính sách của CAFOD về WTO, tháng Mười 1999, Luân Đôn.

Các hội đồng này hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được giao, có các tiểu ban giúp việc. Biên chế của Ban thư ký có 500 người, đứng đầu là Tổng giám đốc và bốn Phó tổng giám đốc. Ngân sách WTO là 93 triệu USD do đóng góp của các thành viên tính theo tỷ phần của mỗi nước trong tổng kim ngạch thương mại thế giới.

Qua những gì được chính WTO và một số nguồn khác nêu ra trên đây, có thể thấy rõ GATT trước đây và WTO hiện nay, tuy không phải là thiết chế duy nhất, nhưng chắc chắn là một trong những thiết chế then chốt nhất cùng với WB và IMF chịu trách nhiệm thực hiện 'chủ nghĩa tư bản tập đoàn' trên phạm vi toàn cầu. Có thể khẳng định WTO, WB và IMF là những công cụ của toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa.

Hiện nay, trên thế giới đang hình thành các xu hướng đối với WTO:

- Duy trì nguyên trạng WTO, tức là WTO chỉ tiếp tục làm các công việc của GATT và theo chương trình nghị sự gọi là 'đã được cài sẵn' từ sau Vòng Uruguay, tức là nếu có thêm thì cũng chỉ là bàn vấn đề thương mại trong dịch vụ và nông nghiệp. Các tổ chức xã hội dân sự, Ấn Độ, Ai Cập, Malaysia và Liên minh các nước châu Phi đồng tình với chủ trương này.
- WTO phải khởi động một 'Vòng thiên niên kỷ' bao quát rất nhiều lĩnh vực mới như nông nghiệp, lao động, môi trường... Từ ba năm nay, EU đề xướng và hối thúc chủ trương này, được Nhật Bản và Canada ủng hộ; Mỹ tán thành trong một chừng mực nhất định, nhưng đặt trọng tâm vào vấn đề lao động và môi trường.
- Xóa bỏ WTO hoặc phải cải tổ nó một cách căn bản để phản ánh được lợi ích của tất cả các nước.

Tất nhiên, WTO không phải cái gì cũng tốt, cũng chẳng phải cái gì cũng xấu. Nhưng rõ ràng không thể nói WTO làm lợi cho các nước đang phát triển, các nước nghèo, như người ta vẫn thường rêu rao. Khi kết thúc Vòng Uruguay của GATT năm 1994, mở đường cho việc thành lập WTO, Chủ tịch của Nhóm 77 và là đại diện thường trực của Côlômbia ở Liên hợp quốc là Luis Fernando Jaramillo đã phát biểu:

“Vòng Uruguay lại cung cấp thêm một bằng chứng nữa cho thấy thế giới đang phát triển tiếp tục bị gạt ra bên lề và bị loại bỏ khi xác định các lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn đối với họ. Thế giới thứ ba phải thu mình lại trong vai trò người dự khán thụ động khi thông qua các quyết định. Các quốc gia thuộc Thế giới thứ ba bị đặt vào tình cảnh phải trả giá khi chấp nhận những điều khoản mới thuộc các lĩnh vực lợi ích của các nước công nghiệp, trong lúc lại chẳng được đền bù thỏa đáng bằng các điều kiện về tiếp cận thị trường... Không nghi ngờ gì nữa, các nước đang phát triển là những người thua thiệt, xét trên tổng thể cũng như từng cá thể”.¹³

Đúng như vậy, điểm yếu lớn nhất của WTO hiện nay cũng như của GATT trước đây, là làm lợi nhiều hơn cho các nước giàu, và chủ yếu là diễn đàn của các quốc gia giàu có. Có tới 30 nước đang phát triển không đủ điều kiện để cử một đại diện thường trú ở Geneva và không thể tham dự các cuộc họp của WTO tại

13. Martin Khor, Giám đốc Mạng lưới Thế giới thứ ba (TWN), một tổ chức quốc tế bao gồm các nhóm hoạt động về phát triển và môi trường ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh quan tâm đến vấn đề toàn cầu hóa và khu vực. *WTO, một công cụ đưa phương Nam vào khuôn phép, Trọng WTO, một khuôn khổ khái niệm của toàn cầu hóa*, do Eva Haxton và Claes Olsson biên tập, Nhà xuất bản TWIN, 1998, tr.65.

đầy.¹⁴ Nước chủ nhà hứa sẽ cho họ thuê nhà giá rẻ nhưng đã sáu năm rồi mà không thực hiện.¹⁵ Trong lúc đó thì Phái đoàn đại diện thương mại Mỹ ở Geneva có tới 250 quan chức, chưa kể số được chi viện khi cần thiết.¹⁶ Các nước đang phát triển vẫn còn loay hoay với việc làm cho tròn các nghĩa vụ ràng buộc họ từ thời làm thành viên của GATT. Ngay cả việc phán xử các tranh chấp về thương mại cũng chỉ làm lợi cho nước giàu vì các nước nghèo thì chẳng có đủ nguồn lực về tài chính và pháp lý để thưa kiện. Chôn pháp đình này cũng là nơi ‘nén bạc đâm toạc tờ giấy’. Trong năm hoạt động đầu tiên của WTO, tổ chức này phải xử lý 50 vụ tranh chấp thương mại, trong đó 18 vụ liên quan đến Mỹ. Và nước này đã được kiện 17 vụ. “Nhiều người lo rằng nếu WTO không ủng hộ chính sách của Mỹ thì Mỹ sẽ có thể rút ra khỏi tổ chức này, khiến cho WTO trở nên tê liệt, vì không còn nữa một thành viên siêu cường kinh tế và chính trị hùng mạnh như thế”.¹⁷

Quy trình ra quyết định của WTO cũng rất thiếu minh bạch, thiếu công bằng và không rõ ràng về phương diện chịu trách nhiệm. Cũng như Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, WTO hoạt động ngoài khuôn khổ của Liên hợp quốc. Tiếp cận WTO bị hạn chế. Các cuộc họp của các cơ quan WTO chỉ dành cho đại diện ngoại giao của các nước thành viên, quan chức văn phòng WTO, và đại diện với tư cách quan sát viên của các tổ chức liên chính phủ khác như IMF. Nhưng không phải

14. Năm 1996, có tất cả 2.340 cuộc họp chính thức tại WTO, Greenpeace 1998, tr.13, trích dẫn của Nigel Simister trong *Thương mại quốc tế và an ninh lương thực*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

15. Saralee Hamilton, Chương trình phụ nữ toàn quốc, Những chiếc vôi bạch tuộc được giấu kín, listproc@essential.org 27 tháng Mười 1999 (bài viết của Hilary Clarke).

16. Báo cáo chính sách của CAFOD, Luân Đôn, tháng Mười 1999.

17. Duncan Green, Tổ chức CAFOD, dgreen@cafod.org.uk.

thành viên nào cũng được tham dự. Đây là lời tường thuật của phóng viên Hilary Clarke: “Đột nhiên, tôi thấy mình ở ngay trung tâm của tổ chức hùng mạnh nhất thế giới vào giai đoạn cuối của Vòng thương lượng Uruguay ở Geneva năm 1993. Cùng với một số nhà báo khác, tôi được cái đặc ân dự khán các cuộc tranh luận của những siêu cường. Nhưng đại đa số các bộ trưởng thương mại của Thế giới thứ ba lại không được mời dự. Họ ngồi đó, hàng giờ, trong các quầy cà phê, cho đến khi kết thúc, năn nỉ các phóng viên vừa ra khỏi phòng họp để được biết những tin tức mới nhất về các cuộc thương lượng”.¹⁸ Vào thượng tuần tháng Mười một 1999, một tình hình tương tự lại diễn ra ở Geneva với cuộc đàm phán về nghị trình Hội nghị Siaton. Chỉ 20 nước được mời dự cuộc họp kín ở ‘Phòng Xanh’. Các nước khác chỉ được thông báo sau đó tại phiên họp toàn thể. Tại Siaton, tình hình đó được lặp lại nguyên xi.

Tổ chức này đang đứng giữa hai lần đạn của cả phương Bắc và phương Nam. Phương Bắc sợ bị tràn ngập bởi hàng hóa phương Nam, có tài nguyên phong phú và có nguồn nhân công dồi dào và rẻ tiền. Phương Nam sợ mất chủ quyền kinh tế vào tay các công ty xuyên quốc gia và các nước phát triển.

Trước mắt và hiện thực hơn, WTO phải được thể chế hóa như thế nào để phản ánh không chỉ quyền lợi một chiều của các nước phát triển. Đó là sự thừa nhận của chính vị tổng giám đốc mới của WTO, ông Mike Moore:

“Nhiều nước đang phát triển không có đủ tiền để cử đại diện thường trú ở tổng hành dinh WTO tại Geneva, nói gì đến việc tiêu hóa hàng ngàn trang tư liệu liên quan. Tôi hiểu những khó khăn mà các nước đó đang gặp phải và những lĩnh vực cần cải thiện, và sẽ cộng tác chặt chẽ với các

18.Theo tài liệu của WTO trên trang chủ www.wto.org.

nước đó để bảo đảm luật lệ thương mại và tự do hoá đem lại lợi ích cho tất cả”.

Hội nghị cấp bộ trưởng WTO họp ở Siaton từ ngày 30 tháng Mười một đến 3 tháng Mười hai 1999. Đây là cơ quan cao nhất ra quyết định của WTO. Hiến chương thành lập WTO (Hiệp định Marrakesh, Marôc) quy định Hội nghị cấp bộ trưởng được tổ chức ‘ít nhất hai năm một lần’. Hội nghị Siaton là hội nghị lần thứ ba kể từ khi WTO chính thức ra đời ngày 1 tháng Giêng 1995. Hội nghị lần thứ nhất diễn ra từ ngày 9 đến 13 tháng Mười hai 1996 ở Singapo. Hội nghị lần thứ hai từ ngày 18 đến 20 tháng Năm 1998 ở Geneva.

“Hội nghị lần này sẽ khởi sự những cuộc thương lượng lớn để tự do hóa hơn nữa mậu dịch quốc tế và xem xét lại một số quy định mậu dịch hiện hành. Nó cũng khởi động một chương trình làm việc về những chủ đề quan trọng khác”. Nói cách khác, Hội nghị Siaton nhằm đi tới nhất trí về một chương trình nghị sự cho các cuộc thương lượng của vòng mới, gọi là ‘Vòng thiên niên kỷ’ do các nước phát triển mong muốn, hay ‘Vòng phát triển’ như các nước đang phát triển đề nghị, có thể kéo dài ba năm hoặc lâu hơn nữa.

Các hiệp định WTO hiện nay là kết quả các cuộc thương lượng của Vòng Uruguay 1986 - 1994. Mặc dù WTO đã làm được một số việc nhưng nhiều nước thành viên mong muốn hệ thống thương mại được cải thiện hơn nữa. Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ (GATS) và về nông nghiệp đã được GATT ‘bàn giao’ cho WTO, nên dứt khoát phải nằm trong chương trình nghị sự. Ngoài ra các nước còn đề nghị một số chủ đề khác.

Công việc chuẩn bị cho hội nghị này được bắt đầu ngay sau Hội nghị lần thứ hai ở Geneva tháng Năm 1998. Các đề nghị về nội dung nghị trình được đăng ký từ tháng Ba 1999. Tháng Chín 1999, Đại hội đồng bắt đầu tập hợp các vấn đề để đưa vào

dự thảo tuyên bố Siaton, trong đó có nghị trình cho các cuộc thương lượng. Đến giữa tháng Chín, đã tập hợp được hơn 150 đề nghị. Bao gồm chống phá giá, trợ cấp, bảo đảm an toàn, các biện pháp đầu tư, thuận lợi mậu dịch, thương mại điện tử, chính sách cạnh tranh, ngư nghiệp, minh bạch trong mua sắm của chính phủ, hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng năng lực, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nông nghiệp, dịch vụ và một số chủ đề khác. Ngoài hai vấn đề nông nghiệp và dịch vụ đã được nhất trí từ Vòng Uruguay, chủ đề nào sẽ được đem ra thương lượng, chủ đề nào sẽ được đưa vào chương trình công tác được xác định qua các cuộc thảo luận của Đại hội đồng ở Geneva. Cũng có những đề nghị Hội nghị Siaton cần có kế hoạch hỗ trợ về kỹ thuật và giúp đỡ các nước chậm phát triển tiếp cận thị trường các nước giàu có.

Hội nghị cấp bộ trưởng ở Siaton chỉ là nơi khởi đầu các cuộc thương lượng, cũng như Vòng Tokyo sáu năm được khởi động ở thủ đô Nhật Bản năm 1973; Vòng Uruguay bảy năm được bắt đầu ở Punta del Este, Uruguay năm 1986. Sau khi khởi động ở Siaton, các cuộc thương lượng và chương trình công tác sẽ được tiến hành ở Geneva, nơi WTO đóng đại bản doanh. Một số nước trong đó có Mỹ đề nghị vòng này chỉ nên kéo dài trong ba năm; các bộ trưởng sẽ quyết định thời gian. Nhưng bản thân WTO cho rằng kinh nghiệm trong quá khứ chỉ rõ, sẽ không thể giải quyết các vấn đề rộng lớn và phức tạp như vậy trong khuôn khổ thời gian đó.

Hội nghị Siaton đương nhiên không chỉ làm mỗi việc 'khởi động'. Nó có thể dứt điểm một vài vấn đề ít khó khăn, nhưng vẫn cần thiết cho thương mại thế giới, nếu có thể. Tuy nhiên, những vấn đề phức tạp chắc chắn phải mất nhiều thời gian hơn. Nhiều nước mong muốn Hội nghị Siaton đánh giá lại Vòng Uruguay. Các nước đang phát triển, chẳng hạn, muốn kiểm điểm lại các hiệp định về chống phá giá, vấn đề trợ cấp xuất

khẩu, vấn đề hàng dệt và may mặc.

Những người tán dương WTO cho rằng tổ chức này có những điểm mạnh như thúc đẩy hòa bình; xử lý tranh chấp một cách xây dựng; tạo thuận lợi cho cả nước giàu cũng như nước nghèo, không phân biệt đối xử; làm cho đời sống bớt đắt đỏ; cho phép lựa chọn nhiều chủng loại và cấp độ sản phẩm hơn; giúp tăng thu nhập; kích thích tăng trưởng kinh tế; làm cho buôn bán dễ dàng hơn, giảm chi phí cho các công ty, tạo thêm công ăn việc làm; các chính phủ tránh được sức ép đòi bảo hộ mậu dịch của các nhóm vận động hành lang trong nước; khuyến khích các chính phủ lãnh đạo tốt đất nước.

Nếu quả đúng như vậy thì còn gì hơn, và đâu còn có chỗ cho những lời thị phi, bởi vì người ta cũng thường nghe được những lời phê phán sau đây: WTO áp đặt chính sách; WTO cổ xúy tự do mậu dịch bằng mọi giá; WTO đặt lợi ích thương mại trên phát triển, trên môi trường, trên sức khoẻ và an ninh của con người; WTO làm mất công ăn việc làm, làm tăng nghèo đói; các nước nhỏ không có quyền lực gì trong WTO. Tổ chức này là công cụ của các công ty xuyên quốc gia, của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn; các nước nhỏ yếu bị ép tham gia WTO, một tổ chức không dân chủ.¹⁹

Tuy nhiên, điều gây ra nhiều quan ngại hơn cả đối với WTO không phải là ở tính chất một tổ chức thương mại của nó, cho dù nếu chỉ đóng khung trong từ này cũng đã có khối điều phải suy nghĩ. Chẳng hạn, trong vòng 20 năm qua, tỷ phần trong mậu dịch thế giới của 48 nước nghèo nhất thế giới với 570 triệu dân, tức hơn 12 phần trăm số dân của hành tinh, đã bị giảm hơn một nửa, chỉ còn 0,4 phần trăm. Điều đáng lo lắng hơn là sự bành trướng thẩm quyền của WTO trên các lĩnh vực được mệnh danh là 'liên quan đến thương mại', một cụm từ tạo cho tổ chức này có

19. Theo tài liệu của WTO trên trang chủ www.wto.org.

thể can thiệp sâu vào hầu như mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vượt qua mọi biên giới quốc gia, chẳng khác gì một ‘chính phủ toàn cầu’, mặc dù tân Tổng giám đốc Mike Moore cố thanh minh WTO không phải như vậy.

“Sự chuyển đổi từ GATT cũ sang WTO mới với quyền lực và quyền tài phán được mở rộng, đánh dấu sự ra đời của thời kỳ các hiệp định thương mại nằm trong bối cảnh của giai đoạn mới toàn cầu hóa việc xây dựng chính sách. Do sự mở rộng các chủ đề vượt quá khuôn khổ của thương mại vào các lĩnh vực khác như sở hữu trí tuệ, đầu tư và biện pháp đầu tư, môi trường, WTO không còn là một tổ chức ‘thương mại’ nữa. ‘Thương mại’ trong bối cảnh của hệ thống đa phương đã biến thành một từ quy ước để kết tập mọi chủ đề đã hoặc có thể nằm trong phạm vi tác dụng của WTO. Hơn thế nữa, các hiệp định WTO còn có những hệ quả hết sức lớn lao đối với các vấn đề phi kinh tế. Chẳng hạn, hiệp định về dịch vụ và các hiệp định đặc biệt về truyền thông và thông tin sẽ có tác động vô cùng sâu rộng đến nền *văn hóa** của các nước trên thế giới”.²⁰

Nay người ta ngày càng ít dùng cụm từ ‘liên quan đến’ khi đề nghị đưa thêm những vấn đề mới vào WTO mà thay bằng từ ‘và’, như ‘thương mại và môi trường’, ‘thương mại và tiêu chuẩn lao động’, ‘thương mại và đầu tư’. Cách dùng từ ngữ tuy có khác, nhưng nội dung vẫn là tìm cách đưa thêm những chủ đề phi thương mại vào WTO.

Khác với các chương trình điều chỉnh cơ cấu (SAP) mà các quốc gia có thể không cần đến nữa sau khi đã vượt qua những

* Những chỗ nhấn mạnh được thêm vào. (TG)

20. Martin Khor, Nhà xuất bản TWIN, 1998, tr .62.

khó khăn về tài chính, hoặc khi có sự thay đổi về chính sách, một khi một chính phủ đã ký các Hiệp định Uruguay và tham gia WTO, nước đó phải chấp hành tất cả các quy tắc, luật lệ của WTO.

“Luật pháp và chính sách trong nước trên nhiều lĩnh vực phải được sửa đổi cho phù hợp với các luật lệ đó... Làm trái đi có thể dẫn tới bị trừng phạt hoặc trả đũa bằng các biện pháp liên quan đến thương mại hoặc các hoạt động khác... ở mức cao có thể bị khai trừ ra khỏi WTO, và như vậy lập tức mất quy chế ‘tối huệ quốc’ mà các thành viên khác dành cho mình”.²¹

Một vấn đề cực kỳ quan trọng được đề cập tại nhiều diễn đàn quốc tế xoay quanh WTO là *các nước đang phát triển được hay mất khi gia nhập WTO*. Xu hướng chung của nhiều học giả, nhà kinh tế học, các tổ chức phi chính phủ và kể cả những người từng đảm nhận trọng trách trong các tổ chức GATT, OECD, UNTAD là nếu WTO không được cải tổ lại thì *phần thua thiệt chắc chắn vẫn thuộc về các nước đang phát triển*. Donald Johnston, Tổng thư ký OECD phê phán thái độ vị kỷ của các nước công nghiệp khi thúc ép các nước đang phát triển tự do hóa trước khi các nước này có thể thích ứng. Tại các nước công nghiệp phát triển, các chính sách thương mại bị chi phối bởi lợi ích thương mại chứ không phải lợi ích quốc gia. Ông cho rằng “việc tự do hóa mậu dịch và đầu tư phải được đặt trên một cơ sở vững bền, và điều đó tùy thuộc vào khả năng của các quốc gia tiếp nhận và thu hoạch những lợi ích của tự do hóa”. Theo ông, đối với các nước đang phát triển, tự do hóa mậu dịch và đầu tư chưa đủ, mà cần được đi kèm với các chính sách kinh tế vĩ mô, xây

21. Martin Khor, Sách đã dẫn, tr. 64.

dựng năng lực, lãnh đạo và điều hành đất nước tốt, nâng cao kỹ năng và giáo dục. “Còn quá nhiều lĩnh vực bị tụt hậu. Các chính sách nhà nước có trách nhiệm khắc phục. Chúng ta không muốn thế giới bị chia rẽ vì ý thức hệ hoặc vì nghèo khổ”.²²

Joseph Stiglitz,²³ nhà kinh tế học của Ngân hàng thế giới, đã nói tại một hội nghị các nhà doanh nghiệp ở Manila ngày 20 tháng Mười 1999, các quốc gia mật dịch lớn cần xử sự ‘đẹp’ hơn với các nước nghèo, phải xem lại các hàng rào phi thuế quan và việc kiểm soát nguồn vốn.

“Các cuộc đàm phán ở Siaton phải công bằng hơn các vòng thương lượng trước... đặc biệt là những gì liên quan đến các nước đang phát triển”.

Stiglitz cho rằng việc xóa bỏ bảo hộ nông nghiệp và các hàng rào phi thuế quan ở các nước đang phát triển có thể gây tai hại. Phải chú ý kiểm soát các luồng vốn vì “có khi nó là hiểm họa cho các nước chậm phát triển”.²⁴ Nhưng Bộ trưởng tài chính Mỹ, Larry Summers thì nói rõ tất cả phải là vì lợi ích của Mỹ.

“Bằng việc ủng hộ các chương trình đó (viện trợ, giảm nghèo, WTO), chúng ta tồn tục được vai trò lãnh đạo kinh tế toàn cầu của Mỹ, và cổ vũ những thay đổi phản ánh các giá trị nền tảng của Mỹ như thị trường tự do, quyền sở hữu tài sản vững chắc và biên giới mở”.²⁵

22. Trích từ Martin Khor, WTO bị các tập đoàn cầm cố, các nước phương Nam là nạn nhân, Thế giới thứ ba trôi dạt, số 108/109, tr .46.

23. Theo Development News, nhà kinh tế học này đã xin từ chức để trở về với công tác nghiên cứu. Ngân hàng thế giới đã đình chính không có sức ép nào buộc ông ta phải làm như vậy(?). Development News, 30 tháng Mười một 1999.

24. Ngân hàng thế giới, Development News, 21 tháng Mười 1999.

25. Như trên, 26 tháng Mười 1999.

Như vậy, những lời phê phán WTO quả không oan chút nào, vì nó chẳng đã được chính các nhân vật trọng trách của siêu cường quốc số một thế giới thừa nhận đó sao.

Tư tưởng chủ đạo của WTO là tự do thương mại toàn cầu, có nghĩa là xóa bỏ mọi rào cản, mọi hạn chế, mọi điều tiết đối với thương mại trong một nước và giữa các nước. Đây là điều chưa từng có trong lịch sử thế giới. Tự do thương mại trong một nước cũng đã là điều hiếm thấy. Vào nửa cuối thế kỷ XIX, đã có một nền kinh tế thị trường tự do tồn tại ở Vương quốc Anh trong một thời gian ngắn nối liền châu Âu, Bắc Mỹ và Mỹ Latinh rồi biến mất với Chiến tranh thế giới thứ nhất. Đó có thể được coi là nền kinh tế toàn cầu hóa thứ nhất.²⁶ Quả là rất khó thiết lập tự do thương mại vì *nhân dân có xu hướng được an sinh, được công bằng và được che chở*.

“Các chế độ thị trường tự do có thể được người ta biện luận là hiệu nghiệm (theo nghĩa hẹp nhất về kinh tế), nhưng lịch sử chứng minh rằng các chế độ đó là cực kỳ đau đớn và quá đắt đối với người lao động bình thường, không phù hợp với các thiết chế dân chủ, và có sức tàn phá ghê gớm đối với môi trường. Lịch sử cho thấy, nếu không được điều tiết, thị trường sẽ chẳng chút bận tâm đến các giống loài đang bị tuyệt chủng với tốc độ cấp số, những bất bình đẳng về kinh tế gia tăng một cách đáng sợ, và cuộc sống của các gia đình và các cộng đồng bị tơi tả thê lương”.²⁷

Rõ ràng có những cách nhìn và đánh giá khác nhau về WTO. Có nên có một tổ chức thương mại toàn cầu không? Câu hỏi này đặt ra có lẽ quá muộn, vì đã có những 135 nước tham gia thiết chế

26. *Tạp chí kinh tế Viễn Đông*, Điểm sách, 14 tháng Mười 1999, tr. 56.

27. *WTO và tự do thương mại*, Quy nghiên cứu môi trường Rachel, Tuần báo số 673.

hùng mạnh này. Có lẽ hợp lý hơn là nhân dân thế giới, nhất là nhân dân các nước đang phát triển cần một tổ chức thương mại quốc tế như thế nào. Liệu có thể có sự công bằng trong sự cách biệt giữa giàu và nghèo, giữa nước lớn và nước nhỏ? Liệu quy luật lợi nhuận và lợi nhuận tối đa có còn phát huy tác dụng không? Liệu có thể có một sân chơi bình đẳng giữa các công ty siêu quốc gia với các công ty nhỏ bé của các nước đang phát triển? Và phải chăng không còn nữa mâu thuẫn giữa các nước tư bản, giữa các đế quốc trong lĩnh vực thương mại, chưa nói tới các lĩnh vực khác. Nếu thế thì giải thích thế nào về các cuộc chiến tranh ô tô, sắt thép, và mới đây là chiến tranh thịt bò điên, sản phẩm biến đổi gien, chiến tranh chuối, những xung đột về các sản phẩm ảnh hưởng đến môi sinh...

Một số nhà nghiên cứu cho rằng đây lại là một thứ chủ nghĩa không tưởng của chủ nghĩa tự do mới muốn áp đặt lên toàn thế giới những luật lệ có lợi cho sự thống trị của chủ nghĩa tư bản.

“WTO là công cụ để thực hiện cái mưu toan đồ sộ tái cấu trúc các nền kinh tế thế giới dựa theo một tư tưởng duy nhất mang tính chất không tưởng... Không còn nghi ngờ gì nữa, WTO chính là một hệ thống mới của thống trị toàn cầu”.²⁸

Bóc lột và tìm kiếm lợi nhuận là thuộc tính của chủ nghĩa tư bản. Làm sao có thể thuần dưỡng loài dã thú ăn thịt để biến chúng thành loài ăn cây cỏ. Chủ nghĩa đế quốc không thay đổi bản chất. Chân lý đó vẫn hoàn toàn đúng.

Vấn đề WTO rất rộng lớn. WTO đã có tới 700 trang luật lệ cộng thêm các quy tắc thương mại điều chỉnh các thị trường và

28. WTO và tự do thương mại.

mậu dịch toàn cầu, không phải do các quốc gia mà là do chính WTO đôn đốc và giám sát việc thực thi. Không phải ngẫu nhiên mà toàn thế giới quan tâm đến Hội nghị Siaton vượt xa các Hội nghị Singapo và Geneva. Và càng không giống như Vòng đàm phán Uruguay ở Punta Del Esta mà dường như chẳng ai để ý tới. Nay thì dường như phân tuyến đã rõ, một phía tán thành, một phía chống đối, lực lượng so sánh không cân bằng nhưng ít nhất cuộc đối chiến, cả ở bên trong lẫn bên ngoài hội nghị, cũng có tác động nhất định đến kết quả của hội nghị và cả bản thân WTO, như đã từng xảy ra đối với Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) và đối với Hội nghị Cologne ở Đức về vấn đề giảm nợ.

Từ nhiều tháng nay, các tổ chức xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ, các công đoàn, các tổ chức nông dân, các trường đại học, các viện nghiên cứu, tổng số lên đến hơn 1.200 tổ chức thuộc 85 quốc gia ráo riết chuẩn bị cho cuộc 'Phản kháng thế kỷ' ngay tại Siaton, huy động hàng 100.000 người tuần hành,²⁹ đông đảo nhất kể từ năm 1968 khi diễn ra Đại hội Đảng Dân chủ. Và cuộc phản kháng đã diễn ra (xem Chương II).

Đương nhiên, ai cũng đồng ý cần có những tổ chức quốc tế tạo thuận lợi cho việc mua bán giữa các quốc gia, để mỗi quốc gia phát huy được thế mạnh của đất nước mình trong hợp tác quốc tế mà các bên đều có lợi, nước lớn không áp đặt, nước nhỏ không bị chèn ép. Trong một công trình nghiên cứu mới đây của tổ chức GRESEA,³⁰ có nêu ra sự cần thiết phải định hoãn thương lượng những vấn đề mới ở WTO để đánh giá lại những

29. Theo con số của các cơ quan thông tin phương Tây, có khoảng 70.000 người xuống đường. Cảnh sát đã dùng đến hơi cay để giải tán các đám đông quần chúng, 400 người bị bắt giữ.

30. GRESEA là nhóm nghiên cứu một chiến lược kinh tế thay thế, đặt trụ sở ở Bỉ. WTO, những thách thức của Vòng thương lượng mậu dịch mới. Mậu dịch vì phát triển? Công trình làm theo yêu cầu của Tổ chức OXFAM Solidarite, Bỉ.

công việc đã làm và quán triệt cho được các nguyên tắc cần thiết cho phát triển, cho sự công bằng giữa các dân tộc. Đó là:

- Bảo vệ sản xuất lương thực và tập quán canh tác quy mô nhỏ, đây chính là then chốt của vấn đề chủ quyền về lương thực;
- Tôn trọng khái niệm công ích trong các lĩnh vực cơ bản như nước sinh hoạt, y tế, giáo dục, dịch vụ thông tin, năng lượng, văn hóa v.v.;
- Tôn trọng một cách nhất quán nguyên tắc cần trọng trong các lĩnh vực y tế công cộng, lương thực và môi trường;
- Phản đối mọi hình thức phá giá cả về kinh tế và xã hội.

Công trình nghiên cứu này cũng nhấn mạnh phải buộc các công ty xuyên quốc gia chú ý chuyển giao công nghệ phục vụ cho phát triển bền vững và yêu cầu chuyển những vấn đề có tầm quan trọng sống còn đối với tăng trưởng và phát triển như sở hữu tài sản trí tuệ, kiểm soát đầu tư, an ninh lương thực... cho các cơ quan có trách nhiệm của Liên hợp quốc.

Đó là những đòi hỏi chính đáng mà WTO không thể không xem xét để cho tổ chức này có thể trở thành Tổ chức thương mại công bằng của thế giới (WFTO), mà như lời của vị tân Giám đốc Mike Moore đã nói khi nhậm chức: “Các luật lệ của thương mại và tự do hóa phải đem lại lợi ích cho tất cả mọi người”. Và có lẽ ở Siaton người ta chưa quán triệt được điều này nên mọi người đến đây chỉ là “nói chuyện để tiếp tục câu chuyện”, cũng như lý thuyết đi xe đạp, không đạp thì xe đổ. Chiếc xe đạp Siaton vẫn phải lăn bánh, dù có ì ạch. Và kết quả lớn nhất mà hội nghị này thu được là *chẳng thu được kết quả gì cả*. Hay diễn đạt một cách khác, nó chưa giải quyết được các mâu thuẫn căn bản của một tổ chức thương mại thế giới, mà trong lĩnh vực thương mại thì hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, mâu thuẫn vẫn là tuyệt đối, nhất

trí chỉ là tương đối mà thôi. Hội nghị cấp bộ trưởng thương mại WTO vừa diễn ra từ ngày 30 tháng Mười một đến ngày 3 tháng Mười hai đã minh chứng cho điều đó.

‘Cái chết được báo trước’, như Bello đã mượn lời của Marquez để mô tả kết cục thảm thương của nó, có nhiều nguyên nhân. Trước hết, đó là do những mâu thuẫn nội tại của bản thân WTO. Thiết chế này không phải gì khác hơn là một tập hợp của những mâu thuẫn khó có thể điều hòa được. Đó là mâu thuẫn giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, mâu thuẫn giữa các nước phát triển với nhau, mâu thuẫn bên trong mỗi nước, và trong một phạm vi nhỏ hơn, mâu thuẫn giữa các nước đang phát triển với nhau mà thường là do bị tác động bởi các nước phát triển. Trong tập hợp của các mâu thuẫn này, đương nhiên các mặt đối lập càng lớn thì xung động càng cao, sức va chạm càng dữ dội, hậu quả càng khốc liệt, hình thành nên các mặt chủ yếu của mâu thuẫn giữa các nước phát triển với nhau. Đương nhiên, nói như thế không có nghĩa là hạ thấp vị trí của mâu thuẫn cơ bản giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Ngược lại, có thể dự báo, trong sự vận động của nó, mâu thuẫn này sẽ tăng lên cả về tốc độ lẫn cường độ, đặc biệt là khi tỷ trọng mâu dịch của các nước đang phát triển đối sánh với các nước phát triển, thương mại toàn cầu không còn là chốn thiên đường độc tôn của các quốc gia giàu có phương Bắc.

“Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của WTO ở Siaton, như việc WTO mang đến Siaton một dự thảo cho Hội nghị cấp bộ trưởng chứa đựng quá nhiều khác biệt, sự bất hòa sâu sắc giữa Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ ở những vấn đề then chốt, và trạng thái bất bình của đại diện các nước đang phát triển trong bối cảnh của một cuộc động viên và phản đối chưa từng thấy của đông đảo quần chúng

trên đường phố, chính sự kết hợp của những yếu tố đó đã làm cho các cuộc đàm phán và ngay cả WTO, với tính chất một thiết chế, bị mất thăng bằng”.³¹

Thật vậy, việc Clinton đến Siaton mang theo yêu cầu gắn thương mại với các tiêu chuẩn về lao động và môi trường; đòi WTO áp đặt trừng phạt để bảo đảm các quyền của lao động; việc Mỹ cố thúc đẩy việc thành lập một Nhóm công tác về các sản phẩm biến đổi gen vấp phải sự phản đối của EU; việc EU không chịu xóa bỏ mà chỉ chịu giảm một phần nào trợ cấp cho nông nghiệp, cả trợ cấp xuất khẩu nông sản và trợ cấp cho nông dân, còn Mỹ thì loại bỏ vấn đề tín dụng xuất khẩu và phá giá ra khỏi dự thảo; việc cả EU và Mỹ cắt vấn đề ‘trần thuế quan’ và ‘thuế bậc thang’ ra khỏi nghị trình... bấy nhiêu điều đó đã đồng quy dẫn tới bất đồng thuận. Nổi bật của sự bất đồng là hai nhóm nước châu Phi và Caribê. Các đại diện châu Phi đã ra Tuyên bố:

“Không có sự minh bạch trong tiến trình của Hội nghị và các nước châu Phi đã bị gạt ra ngoài lề (lề hóa)... Chúng tôi đặc biệt quan ngại trước ý định được công bố sẽ đưa ra một văn kiện của hội nghị bộ trưởng này bằng bất cứ giá nào, kể cả việc bắt chấp các thủ tục được thiết kế nhằm bảo đảm cho sự tham gia và đồng thuận. Chúng tôi bác bỏ phương pháp tiếp cận đang được sử dụng và thấy cần thiết phải vạch rõ, trong hoàn cảnh như hiện nay, chúng tôi không thể dự phần vào sự đồng thuận cần thiết để đạt được các mục tiêu của Hội nghị cấp bộ trưởng này”.³²

Cộng đồng Caribê (Caricom) cũng ra một tuyên bố tương tự:

31. Walden Bello, “Thảm bại ở Siaton”, *Focus on Trade*, số 42, tháng Mười hai 1999. Bài được tu chỉnh sau khi đã đăng ở báo Triển vọng của Thế giới kinh doanh, 6 tháng Mười hai 1999.

32. *Focus on Trade*, số 42.

“...chừng nào không có sự tôn trọng đúng mức các thủ tục và các điều kiện của sự minh bạch, tính cởi mở và sự tham gia, nhằm đạt được các kết quả cân đối hơn cho quyền lợi của tất cả các thành viên, thì chừng đó chúng tôi không thể góp tiếng nói đồng thuận để đáp ứng các mục tiêu của Hội nghị cấp bộ trưởng này”.³³

Đại biểu các nước đang phát triển hân hoan. Người ta mới thấy thấm thía khi nào một thất bại được đón mừng còn hơn cả một thành công. Bà Charlene Barshefsky, Trưởng đoàn đại diện Mỹ, nói vào đêm cuối cùng của hội nghị, “Hoa Kỳ đến đây với thái độ mềm dẻo”, ám chỉ thất bại là do EU và các nước đang phát triển “không thực sự muốn đưa ra các quyết định mang ý nghĩa chính trị”.

Từ giả Siaton, hẹn gặp lại ở Geneva! Đó có lẽ là kết quả duy nhất có được nếu người ta muốn tìm một niềm an ủi. Nhưng “WTO sẽ không bao giờ còn như vậy sau Siaton”.³⁴ Vẫn còn quá nhiều việc phải làm để WTO không mang cái tiếng là “một chính phủ toàn cầu, một sen đầm quốc tế, hoặc một tay sai của các tập đoàn tư bản”. Các nước đang phát triển còn gặp vô vàn thử thách khi trong tay các nước phát triển còn nhiều vũ khí lợi hại: Công ước Lomé hết hạn ngày 2 tháng Chạp 1999 chưa được triển hạn; nhiều hiệp định Vòng Uruguay, như Hiệp định TRIPs có hiệu lực từ 1 tháng Giêng 2000 mà các nước đang phát triển chưa chuẩn bị kịp. Đặc biệt, một thông cáo chung công bố đúng ngày khai mạc Hội nghị Siaton nêu rõ ba thiết chế Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và Tổ chức thương mại thế giới đã chính thức ký với nhau Hiệp định hợp tác để “giúp đỡ tăng cường năng lực của các nước đang phát triển trong sự nghiệp

33. Như trên.

34. Aileen Kwa, “Từ khủng hoảng đến thắng lợi cho các nước đang phát triển”, *Focus on Trade*, số 42, tháng Mười hai 1999.

phát triển kinh tế và xã hội của họ”(?) Người ta lập tức liên hệ ngay tới mối nguy là các nước nhược tiểu nào dám chống lại Hoa Kỳ hoặc EU “sẽ có thể bị Ngân hàng thế giới không cho vay tiền, sẽ bị Quỹ tiền tệ quốc tế buộc phải kéo dài mãi các chương trình điều chỉnh cơ cấu”,³⁵ và không cho vào danh sách các nước nghèo mắc nhiều nợ (HIPC) để được giảm nợ.

Tổng giám đốc Mike Moore tuyên bố: “Mặc dù thất bại tạm thời ở Siaton, mục tiêu của chúng ta không thay đổi. Đó là:

- Tiếp tục tự do hóa từng bước mậu dịch quốc tế;
- Làm cho thương mại phục vụ tốt hơn phát triển kinh tế và giảm nghèo;
- Khẳng định vai trò trung tâm của hệ thống thương mại được xây dựng trên cơ sở luật lệ có lợi cho các chính phủ thành viên trong quản lý kinh tế trên tinh thần hợp tác;
- Tổ chức WTO theo hướng đại diện thực sự cho nhu cầu của mọi thành viên”.³⁶

Vấn đề đặt ra lúc này đối với WTO không phải là xóa bỏ nó mà là lợi dụng nó trong phạm vi có thể. May mắn cho các nước đang phát triển là các nước phát triển không phải là một khối thống nhất hoàn toàn trong WTO. Các nước này vẫn luôn luôn bị quy luật cạnh tranh lợi nhuận chi phối. EU, Nhật Bản vẫn kiên quyết chống lại nhiều yêu sách của Hoa Kỳ, và ngược lại. Theo Walden Bello, “vào lúc này, thay đổi không có nghĩa là phí thời giờ công sức để mở rộng những lĩnh vực cải tổ trong Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và Tổ chức thương mại thế giới... mà là phải làm cho chúng quá tải bằng cách liên tục đưa ra những yêu cầu mà các hệ thống này không thể nào đáp ứng

35. Monte Paulsen, “Tam đầu chế của toàn cầu hóa”, *Focus on Trade*, số 42.

36. WTO, *Thông cáo báo chí*, 7 tháng Mười hai 1999. www.wto.org/wto/new/press/160.htm.

được... Một hệ thống quốc tế uyển chuyển trong đó có nhiều vùng mơ hồ mà những kẻ yếu có thể khai thác để bảo vệ quyền lợi của mình, có thể là sự lựa chọn duy nhất trong trật tự đa phương toàn cầu hiện nay”.³⁷

Bài học Siaton cho thấy các nước đang phát triển có thể và cần phải đoàn kết với nhau, từng khu vực hoặc toàn châu lục, toàn thế giới. Họ có nhiều điểm tương đồng, ít có dị biệt. Và đương nhiên họ phải biết lợi dụng mâu thuẫn của các nước phát triển, và tránh không để cho các nước này lôi kéo, chia rẽ. Hội nghị thương mại này cũng cho thấy đấu tranh trên bàn hội nghị là quan trọng, nhưng cũng không kém phần quan trọng là cuộc đấu tranh được các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, các nhóm công nhân, nông dân, trí thức, sinh viên tiến hành. Họ đòi có tiếng nói trên các diễn đàn bàn về tương lai của thế giới, đòi phải kiểm toán toàn cầu hóa và WTO, đòi đình hoãn các cuộc thương lượng mới cho đến khi hoàn tất việc đánh giá những gì đã làm trong mấy thập kỷ qua, nhân danh phát triển và cuộc sống của mỗi người trên hành tinh chúng ta.

Sau Siaton, Tổ chức thương mại thế giới sẽ không còn như trước nữa. Nhưng nó sẽ thay đổi đến đâu còn tùy thuộc vào cuộc đấu tranh cho lẽ phải và công bằng của nhân dân thế giới. Và sẽ còn nhiều Siaton nữa nếu WTO chỉ làm lợi một chiều cho các nước phương Bắc, kéo dài cảnh đói nghèo và chậm phát triển ở phương Nam.

37. Walden Bello, xem phân tích ở Chương III, “Lần theo dấu vết của sự sụp đổ” (nguyên văn “Cái lồng sắt: WTO, các thiết chế Bretton Woods và phương Nam”), *Focus on Trade*, số 41).

Phần thứ nhất
Một thất bại thảm hại

Chương I

Ngược dòng thời gian

"Mỗi thành viên phải bảo đảm các luật lệ, quy tắc và quy phạm hành chính của nước mình tương thích với các nghĩa vụ được quy định trong các hiệp định phụ lục của WTO".

— HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP WTO

Nguyễn Văn Thanh

Sau khi thành lập Quỹ tiền tệ quốc tế (1944), tiếp đó là Ngân hàng thế giới, (1946), các quốc gia lại bắt tay vào đàm phán một hiến chương cho Tổ chức mậu dịch quốc tế (ITO). Những nhà tư tưởng thiết kế tổ chức này mong muốn giảm các sắc thuế cản trở sự tăng trưởng kinh tế, bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm toàn dụng nhân lực, ngăn ngừa sự thống trị và thao túng của các công ty độc quyền, hỗ trợ cho các nền kinh tế yếu ớt tiếp cận được các nguồn vốn và công nghệ, và quản lý việc buôn bán hàng hóa. Đó là những ý tưởng tốt đẹp nhưng không phù hợp với một nước Mỹ bước ra khỏi chiến tranh với tính chất là một siêu cường quốc không ném mìn bom đạn trên lãnh thổ của mình, và guồng máy công nghiệp được vận hành hết công suất để chiến thắng và để trục lợi.

Năm 1945, năm kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, GNP

của Mỹ lên tới 213,588 tỷ USD chiếm tỷ trọng 40 phần trăm của tổng sản phẩm toàn thế giới, tăng gần gấp đôi so với 125,822 tỷ USD năm 1942. Bản đồ kinh tế thế giới lúc bấy giờ thật ảm đạm: một phần tư nền kinh tế Tây Âu bị tàn phá; chiến tranh đã đẩy lùi tốc độ phát triển kinh tế của Liên Xô một thập kỷ. Năm 1948, Hoa Kỳ chiếm tới 54,6 phần trăm sản lượng công nghiệp của thế giới tư bản, 24 phần trăm kim ngạch xuất khẩu, 74 phần trăm lượng vàng dự trữ toàn cầu.¹ Nhưng Hoa Kỳ không thể giữ mãi địa vị đó. Các nước Tây Âu hồi phục, Liên Xô và Đông Âu tiến hành xây dựng một hệ thống chính trị - xã hội đối lập, hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Mỗi bận tâm lúc này của Mỹ nặng về chính trị hơn là kinh tế. Chống cộng là quốc sách hàng đầu. Không thể đặt ra vấn đề tổ chức thương mại toàn cầu trong tình hình thế giới không chỉ có hệ thống tư bản chủ nghĩa mà còn có hệ thống xã hội chủ nghĩa đối lập, còn có các nước thuộc Thế giới thứ ba đang phát triển theo con đường phi tư bản chủ nghĩa sau khi đã thoát ra khỏi sự kìm hãm và áp bức của các chế độ thực dân. Điều cấp bách đối với Mỹ lúc này trên mặt trận thương mại là phải hạ thấp hàng rào thuế quan và phi thuế quan của các nước, ổn định nguồn cung cấp nguyên liệu và vật tư cho các xí nghiệp Mỹ. Một thị trường thương mại thống nhất là việc phải tính sau, khi đã có những tiền đề chính trị và kinh tế cần thiết.

Tháng Hai 1946, Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC) triệu tập một hội nghị bàn về thương mại và việc làm. Văn kiện cuối cùng của hội nghị này là Hiến chương La Habana. Đây là cơ sở để 23 nước tiếp tục thương lượng để ký Nghị định thư tạm thời về việc thi hành Hiệp định chung về

1. Học viện quan hệ quốc tế, *Hợp chủng quốc Hoa Kỳ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1994, tr. 77. So sánh với thời kỳ tổng khủng hoảng, từ năm 1929 đến 1933, GNP Mỹ giảm từ 104 tỷ USD xuống chỉ còn 56 tỷ USD, tức là giảm 48 tỷ, trong đó do giảm sức mua trong nước là 47,3 tỷ USD và giảm xuất khẩu 700 triệu USD, *Tuần báo Guardian*, ngày 2 đến 8 tháng Chín 1999.

thuế quan và mậu dịch (GATT) ngày 23 tháng Mười 1947, chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng 1948.

Lúc bấy giờ, các nhà đàm phán vẫn coi GATT chỉ như một bộ phận cấu thành của ITO. Cái đích vẫn là một thiết chế thương mại chứ không phải là một hiệp định về thuế quan. Các điều khoản của ITO, nếu được thông qua, sẽ ngược với Hiến pháp Hoa Kỳ. Tuy nhiên, muốn cho một hiệp ước như ITO có hiệu lực thì nó phải được phê chuẩn - trong trường hợp của Hoa Kỳ - phải giành được đa số hai phần ba số phiếu của Thượng nghị viện. Đó là khó khăn không thể vượt qua, chưa nói là nội dung của nó còn chứa đựng nhiều điều không thật phù hợp với vị thế siêu cường số một của Hoa Kỳ.

Vào cuối những năm 1940, nhận thấy ITO sẽ ảnh hưởng đến chủ quyền của Hoa Kỳ, các thượng nghị sĩ bảo thủ đã ngăn cản việc phê chuẩn hiệp ước này. Chẳng những thế, ngày 1 tháng Tám 1951, Mỹ còn quyết định đình chỉ mọi thỏa nhượng về thuế quan dành cho Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.² Con đường thống nhất thương mại trong một định chế càng thêm xa vời.

Và thế là GATT, công ước mang tính chất lâm thời, trở thành thỏa thuận đa phương then chốt về mậu dịch toàn cầu. Tưởng chỉ là một giải pháp dung hòa tạm thời, nhưng hóa ra GATT sống rất dai. Nó đã trải qua bảy vòng đàm phán, không kể vòng khai sinh ra nó, 1949 (Annecy), 1951 (Torquay), 1956 (Geneva), 1960-1961 (Vòng Dillon), 1964-1967 (Vòng Kennedy), 1973-1979 (Vòng Tokyo) và 1986-1993 (Vòng Uruguay). Đáng chú ý là khoảng cách giữa các vòng lớn thêm, và các cuộc thương lượng ở mỗi vòng dài ra, cho thấy tính chất phức tạp và quyết liệt trên bàn nghị sự.

Hiệp định GATT trở thành văn kiện công pháp quốc tế đầu tiên điều chỉnh quan hệ thương mại giữa các quốc gia mang

2. *The World Almanac 1994*, tr. 443.

tính chất đa phương. Nhiệm vụ chính của GATT là tự do hóa thương mại, cắt giảm thuế quan, bãi bỏ các hạn chế về nhập khẩu và chấm dứt mọi phân biệt đối xử về kinh tế và buôn bán giữa các nước. Bất cứ sự thay đổi nào trong hiệp định cũng đòi hỏi phải được tất cả các thành viên đồng ý. Nếu có sự tranh chấp, mọi thành viên phải đồng thuận về giải pháp. Theo thỏa thuận lúc đó, mỗi bên dính líu đến một tranh chấp thuộc phạm vi của GATT thì có quyền phủ quyết. Và đáng chú ý, bộ máy của GATT (một ban thư ký với biên chế nhỏ) không có quyền lực gì mấy ngoài chức năng thuyết phục.

Với sự hình thành của các công cụ Bretton Woods về kinh tế, tài chính và thương mại, khối lượng mậu dịch thế giới tăng nhanh trong những năm 1950. Cùng lúc, sự hội nhập kinh tế khu vực bắt đầu với sự ra đời của Hội đồng tương trợ kinh tế (Comecon) năm 1949 bao gồm Liên Xô, các nước Đông Âu, Cuba, Mông Cổ và Việt Nam. Cộng đồng kinh tế châu Âu khai sinh năm 1957, Hiệp hội tự do mậu dịch châu Âu thành lập năm 1960. Phát huy thế mạnh tích lũy được từ trong chiến tranh, kinh tế Mỹ tăng trưởng nhanh chóng. Số xe ô tô bán ra năm 1955 lên tới 9,6 triệu chiếc. Bội thu cán cân mậu dịch và cán cân thanh toán được thăng bằng bởi viện trợ kinh tế, quảng bá văn hóa cùng lối sống Mỹ (50 tỷ USD 1950-1959). Mỹ chẳng vội vàng gì với việc thành lập một tổ chức thương mại thế giới. Phải chọn thời điểm có lợi nhất để làm sống lại Hồ sơ ITO tưởng chừng như đã đi vào quên lãng và nhạt nhòa với thời gian.

Và thời cơ để thực hiện điều đó đã đến vào năm 1990 khi các cuộc đàm phán GATT lâm vào bế tắc. Để tái tục các cuộc nói chuyện về thương mại, Ban thư ký GATT dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc Arthur Dunkel, dự thảo một phương án của Định ước cuối cùng đánh dấu sự cáo chung của GATT và mở đường cho kỹ nguyên WTO, thường được biết dưới tên Văn bản dự thảo cuối cùng Dunkel. Dự thảo này được sử dụng làm cơ sở thương

thuyết khi nhóm lại các cuộc nói chuyện của GATT vào năm 1992.

Trong dự thảo này ẩn chứa nội dung quan trọng là kêu gọi thành lập một thiết chế mới lấy tên là Tổ chức mậu dịch đa phương (MTO). Bản dự thảo được các bên tham gia GATT chấp thuận vào tháng Mười hai 1993. Nhưng do Mỹ nhất mực yêu cầu, Tổ chức mậu dịch đa phương được đổi lại tên khai sinh là Tổ chức thương mại thế giới (WTO), gần giống như tên người ta định đặt cho nó ngót năm mươi năm về trước, Tổ chức mậu dịch quốc tế (ITO).

Cộng đồng châu Âu và Canada là những bên đầu tiên có ý kiến về việc thành lập một tổ chức thương mại thế giới để thay cho GATT nhằm chống lại Hoa Kỳ, nhưng đề nghị cụ thể lại nảy sinh từ những quan chức Ban thư ký của GATT, khát khao có thêm quyền lực, tuy chỉ là một nhóm đặc nhiệm chuẩn bị cho việc thành lập ITO như đã nói trên.

Với sự ra đời của WTO, ba trụ cột kinh tế thế giới đã được hoàn tất: IMF, WB và WTO. Đó là ba thiết chế mà đứng sau lưng và thông qua chúng là chủ nghĩa tư bản toàn cầu đang hình thành trên nền tảng của học thuyết tự do mới. Một thị trường thống nhất đã được thiết lập với những luật lệ ràng buộc tất cả các quốc gia thành viên. Một sân chơi chung 'bình đẳng' cho mọi người tham gia, giàu cũng như nghèo, mạnh cũng như yếu, phát triển hay còn đang phải vươn lên. Một đấu trường không phân cân hạng. Tự do và bình đẳng! Cơ hội cho mọi quốc gia!

Thế nhưng, Điều XVI.4. của Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới vạch rõ:

"Mỗi thành viên phải bảo đảm các luật, quy tắc và quy phạm hành chính của nước mình tương thích với các nghĩa vụ được quy định trong các hiệp định phụ lục".

Tuy nhiên, để làm yên lòng các nước đang phát triển và kém phát triển, lời mở đầu của Hiệp định cũng kêu gọi phải có

“các nỗ lực tích cực để bảo đảm cho các nước đang phát triển, và đặc biệt là các nước kém phát triển nhất trong số đó, có được một phần trong sự tăng trưởng của thương mại quốc tế tương thích với những nhu cầu phát triển kinh tế của họ”.

Điều XI còn nói rõ thêm các nước kém phát triển được chiếu cố giảm nhẹ nghĩa vụ so với các nước phát triển:

“Các nước chậm phát triển sẽ chỉ được yêu cầu thực hiện các cam kết và thỏa nhượng ở mức độ tương hợp với các nhu cầu của phát triển, tài chính và thương mại trong khả năng hành chính và định chế của mình”.

Tiếp thay, đó chỉ là những lời nói suông cốt để trấn an các nước đang phát triển. Vào lúc Hiệp định ra đời, không hiếm những nhà nghiên cứu Mỹ vẫn băn khoăn cho địa vị và quyền lợi của Hoa Kỳ. Họ lo rằng, không giống như trong Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, nơi số phiếu bầu tỷ lệ thuận với khoản tiền đóng góp cho hoạt động của các thiết chế này, tại WTO, khi không đạt được đồng thuận mà phải bỏ phiếu thì Hoa Kỳ với hơn 260 triệu dân cũng chỉ được một phiếu, chẳng khác gì 18 quốc gia khác chỉ có dưới một triệu dân, chẳng hạn, quốc đảo Saint Kitts và Nevis chỉ có 50.000 dân và 261 kilômét vuông. Họ lo rằng, với số lượng áp đảo chiếm 83 phần trăm trong WTO, các nước đang phát triển sẽ thắng thế như đã từng đánh bại Mỹ ở Liên hợp quốc trong hơn một nửa số lần bỏ phiếu tại diễn đàn này năm 1993. Họ lo công nhân Mỹ mất việc làm, lo Mỹ phải bỏ

ra 43 tỷ USD trong vòng mười năm để tham gia tổ chức này v.v.³

Họ quá lo! Ngày 15 tháng Tư 1994, Hoa Kỳ ký vào bản Định ước cuối cùng của Vòng đàm phán thương mại đa phương Uruguay. Hiệp định khai sinh WTO này dày 22.000 trang, nặng tới 173 kilôgam chứa đựng hầu như toàn bộ luật lệ thương mại của thế giới. Định ước cuối cùng đã làm thay đổi GATT một cách căn bản. Các quyết định từ nay, tuy vẫn nói là bằng đồng thuận, nhưng nhiều trường hợp vẫn sử dụng bỏ phiếu theo đa số. Không có nước nào có quyền phủ quyết. Biên chế WTO phình to, có quyền lực lớn để định ra các luật lệ thương mại toàn cầu và được giao trách nhiệm đôn đốc chấp pháp.

Tại sao các viện lập pháp Mỹ lại không thông qua ITO, Tổ chức mậu dịch quốc tế, mà lại mau chóng phê chuẩn WTO, Tổ chức thương mại thế giới? Có thể nói sự 'thức thời' của Quốc hội Mỹ chủ yếu là do tình hình ngày nay đã khác xa so với năm 1947. Vào thời đó, chiến tranh vừa chấm dứt, hầu như cả thế giới đều cần đến hàng Mỹ, dù là lương thực hay thiết bị kỹ thuật, để khắc phục nạn khan hiếm hàng hóa và đáp ứng các nhu cầu tái thiết. Thậm chí, Đức quốc xã còn bị buộc phải bồi thường chiến tranh bằng cách tháo dỡ máy móc trong các nhà máy của mình để cống nạp cho Đồng minh. Nước Mỹ thắng trận và lãnh thổ Mỹ không ném mùi bom đạn cho phép quốc gia này có được thặng dư thương mại kéo dài cho mãi đến năm 1973, phải sử dụng chiêu bài viện trợ để vừa thăng bằng được cán cân thanh toán, vừa tăng thêm được ảnh hưởng và quyền lực.

Đặc trưng lớn nhất của thế giới sau chiến tranh là sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Để chống chủ nghĩa cộng sản, Tổng thống Mỹ Harry S. Truman đã thành lập CIA năm 1947, thông qua kế hoạch Macsan viện trợ tái thiết cho Tây Âu, thúc

3. People's Network, Inc. *Phân tích Tổ chức thương mại thế giới và Định ước cuối cùng*, ngày 30 tháng Một 1995.

đẩy sự ra đời của Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Thời kỳ này cũng là thời kỳ Mỹ thiết lập các liên minh và căn cứ quân sự để mở rộng ảnh hưởng ra toàn thế giới. Chẳng hạn, Mỹ ký các hiệp ước viện trợ quân sự với tất cả các nước Mỹ Latinh tại Hội nghị Rio năm 1947. Đó là những việc khẩn thiết hơn. Một số nhà nghiên cứu phân tích thời kỳ này và kế hoạch Macsan cho rằng hành động của Mỹ viện trợ cho Tây Âu 19 tỷ USD từ năm 1945 đến 1950 (theo *World Almanac 1994* là 12 tỷ USD 1947-1951) là trường hợp ngoại lệ trái với quy luật lợi nhuận mang tính chất nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Trong một thời gian ngắn, ít ra, “Hoa Kỳ cũng đã phải gác lại quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Cần phải cung cấp hàng miễn phí. Cần phải biểu không sản phẩm lao động của mình”.⁴

Nhưng có phải đó là hành động đi ngược với quy luật lợi nhuận tư bản chủ nghĩa không? Hoàn toàn không, mà trái lại đó là việc mưu cầu lợi nhuận không phải trước mắt mà về lâu về dài. Lợi nhuận cũng có năm bảy đường. Lợi nhuận kinh tế, lợi nhuận chính trị, lợi nhuận vật chất, lợi nhuận tinh thần... Đây rõ ràng là việc làm mà Mỹ không thể không làm, vì đó là lợi ích thiết thân của Mỹ trước một Tây Âu bị chiến tranh tàn phá; có một phong trào cánh tả đang lên, có các bộ trưởng cộng sản trong Chính phủ Pháp, Italia, và nằm ngay bên cạnh một hệ thống xã hội chủ nghĩa với ý thức hệ tiến bộ hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa tư bản.

Lập ra một Tổ chức thương mại quốc tế trong tình hình có hai hệ thống chính trị - xã hội - kinh tế cùng tồn tại, với các nước mới giành được độc lập đứng giữa và là đối tượng tranh chấp của hai hệ thống đó liệu có nên không, có lợi cho Mỹ và Đồng minh hay không. Gia dĩ, những ý tưởng của Keynes khi thiết kế ITO lấy thương mại và khu vực công ích làm công cụ để

4. Arturo Escobar dẫn lại Georges Bataille và Francois Perroux trong *Đương đầu với phát triển*, Princeton University Press, 1995.

thực hiện toàn dụng lao động và hỗ trợ các nước kém phát triển không phù hợp với tính chất tìm kiếm lợi nhuận của hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Trước hết phải có những hiệp định về thuế quan và mậu dịch để cho hàng hóa Mỹ thâm nhập vào các thị trường thế giới và tìm nơi đắc địa cho đầu tư của Mỹ để giải quyết số vốn thừa thãi do chiến tranh mang lại cũng như có thêm nguyên liệu cho các công ty đa quốc gia bắt đầu hình thành. Có thể thấy rõ hơn thực chất sự ‘hào phóng’ của Hoa Kỳ khi đem số tiền 19 tỷ USD đổ vào Tây Âu với con số hai phần trăm bèo bọt trong tổng viện trợ mà nước này viện trợ cho toàn bộ Mỹ Latinh cùng trong thời gian này (Bethell 1991). Hay 150 triệu USD dành cho toàn bộ Thế giới thứ ba năm 1953 (Kolko 1988).

“Thế giới thứ ba được yêu cầu phải tìm kiếm đầu tư tư nhân, cả trong nước và ngoài nước, có nghĩa là phải tạo nên ‘môi trường thuận lợi’, kể cả cam kết phát triển chủ nghĩa tư bản; hạn chế chủ nghĩa dân tộc; kiểm soát phe tả, giai cấp công nhân và nông dân”.⁵

Đến cuối năm 1993, tình hình đã chín muồi để chuyển từ một Hiệp định GATT ‘lỏng lẻo’ sang một thiết chế ràng buộc hơn về mặt pháp lý. Không còn hệ thống xã hội chủ nghĩa nữa. Khối Vacxava ra đời năm 1955, Hội đồng tương trợ kinh tế Comecon thành lập năm 1949, cả hai cùng giải thể năm 1991. Đã có thể nghĩ đến một thị trường thống nhất đặt dưới sự điều chỉnh của những luật lệ mậu dịch thống nhất ràng buộc tất cả các quốc gia trên hành tinh, không có ngoại lệ.

“Không cho phép được có bảo lưu nào liên quan đến các điều

5. Arturo Escobar, *Sách đã dẫn*. tr. 33.

khoản của Hiệp định này (Hiệp định thành lập WTO). Các bảo lưu liên quan đến bất kỳ điều khoản nào của các hiệp định thương mại đa phương chỉ có thể được đưa ra thể theo các điều khoản ghi trong những hiệp định đó. Các bảo lưu liên quan đến một điều khoản của một hiệp định thương mại giữa một số bên sẽ được điều chỉnh bởi các điều khoản của hiệp định ấy”.

Điều XVI của Hiệp định WTO nói rõ như vậy. Có nghĩa là các quốc gia phải sửa đổi, bổ sung luật lệ, quy tắc, quy phạm hành chính của mình sao cho phù hợp với các nghĩa vụ và cam kết ghi trong tất cả các phụ lục của hiệp định này.

Các nhà nghiên cứu Mỹ có lý do để lo ngại cho địa vị của Hoa Kỳ trong WTO vì tổ chức này, tuy vẫn theo truyền thống đồng thuận của GATT, nhưng vẫn cho phép bỏ phiếu trong một số trường hợp, mà bỏ phiếu thì Mỹ cũng chỉ được một phiếu như ở Liên hợp quốc. Cũng theo các học giả này thì chỉ cần lấy năm 1993, năm trước khi WTO ra đời làm ví dụ, cũng đủ thấy Mỹ ở vào thế bất lợi đến thế nào. Trong năm này, tỷ lệ số lần các nước thành viên GATT bỏ phiếu chống Mỹ ở Liên hợp quốc từ 50 phần trăm trở lên có 83 nước. Cuba đứng đầu với 88,9 phần trăm. Các nước lớn đang phát triển như Ấn Độ, 81,5 phần trăm, Indônêsi-a 79,4 phần trăm, Braxin 77,3 phần trăm. Các nước OECD cũng không ủng hộ Mỹ hoàn toàn. Hy Lạp chỉ ủng hộ Mỹ 50 phần trăm số lần bỏ phiếu; Tây Ban Nha 49 phần trăm phản đối; Italia, Đức, Pháp, Bỉ 36,2 phần trăm chống lại Mỹ. Chỉ có Anh với 26,4 phần trăm và Israen với 7,7 phần trăm là những nước có tỷ lệ không tán thành Mỹ thấp nhất.⁶

Những lo ngại đó tưởng như có cơ sở. Nhưng thực tiễn từ ngày 1 tháng Giêng 1995 - ngày WTO chính thức ra đời - cho

6. People's Network, Inc. lấy từ các nguồn *Thống kê tóm tắt của Hoa Kỳ, 1993*; USAID; Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 1994.

đến nay đã chứng tỏ đó hoàn toàn chỉ là sợ bóng sợ vía. WTO vẫn chỉ là 'con đường một chiều'. Cơ thịnh nộ của trí thức, công nhân, nông dân Mỹ trong những ngày nóng bỏng ở Siaton, và tấm màn nhung đã hạ xuống sau bốn ngày đàm phán căng thẳng mà không mang lại kết quả gì ngoài việc hẹn ngày tái ngộ ở Geneva, đã chứng minh chừng nào WTO còn là công cụ của thương mại bất bình đẳng thì nó vẫn còn là đối tượng đấu tranh của các nước đang phát triển, của những người yêu chuộng công lý, và là diễn đàn của sự xung đột và tranh giành lợi nhuận giữa các nước phát triển với nhau. Lợi nhuận trên hết, đó vẫn là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong các giao dịch thương mại, và trước sau như một, nó vẫn phản ánh "mối quan hệ lạnh lùng không tình nghĩa của đồng tiền", bất chấp những lời lẽ đạo đức giả của giai cấp tư sản có nhiều quyền lực trong tay.

Chương II

Cuộc phản kháng thế kỷ¹

Không chỉ có các bộ trưởng, các quan chức thương mại đang chuẩn bị cho cuộc hội nghị cấp bộ trưởng ở Siaton. Hàng trăm nhóm lao động, nông trại, người tiêu dùng, nhà hoạt động về môi trường, nhà thờ, TCPCP, công đoàn, các tổ chức nhân dân, tất cả những ai quan tâm đến sự thống trị nền kinh tế thế giới bởi các tập đoàn, đều đang chuẩn bị cho 'Cuộc phản kháng thế kỷ'.

Nguyễn Văn Thanh

Hãy trước hết đến với sôi động Siaton những ngày cuối tháng Mười một. Năm ngàn người tham dự từ 135 tổ chức thành viên WTO, 32 nước đang chờ được gia nhập WTO. Đó là các bộ trưởng thương mại, các nhà doanh nghiệp, đại diện của các tổ chức lao động, các tổ chức quốc tế, những người tình nguyện thuộc các tổ chức phi chính phủ, các học giả, học sinh sinh viên, và cả một đội quân hết sức đông đảo phóng viên các phương tiện truyền thông lớn nhất thế giới. Họ đến đây để bênh vực cho những lợi ích sống còn của các dân tộc mà họ đại diện, cho những lý tưởng mà họ chia sẻ. Chờ đón họ không chỉ có những quan chức trong các bộ lễ phục trang trọng hay những hàng dài cảnh binh tề chỉnh và uy nghi, mà còn có cả một phong trào

1. Bài viết này sử dụng nhiều tư liệu trong bài "Sập cánh cửa Siaton" của Geov Parrish, Tạp chí *Third World Resurgence*, Số 108/109.

mạnh mẽ phản đối Hội nghị Siaton, được mệnh danh là ‘Cuộc phản kháng thế kỷ’. Chắc chắn đó là những cuộc phản kháng thương mại tự do lớn chưa từng thấy trên đất Mỹ. Có thể chưa bằng cuộc tổng đình công cũng tại nơi này năm 1919, hay các cuộc biểu tình chống cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, nhưng những người tổ chức hy vọng sẽ có một trăm ngàn người xuống đường, một con số không nhỏ.

Hội nghị này hết sức quan trọng không chỉ đối với các đại biểu trong phòng họp mà cả đối với những người tham gia đấu tranh trên đường phố, vì chỉ cần các bộ trưởng thông qua một vài hiệp định phụ trong số tám hoặc chín cái dự kiến nằm trong nghị trình của Hội nghị Siaton thì “một chế độ thống trị kéo dài của các tập đoàn chắc chắn sẽ được bảo đảm, cho phép họ tiếp tục thu được lợi nhuận trước mắt, và làm cho con người tiếp tục bị nghèo khổ, môi trường tiếp tục bị tàn phá, ảnh hưởng đến hàng tỷ người trên một quy mô khó hình dung nổi so với chỉ mới một thập kỷ trước đây thôi”.²

Những người tán trợ WTO coi nó là một công cụ thúc đẩy nền kinh tế thế giới bằng cách hạ thấp các rào cản mậu dịch. Những người chống đối tin rằng WTO đang làm cho cả người sản xuất lẫn người tiêu thụ khôn đốn, đang tàn phá môi trường, đang tiếm quyền của các nước xây dựng luật pháp của mình, đặc biệt là các luật tiếm ẩn xung đột với thương mại tự do. Quả thật hiếm có vấn đề nào mà phương pháp tiếp cận lại đối lập với nhau đến vậy.

Về phía những người tán trợ, họ trình bày một bức tranh thật lộng lẫy: lương thực rẻ hơn, bởi vì nếu cứ bảo vệ nông nghiệp như hiện nay, một gia đình bốn người ở Liên minh châu Âu sẽ phải tốn thêm 1.500 USD một năm; người tiêu thụ Mỹ phải tốn thêm 3 tỷ USD vào số tiền mua bánh kẹo mỗi năm để

2. Geov Parrish, “Sập cánh cửa Siaton”, Tạp chí *Third World Resurgence*, Số 108/109, tr 22.

trợ cấp cho ngành đường; người Nhật phải đóng góp thêm tương đương 51 phần trăm số thuế đánh vào lương thực. Hạn chế nhập khẩu và biểu thuế cao khiến quần áo đắt hơn 58 phần trăm cho người Mỹ vào cuối những năm 1980, người Anh phải trả thêm 500 triệu bảng và người Canada là 780 triệu CD. Nếu khối lượng nhập khẩu không bị hạn chế đồng thời hủy bỏ thuế quan, toàn thế giới sẽ được lợi 23 tỷ USD, trong đó riêng Mỹ chiếm 12,3 tỷ USD, tất cả các nước đang phát triển cộng lại được 8 tỷ USD. Và còn vô số ví dụ khác, xe cộ, dụng cụ điện tử, thiết bị viễn thông... đều rẻ hơn. Tại Mỹ, thương mại tự do mang lại 12 triệu việc làm cho ngành xuất khẩu, trong đó có 2 triệu tăng thêm từ năm 1993 đến 1997, trái với những gì người ta lo ngại trước đây là WTO sẽ làm cho người Mỹ thất nghiệp. Tổng thống Clinton cũng đã hân hoan: “Châu Phi cung cấp cho Mỹ 13 phần trăm dầu mỏ, gần bằng Trung Đông. Hơn 100.000 người Mỹ sống nhờ vào việc làm hàng xuất khẩu cho châu Phi... Năm 1997, đầu tư ở châu Phi thu được lợi nhuận 36 phần trăm, so với châu Á là 16 phần trăm, chung toàn thế giới là 14 phần trăm, và riêng châu Âu là 11 phần trăm”.³

Tiếc thay, tất cả không phải chỉ một màu hồng. Theo Báo cáo của UNDP 1996, từ năm 1980 đến 1995, chỉ có 15 quốc gia trên toàn thế giới nâng cao được mức sống, 110 quốc gia kinh tế giảm sút hoặc đình đốn. Vậy đâu là thành quả của thương mại tự do? Câu trả lời của WTO: “Đó là vì một số quốc gia có các chính sách điều chỉnh (về tự do thương mại) hiệu quả hơn. Những nước không có chính sách hiệu quả đang đánh mất thời cơ”.⁴ Nhưng người ta sẽ giải thích như thế nào khi Philippin xuất khẩu dưa sang thị trường EU phải chịu thuế 9 phần trăm nếu là nguyên trái, 28 phần trăm nếu là dưa hộp và 31 phần

3. Nguyễn Văn Thanh, *Năm 2000 xoá nợ cho các nước nghèo*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1999, tr. 120.

4. Tư liệu WTO, www.wto.org.

trăm nếu là nước dừa ép! Có khác chi khi nước này còn ở dưới sự thống trị hết của thực dân Tây Ban Nha rồi đến các nhà khai hóa Hoa Kỳ. Và đó cũng là trường hợp của các nước đang phát triển khác. Không được công nghiệp hóa, hãy dành quyền đó cho phương Bắc.

“Toàn cầu hóa đồng nghĩa với tự do hóa kinh tế và thị trường, còn gọi là tự do mậu dịch. Đó là một học thuyết tự do mới do các chính phủ phương Tây cổ xúy để xóa bỏ hàng rào thương mại. Nhiều nước phương Nam thấy đó là một phương sách để duy trì chủ nghĩa thực dân, theo đó, những nguồn lực của các nước phương Nam bị khai thác để công nghiệp hóa phương Bắc”.⁵

Bức tranh được phóng đại tô màu đỏ của WTO không làm hài lòng ngay chính người Mỹ. Họ lập ra một liên minh toàn quốc lấy tên là Chiến dịch thương mại của công dân (Citizens' Trade Campaign - CTC) bao gồm Công dân công ích, các nhóm lao động như Công nhân thống nhất ngành ô tô; các nhóm người tiêu dùng; các nhóm môi trường như Bạn của Trái đất, Hành động vì nước sạch; các nhóm trang trại như Liên hiệp toàn quốc các trang viên, Liên minh toàn quốc các gia đình và trang trại; các tổ chức tôn giáo và nhiều tổ chức khác. Đã có hơn 700 nhóm quốc tế thuộc 73 nước ký tên vào thỉnh cầu của CTC phản đối Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI), một dự thảo hiệp định gây nhiều tranh cãi đã bị đình hoãn, nhưng có thể sẽ lại nằm trong chương trình nghị sự Siaton.

Vào tháng Tám, CTC đã mở một văn phòng ngay mặt tiền của một cửa hàng lớn ở trung tâm thành phố Siaton để điều phối các hoạt động chuẩn bị cuộc phản đối. Chẳng riêng gì CTC

5. Duncan Green, CAFOD, dgreen@cafod.org.uk.

mà Liên đoàn lao động và các tổ chức công nghiệp Mỹ (AFL-CIO), các nghiệp đoàn lái xe, khuân vác bến cảng và các công đoàn nhiều ngành nghề khác cũng ráo riết chuẩn bị phản đối tự do mậu dịch. Nghiệp đoàn công nhân ngành thép đã đặt trước 1.000 phòng tại các khách sạn Tacoma và Bellevue. Các nhóm trang viên cũng không chịu kém. Hội đồng nguồn lực các bình nguyên phía Bắc, Nông nghiệp bền vững miền Tây, Viện chính sách nông nghiệp và mậu dịch, Vận động phục hồi nông thôn Mỹ đều có chương trình hành động. Sẽ có nhiều cuộc hội thảo, họp báo, mít tinh, tuần hành và phong tỏa. Các máy kéo sẽ diễu hành. Các TCPCP sẽ đóng góp tiếng nói. Liên minh hành động toàn cầu của những người gốc Zapatista (Mêhicô) tổ chức lữ hành xuyên Bắc Mỹ đến điểm hẹn Siaton.

Các nhóm hoà bình như Liên đoàn những người chống chiến tranh cũng chẳng chịu ngồi yên. Họ lo ngại tự do thương mại đặt chi tiêu quân sự ra ngoài các hiệp định sẽ khuyến khích các nước Thế giới thứ ba chạy đua vũ trang và tăng cường quân lực. Từ San Francisco, Tổ chức nghệ thuật và cách mạng mang đến Siaton các con rối khổng lồ và những buổi trình diễn ngoài trời. Các sinh viên trường công lập Evergreen bãi trường để đến Siaton; sinh viên khắp nước hưởng ứng Tổ chức sinh viên Boston để hội quân ở thành phố chủ nhà của mậu dịch tự do.

Hàng ngàn người đến từ Canada, nơi đang lo ngại WTO đe dọa hệ thống y tế và giáo dục của họ. Từ châu Âu, tổ chức Attac,⁶ với 130 chi nhánh địa phương, kêu gọi tiến hành kiểm toán toàn bộ những hậu quả của toàn cầu hóa, hội thảo quốc tế về những ảnh hưởng của tự do hóa thương mại, đình chỉ ngay việc ký thêm các hiệp định thương mại trong khuôn khổ WTO, và hoãn vòng thương lượng mới của WTO cho đến khi hoàn

6. Attac, viết tắt của Hội những người chủ trương đánh thuế các giao dịch tài chính để giúp công dân (Association des transactions financières pour l'aide aux citoyens), thành lập ở Pháp tháng Tư 1999.

thành kiểm toán. Các TCPCP lớn như OXFAM, Bạn của trái đất (Friends of the Earth), Liên hiệp những người tiêu dùng Nhật Bản ra Tuyên bố chung “Phản đối mọi nỗ lực bành trướng quyền lực của WTO, đang mở cửa các thị trường vì lợi ích của các công ty xuyên quốc gia, gây phương hại tới các nền kinh tế quốc gia, công nhân, nông dân và những người khác”.⁷

Không phải tất cả những người phản đối WTO đều sẽ xuống đường và cũng không phải tất cả những người tuân hành đều có chung một mục đích. Các TCPCP đến Siaton để hội họp, tranh luận trong một hội thảo được Diễn đàn quốc tế về toàn cầu hóa chuẩn bị. Một vài nhóm như Hành động toàn cầu của nhân dân Thế giới thứ ba, một phong trào đặc biệt nổi tiếng trong nông dân ở các nước như Ấn Độ, muốn xóa bỏ WTO; các tổ chức khác thì muốn chinh đốn nó. Cũng không phải mọi chủ đề đều mang tính chất chống thương mại tự do. Diễn đàn thương mại điện tử chẳng hạn, do chính Microsoft tổ chức, chắc chắn không phải chỉ để nghe những lời công kích. Nhưng cũng có những diễn đàn được những người công khai thách thức tiến trình WTO, như Patti Goldman của Quỹ bảo vệ công lý cho Trái đất đang điều phối một chương trình về môi trường, Ron Judd, thuộc Hội đồng lao động của hạt King⁸ thì chịu trách nhiệm chuyên đề lao động. Đây cũng là hai chủ đề được Mỹ quan tâm nhất.

Và ở Siaton cũng không chỉ có phản đối. Hầu như không một quan chức nào ở đây lại không có những lời lẽ tốt đẹp nhất đối với hội nghị sắp tới và nội dung thúc đẩy tự do thương mại của nó. Trong cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, thiếu số những người phản đối tự do thương mại bị gạt ra rìa. Và những biện pháp an ninh cao nhất đã được trù liệu. Sở cảnh sát Siaton đã

7. Saralee Hamilton, Chương trình phụ nữ toàn quốc, *Những chiếc vòi bạch tuộc được giấu kín*, listproc@essential.org, ngày 27 tháng Mười 1999.

8. Hạt (county) là đơn vị hành chính dưới bang. Hạt King thuộc bang Oasinhton. Siaton (516.259 người) là thủ phủ của hạt King (1.507.305 người).

thành lập và chủ trì một ủy ban liên ngành để phối hợp hành động bảo đảm an ninh cho Hội nghị Siaton bao gồm Cảnh sát trưởng hạt King, Cục mật vụ Hoa Kỳ, Cục điều tra liên bang (FBI), Bộ Ngoại giao, Cơ quan quản lý khẩn cấp liên bang, Cơ quan phụ trách vấn đề rượu, thuốc lá và vũ khí nhỏ, và một số cơ quan khác.

Những người phản đối hiểu rõ những gì có thể đến với họ từ phía các cơ quan công lực. Tại Hội nghị thượng đỉnh APEC năm 1996 tại Vancouver, Canada, cảnh sát Canada đã bắt bớ phòng ngừa, xịt hơi cay vào những người tuần hành phản đối, và qua đó, họ đã hiểu rất rõ 'quyền lợi của ai được bảo vệ'. Bởi vậy, những cuộc phản đối tại Siaton được dự tính sẽ 'diễn ra một cách hòa bình và êm ả', nhằm tránh sự đàn áp của các cơ quan công lực.

Siaton, những ngày nóng bỏng, cả trong hội trường rộng mênh mông và cả ngoài đường phố sôi sục. Hội nghị đã khai mạc chậm rãi năm tiếng đồng hồ vì những người biểu tình đã ngăn không cho các đại biểu đến đúng giờ họp. Các cuộc đụng độ với cảnh sát và cả cảnh vệ quốc gia đã nổ ra. Vòi nước và hơi cay, gây gộc và đạn cao su đã được sử dụng như những ngày Vancouver năm 1996 khi các đám đông tuần hành phản đối Hội nghị APEC. Liên tiếp mấy ngày liền, hàng chục ngàn người biểu tình, đỉnh cao lên đến 70.000, chẳng kém gì những ngày nhân dân Mỹ xuống đường phản đối Mỹ xâm lược Việt Nam. Họ phong tỏa những đường phố chính, đập phá các cửa hàng, nổ pháo, ném đá chống lực lượng đàn áp. Dân chúng Siaton ủng hộ những người biểu tình. Họ mang thức ăn và nước uống cho những 'chiến sĩ phản WTO'. Công nhân khuân vác bến tàu, lái xe buýt đình công để hưởng ứng cuộc tuần hành.

Các con đường dẫn đến địa điểm hội nghị bị quân chúng phong tỏa khiến cho hàng trăm đại biểu phải thảo luận các vấn đề của hội nghị bằng điện đàm từ khách sạn. Không tổ chức

được lễ khai mạc, mọi chuẩn bị công phu về lễ tân khánh tiết bị bãi bỏ, các đại biểu lọt được vào hội trường phải phát biểu ngay để bù lại quãng thời gian bị mất. Thị trường thành phố Siaton phải ban bố tình trạng khẩn cấp dân sự từ chiều 30 tháng Mười một kéo dài mỗi ngày hội nghị từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối, trong khi Thống đốc bang Oasinhton phải gửi vệ binh quốc gia tới thủ phủ Siaton để giải tán các đoàn biểu tình. 400 người đã bị bắt giữ. Một số người bị thương khi xô xát. Các vấn đề mang ra thảo luận chưa đâu vào đâu. Dù có muốn hội nghị cũng không thể kéo dài được vì ngày hôm sau đã phải dành chỗ cho các hoạt động khác. Cảnh sát trưởng Siaton phải từ chức vì không bảo đảm được cho hội nghị tiến hành suôn sẻ.

Nhưng cũng giống như trong hội trường, những người tuân hành phản đối bên ngoài cũng có những mục đích khác nhau. Nếu có gì đó kết họ thành một khối thì đó là thương mại phải phục vụ con người, phải có ích cho người nghèo, dù ở phương Nam hay ở phương Bắc. Ngày 1 tháng Chạp 1999, khi 25.000 đoàn viên các công đoàn tuần hành ngoài đường phố Siaton yêu cầu WTO phải thực hiện các tiêu chuẩn lao động thì trong hội trường Tổng thống Clinton lớn tiếng đòi WTO phải chế định các tiêu chuẩn lao động và môi trường vào các hiệp định thương mại và đề ra các biện pháp trừng phạt để buộc các nước phải thực thi. Những lời lẽ kẻ cả của Tổng thống Mỹ như đổ thêm dầu vào ngọn lửa phẫn nộ của các nước đang phát triển, và công luận, kể cả trong nước Mỹ, đã quy cho người đứng đầu ngành hành pháp Hoa Kỳ cái tội làm cho hội nghị thất bại. Hãng thông tấn Reuters dẫn nguồn tin từ Chính phủ và Liên đoàn nông nghiệp Ôxtrâyliya cho rằng hội nghị thất bại là do Tổng thống Mỹ không biết sử dụng vai trò nước chủ nhà để “dỡ bỏ các rào cản mậu dịch”. Nhiều nước phương Tây cho rằng hội nghị thất bại là do Mỹ đòi hỏi quá đáng các nước khác phải mở cửa thị trường cho hàng hóa Mỹ, nhưng lại không đáp ứng một cách tương xứng.

Các nước đang phát triển coi thất bại của hội nghị là một thành công. Tờ Diễn đàn thông tin quốc tế bình luận: “Đây là lần đầu tiên trong các cuộc hội nghị của WTO, các nước đang phát triển đóng một vai trò quan trọng”. Nói thế đúng nhưng chưa đủ. Bởi thắng lợi của các nước đang phát triển trong hội nghị này còn là phản ánh sức mạnh đấu tranh của những lực lượng bên ngoài hội nghị, công nhân, nông dân, trí thức, mạnh mẽ yêu cầu phải có một WTO minh bạch, công bằng và dân chủ, một diễn đàn không chỉ dành cho các nước giàu và các tập đoàn xuyên quốc gia. Những lực lượng này đang góp phần làm thay đổi lực lượng so sánh giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển và có thể ảnh hưởng đến các luật lệ của cuộc chơi. ‘Cuộc phản kháng thế kỷ’ không chỉ đóng khung ở Siaton. Trong những ngày thành phố này của nước Mỹ sôi sục thì cùng lúc, Pari, Luân đôn, Geneva, Ấn Độ và nhiều nơi khác trên thế giới cũng diễn ra nhiều cuộc tuần hành, hội họp phản đối, lời cuốn sự tham gia của hàng trăm ngàn người.

Siaton là hình ảnh thu nhỏ của

“Phong trào toàn cầu thách thức thương mại tự do, thách thức chủ nghĩa tự do mới, sự tiến đạt chính sách công bởi thương trường và nhu cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia. Các tập đoàn này đã không ngừng cắm sâu móng vuốt lên chính sách của các quốc gia kể từ khi bức tường Beclin bị sụp đổ, và cả trước đó trong kỷ nguyên Reagan-Thatcher”.⁹

Bản thân dân chủ cũng bị đe dọa, vì các tập đoàn có thể lợi dụng những công cụ như Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI), do bị phản đối nên chưa được thông qua, để bác bỏ các luật lệ do các quan chức dân cử soạn thảo ở các cấp quốc gia, bang hoặc địa phương. “Hiện nay, các chính phủ, thường là theo chỉ đạo của

9. Saralee Hamilton, *Tài liệu đã dẫn*.

các tập đoàn, có thể phản đối luật lệ của các nước khác với lý do là nó 'không công bằng' đối với thương mại, và vấn đề sẽ được quyết định một cách bí mật tại một tòa án gồm các luật sư của các tập đoàn đóng trụ sở ở Geneva".¹⁰

Thực chất của 'Cuộc phản kháng thế kỷ' là ở đó. Vào năm bản lề của thế kỷ, không ai nhắc tới 'Vòng thiên niên kỷ'. Dấu ấn của Siaton là sự hình thành một mặt trận của những người muốn cho thế giới này là thế giới của Bình đẳng, Tự do, Bác ái - những khẩu hiệu vang vọng từ 190 năm về trước - được tiếp nối và nuôi dưỡng bởi những tư tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp, bất chấp những trở lực tạm thời.

10. Saralee Hamilton, *Tài liệu đã dẫn*. Tòa án này được WTO chỉ định gồm ba người được biết là chuyên về luật của các tập đoàn công ty.

Chương III

Một cái chết được báo trước

*Tường thuật chi tiết của Walden Bello
về các cuộc tranh cãi ở Siaton¹*

Walden Bello

Siaton ngày 3 tháng Mười hai: ngay trước nửa đêm, Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ ba của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã kết thúc trong thất bại hoàn toàn và bầu không khí nặng chĩu, vì các nhà thương thuyết đã không thể thống nhất được về một tuyên bố chung và về một vòng đàm phán mới. Với tư cách chủ nhà của hội nghị, Hoa Kỳ đã phải chịu một thất bại ngoại giao tồi tệ nhất kể từ cuộc khủng hoảng con tin ở Iran năm 1979.

Các cuộc thương lượng đã không vượt qua được hàng loạt những bất đồng nội bộ và các cuộc phản đối dữ dội, liên tiếp của những người biểu tình ở bên ngoài. Những người phản đối bên ngoài nhà tù ở Siaton đang đòi thả 400 bạn chiến đấu của mình đã hò reo vui mừng khi được tin về sự chiến thắng tuyệt đối của họ trước Tổ chức thương mại thế giới. Lori Wallach, người đứng

1. Đây là bản sửa đổi của một bài đã được đăng trên mục "Xã luận" của tờ *Perspective in Business World*, ngày 6 tháng Mười hai 1999.

đầu Chiến dịch thương mại có tên *Ralph Nader's Citizens* đã vui mừng tuyên bố “Tỷ số là Dân chủ quần chúng 1, Toàn cầu hóa của các tập đoàn 0”.

Bên trong, các đại biểu đã không vượt qua được những khác biệt trong các vấn đề tự do hoá nông nghiệp, thương mại về sinh thể đã bị biến đổi gien, thương mại và tiêu chuẩn lao động cũng như tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Tại cuộc họp báo để thông báo sự thất bại của các cuộc đàm phán, cả Đại diện thương mại Hoa Kỳ Charlene Barshefsky và Tổng giám đốc WTO Mike Moore đều thừa nhận rằng quá trình ra quyết định của WTO phải được ‘xem xét lại’.

Tiến tới sự sụp đổ

Sáng nay, khi WTO đang lao nhanh đến sự sụp đổ thì nỗi thất vọng của các nước đang phát triển càng lớn thêm lên do việc họ bị gạt ra bên lề các cuộc thương lượng. Bày tỏ sự tức giận của nhiều đoàn đại biểu tại buổi họp báo sáng nay tại Khách sạn Madison Renaissance, Clement Rohee, Bộ trưởng ngoại giao Guyana đã nói: “Chúng ta đang chứng kiến các tiến trình bị thao túng bởi một vài nước đằng sau các cánh cửa khép kín”.

Trên các đường phố sự thất vọng cũng ngập tràn. Suốt hai ngày qua, các cuộc biểu tình và tuần hành vẫn cứ tiếp diễn mà đáng chú ý nhất là cuộc tuần hành tự phát của khoảng 1.000 người đến nhà tù của thành phố nơi đang giam giữ hàng trăm người phản đối bị cảnh sát bắt giữ trong ba ngày vừa qua. Động lực cả bên trong và bên ngoài hội nghị đã tương tác với nhau một cách thú vị. Trong khi chỉ có vài đoàn đại biểu của các nước đang phát triển chia sẻ sự ưu tiên đối với môi trường và quyền của người lao động được hàng ngàn người biểu tình quy tụ đến thành phố này đòi hỏi, thì sự tức giận trên các đường phố đã khích lệ nhiều đại biểu từ các nước thuộc Thế giới thứ ba mạnh

mê phản đối các phương pháp thiếu minh bạch mà Mỹ và Liên minh châu Âu vẫn thường sử dụng để đạt được các mục tiêu thương mại của mình. 'Sự minh bạch' chính là đòi hỏi đã kết nối nhiều đại biểu bên trong và người phản đối bên ngoài hội nghị với nhau.

Sự thô bạo đã phải trả giá

Khi thứ Sáu, ngày 3 tháng Mười hai bắt đầu thì cũng là lúc Hoa Kỳ đang tiến tới thất bại trên hai vấn đề quan trọng mà chủ yếu là do sự thô bạo trong ngoại giao. Sự phản đối quyết liệt của các nước đang phát triển dường như đã nhấn chìm đề nghị của Oasinhton nhằm thiết lập một nhóm làm việc để 'nghiên cứu' mối liên hệ giữa thương mại và các tiêu chuẩn lao động. Tổng thống Bill Clinton hiện bị coi là đã góp phần tạo ra kết quả này, vì chính tuyên bố của ông với một tờ báo ở Siatơn rằng WTO phải sử dụng các biện pháp trừng phạt thương mại để thực thi các quyền của người lao động, đã làm cho nhiều đại biểu của các nước đang phát triển tức giận. Sự thúc ép của Mỹ nhằm thành lập một Nhóm công tác về việc buôn bán các sản phẩm đã biến đổi gen cũng đã đem lại kết quả ngược với sự mong đợi. Sự nhượng bộ quá rõ ràng của Bộ trưởng thương mại EU, Pascal Lamy trước sức ép của Mỹ ngay từ ngày đầu tiên của các cuộc thương lượng, đã khiến các bộ trưởng thương mại và môi trường của một số nước châu Âu nổi giận, buộc EU phải rút lại những thỏa thuận của mình với Mỹ. Sự phản đối việc thành lập một nhóm làm việc như vậy đã được hưởng ứng rộng rãi mà nguyên nhân đã được nêu rõ trong tuyên bố của một số tổ chức phi chính phủ Philippin vận động cho các chính phủ châu Á tại Siatơn:

“WTO... không phải là diễn đàn thích hợp để thương lượng

các luật lệ điều chỉnh thương mại trong công nghệ sinh học. Những luật lệ như vậy cần phải được tranh luận và thương lượng trong khuôn khổ các cuộc đàm phán về Nghị định thư về an toàn sinh học theo Công ước của Liên hợp quốc về đa dạng sinh học. Những rủi ro tiềm ẩn về xã hội, môi trường và sức khỏe có thể nảy sinh trong việc buôn bán các sinh thể đã bị biến đổi gen (GMO), tốt hơn, nên bàn tại các cuộc đàm phán về môi trường chứ không phải tại các cuộc đàm phán về thương mại”.

Sự bế tắc trong vấn đề nông nghiệp

Các TCPCP châu Á như Hội đồng Đông Nam Á về an ninh lương thực và thương mại công bằng đã dành hầu hết sức lực để tác động đến nội dung tuyên bố của hội nghị về nông nghiệp. Vì thế, họ đã có thể theo dõi sát sao sự sụp đổ của các cuộc thương lượng trên lĩnh vực này. Theo lời Bộ trưởng nông nghiệp Philippin Edgardo Angara, các nước đang phát triển trong 'Nhóm Cairns' của các quốc gia phát triển và đang phát triển xuất khẩu nông nghiệp đã đến Siaton với một quan điểm cứng rắn yêu cầu hội nghị bộ trưởng này chấp nhận những lời lẽ mạnh mẽ về 'sự đối xử đặc biệt và khác biệt' trong các chính sách nông nghiệp của các nước đang phát triển. Bản dự thảo của văn bản về nông nghiệp do uỷ ban công tác về nông nghiệp soạn thảo đã phản ánh điều này: bản dự thảo nêu rõ rằng 'sự đối xử đặc biệt và khác biệt' (S&D) sẽ không chỉ đơn thuần thể hiện qua các thỏa nhượng và cam kết theo kế hoạch, mà theo như bản dự thảo cuối cùng của tuyên bố hội nghị cấp bộ trưởng, thì còn "qua các luật lệ và nguyên tắc sẽ được đàm phán, nhằm thật sự có hiệu lực hơn trong tác nghiệp và nhằm tạo điều kiện cho các nước đang phát triển, vừa thực hiện những cam kết và thỏa nhượng, vừa có thể quan tâm đến những nhu cầu phát

triển của mình, bao gồm an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp và nông thôn”.

Mặt khác, sự không khoan nhượng của EU đã buộc đại diện của các quốc gia khác phải lùi bước, chuyển sang những ngôn từ mềm dẻo hơn trong phần trợ giá nông nghiệp và trợ cấp trong nước, những lĩnh vực có lợi hơn đôi với lợi ích của EU. Thay vì kêu gọi ‘xoá bỏ’ trợ giá xuất khẩu và trợ cấp trong nước, bản dự thảo của ngày thứ hai đã kêu gọi ‘sự cắt giảm đáng kể’. ‘Tính đa chức năng’, một thuật ngữ mà EU ưa thích, đã bị loại ra khỏi các dự thảo Siaton. Thuật ngữ này chỉ khái niệm cho rằng các luật lệ thương mại quốc tế phải xem xét đến thực tế là nông nghiệp không chỉ là một lĩnh vực sản xuất mà còn mang những chức năng quan trọng khác như tồn tục môi trường, an ninh lương thực, văn hóa và tạo ra cảnh quan địa phương. Thuật ngữ này thường được coi là biện hộ cho chủ nghĩa bảo hộ. Tuy nhiên, một số nhà quan sát cho rằng cốt lõi của tính đa chức năng vẫn còn được lưu lại trong bản dự thảo này, vì nó kêu gọi các cuộc đàm phán xét đến “những mối quan tâm phi thương mại” bao gồm “nhu cầu bảo vệ môi trường, an ninh lương thực, khả năng tồn tại và phát triển của các vùng nông thôn và an toàn thực phẩm, mà không làm tổn hại đến Hiệp định về ứng dụng các biện pháp vệ sinh và vệ sinh thực vật”. Tuy nhiên, đại biểu của Philippin và của các nước đang phát triển đã tỏ ra thất vọng về các bản dự thảo khác nhau này. Một lời chỉ trích cho rằng đã không có một sự lên án cụ thể nào đối với các thông lệ của Mỹ làm ảnh hưởng đến thương mại trong nông nghiệp, mà đáng chú ý nhất là việc sử dụng tín dụng xuất khẩu và bán phá giá. Một điểm thất vọng nữa là việc bản dự thảo cuối cùng đã không đề cập gì ‘mức thuế cao nhất’ và ‘mức thuế leo thang’, hai phương pháp được Mỹ và EU sử dụng để phân biệt đối xử chống lại các nông sản xuất khẩu của các nước đang phát triển. Tuy nhiên, sự thất vọng lớn nhất của các TCPCP lại xuất phát từ

việc văn bản này đã không làm cho mục tiêu đặt vấn đề an ninh lương thực thành trọng tâm của thương mại nông nghiệp toàn cầu và chẳng hề có một cam kết nào nhằm đáp ứng nhu cầu của các nước nghèo phải nhập khẩu lương thực. Thế nhưng, cho dù có xếp ra một bên những mối quan tâm của các TCPCP, thì các cuộc thương lượng giữa các chính phủ cũng không điều hòa được những sự khác biệt trong vấn đề nông nghiệp. Các cuộc đàm phán về nông nghiệp quả là đã phản ánh sự chán chường của các cuộc thương lượng không lối thoát trong tổng thể.

Tháo gỡ

Cho đến tận chiều nay, tại Trung tâm hội nghị vẫn được cảnh sát và cảnh binh quốc gia tiếp tục bảo vệ, những gì nêu trên đây vẫn chưa đi đến đâu. Vào thời điểm đó, theo lời ông Edcel Custodio, Trưởng phái đoàn thương mại của Chính phủ Philippin tại Geneva, hai khối các nước, một từ châu Phi và một từ Mỹ Latinh và khu vực Caribê, tiếp tục đưa ra những tuyên bố mạnh mẽ ám chỉ rằng nếu mức độ của tính minh bạch như hiện nay vẫn tồn tại thì họ sẽ rút sự chấp thuận của mình ra khỏi bất kỳ một tuyên bố đã được đề nghị nào, và như vậy, sẽ phá huỷ mọi tuyên bố chung vì WTO phải hoạt động trên nguyên tắc 'đồng thuận'. Cho đến lúc này, tiến trình của các cuộc thương lượng tại hậu trường mà người ta gọi là 'Phòng Xanh' hay 'Phòng siêu Xanh', theo nhận xét của một nhà báo, "đã làm cho rất nhiều đại biểu thuộc Thế giới thứ ba tức giận đến mức dọa sẽ rời khỏi cuộc họp". Các tham luận càng lúc càng thô bạo hơn của Chủ tọa Hội nghị cấp bộ trưởng Charlene Barshefsky nay được chào đón bằng tiếng huýt sáo và la ó phản đối. Nỗ lực của Mỹ và EU nhằm lựa chọn từ 18 đến 20 nước để thực hiện một cố gắng cuối cùng nhằm nặn ra một tuyên bố nhưng lại không có một tiêu chí cụ thể nào về tư cách thành

viên của nhóm, là sự vót vát cuối cùng. Thực tế, đến 9h30 tối, theo lời Angara, Bộ trưởng nông nghiệp Philippin, thì “mọi chuyện đã trở nên rõ ràng hơn rằng sẽ không có một tuyên bố nào cả”. Cho đến lúc đó, đủ loại tin đồn về việc tìm kiếm một công thức cốt để giữ thể diện. Nhưng rốt cuộc thì cũng chẳng ra được một tuyên bố và cũng không thoả thuận được về một vòng đàm phán mới, và đó là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra cho nước chủ nhà Hoa Kỳ.

Sự kết hợp kỳ diệu

Có nhiều yếu tố đã góp phần tạo nên sự thất bại của WTO tại Siaton, nhưng nguyên nhân chính là sự kết hợp của việc WTO đem đến Siaton một dự thảo cấp bộ trưởng có quá nhiều sự khác biệt, với sự bất đồng sâu sắc giữa Mỹ và EU trên các vấn đề then chốt, và tâm thế quật khởi của đại biểu các nước đang phát triển trong bối cảnh của sự tập hợp quần chúng và sự phản đối chưa từng có trên các đường phố, chính những điều đó đã làm cho các cuộc đàm phán và bản thân WTO với tư cách là một thiết chế, bị mất thăng bằng.

Với sự đổ vỡ của các cuộc đàm phán tại Siaton, các chính phủ sẽ quay lại Geneva vào khoảng tháng Giêng 2000 để đàm phán về các vấn đề nông nghiệp, dịch vụ và vấn đề triển khai như đã được ấn định trong Hiệp ước Marrakesh 1994. Tuy nhiên, do thiếu một tuyên bố đồng thuận xác định rõ những vấn đề then chốt phải đàm phán và quy định một thời biểu hoàn thành, thì ngay việc tổ chức cho được các cuộc đàm phán có giới hạn như thế, cũng sẽ là một công việc đội đá vá trời.

Chương IV

Từ khủng hoảng đến chiến thắng của các nước đang phát triển¹

Sau Siatơn, WTO sẽ không còn như trước nữa.

Aileen Kwa

Hội nghị Siatơn là một sự kiện lịch sử trong quá trình tồn tại của GATT/WTO. Đây là một trong rất ít dịp mà quan điểm của các nước đang phát triển (với số lượng đông đảo của họ) đã trở thành một nhân tố then chốt trong việc quyết định kết quả của các sự kiện xảy ra tại WTO. Mỹ và EU chưa bao giờ sẵn sàng bàn đến vấn đề về 'tính minh bạch nội bộ', mà đã từ lâu, là nguyên nhân chính khiến cho các nước đang phát triển bất tín nhiệm, vỡ mộng và thất vọng sâu sắc đối với hệ thống thương mại đa phương này.

Đây là một thời điểm chưa từng có và nhiều người đã rất hài lòng khi rốt cuộc được nghe Đại diện thương mại Hoa Kỳ đồng thời là chủ tọa Hội nghị cấp bộ trưởng ở Siatơn, Charlene Barshefsky, thừa nhận tại phiên bế mạc rằng WTO đã 'từ bỏ' tiến trình đàm phán cũ. "Các vấn đề về tính minh bạch bên ngoài WTO và giữa các thành viên trong nội bộ WTO phải được

1. *Focus on Trade*, số 42, tháng Chạp 1999.

bàn bạc. Chúng ta cần một tiến trình với một mức độ minh bạch nội bộ cao hơn để thích hợp với số lượng thành viên khổng lồ và đa dạng”.

Bảng thống kê các sự kiện đã đưa đến sự khủng hoảng trong các cuộc đàm phán thương mại

Thứ Ba, 30 tháng Mười một

Cùng với việc Thị trưởng Siaton tuyên bố tình trạng khẩn cấp ở khu trung tâm Siaton, một cuộc khủng hoảng tương tự cũng diễn ra trong các cuộc đàm phán thương mại đối với các nước đang phát triển, vì các nước lớn đã sử dụng hàng loạt các thủ đoạn để tranh thủ các nước đang phát triển 'đầy phiến toái' này. Nhiều cuộc gặp gỡ song phương đã diễn ra vài ngày trước lễ khai mạc chính thức của hội nghị. Người ta đã sử dụng hàng loạt cả 'gậy và cà rốt'. Trong đó bao gồm cả lời đề nghị về 'mức thuế bằng không' dành cho các nước chậm phát triển nhất (LDC) cùng với những hứa hẹn về hợp tác kỹ thuật và xây dựng năng lực, nhằm thuyết phục và ép buộc các nước đang phát triển có thu nhập thấp chấp nhận việc khởi động một vòng đàm phán mới. Những đòn trừng phạt được sử dụng bao gồm lời đe dọa rằng những đặc miễn của Công ước Lomé đối với các nước châu Phi, Caribê và Thái Bình Dương (ACP) sẽ không được tiếp tục gia hạn nếu các nước này không ủng hộ chương trình nghị sự của EU về các vấn đề mới và tất nhiên là cả về một vòng đàm phán mới, và những lời đe dọa thẳng thừng rằng chủ nghĩa bảo hộ sẽ được áp dụng nếu chương trình tự do hóa của Mỹ/EU không được lưu ý.

Một trong những lời tuyên bố đáng mỉa mai nhất trong tuần qua (và sau đó lại càng trở nên mỉa mai hơn) là lời tán

dương của Tổng giám đốc WTO, Mike Moore tại phiên khai mạc hội nghị vào thứ Ba: “Tôi có thể chấp nhận nhiều lời chỉ trích đối với WTO, nhưng có một sự chỉ trích mà tôi từ chối là tổ chức này không dân chủ”.

Thứ Tư, 1 tháng Mười hai:

Tổng thống Clinton đến Siaton vào thứ Tư. Thoạt trông có vẻ hấp dẫn, nhưng thông điệp của ông đã làm tăng thêm sự căng thẳng về vấn đề lao động giữa phương Nam và phương Bắc. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn của tờ báo *Bưu điện Siaton*, Clinton đã khuyến nghị việc sử dụng trừng phạt thương mại để thực thi quyền của người lao động. Tuy nhiên, khi nói chuyện với các bộ trưởng thương mại vào chiều thứ Năm thì thông điệp của ông về vấn đề lao động lại khác đi đôi chút. Đề cập mối lo ngại của phương Nam rằng vấn đề lao động có thể được sử dụng như một công cụ của chủ nghĩa bảo hộ, ông nói: “Câu trả lời không chỉ đơn giản là loại bỏ vấn đề này. Câu trả lời là phải xây dựng các luật lệ sao cho những người theo quan điểm của chúng ta, các nước giàu có hơn, không thể sử dụng vấn đề này làm một công cụ của chủ nghĩa bảo hộ”. Trên cơ sở tuyên bố này của ông, các nhà đàm phán Mỹ đã củng cố thêm lập trường của họ về vấn đề lao động.

Một nét đặc trưng nữa của sự thất bại Siaton là thái độ hống hách và độc đoán mà bà Barshefsky, Đại diện thương mại Mỹ, đồng thời là chủ tọa hội nghị đã điều hành các cuộc đàm phán. Trong một bài phát biểu với các thành viên làm phần nộ nhiều đại biểu của các nước đang phát triển, Barshefsky đã nói: “Tôi cần một bản tuyên bố và các bạn có thể đánh cược đến đồng tiền cuối cùng rằng tôi sẽ có nó, thậm chí nếu điều đó có nghĩa là thay đổi luật lệ của tổ chức này”.

Công việc của năm Nhóm công tác bắt đầu vào thứ Tư,

ngày 1 tháng Mười hai. Các Nhóm công tác này chịu trách nhiệm về các vấn đề sau đây: thực thi, Singapo và các vấn đề khác, nông nghiệp, tiếp cận thị trường, các vấn đề về tổ chức. Bằng cách này hay cách khác, tiếng nói của các nước đang phát triển đã bị cố tình gạt bỏ hoặc lờ đi, hoặc người ta sử dụng sức ép song phương để buộc các nước bất đồng phải phục tùng.

Trong Nhóm công tác về vấn đề thực thi chẳng hạn, các nước đang phát triển, nhất là các đại biểu châu Phi do Kênya đứng đầu đã đưa ra một quan điểm cứng rắn đối với vấn đề làm cho TRIPs phù hợp với Hiệp định về tính đa dạng sinh học. Có ý kiến thậm chí cho rằng không nên cấp bằng sáng chế cho các sinh thể. Tại Geneva, chính các nước châu Phi đã kiên trì trận chiến trên mặt trận này.

Tuy nhiên, công việc về TRIPs ở Nhóm công tác đã bị lờ đi và một phiên Phòng Xanh đã được tiến hành vào cuối buổi tối thứ Năm cũng về chính vấn đề này. Chỉ có một số ít nước được mời dự. Không hề có một đại biểu châu Phi nào được tham dự. Người ta đã bàn bạc về một bản dự thảo hoàn toàn khác mà kết quả là ngôn từ sử dụng đã trở nên mềm yếu hơn nhiều, và thậm chí còn có một dẫn chiếu đến các công nghệ mới (nghĩa là đã đặt một chân cho lĩnh vực công nghệ sinh học) cũng được đưa thêm vào.

Tại Nhóm công tác về nông nghiệp, các cuộc thảo luận đã xoay quanh lợi ích của Mỹ/Nhóm Cairns chống lại nhóm ủng hộ tính đa chức năng – EU, Nhật Bản và Nauy. Điều khoản về đối xử đặc biệt và khác biệt mà các nước đang phát triển đang nóng lòng muốn tăng cường đã không được bàn đến.

Ngay chính EU cũng bị rơi vào tình trạng khủng hoảng do sự thiếu minh bạch. Ủy ban châu Âu đã công bố một văn bản lập trường (hay dự thảo tuyên bố của EU) về tất cả các vấn đề. Trong văn bản này cũng có sự ủng hộ đối với Nhóm công tác về công nghệ sinh học. Các bộ trưởng môi trường của EU không

được xem văn bản này từ trước đã bị sốc khi thấy Cao uỷ thương mại Lamy vượt quá phạm sự của mình trong việc ủng hộ Nhóm công tác về công nghệ sinh học. Mặc dù vị uỷ viên này được các thành viên EU uỷ quyền để đại diện cho họ trong đàm phán, nhưng dường như vấn đề công nghệ sinh học chưa bao giờ được bàn bạc hoặc thậm chí được nêu ra trước các thành viên EU và tại Uỷ ban châu Âu. Tại một cuộc họp với Lamy, tất cả 15 thành viên EU đã lên án ông ta vì đã vượt quá quyền hạn của mình. Sự chia rẽ và khủng hoảng sâu sắc này trong nội bộ EU, và sự nghi ngờ từ phía các nước thành viên EU đối với Cao uỷ thương mại của họ sẽ còn tiếp tục cho đến hết tuần này trong vấn đề công nghệ sinh học cũng như nông nghiệp.

Thứ Năm, 2 tháng Mười hai:

Đại biểu của các nước đang phát triển đến phòng họp vào sáng thứ Năm và thấy rằng các văn bản mà họ đã bàn bạc đã bị thay đổi trong đêm do kết quả của các cuộc trao đổi riêng tại Phòng Xanh. Các Nhóm công tác cũng đã bị đình lại vào buổi sáng cùng ngày vì các bên quan trọng nhất đang bận tham gia vào các cuộc thảo luận tiếp theo tại Phòng Xanh.

Các Nhóm công tác tiếp tục 'công việc' vào chiều thứ Năm. Đại biểu của các chính phủ đã bị hoàn toàn bất ngờ khi họ được thông báo rằng một Nhóm công tác mới ở cấp bộ trưởng – Nhóm công tác cấp bộ trưởng về thương mại và tiêu chuẩn lao động – sẽ nhóm họp vào chiều cùng ngày.

Các bộ trưởng đến dự cuộc họp này đã nói với 'vị chủ tọa' (một bộ trưởng của Côlômbia) rằng họ sẽ họp cùng với bà với tư cách là 'bộ trưởng' vì chức vụ của bà trong chính phủ của mình, nhưng họ sẽ không nói chuyện với bà với tư cách là 'chủ tọa', vì không có một cơ sở pháp lý nào để tiến hành cuộc họp này. Mỹ không có được sự uỷ quyền của các thành viên nói

chung để khởi xướng một Nhóm công tác mới. Các bộ trưởng của các nước đang phát triển tuyên bố rõ ràng rằng họ sẽ không tán thành ý tưởng về việc có thêm một Nhóm công tác mới của WTO và chương trình làm việc về vấn đề lao động. Cuộc họp này đã kết thúc sau 40 phút.

Tại Nhóm công tác về các vấn đề tổ chức, EU và Mỹ đã thúc đẩy tính minh bạch dưới hình thức cho phép các TCPCP đưa ra các tường trình khách quan trong các vụ giải quyết tranh chấp. Đã từ lâu, đây vốn là kế hoạch của các nước phát triển. Với khả năng vận động to lớn của họ về lao động và môi trường, việc trao quyền cho các TCPCP theo kiểu này chắc chắn sẽ làm thay đổi động năng trong hệ thống giải quyết tranh chấp và lái nó theo chiều có lợi hơn cho lợi ích của các nước phát triển. Các nước đang phát triển đã bày tỏ lập trường của mình đối với một sự phát triển có thể sẽ làm thay đổi tính liên chính phủ của WTO như vậy, và để thay thế, họ đã nêu ra vấn đề tính minh bạch nội bộ trong các cuộc đàm phán và thủ tục của WTO.

Tại phiên họp này, Đoàn đại biểu Dimbabuê đã đưa ra một tuyên bố trong đó nêu rõ rằng “quan điểm của chúng tôi về các vấn đề về tổ chức là WTO phải bao quát hơn, linh hoạt hơn và minh bạch hơn”. Dimbabuê cho rằng “mặc dù chúng tôi hoan nghênh việc thành lập tại hội nghị này các Nhóm công tác về từng vấn đề, nhưng chúng tôi lo ngại rằng các Nhóm công tác này sẽ kết thúc như là một bài tập về sự kỳ vọng nhiều hơn là tính minh bạch. Các cuộc đàm phán thật sự đang diễn ra ở hậu trường và đa số chúng ta bị biến thành người ngoài cuộc. Một lần nữa, người ta lại cho chúng ta thấy rằng phải hy sinh tính minh bạch cho tính hiệu quả. Cách tiếp cận này là không thỏa đáng...”.

Nauy đã cố gắng để có được một quan điểm thỏa hiệp trong Nhóm công tác này bằng cách đề nghị rằng nên có tính minh bạch cả bên trong lẫn bên ngoài. Tuy nhiên, các nước đang phát

triển đã kiên định lập trường của mình và nhấn mạnh rằng không có sự liên kết giữa tính minh bạch bên trong và tính minh bạch bên ngoài. Điều đó có nghĩa là yêu cầu của họ về tính minh bạch nội bộ không phải là cái giá phải trả để cho phép tính minh bạch bên ngoài. Cho đến cuối tuần vẫn chưa có giải pháp nào cho vấn đề này.

Tại Nhóm công tác về Singapo và các vấn đề khác, nhiều nước đang phát triển đã lên án những mưu toan của EU nhằm bắt đầu các cuộc đàm phán về một hiệp định về đầu tư. Tuy nhiên, quan điểm của họ dường như đã bị bỏ ngoài tai, vì văn bản dự thảo đã củng cố thêm quan điểm của EU và các nước khác rằng các cuộc đàm phán sẽ được bắt đầu vào ngày thứ tư của hội nghị và sẽ là một phần trong toàn bộ công việc của Vòng thiên niên kỷ.

Tại Nhóm công tác về thực thi cũng có rất ít sự đồng thuận. Các nước đang phát triển đã cương quyết rằng vấn đề thực thi phải được bàn bạc một cách thỏa đáng và phải được bàn ngay. Tuy nhiên, Mỹ và EU vẫn tỏ ra không nhân nhượng. Mỹ từ chối tiếp tục đàm phán về hiệp định chống phá giá mà họ vẫn sử dụng như một vũ khí bảo hộ lợi hại để chống lại các nước đang phát triển. Họ cũng từ chối bàn đến những sự bất cân bằng trong các luật lệ về trợ giá, các biện pháp bảo vệ an toàn, TRIPs v.v.. Thay vào đó, họ muốn những vấn đề này sẽ được thương lượng như là một phần của vòng đàm phán mới, một quan điểm mà các nước đang phát triển đã phản đối kịch liệt, vì điều này có nghĩa là sẽ tạo ra nhiều sự mất cân đối hơn trong vòng đàm phán mới trong lúc các vòng đàm phán trước đó vốn đã mất cân bằng.

Bất chấp những đề xuất của các nước đang phát triển, tại Nhóm về nông nghiệp đã không có được một cố gắng nào để đưa điều khoản về đối xử khác biệt và đặc biệt vào đoạn văn bản có hiệu lực. Vì thế không có được sự bảo đảm rằng sẽ có 'sự linh

hoạt' đủ lớn để cho phép các nước đang phát triển bảo vệ nền nông nghiệp của họ trước sự cạnh tranh khốc liệt và không công bằng từ các đối thủ phương Bắc được sự trợ giá rất cao.

Các bộ trưởng của các nước châu Phi đã gặp nhau vào chiều thứ Năm. Sự tức giận và thất vọng bao trùm cuộc gặp này. Thậm chí ngay cả Đại sứ Tandanía, ông Muchumo, Chủ tịch của Đại hội đồng - người hoàn toàn bị gạt ra một bên nên không dính dáng gì tới thất bại này của Mỹ - Mike Moore, đã khích lệ các cộng sự của mình lên tiếng và tố cáo tiến trình không minh bạch này.

Đến tối, các đại biểu châu Phi đã nêu rõ ràng rằng họ không thể bị bắt ép phải phục tùng để đưa ra tuyên bố của mình được. Đây là một động thái quan trọng góp phần trên nhiều mặt vào sự thất bại cuối cùng của các cuộc đàm phán này. Trong bản tuyên bố của mình, các Bộ trưởng châu Phi đã nói: "Không hề có sự minh bạch trong các tiến trình và các nước châu Phi đang bị gạt ra lề... Chúng tôi đặc biệt lo ngại về những ý định đã được đưa ra nhằm xây dựng một văn bản hội nghị bằng mọi giá, kể cả việc loại bỏ các thủ tục được xây dựng nhằm bảo đảm sự tham gia và sự đồng thuận. Chúng tôi phản đối cách tiếp cận đang được sử dụng và chúng tôi phải nói rõ ràng trong hoàn cảnh hiện tại, chúng tôi sẽ không thể hưởng ứng với sự đồng thuận cần thiết để đạt được các mục tiêu của Hội nghị cấp bộ trưởng này".

Tương tự như vậy, Cộng đồng Caribê (Caricom) cũng đã đưa ra một tuyên bố bày tỏ "sự bất đồng sâu sắc với một số thủ tục được sử dụng để tiến hành Hội nghị cấp bộ trưởng này, việc thiếu hẳn tính minh bạch trong quá trình chuẩn bị văn bản rất quan trọng này... nếu như không có sự tôn trọng đối với các thủ tục và điều kiện về tính minh bạch, cởi mở và sự tham gia để bảo đảm có được những kết quả cân bằng hợp lý trên cơ sở xem xét lợi ích của tất cả các thành viên, thì chúng tôi sẽ không nhất

trí với sự đồng thuận cần thiết để đạt được những mục tiêu của Hội nghị cấp bộ trưởng này”.

Thứ Sáu, ngày 3 tháng Mười hai:

Sáng thứ Sáu, một bản dự thảo tuyên bố cuối cùng đã được đưa ra và các cuộc tham vấn tại Phòng Xanh đã trở nên nhộn nhịp. Một lần nữa, vấn đề nông nghiệp lại trở thành trung tâm và đã chiếm trọn cả buổi sáng. Phái đoàn Kenya đã được quyết định tham gia vào các cuộc đàm phán về nông nghiệp. Tuy nhiên, họ lại được thông báo là không được mời tham dự tiến trình tại Phòng Xanh. Họ đã phải đi khắp các phòng trong Trung tâm hội nghị để tìm địa điểm chính xác của cuộc họp nhưng dường như mọi nguồn thông tin đều tìm cách né tránh họ. Cuối cùng, hình như phái đoàn Thụy Sĩ đã dẫn họ vào cuộc họp.

Ngày cả vào ngày cuối cùng, sự tiến triển trong vấn đề nông nghiệp đầy tranh cãi này vẫn vô cùng chậm chạp. Việc các nhà đàm phán tại Phòng Xanh đã mất hai giờ đồng hồ để tranh cãi về 'mức thuế cao nhất' cho thấy các nước phát triển vẫn tỏ ra không hề khoan nhượng. Trong lúc nhiều thành viên kêu gọi loại bỏ các mức thuế cao nhất (thông lệ của Mỹ và EU áp đặt mức thuế không bình thường 200 - 300 phần trăm đối với các sản phẩm nông nghiệp nhạy cảm), thì các nước lớn đã phản đối đến cùng. Thay vào đó, ngôn từ được họ lựa chọn là 'loại bỏ các mức thuế không có ngoại lệ ưu tiên'. Cách diễn đạt này là rất khó giải quyết đối với Hàn Quốc.

Một vấn đề khác cũng không có cách giải quyết là vấn đề trợ giá xuất khẩu, với việc Mỹ và Nhóm Cairns đòi loại bỏ, nhưng một số thành viên khác của EU, như Pháp chẳng hạn, lại chỉ muốn giảm chứ không loại bỏ trợ giá xuất khẩu.

Trong vấn đề về lao động, Mỹ cuối cùng đã phải nhượng bộ về việc thành lập một Nhóm công tác mới bên trong WTO. Thay

vào đó, các cuộc đàm phán tập trung vào một diễn đàn thường trực bên ngoài WTO, giữa WTO và ILO. Vào giai đoạn cuối cùng của các cuộc đàm phán, diễn đàn này đã có được hình thức của một diễn đàn về toàn cầu hóa, phát triển và lao động. Đây là một nỗ lực để kết hợp đề nghị mà các nước đang phát triển đưa ra trong các cuộc đàm phán chuẩn bị cho Hội nghị Siaton về việc thành lập Nhóm công tác về toàn cầu hóa và quan điểm của các nước phát triển về lao động.

Cuối cùng, một số bộ trưởng như Bộ trưởng thương mại Nam Phi đã cảm thấy rằng về tổng thể đã có được tiến triển nhưng đơn giản là họ không còn đủ thời gian. Các cuộc đàm phán không thể kéo dài qua nửa đêm ngày thứ Sáu. Trung tâm hội nghị đã được đặt cho một sự kiện khác vào ngày hôm sau và phải được bàn giao. Hơn nữa, cảnh sát Siaton cũng từ chối bảo đảm an ninh cho các phái đoàn chính phủ kể từ sau nửa đêm.

Nhưng quan trọng hơn là những người tham gia các cuộc hội đàm bí mật tại Phòng Xanh đã nhận thấy rằng, ngay cả khi có được sự đồng thuận về tổng thể trong số 18 nước hoặc hơn có mặt tại đó, thì họ cũng không thể thuyết phục được toàn bộ vấn đề này với hơn 100 nước đang chờ đợi bên ngoài. Đến 23 giờ, bà Barshefsky, với thái độ khiêm nhường hơn, đã tuyên bố rằng các cuộc đàm phán sẽ được chuyển sang Geneva.

Bà nói: “Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ nhưng vẫn không thể giải quyết được các vấn đề quá phức tạp. Quyết định của tôi và quyết định của ông tổng giám đốc cũng như của toàn bộ các thành viên, là tốt nhất nên dành thêm thời gian, tham khảo lẫn nhau và tìm ra một phương pháp sáng tạo để giải quyết công việc này...Tôi cho rằng các vấn đề khó khăn nhất từ nhiều năm nay như vấn đề nông nghiệp vẫn chưa có được cách giải quyết. Thương mại, toàn cầu hoá và lao động là những vấn đề trước đây chưa từng được bàn đến. Tôi cho rằng điều đã xảy ra là các phái đoàn đã làm việc tích cực với sự tin tưởng lẫn nhau nhưng

đã không hoàn toàn sẵn sàng để đưa ra những quyết định chính trị”.

Barshefsky cũng nhấn mạnh rằng các cuộc đàm phán đã được ấn định trong chương trình nghị sự có sẵn về nông nghiệp và dịch vụ sẽ bắt đầu vào tháng Giêng 2000.

Trả lời câu hỏi liệu mọi việc sẽ được tiến hành tiếp ra sao, Barshefsky nói Tổng giám đốc Moore sẽ tham khảo thêm các bộ trưởng về hai vấn đề:

- 1) Làm thế nào để WTO xây dựng các luật lệ và tiến trình để bảo đảm tính minh bạch trong nội bộ.
- 2) Các phương thức sáng tạo để xoá đi sự khác biệt còn tồn tại trong các lĩnh vực chưa có được sự đồng thuận nhằm bảo đảm nối lại và hoàn thành công việc này.

Tối thứ Sáu, hầu hết các đoàn đại biểu chính phủ của các nước đang phát triển đều có tâm trạng hân hoan. Thật vậy, lần đầu tiên họ cảm thấy lập trường và quan điểm của mình đã đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định kết quả của các cuộc đàm phán tại WTO.

Những thách thức trước mắt

Cảm giác ngọt ngào của chiến thắng chắc chắn sẽ giúp các nước đang phát triển từ nay trở đi tăng cường khả năng chống lại sự chèn ép, áp lực và những thủ đoạn phi dân chủ của các đối tác của họ là các nước phát triển. Sau Siatơn, WTO sẽ không còn giống như trước đây nữa.

Tuy nhiên, những cơ hội hiện có chắc chắn sẽ đi kèm với nhiều thử thách. Không chỉ có các thủ tục cần phải thay đổi mà cả tư tưởng, ý thức hệ và lối nói khoa trương dường như đã trở thành cố hữu từ lâu cũng cần phải được thay đổi.

Trù phi WTO giải quyết được vấn đề về quá trình ra quyết định bằng đồng thuận, còn không thì sự lãnh đạo của WTO vẫn sẽ nằm trong tay của Mỹ, EU và vị tổng giám đốc được họ lựa chọn, ông Moore.

Ngoài những lời hoa mỹ, hiện ít có biểu hiện cho thấy rằng, Mỹ chẳng hạn, sẽ thực sự tán thưởng ý tưởng về một WTO cho tất cả mọi bên. Có thể thấy qua lời phát biểu của Barshefsky vào tối cuối cùng rằng “Mỹ đến hội nghị với một thái độ mềm dẻo” đối với các cuộc đàm phán, có nghĩa là sự thất bại này thực sự là lỗi của EU và các nước đang phát triển. Với dáng vẻ điệu bộ, bà ta cho rằng các chính phủ đã không sẵn sàng thực hiện những thay đổi chính trị cần thiết.

Dường như bà ta không hề nhận thấy rằng chính Mỹ và EU là những người cứng nhắc. Chính họ là người phải thực hiện những thay đổi chính trị. Các nhà ngoại giao thương mại tại Geneva đã mất cả năm trời để chuẩn bị chương trình nghị sự Siaton này. Những bất đồng chưa giải quyết được đã cho thấy rõ rằng việc bắt đầu một giai đoạn tự do hóa rộng lớn hơn là đi ngược lại lợi ích của các nước đang phát triển, khi có thể thấy rõ rằng đối với nhiều nước nghèo phương Nam, tự do hóa trên thực tế đã dẫn đến xu hướng phi công nghiệp hóa.

Các nước lớn phải chấp nhận rằng với 135 thành viên thì chính họ là người cần phải mềm dẻo trong việc chấp nhận chương trình nghị sự phù hợp với tất cả các bên. Tuy nhiên, chưa hề có tiền lệ như thế bao giờ và việc tiếp tục cuộc chiến không khoan nhượng này là hoàn toàn tùy thuộc vào các nước đang phát triển.

Bất hạnh là các nước phát triển vẫn còn nhiều loại vũ khí dự phòng mà rất có thể họ sẽ đem ra sử dụng để chống lại các nước đang phát triển trong những tuần tới đây. Chúng bao gồm:

- Đặc miễn Lomé lẽ ra đã phải được gia hạn vào ngày 2 tháng

Mười hai nhưng đã không được gia hạn. Đây là vũ khí của EU.

- Một vài hiệp định của Vòng Uruguay sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày 1 tháng Giêng 2000, trong đó có Hiệp định TRIPs. Đại đa số các nước đang phát triển hiện vẫn chưa sẵn sàng thực thi những hiệp định này. Nhiều người cảm thấy rất lo ngại rằng sẽ có một loạt các vụ giải quyết tranh chấp do Mỹ/EU khởi kiện chống lại họ ngay vào đầu năm mới này.
- Các phương tiện kinh tế – hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng năng lực và viện trợ – sẽ tiếp tục được các nước giàu sử dụng để dụ dỗ các nước nghèo ngã theo chương trình nghị sự của họ.

Dù vậy, các nước đang phát triển sẽ vẫn được nhìn nhận là những nhân tố quan trọng trên bàn đàm phán. Liệu các nước đang phát triển có cộng tác với nhau hay không sẽ chính là nhân tố giúp họ đạt được những thắng lợi tiếp theo. Nếu không có được sự cộng tác toàn bộ thì ít nhất cũng phải có được các khối khu vực để chống lại sức mạnh của các nước lớn.

Phần thứ hai
Hậu quả của sự bất bình đẳng

Chương V

Lần theo dấu vết của sự đổ vỡ

Các cơ cấu được những kẻ mạnh đưa ra chủ yếu là nhằm hạn chế những tổn kém trong việc tuân cảnh hệ thống để đoan chắc rằng những kẻ yếu hơn phải một bề tôn trọng kỷ cương do kẻ mạnh đưa ra.

Walden Bello

Tổ chức thương mại thế giới (WTO) là một thiết chế đa phương gây ra cho phương Nam lo ngại, giận dữ và chán chường, mặc dù WTO đã bao lần thanh minh rằng, bằng việc đề ra luật lệ và thiết lập các cơ chế để giải quyết tranh chấp thương mại toàn cầu, WTO bảo vệ cho các nước nghèo và yếu hơn là nạn nhân của các hành động đơn phương từ phía các quốc gia giàu mạnh hơn. Sở dĩ các nước phương Nam có tâm trạng như trên là do họ có một cảm giác mạnh mẽ WTO chủ yếu là một thiết chế thiên lệch một cách bất lợi cho sự phát triển của phương Nam. Thái độ đó thể hiện nổi bật khi nhiều nước phương Bắc trọng yếu, do Hoa Kỳ đứng đầu, cương lại việc bổ nhiệm Phó thủ tướng Thái Lan Supachai Panitchpakdi làm Tổng giám đốc WTO.

Thái độ đó của phương Nam đối với WTO thật dễ hiểu nếu đặt tổ chức này vào bối cảnh cuộc đấu tranh của phương Nam để phát triển trong suốt 50 năm qua. Bởi vì chính trong bối cảnh lịch sử này Hiệp định Vòng Uruguay 1994 nổi lên, không

phải là thắng lợi rực rỡ của mậu dịch tự do đối với chủ nghĩa bảo hộ mông muội, mà đáng buồn đó lại là đỉnh điểm của một chiến dịch kinh tế toàn cầu nhằm ngăn chặn những nguyện vọng phát triển chính đáng của các nước Thế giới thứ ba.

Các cột mốc đánh dấu tiến trình này là việc Ngân hàng thế giới tái định hướng quản lý phát triển của phương Nam vào cuối những năm 1950, Quỹ tiền tệ quốc tế trở thành người giám hộ các quan hệ kinh tế đối ngoại của Thế giới thứ ba trong những năm 1970, sự phổ quát hóa các chương trình điều chỉnh cơ cấu trong những năm 1980, và chiến dịch thương mại một chiều do Oasinhton phát động chống các 'con hổ kinh tế' châu Á đầu những năm 1980.

Nói như vậy không có nghĩa là cuộc đấu tranh giữa các nước công nghiệp phát triển xoay quanh chủ đề tự do mậu dịch hay bảo hộ không phải là động hướng trung tâm của việc thành lập WTO. Tất nhiên điều đó là hoàn toàn đúng. Đây chỉ là muốn nhấn mạnh việc kiểm chế phương Nam cũng là một động năng then chốt không kém phần quan trọng xuyên qua cuộc tranh giành thị trường của các nước phát triển.

Nghị trình phương Nam nổi lên

Sự phân tích này được bắt đầu từ thời kỳ phi thuộc địa hóa vào những năm 1950 và 1960. Sự xuất hiện của hàng chục nước mới độc lập diễn ra trong bầu không khí đậm màu sắc chính trị của cuộc Chiến tranh lạnh, và mặc dù thường bị chia rẽ giữa Đông và Tây về liên minh chính trị, các nước Thế giới thứ ba vẫn xoay quanh một nghị trình kinh tế với hai tiêu điểm: phát triển mau lẹ và tái phân phối của cải toàn cầu.

Trong lúc mặt cấp tiến hơn của nghị trình này gây được nhiều sự chú ý và tất nhiên cũng không tránh khỏi bị một số giới phê phán, thì chính phương án ôn hòa lại có nhiều ảnh

hưởng nhất lời cuốn các chính phủ Thế giới thứ ba bị chia rẽ về chính trị vào một mặt trận chung. Đó là ý tưởng, sự phân tích và kế hoạch hành động do nhà kinh tế học Raul Prebisch công tác tại Ủy ban kinh tế thống nhất (CEPAL) đưa ra, và nhiều tác phẩm của ông đã được sự hưởng ứng rộng rãi trên toàn cầu.

Được xây dựng và phát triển vào cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960, lý thuyết của Prebisch xoay quanh vấn đề những điều kiện thương mại xấu đi giữa các nước công nghiệp hóa và các nước không công nghiệp hóa, theo đó, các nước phương Nam ngày càng phải bán thêm nhiều nguyên liệu thô và nông sản để mua với số lượng ngày càng bị giảm bớt các chế phẩm của phương Bắc. Hơn thế nữa, quan hệ thương mại sẽ ngày càng xấu thêm vì các nhà sản xuất phương Bắc đang phát triển thêm nhiều thế phẩm thay cho nguyên liệu nhập từ phương Nam, và theo nguyên lý của Ăngghen, họ sẽ chi dùng ngày một ít đi các sản phẩm nông nghiệp của phương Nam.

Lý thuyết của Presbich mà trong giới nghiên cứu phát triển thường gọi là 'chủ nghĩa cơ cấu' và có người mệnh danh là 'sự bóc lột không đổ máu nhưng không gì có thể lay chuyển được', được sử dụng như sự khơi nguồn cho việc tổ chức, đào tạo và chương trình của Thế giới thứ ba trong những năm 1960 và 1970, kể cả Phong trào không liên kết, Nhóm 77, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), và Trật tự kinh tế quốc tế mới (NIEO). Lý thuyết đó cũng có vai trò rất quan trọng trong việc thành lập Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) năm 1964, tổ chức được coi như là công cụ chủ yếu trong nỗ lực của các nước Thế giới thứ ba để cơ cấu lại nền kinh tế thế giới.

Với Prebisch trên cương vị Tổng giám đốc, UNCTAD đã đề ra chiến lược cải tổ kinh tế toàn cầu với ba mũi tiến công. Thứ nhất, ổn định giá hàng hóa không để cho giá rớt thấp hơn giá sàn đã được thương lượng. Thứ hai, một kế hoạch thuế quan ưu

đãi hoặc cho phép các chế phẩm theo chương trình phát triển của các nước Thế giới thứ ba được vào các thị trường của Thế giới thứ nhất với thuế quan thấp hơn là mức đánh vào các hàng xuất khẩu của các nước công nghiệp khác. Thứ ba, mở rộng và đẩy nhanh viện trợ của nước ngoài, mà theo UNCTAD, không phải là từ thiện mà là “đền bù cho các nước Thế giới thứ ba những năm tháng sức mua giảm sút”. UNCTAD cũng tranh đấu để cho các nước phương Nam có quyền chính đáng thực thi chính sách bảo hộ mậu dịch, coi đó là một công cụ để công nghiệp hóa, đồng thời thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ cho phương Nam.

Sự phê phán cơ cấu của Prebisch có ảnh hưởng ít nhiều đến phương pháp tiếp cận của các cơ quan kinh tế chủ chốt của Liên hợp quốc như Hội đồng kinh tế và xã hội (ECOSOC) và Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), và trở thành quan điểm chủ đạo của đa số các nước ở Đại hội đồng.

Các thiết chế Bretton Woods hướng về phương Nam

Sự đối phó của các nước lớn phương Bắc trước thách thức phi thuộc địa hóa kinh tế của các nước mới nổi lên bị điều kiện hóa bởi một số yếu tố của tình hình thế giới. Quan trọng hơn cả là chiến tranh lạnh. Ưu tiên dành cho chiến lược chính trị kiểm chế Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản đã buộc phương Bắc, đặc biệt là Chính phủ Hoa Kỳ, phải có một lập trường ít cứng rắn hơn đối với vấn đề liệu cơ cấu kinh tế của các nước phương Nam có phù hợp với các nguyên tắc của thị trường tự do hay không. Trong lúc Hoa Kỳ vẫn kiên quyết chủ trương thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân và đòi cho các tập đoàn của họ được quyền tiếp cận thị trường các nước phương Nam thì họ tỏ ra khoan thứ hơn đối với chủ nghĩa bảo hộ, kiểm soát đầu tư, và một vai trò lớn

của chính phủ trong điều hành kinh tế. Hoa Kỳ cũng tránh đi theo lối bóc lột cổ điển, và ít ra cũng tạo được một hình ảnh khá hơn thông qua ủng hộ phần nào sự tái phân phối của cải toàn cầu, chủ yếu là bằng chính sách viện trợ cho nước ngoài.

Do các nước mới nổi ngày càng bị hấp dẫn bởi hệ thống Liên hợp quốc, các chính phủ nước lớn phương Bắc ngày càng dựa vào Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới để thực hiện chương trình của mình. Các thiết chế này, gọi chung là các thiết chế Bretton Woods, ra đời năm 1944 có những sứ mệnh khác xa với những gì họ làm ngày nay trong các quan hệ Bắc - Nam. Thành lập trên những ý tưởng của John Maynard Keynes và Harry Dexter White, hai cột trụ của Hội nghị Bretton Woods, IMF được giao phận sự tay hòm chìa khóa, giám sát các thành viên duy trì tỷ giá hối đoái ổn định và cung cấp những phương tiện cần thiết để giúp đỡ các nước gặp khó khăn trong cân cân thanh toán. Ngân hàng tái thiết và phát triển (Ngân hàng thế giới) thì như tên gọi nguyên thủy của nó, có trách nhiệm giúp đỡ các nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, đặc biệt là các nước Tây Âu, bằng cách cho vay với lãi suất ở mức có thể thanh toán được.

Vào đầu những năm 1970, với việc huỷ bỏ kim bản vị của đồng đô la, Tổng thống Nixon đã mở ra một kỷ nguyên mới của tỷ giá lãi suất thả nổi khiến cho sứ mệnh mà IMF đảm nhiệm nguyên khởi trở nên phù phiếm. Thay vào đó, IMF dấn sâu vào việc ổn định cân cân thanh toán của các nền kinh tế thế giới thứ ba gặp khó khăn. Còn Ngân hàng thế giới thì trở thành thiết chế phát triển đa phương chủ yếu chịu trách nhiệm viện trợ và phát triển.

Một bước ngoặt lịch sử đối với Ngân hàng thế giới là cuộc tranh luận gây nên bởi báo cáo năm 1951 của một nhóm chuyên viên dưới nhan đề "Các biện pháp phát triển kinh tế dành cho các nước chậm phát triển" mà nội dung chính là đề nghị viện trợ phát triển cho các nước Thế giới thứ ba. Các nước Thế giới thứ

ba bên lấy báo cáo đó làm điểm xuất phát nhằm thúc đẩy Đại hội đồng Liên hợp quốc đưa ra những quyết định để tiến tới thành lập quỹ Sunfed, Quỹ đặc biệt về phát triển kinh tế, sẽ không nằm dưới sự kiểm soát của phương Bắc mà thuộc quyền của Liên hợp quốc, và tiêu chí cho vay sẽ không lệ thuộc vào các thủ tục ngặt nghèo của ngân hàng mà dựa trên nhu cầu của phát triển.

Phương Bắc do Mỹ dẫn dắt đã kiên quyết chống lại các nỗ lực đó, đầu tiên là tìm cách trì hoãn và đánh lạc hướng, tỷ như đưa ra đề nghị thành lập một quỹ 100 triệu USD để tài trợ cho một cuộc khảo cứu về đầu tư, giao cho Ngân hàng thế giới hoặc uỷ nhiệm cho một cơ quan phương Tây nào đó tiến hành. Nhưng khi các biện pháp này không ngăn được quyết tâm của các nước phương Nam lập Sunfed, phương Bắc đề ra một phương án thay thế: lập ra một thiết chế cho vay 'mềm' do phương Bắc kiểm soát chứ không phải do các nước Thế giới thứ ba chiếm đa số ở Đại hội đồng. Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) đã ra đời như vậy đó. Nó được đặt trong Ngân hàng thế giới như là bộ phận chuyên trách cho vay ưu đãi của Ngân hàng. Vào thời đó, một nhà nghiên cứu đã nhận xét:

“Phần lớn sự thúc đẩy khai sinh IDA là từ Ngân hàng thế giới đang ngày càng lo ngại trước đòi hỏi của phương Nam phải lập ra một quỹ Liên hợp quốc có thẩm quyền. Chủ tịch ngân hàng Eugene R. Black, một con người sắc sảo, đã nói thẳng thừng: “Hiệp hội phát triển quốc tế thực sự là một ý kiến để chống lại đòi hỏi lập Sunfed”. Cũng như các nhà ngân hàng khác, Black chẳng mấy khi thực hiện cho vay ưu đãi. Nhưng nếu có ai đó muốn lập ra cơ chế cho vay mềm thì tốt hơn là để việc đó cho ngân hàng lo liệu. Nếu phải làm một doanh vụ mới, Black muốn ôm lấy nó”.

IDA là một bộ phận của sự thỏa hiệp thực tế đã bóp chết ý tưởng thành lập một quỹ phát triển đặt dưới quyền kiểm soát của Liên hợp quốc. Bộ phận kia của thỏa hiệp cả gói là thành lập Quỹ đặc biệt của Liên hợp quốc (UN Special Fund) sau đó đổi tên lại là Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) nhằm mục đích viện trợ kỹ thuật cho các nước Thế giới thứ ba.

Thỏa hiệp IDA - UNDP đã lái chệch đòi hỏi thành lập một quỹ do Liên hợp quốc kiểm soát nhưng không ngăn được yêu cầu ngày một tăng của Thế giới thứ ba muốn tái phân bổ quyền lực kinh tế toàn cầu, một tiến trình đã dẫn đến việc thành lập UNCTAD, Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển vào năm 1964, đã mang lại những kết quả vô cùng lớn lao trong việc Tổ chức các quốc gia xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) có khả năng kiểm soát được giá dầu vào giữa những năm 1970, và lên đến đỉnh cao với việc Khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1974 thông qua chương trình của "Trật tự kinh tế quốc tế mới". Lực đẩy của các động thái đó rõ ràng mang tính chất cải lương hơn là cách mạng, thể hiện đòi hỏi của giới thượng lưu Thế giới thứ ba hơn là nguyện vọng của đám đông quần chúng khu vực này. Dù sao, sự nổi trội của chúng trong bối cảnh cuộc đấu tranh thắng lợi của phong trào cách mạng Việt Nam và các nước Thế giới thứ ba khác cũng là một nốt nhấn cấp báo cho Hoa Kỳ phải tìm kiếm một phản chiến lược hiệu quả để quản lý công cuộc cải tổ.

Thách thức của phương Nam những năm 1970

Vào những năm 1970, Ngân hàng thế giới là trung tâm điểm của giải pháp mang tính chất tự do mà Oasinhton chủ trương và Robert McNamara, sau những năm tháng bê bối ở Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, được bổ nhiệm làm chủ tịch Ngân hàng thế giới

và trở thành người chèo chống cho việc mở rộng phương pháp tiếp cận mang tính chất tự do. Phương pháp của McNamara bao gồm nhiều thành tố. Thứ nhất, tăng mạnh các nguồn lực của Ngân hàng thế giới, đưa số tiền cho vay bình quân trước McNamara là 2,7 tỷ USD lên 8,7 tỷ USD năm 1978 rồi 12 tỷ USD năm 1981 khi ông ta rời khỏi cương vị. Thứ hai, đưa ra một chương trình toàn cầu để thanh toán nghèo khổ thông qua các kế hoạch nhằm gạt bỏ những khó khăn đi kèm với cải cách xã hội bằng cách tập trung viện trợ để 'nâng cao năng lực sản xuất của người nghèo'. Thứ ba, cố gắng ly gián phương Nam bằng cách lựa chọn một số ít nước gọi là 'các quốc gia trọng điểm' rồi đổ nhiều tiền của vào đó, cao hơn mức trung bình của các nước có mức thu nhập và quy mô kinh tế tương đương.

Tuy nhiên, sự hưng thịnh của OPEC đã làm cho viện trợ cho vay của Ngân hàng thế giới và các nước ngoài giảm bớt cần kíp đối với nhiều nước quan trọng trong UNCTAD và Nhóm 77, vì vào giữa năm 1970, họ có thể dễ dàng vay của các ngân hàng thương mại đang ngập tiền gửi của các nước OPEC nên cần cho vay càng nhiều càng tốt để kiếm lãi.

Thay vì tập trung vào vấn đề viện trợ, UNCTAD chuyển trọng tâm sang tìm cách thay đổi các luật lệ thương mại quốc tế, và đã thu được một số kết quả. Trong hội nghị lần thứ tư của Hội nghị thương mại và phát triển quốc tế (UNCTAD - IV) ở Nairobi năm 1976, đã đạt được sự nhất trí hoàn toàn của các nước phát triển về Chương trình hợp nhất về hàng hóa (IPC). Chương trình này quy định rõ các hiệp định về 18 chủng loại hàng sẽ được thương lượng và tái thương lượng với mục đích chính là tránh sự dao động về giá cả và ổn định giá ở mức có lợi cho người sản xuất và công bằng cho người tiêu dùng. Cũng có được sự nhất trí về việc thành lập một quỹ chung để điều tiết giá cả khi có sự thăng trầm vượt quá xa các mục tiêu giá cả đã thương lượng.

Sức ép của UNCTAD và Nhóm 77 cũng có vai trò lớn trong việc IMF lập ra một ô cửa mới, Phương tiện tài trợ bù đắp (CFF), mà mục đích là giúp các nước Thế giới thứ ba quản lý được các cuộc khủng hoảng ngoại hối gây ra bởi sự sụt giảm quá mức giá xuất khẩu các mặt hàng cơ bản. Một thành quả khác của UNCTAD là buộc được các nước công nghiệp chấp nhận nguyên tắc thuế quan ưu đãi cho các nước đang phát triển. 26 nước phát triển dự phần vào 16 kế hoạch riêng rẽ thuộc 'Hệ thống chung về ưu đãi' vào đầu năm 1980.

Các thỏa nhượng đó đương nhiên là hạn chế. Đối với việc ổn định giá cả hàng hóa, chẳng mấy chốc mà các nước giàu đã thay thế chiến lược đổi đầu bằng sách lược Fabian, tức tránh né các hiệp định cụ thể. Sau UNCTAD - IV một thập kỷ, chỉ có một hiệp định mới được đàm phán, đó là hiệp định về cao su tự nhiên; một hiệp định đã có sẵn mà không được đi vào tác nghiệp là hiệp định ca cao; còn hiệp định về thiếc và đường thì đã sụp đổ.

Phản ứng của cánh hữu và quy tội cho phương Nam

Tuy nhiên, ngay cả những thỏa nhượng nho nhỏ như vậy cũng là đáng báo động đối với các thế lực có nhiều ảnh hưởng trong chính giới Hoa Kỳ. Các thỏa nhượng trong khuôn khổ của hệ thống Liên hợp quốc đó được họ nhìn nhận trong bối cảnh của những phát triển khác của các quan hệ Bắc - Nam, và dường như dưới mắt họ, chiến lược kiềm chế mang tính chất tự do được Ngân hàng thế giới dẫn đầu trong lĩnh vực các quan hệ kinh tế đã không mang lại điều hứa hẹn: an ninh cho các quyền lợi phương Tây ở phương Nam thông qua việc lôi cuốn các tầng lớp thượng lưu phương Nam.

Mặc dù vẫn tỏ ra chống chủ nghĩa cộng sản, các giới thượng lưu cầm quyền trong toàn thế giới thứ ba, trụ cột của hệ thống UNCTAD, trước sức ép của nhân dân, và được các lợi ích của công nghiệp địa phương khuyến khích, đã quyết định siết chặt đầu tư của nước ngoài. Không ở đâu chiều hướng đó thể hiện rõ như ở hai quốc gia được các công ty đa quốc gia Hoa Kỳ coi là có ý nghĩa chiến lược rất lớn. Đó là Braxin, nơi các doanh nghiệp nước ngoài chiếm một nửa doanh số bán ra của các chế phẩm. Vào cuối những năm 1970, chế độ kỹ trị quân sự nước này đã viện lý do an ninh quốc gia để chuyển giao lại lĩnh vực thông tin chiến lược cho các ngành công nghiệp trong nước trước sự hăn học của IBM và các công ty máy tính khác của Hoa Kỳ. Tại Mêhicô, nơi các doanh nghiệp nước ngoài chiếm 30 phần trăm sản phẩm chế tạo, chương trình sản xuất dược phẩm nội địa của chính phủ nước này với nội dung không áp dụng các chính sách cấp bằng sáng chế, thúc đẩy dược phẩm gien, phát triển nguyên liệu địa phương, kiểm soát giá cả, ưu đãi cho các xí nghiệp địa phương và kiểm soát đầu tư của nước ngoài, đã bị phản ứng dữ dội từ phía công nghiệp dược hùng hậu của Mỹ dẫn tới kiện cáo và đe dọa rút bỏ đầu tư.

Tuy các hành động đó có gây khó khăn, bối rối cho phương Tây, nhưng hậu quả của chúng cũng chẳng thể nào sánh được với 'cú sốc dầu mỏ' lần thứ hai của OPEC vào năm 1979. Mặc dù các công ty dầu mỏ phương Tây đã chuyển số giá dầu tăng đó lên đầu người tiêu thụ nhằm bảo vệ lợi nhuận khổng lồ của họ, nhưng đối với nhiều người Mỹ, OPEC đã trở thành biểu tượng của phương Nam: một băng nhóm vô trách nhiệm đã lợi dụng một nguồn tài nguyên gần như độc quyền của chúng để buộc phương Tây phải quỳ gối. Mặc dù OPEC không do những người cộng sản hay những người dân tộc cấp tiến như Kadaphi của Libi thao túng, mà là do những đồng minh của Hoa Kỳ như Ả-rập Sêudích, Côoét và Vê-nê-xuyê-la chi phối, nhưng 'vũ khí dầu

mở' gọi cho họ nhiều lo lắng hơn cả vũ khí hạt nhân của Liên Xô. Thật vậy, cacten dầu mỏ sợ rằng đó là điềm báo trước một khối phương Nam thống nhất kiểm soát các mặt hàng chiến lược nhất, còn các tuyên truyền viên cánh hữu sẽ nhân cơ hội này có thể chỉ vào lời lẽ trong Tuyên bố Angiê của Phong trào không liên kết năm 1973 "Những người đứng đầu nhà nước hoặc chính phủ khuyến nghị thành lập các tổ chức đoàn kết để bảo vệ cho các nước sản xuất nguyên liệu thô như Tổ chức của những nước xuất khẩu dầu mỏ... để giành lại quyền sở hữu tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm cho việc tăng đáng kể thu nhập từ xuất khẩu" để gieo rắc sợ hãi và căm thù ở phương Bắc.

Mục tiêu cần nhằm đến là Hệ thống Liên hợp quốc

Hệ thống Liên hợp quốc là điểm 'trung tâm hội tụ cái ác' của phương Nam mà phái hữu tập trung phê phán cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980. Theo các giới này thì Liên hợp quốc là công cụ chủ yếu của phương Nam trong chiến lược đưa ra một trật tự kinh tế quốc tế mới. Theo quan điểm của các nhà tư tưởng phái hữu của Heritage Foundation (Quỹ văn xâ di sản) thì "các chính phủ phương Nam đã bỏ ra nhiều thời gian và công sức để truyền bá học thuyết trật tự kinh tế quốc tế mới ở Liên hợp quốc và rộng hơn nữa. Hầu như không một cơ quan hay văn phòng Liên hợp quốc nào tránh khỏi". Nỗ lực của phương Nam để tái phân bổ quyền lực kinh tế toàn cầu thông qua các cơ chế của Liên hợp quốc được coi là những hoạt động phối hợp như: các dữ liệu hoạt động kinh doanh tư nhân bị phê phán trên bình diện quốc tế hoặc ở từng nước của Thế giới thứ ba; các đề nghị kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán dược phẩm quốc tế bị gác lại không chỉ ở một cơ quan của Liên hợp quốc; các cơ quan quốc tế khác đang soạn thảo các quy tắc hành vi mang tính chất hạn chế các công ty đa quốc gia; và UNESCO đã

đưa ra đề nghị cần có những hạn chế đối với báo chí quốc tế.

Đặc biệt đối với Heritage Foundation thì mối đe dọa lớn nhất là nỗ lực của Thế giới thứ ba nhằm “phân bổ lại các tài nguyên thiên nhiên” bằng cách đặt đáy biển, vũ trụ, vùng chung quanh Nam cực dưới quyền kiểm soát của họ thông qua Luật về hiệp ước biển, Hiệp định điều chỉnh hoạt động của các nhà nước trên mặt trăng và các thiên thể khác (gọi là Hiệp ước Mặt trăng), và một nghiên cứu và tranh luận của Liên hợp quốc đang được tiến hành về Vùng xung quanh Nam cực. Thủ tướng Malaysia Mahathir Bin Mohamad, nhà kiến trúc chính trong nỗ lực để Liên hợp quốc nắm chủ quyền vùng Nam cực, đã nói với Đại hội đồng Liên hợp quốc rằng “tất cả những của cải mà không ai đòi quyền sở hữu trên trái đất này là tài sản chung của nhân loại” và do đó, là đối tượng kiểm soát chính trị của Thế giới thứ ba.

Tái khuất phục phương Nam (I): Điều chỉnh cơ cấu

Khi lên nắm quyền vào năm 1981, chính quyền Reagan tự thấy mình có sứ mệnh không chỉ đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản mà còn phải đưa Thế giới thứ ba vào khuôn phép. Những gì được thực hiện trong bốn năm tiếp theo là một chiến lược hai mũi giáp công nhằm một mặt là giải giới hệ thống ‘chủ nghĩa tư bản được nhà nước hỗ trợ’, mà tầng lớp thượng lưu dân tộc chủ nghĩa phương Nam lấy làm căn cứ nội địa, và mặt khác, làm suy yếu hệ thống Liên hợp quốc được coi là diễn đàn và công cụ của nghị trình kinh tế phương Nam.

Thời cơ đã đến đúng lúc dưới hình thức cuộc khủng hoảng nợ toàn cầu nổ ra vào mùa Hạ 1982 làm suy yếu nghiêm trọng khả năng của các chính phủ phương Nam đối phó với các nhà nước phương Bắc và các tập đoàn công ty cũng như các thiết chế

đa phương do phương Bắc kiểm soát.

Các công cụ được lựa chọn để đẩy lùi phương Nam là Ngân hàng thế giới và IMF. Quả là một sự thay đổi thú vị đối với Ngân hàng thế giới, khi chẳng bao lâu trước đó họ bị *Nhật báo phổ Uôn* và phái hữu kết tội là một trong những kẻ đáng ghét đứng đằng sau việc làm suy yếu vị thế toàn cầu của phương Bắc bằng cách 'cố xúi chủ nghĩa xã hội' trong Thế giới thứ ba thông qua các khoản tiền cho các chính phủ phương Nam vay. Đến lúc này, thì McNamara, kẻ có đầu óc tự do bị phê phán là thủ phạm làm mất Việt Nam và là kẻ chiến bại trong việc chặn đứng thách thức của phương Nam, phải nhường chỗ cho một người kẻ vị ngoan ngoãn hơn. Và những nhà tư tưởng hữu khuynh cực đoan đòi đóng cửa ngân hàng đã được các ngài bảo thủ thực dụng muốn sử dụng ngân hàng trong vai trò một cơ chế kỷ luật, kìm lại.

'Điều chỉnh cơ cấu' là nói đến một phương pháp cho vay mới được phát triển vào những năm cuối cùng của McNamara ở Ngân hàng thế giới. Không giống như kiểu cho vay truyền thống của Ngân hàng này là cho vay theo dự án, các khoản cho vay điều chỉnh cơ cấu là nhằm mục đích thúc đẩy bên đi vay phải thực hiện một chương trình 'cải tổ' toàn bộ nền kinh tế hoặc toàn bộ một lĩnh vực của nền kinh tế. Vào giữa những năm 1980, điều chỉnh cơ cấu do IMF và Ngân hàng thế giới áp đặt đã trở thành một phương tiện để triển khai chương trình tự do hóa kinh tế thị trường tại nhiều nước Thế giới thứ ba đang lâm vào cảnh nợ nần nghiêm trọng. Gần như bao giờ điều chỉnh cơ cấu cũng bao gồm các thành tố:

- cắt giảm mạnh chi tiêu của chính phủ, nói là để kiềm chế lạm phát và giảm bớt nhu cầu của dòng vốn nước ngoài, biện pháp này tương đương với việc cắt chi tiêu cho y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội;

- tự do hóa nhập khẩu và huỷ bỏ các hạn chế về đầu tư của nước ngoài, nói là để làm cho công nghiệp trong nước có hiệu quả hơn vì phải cạnh tranh với nước ngoài;
- tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh và tiến hành phi điều tiết một cách triệt để nói là nhằm phân bổ và sử dụng các nguồn lực sản xuất một cách hiệu quả hơn bằng cách dựa vào các cơ chế thị trường thay vì các nghị định của chính phủ;
- giảm giá đồng nội tệ nói là nhằm làm cho hàng xuất khẩu tăng sức cạnh tranh, và như vậy có thêm đô la để trả nợ nước ngoài;
- cắt giảm hoặc thuyết phục giảm lương, loại bỏ hoặc làm suy yếu các cơ chế bảo vệ lao động như mức lương tối thiểu, được coi là những rào cản giả tạo gây phương hại tới tính linh hoạt của đồng vốn trong nước và ngoài nước.

Vào cuối những năm 1980, với hơn 70 nước Thế giới thứ ba chấp nhận các chương trình điều chỉnh cơ cấu của IMF và Ngân hàng thế giới, phác đồ ổn định, điều chỉnh cơ cấu, liệu pháp sốc được chuẩn bị từ Oasinhton xa xôi trở thành điều kiện chung của phương Nam. Trong lúc có thể biện minh cho điều chỉnh cơ cấu là cần thiết để tạo điều kiện cho các nước Thế giới thứ ba trả nợ cho các ngân hàng phương Bắc, thì một mục tiêu chiến lược hơn là triệt hạ hệ thống chủ nghĩa tư bản được nhà nước hỗ trợ mà tầng lớp thượng lưu tư sản dân tộc lấy làm căn cứ trong nước. Năm 1988, một cuộc điều tra nghiên cứu về các chương trình điều chỉnh cơ cấu do Ủy ban Liên hợp quốc phụ trách châu Phi tiến hành, đã kết luận rằng bản chất của các chương trình này là “giảm bớt/bãi bỏ sự can thiệp trực tiếp của nhà nước trong các lĩnh vực sản xuất và tái phân phối của nền kinh tế”. Còn đối với Mỹ Latinh, một nhà phân tích đã nhận xét, Mỹ lợi dụng “thời kỳ tài chính căng thẳng để đòi hỏi các nước mắc nợ loại chính phủ

ra ngoài kinh tế, coi đó như là cái giá phải trả cho việc được cấp tín dụng”. Tương tự, một cuốn sách do Ngân hàng liên Mỹ xuất bản năm 1992 đã nhìn lại một thập kỷ điều chỉnh cơ cấu và nhận xét rằng việc loại bỏ chính phủ ra ngoài hoạt động kinh tế chính là tâm điểm của ý thức hệ chỉ đạo các cải tổ cơ cấu của những năm 1980.

Theo trường phái tư tưởng này, lịch sử Mỹ Latinh thời kỳ sau chiến tranh là lịch sử của sai lầm tập thể về sự lựa chọn đường lối kinh tế, và cùng với nó là các thiết chế thực thi. Để sửa chữa sai lầm đó, cái thời kỳ dài đằng đẵng mà khu vực công chiếm lĩnh ngôi vị trung tâm của nền kinh tế phải cáo chung, và một nỗ lực cấp tiến phải được áp dụng: chủ thể sản xuất của nhà nước và chủ nghĩa tư bản được nhà nước hỗ trợ phải biến mất khỏi vũ đài, trách nhiệm của nhà nước phải hạn chế trong các cam kết hợp hiến, phải giao lại cho thị trường việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ, và tháo dỡ mọi trở ngại đối với việc trôi dạt của giai cấp những nhà kinh doanh độc lập.

Vào 1992, kết thúc 12 năm rùng rã kỷ nguyên Reagan-Bush, phương Nam đã biến đổi: từ Achantina đến Gana, sự tham gia của nhà nước vào kinh tế đã bị cắt giảm triệt để; nhân danh tính hiệu quả, các xí nghiệp quốc doanh đã chuyển sang tay tư nhân; phần lớn các rào cản bảo hộ ngăn chặn hàng nhập khẩu từ phương Bắc đã bị dỡ bỏ; và thông qua các chính sách tất cả cho xuất khẩu, nền kinh tế trong nước đã bị quỵ kiệt hơn vào các thị trường thế giới tư bản do phương Bắc thống ngự.

Tái khuất phục phương Nam (II):

Buộc các nước mới công nghiệp hóa phải quỳ gối

Có một khu vực ở phương Nam ít bị đụng chạm đến trong giai đoạn thứ nhất phản cách mạng kinh tế của phương Bắc là Đông và Đông Nam Á. Tại vùng này, các hệ thống kinh tế cũng có

những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản được nhà nước hỗ trợ: một chính phủ can thiệp năng động vào các khu vực then chốt của nền kinh tế, một trọng tâm là công nghiệp hóa nhằm thoát ra khỏi số phận chỉ giản đơn là những nhà sản xuất nông nghiệp và nguyên liệu thô; bảo vệ thị trường nội địa chống cạnh tranh của nước ngoài và kiểm soát chặt đầu tư của ngoại quốc. Nếu có gì đó khiến cho các nền kinh tế chủ chốt của Đông và Đông Nam Á không giống với các nền kinh tế phương Nam khác, thì đó chủ yếu là sự hiện diện của một nhà nước khá mạnh, đủ khả năng kỷ luật giới thượng lưu địa phương, đó là khả năng lớn hơn của những người lãnh đạo nhà nước trong tiếp thu và nội hóa định hướng phát triển, và sự theo đuổi các chính sách mậu dịch năng nổ nhằm giành được thị phần ở các nước phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ.

Vị thế tiền tuyến ở châu Á của một số nước và nền kinh tế được gọi là 'các quốc gia và lãnh thổ mới công nghiệp hóa' (NIC) trong thời kỳ Chiến tranh lạnh đã bảo đảm cho các nước và lãnh thổ đó được Oasinhton nhắm mắt làm ngơ trước biết bao sự chệch hướng đối với lý tưởng thị trường tự do. Nhưng vào giữa những năm 1980, Hoa Kỳ bắt đầu xác định lại chính sách kinh tế đối với Đông Á, để tạo lập một 'sân chơi bình đẳng' cho các tập đoàn của họ thông qua tự do hóa, phi điều tiết, và tư nhân hóa sâu rộng hơn các nền kinh tế châu Á.

Đó là một mục tiêu mà Oasinhton theo đuổi bằng nhiều phương tiện vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Tuy nhiên, nhờ tiếp cận được nguồn vốn của Nhật Bản khi nước này chuyển nhiều hoạt động công nghiệp sang Đông và Đông Nam Á nhằm bù lại việc các doanh nghiệp trong nước mất sức cạnh tranh do tác động của Hiệp nghị Plaza năm 1985 làm đồng yên tăng giá quá nhanh, các nước như Hàn Quốc, Thái Lan và Indônêsiã đã có thể phớt lờ các đòi hỏi của chương trình điều chỉnh cơ cấu mà Ngân hàng thế giới và IMF áp đặt cho họ

đầu những năm 1980 khi các nước này tạm thời mất ổn định do khủng hoảng nợ. Như vậy, đối với Mỹ, chỉ còn trong tay chủ nghĩa đơn phương trong thương mại và ngoại giao tài chính là những vũ khí chính để đối phó với các 'con hổ' châu Á liên tiếp gặt hái thành công.

Chủ nghĩa đơn phương được thúc đẩy quyết liệt, có lúc chẳng khác gì chiến tranh thương mại trong thực tế. Chủ trương của Oasinhton đã được một quan chức Mỹ cao cấp nắm bắt một cách tài tình. Ông này nói trong một hội nghị về thị trường vốn ở San Francisco rằng "mặc dù các nước và lãnh thổ mới công nghiệp hóa (NIC) có thể được xem như là những con hổ bởi chúng là những tay buôn bán cứng rắn, hung hăng thật, nhưng cách so sánh đó có mặt trái đen tối của nó. Hổ sống trong đại ngàn và theo luật rừng. Số lượng chúng ngày một giảm đi".

Sức ép một chiều của Mỹ cộng với một phần giúp đỡ của IMF và Ngân hàng thế giới, đã buộc các nước châu Á chủ chốt phải tự do hóa tài khoản vốn và chuyển sang hướng tự do hóa hơn khu vực tài chính của mình. Nhưng khi đụng đến lĩnh vực tự do hóa thương mại thì kết quả nghèo nàn hơn nhiều, có lẽ chỉ trừ Hàn Quốc là nơi bội thu cán cân thương mại với Mỹ đã chuyển sang thâm hụt vào đầu những năm 1980. Nhưng ngay cả sự thay đổi đó cũng không ngăn được đại diện thương mại Hoa Kỳ nhận xét Hàn Quốc là "một trong những nơi làm ăn khó khăn và khắc nghiệt nhất". Còn đối với các nước Đông Nam Á, Mỹ cho rằng, tuy họ có thể đã tự do hóa tài khoản vốn và khu vực tài chính, nhưng lại vẫn hết sức bảo hộ trong thương mại và đang lớn vồn với 'thương mại biến dạng' thông qua các thao tác trong chính sách công nghiệp, như Malaysia với dự án xe ô tô dân tộc Proton Saga, hay như nỗ lực của Indônêxia xây dựng ngành công nghiệp hàng không dân dụng.

Việc Hoa Kỳ và các thiết chế tài chính Bretton Woods đòi hỏi tự do hóa tài chính một cách không phân biệt cộng với lãi

suất cao và chế độ cố định giá tiền tệ được các nhà chức trách địa phương ưa thích, đã tạo nên luồng vốn nước ngoài ồ ạt tuôn vào khu vực này. Nhưng đồng thời nó cũng là một đại lộ để 100 tỷ USD đánh bài tấu mã vào năm 1997, nhằm đối phó với tình trạng hỗn loạn gây ra bởi đầu tư vô độ và du nhập đồng vốn nước ngoài không hạn chế, dẫn đến sự sụp đổ của thị trường bất động sản và thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai ngày một nặng nề hơn.

Khủng hoảng tài chính là thời cơ vàng ngọc giúp cho Hoa Kỳ thúc đẩy nghị trình của mình, và Oasinhton đã không chút chần chừ mà lập tức khai thác triệt để, phát cao ngọn cờ cải cách thị trường tự do để vớt vét lợi nhuận. Chủ nghĩa bảo hộ và nhà nước can thiệp tích cực vào nền kinh tế đã được chế định lại thành các chương trình ổn định do IMF áp đặt cho các nước bị khủng hoảng tài chính nghiêm trọng như Indônêsiá, Thái Lan và Hàn Quốc.

Tại Thái Lan, các nhà chức trách địa phương đã đồng ý tháo dỡ tất cả hạn chế đối với quyền sở hữu của nước ngoài đối với các công ty tài chính Thái Lan, đẩy nhanh việc tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh, và soát xét lại luật phá sản theo đường hướng của các chủ nợ nước ngoài. Như Đại diện thương mại Hoa Kỳ báo cáo trước quốc hội, Chính phủ Thái Lan “đã có những cam kết cơ cấu lại các doanh nghiệp công và đẩy nhanh việc tư nhân hóa một số lĩnh vực then chốt, bao gồm năng lượng, vận tải, công ích và thông tin, sẽ làm tăng cạnh tranh thị trường và phi điều tiết, đồng thời (được trông đợi) tạo thêm nhiều cơ hội làm ăn cho các công ty Hoa Kỳ”.

Đối với Indônêsiá, đại diện Mỹ nhấn mạnh “các điều kiện của IMF để đối lấy việc cung cấp một chương trình ổn định rộng lớn cả gói, đã chú ý giải quyết các tập quán từ lâu đã được chính quyền (Clinton) đặt thành đối tượng của chính sách mậu dịch song phương... Nổi bật hơn cả trong vấn đề này là cam kết của

Indônêsiya loại bỏ hết các sắc thuế, thuế quan, và tín dụng ưu đãi cấp cho dự án xe ô tô dân tộc. Thêm nữa, chương trình của IMF còn nhằm thúc đẩy cải tổ sâu rộng chính sách mậu dịch và đầu tư của Indônêsiya, như dự án làm máy bay, các tập quán độc quyền và hạn chế buôn bán nội địa, bóp nghẹt cạnh tranh do hạn chế sự tiếp cận của hàng hóa và dịch vụ nước ngoài. Dự án xe ô tô dân tộc và kế hoạch xây dựng công nghiệp máy bay phản lực chở khách là những nỗ lực của chính sách công nghiệp hóa đã gây ra sự phản đối dữ dội của Detroit (ô tô) và Boeing (máy bay).

Trong trường hợp Hàn Quốc, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IMF cũng chẳng mất công che dấu mối quan hệ cộng tác chặt chẽ giữa hai bên, và IMF rõ ràng ở vào địa vị phụ thuộc. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Hàn quốc thoả nhượng nhiều thứ - kể cả đồng ý nâng tỷ trọng sở hữu cổ phần nước ngoài trong các công ty lên đến 55 phần trăm, cho phép thành lập các thiết chế tài chính nước ngoài, tự do hóa hoàn toàn thị trường tài chính và vốn, huỷ bỏ hệ thống phân hạng xe cộ, và đồng ý chấm dứt việc chính phủ định hướng cho vay theo các mục tiêu của chính sách công nghiệp - từng điếm một tương thích với chính sách song phương của Mỹ với Hàn Quốc trước khi nổ ra khủng hoảng. Đại diện thương mại của Hoa Kỳ đã nói rất chân chất với các nghị sĩ Mỹ:

“Hoạt động kinh tế được chính sách chứ không phải thị trường định hướng có nghĩa là công nghiệp Hoa Kỳ vấp phải nhiều rào cản mang tính cơ cấu đối với thương mại, đầu tư và cạnh tranh ở Hàn Quốc. Chẳng hạn, Hàn Quốc duy trì những hạn chế đối với sở hữu và tác nghiệp của nước ngoài, và có cả một danh mục ngăn trở tiếp cận thị trường... Chương trình ổn định cả gói đàm phán với IMF tháng Chạp 1997 có thể giúp mở rộng và bành trướng cạnh

tranh ở Hàn Quốc bằng cách tạo nên một nền kinh tế định hướng thị trường hơn... Nếu cứ tiếp tục trên con đường cải cách thì sẽ có nhiều lợi nhuận hơn không chỉ cho Hàn Quốc mà cả với Hoa Kỳ”.

Tổng quát mục tiêu chiến lược của Oasinhton trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Clinton, Thứ trưởng thương mại Mỹ Jeff Garten nhận xét rằng “Phần lớn các nước đó đang chui qua một đường hầm tối đen và sâu thăm thẳm... Nhưng phía bên kia đường hầm sẽ có một châu Á rất khác, nơi các công ty Mỹ đã thâm nhập được thị trường sâu hơn, có phạm vi tiếp cận rộng lớn hơn”. Vào năm 1998, các công ty xuyên quốc gia và các công ty tài chính Mỹ đã mua các tài sản châu Á từ Seoul đến Băng cốc với cái giá rẻ thối.

Tái khuất phục phương Nam (III): Giải thể hệ thống phát triển của Liên hợp quốc

Cuộc tấn công các nước mới công nghiệp hóa thông qua các chương trình ổn định của IMF và chống phương Nam trên diện rộng hơn bằng điều chỉnh cơ cấu do các thiết chế Bretton Woods áp đặt, được đi kèm với một nỗ lực lớn nhằm làm suy nhược Liên hợp quốc với tính chất một công cụ của nghị trình phương Nam. Nắm trong tay sức mạnh kim tiền, với phần đóng góp cho hoạt động của Liên hợp quốc lên tới 20 - 25 phần trăm, Hoa Kỳ đã làm câm lặng những cuộc tranh luận của các nước mới công nghiệp hóa ở tất cả các cơ quan then chốt của Liên hợp quốc liên quan tới tranh chấp Bắc - Nam: Hội đồng kinh tế và xã hội (ECOSOC), Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) và Đại hội đồng Liên hợp quốc. Sức ép của Mỹ còn dẫn tới việc giải thể Trung tâm theo dõi các tập đoàn xuyên quốc gia của Liên hợp quốc, một tổ chức có chất lượng công tác cao chuyên

bám sát hoạt động của các tập đoàn xuyên quốc gia đến mức làm cho các tập đoàn này phải bực dọc. Cương vị tổng giám đốc phát triển và hợp tác kinh tế quốc tế cũng bị bãi bỏ, mà đó là “một trong số ít kết quả cụ thể, và chắc chắn là đáng giá nhất trong những nỗ lực thương lượng của các nước đang phát triển nhằm bảo đảm có sự hiện diện của Liên hợp quốc hỗ trợ cho phát triển và hợp tác quốc tế”.

Thế nhưng tiêu điểm cuộc phản công của phương Bắc là tước bỏ hết vũ khí của UNCTAD nếu không phải là giải thể nó. Sau khi đã chịu nhượng bộ cho phương Nam trong các cuộc thương lượng UNCTAD - IV ở Nairobi năm 1976 về việc thành lập kế hoạch ổn định có tên là Chương trình hợp nhất về hàng hóa, thì đến UNCTAD - V ở Belgrade, phương Bắc từ chối chương trình của phương Nam về xóa nợ và các biện pháp khác nhằm hồi sinh các nền kinh tế phương Nam, và như vậy, đã góp phần phục hồi toàn cầu trong thời kỳ suy thoái của toàn thế giới.

Cuộc tấn công của phương Bắc ác liệt hơn với UNCTAD - VIII ở Cartagena (Côlômbia) năm 1992. Tại hội nghị này, phương Bắc đã thành công trong việc phản đối mọi liên hệ các cuộc thảo luận của UNCTAD với các cuộc thương lượng ở Vòng Uruguay của GATT, đồng thời tìm cách làm xói mòn chức năng đàm phán của UNCTAD, và như vậy, đặt ra vấn đề liệu có còn cần đến UNCTAD nữa không. Kể từ đây, chức năng của UNCTAD chỉ còn hạn chế trong “phân tích, xây dựng sự đồng thuận về một số chủ đề liên quan đến thương mại và hỗ trợ kỹ thuật”.

Đã cắt bỏ ghê gớm phạm vi hoạt động của UNCTAD nhưng dường như vẫn chưa làm hài lòng một số tổ chức phương Bắc. Ví dụ, Ủy ban độc lập về quản lý toàn cầu có trụ sở ở Geneva đã xác định UNCTAD là một trong những cơ quan cần giải thể để chấn chỉnh lại hệ thống Liên hợp quốc. Quan điểm này trùng

hợp với suy nghĩ của Karl Theodor Paschike, người đứng đầu một cơ quan mới thành lập của Liên hợp quốc, Vụ giám sát nội bộ, khi trao đổi với báo Stern, ông ta cho rằng UNCTAD đã trở nên lạc hậu với sự thành lập của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Tổ chức thương mại thế giới: chót chịt thất bại của phương Nam

UNCTAD vẫn sống sót, nhưng nó đã bị WTO làm cho bất lực khi tổ chức này ra đời tiếp sau việc ký kết Hiệp ước Marrakesh tháng Tư 1994, đưa các hiệp định đã đạt được trong thời gian tám năm thương lượng Vòng Uruguay của GATT vào thực hiện. WTO thành lập chậm mất 46 năm, lúc bấy giờ nó vốn được những nhà quốc tế Mỹ và Anh có đầu óc tự do coi là cái trụ cột thứ ba của hệ thống Bretton Woods, chịu trách nhiệm về thương mại, như IMF lo về tài chính và Ngân hàng thế giới trông nom tái thiết kinh tế. Đã dự tính một tổ chức thương mại toàn cầu ra đời với tên Tổ chức mậu dịch quốc tế (ITO) năm 1948, nhưng những lực lượng thiên hướng đơn phương ở Thượng nghị viện Hoa Kỳ đã phé truất nó để cho đăng quang một thiết chế yếu hơn nhiều là GATT, Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch do chính quyền Truman đề nghị.

Vào giữa những năm 1980, các cuộc kinh chống thương mại giữa châu Âu và Nhật Bản, sự thâm nhập mạnh hơn của hàng hóa các nước Thế giới thứ ba vào thị trường Mỹ, nổi thất vọng trước việc hàng hóa Mỹ không vào được các thị trường phương Nam, và thêm những kẻ cạnh tranh vụt nổi lên từ các nước mới công nghiệp hóa ở Đông Á, tất cả những điều đó đã là nguyên nhân khiến Mỹ trở thành người biện hộ lớn tiếng nhất cho việc bành trướng GATT thành một tổ chức có quyền cưỡng bức, áp đặt. Hai mục đích trung tâm của việc thành lập WTO là quản

lý sự kinh địch về thương mại giữa các nước công nghiệp hàng đầu, đồng thời ngăn chặn mối đe dọa của phương Nam đối với cơ cấu kinh tế toàn cầu hiện hành. Trên ý nghĩa đó, cần phải coi WTO như là sự tiếp tục hoặc mở rộng của sự phản ứng từ phương Bắc đã dẫn đến các chương trình điều chỉnh cơ cấu.

Thật vậy, với việc tôn sùng nguyên tắc mậu dịch tự do như nguyên tắc tổ chức của hệ thống mậu dịch toàn cầu, WTO tượng trưng cho việc đánh bại mọi thứ mà phương Nam đấu tranh ở UNCTAD: đó là giành được giá cả phải chăng cho hàng hóa của mình thông qua các hiệp định về giá hàng; thể chế hóa những ưu tiên thương mại cho hàng hóa phương Nam do tình trạng chậm phát triển; ưu đãi các nhà đầu tư trong nước; sử dụng chính sách thương mại như một công cụ hợp pháp của công nghiệp hóa; và quan tâm hơn đến việc chuyển giao công nghệ cho phương Nam.

Thay vào đó, WTO thể chế hóa mậu dịch tự do, nguyên tắc tối huệ quốc và đối xử quốc gia, coi đó là các trụ cột của trật tự mậu dịch thế giới mới. Đối xử quốc gia được thể chế hóa trong Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ (GATS) của Vòng Uruguay có thể là triệt để nhất trong các nguyên tắc đó, và là đe dọa lớn nhất cho phương Nam, vì nó dành cho các nhà cung cấp nước ngoài, từ các công ty viễn thông đến các công ty luật và các cơ quan giáo dục đào tạo những đặc quyền như các đối tác trong nước chủ nhà.

Mặc dù các hiệp định GATT-WTO thừa nhận 'quy chế đặc biệt và phân biệt' của các nước đang phát triển, nhưng lại không coi đó là những khác biệt mang tính cơ cấu mà chỉ coi như những khiếm khuyết có thể vượt qua bằng cách cho các nước đang phát triển thêm thời gian để thích ứng so với các nước phát triển.

Trong lúc các tổ chức môi trường phương Bắc chỉ trích WTO vì lo ngại các tiêu chuẩn môi trường của phương Bắc bị phụ

thuộc vào mâu dịch tự do theo nguyên tắc ‘mâu dịch tự do trên hết’, như Ralph Nader mô tả, thì các nước phương Nam nhấn mạnh mối lo ngại đối với sự thúc đẩy phản phát triển của GATT - WTO. Theo họ, GATT - WTO mang bản chất không thiện cảm với công nghiệp hóa, đồng thời còn làm xói mòn cơ sở nông nghiệp của các xã hội đang phát triển.

WTO và công nghiệp hóa ở phương Nam

Khi ký vào các hiệp định GATT, theo các nhà phân tích, các nước Thế giới thứ ba đã đồng ý bỏ tất cả những hạn chế về số lượng nhập khẩu, giảm thuế quan cho nhiều mặt hàng công nghiệp, và hứa không tăng thuế quan đánh vào tất cả các mặt hàng khác. Bằng việc làm đó, họ đã từ bỏ mất việc sử dụng chính sách thương mại để theo đuổi các mục tiêu công nghiệp hóa. Con đường mà các nước mới công nghiệp hóa vận dụng để vượt lên quy chế quốc gia công nghiệp thông qua chính sách thay thế hàng nhập khẩu nay đã thực sự bị loại bỏ, không còn là đại lộ đi lên công nghiệp hóa nữa.

Sự thúc đẩy phản công nghiệp hóa của Hiệp định GATT - WTO còn thể hiện rõ hơn trong Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs) và Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs). Trên bước đường công nghiệp hóa, các nước mới công nghiệp hóa như Hàn Quốc và Malaysia đã vận dụng nhiều cơ chế sáng tạo như các yêu cầu cân đối thương mại có nghĩa là giá trị nhập khẩu nguyên liệu và phụ tùng của các nhà đầu tư nước ngoài phải gắn chặt với giá trị của thành phẩm xuất khẩu, hoặc quy định về ‘hàm lượng nội địa’, theo đó, một tỷ lệ phần trăm thành phần nào đó trong sản phẩm phải từ nguồn trong nước.

Các luật lệ đó thực sự đã hạn chế trường hoạt động của các

nhà đầu tư nước ngoài, và các nước mới công nghiệp hóa đã vận dụng chúng một cách thành công để khai thác đầu tư nước ngoài cho công nghiệp hóa quốc gia. Chúng cho phép các nước này tăng thu nhập từ xuất khẩu vốn theo chiều sâu, phát triển các công nghiệp hỗ trợ, du nhập công nghệ, đồng thời vẫn bảo vệ được cho các nhà kinh doanh trong nước ưu tiên tiếp cận thị trường nội địa. Tại Malaisia chẳng hạn, chính sách sử dụng hàm lượng nội địa có ý nghĩa chiến lược đã cho phép Malaisia làm được 'xe ô tô dân tộc' với sự cộng tác của Mitsubishi, nay đã đạt tới 80 phần trăm hàm lượng nội địa, và đã chiếm 70 phần trăm thị phần ô tô của thị trường Malaisia. Do có Hiệp định TRIMs, các cơ chế đó nay đã trở thành bất hợp pháp.

Cũng như Hiệp định TRIMs, nội dung của Hiệp định TRIPs thực sự là nhằm chống lại các nỗ lực công nghiệp hóa của phương Nam. Điều này đã trở nên rõ ràng trong một cuộc điều tra lịch sử kinh tế không chỉ ở các nước mới công nghiệp hóa mà nói chung ở tất cả các nước công nghiệp hóa muộn màng. Một yếu tố then chốt để công nghiệp hóa cất cánh là phải có khả năng tiếp cận dễ dàng công nghệ mũi nhọn. Hoa Kỳ công nghiệp hóa được phần lớn là nhờ sử dụng sự cách tân trong lĩnh vực chế tạo của Anh mà chỉ phải trả rất ít tiền. Người Đức cũng vậy. Nhật Bản thì công nghiệp hóa nhờ vay mượn thoải mái các sáng tạo công nghệ của Hoa Kỳ, nhưng hầu như chẳng phải đền bù gì cho Mỹ. Còn Hàn Quốc thì công nghiệp hóa bằng cách sao chép 'vô tư' các sản phẩm và quy trình công nghệ của Hoa Kỳ và Nhật Bản mà chỉ phải bỏ ra rất ít tiền của.

Nhưng trong lúc các nước công nghiệp hóa đi sau coi việc làm của họ là tiếp nhận sự 'phổ biến công nghệ' thì các nước công nghiệp hàng đầu đi trước lại coi đó là hành vi 'ăn cướp'. Nay Hiệp định TRIPs đứng về quan điểm sau, tiến trình công nghiệp hóa bằng bất chước trở nên khó khăn hơn nhiều. Điều đó được UNCTAD mô tả là "củng cố và tăng cường hệ thống sở hữu

trí tuệ khi chưa chín muồi... tạo thuận lợi cho sự độc quyền kiểm soát cách tân, gây trở ngại cho việc phổ biến rộng rãi”.

Hiệp định TRIPs định ra việc bảo hộ bằng sáng chế nói chung trong thời gian tối thiểu là 20 năm; kéo dài thời gian bảo hộ chất bán dẫn hoặc các chip vi tính; chế định các quy chế nghiêm ngặt để chống các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; và chuyển gánh nặng đưa ra bằng chứng cho người bị coi là vi phạm quy trình bằng sáng chế.

Dưới con mắt phương Nam, Hiệp định TRIPs được coi là một thắng lợi của công nghệ kỹ thuật cao của Mỹ, và từ lâu nay nước này đã vận động cho sự kiểm soát chặt chẽ hơn việc phổ biến cách tân. Cách tân trong lĩnh vực kỹ thuật cao chuyên sâu kiến thức, như trong phần cứng và phần mềm điện tử, công nghệ sinh học, laser, quang điện tử, công nghệ tinh thể lỏng, chỉ kể một số ít, đã trở thành quyết định trung tâm của quyền lực kinh tế trong thời đại chúng ta. Và khi một công ty nào đó trong các nước mới công nghiệp hoá hoặc trong Thế giới thứ ba muốn cách tân, chẳng hạn, muốn thiết kế các chip, lập trình phần mềm, hoặc lắp ráp máy vi tính, thì buộc phải kết hợp nhiều bằng sáng chế và quy trình công nghệ khác nhau, mà phần lớn nằm trong tay các công ty điện tử phần cứng, phần mềm khổng lồ của Hoa Kỳ như Microsoft, Intel, và Texas Instruments. Như những người Hàn Quốc đã ném trái bài học cay đắng, tiền trả bản quyền lớp lớp với giá cắt cổ cho cái người ta gọi là ‘maphia công nghệ cao’ của Mỹ, đã làm cho lợi nhuận của người sáng chế còn lại rất thấp, không khuyến khích được cách tân của các nước đi sau. Kết quả cuối cùng có thể thấy được đối với các nhà chế tạo phương Nam là thôi thì cứ trả tiền mua công nghệ còn hơn là tìm tòi sáng tạo, và như vậy chỉ kéo triền miên sự lệ thuộc công nghệ vào các doanh nghiệp phương Bắc mà thôi.

Như vậy, Hiệp định TRIPs tạo điều kiện cho những người kẻ đi trước, trong trường hợp này là Mỹ, gây ảnh hưởng lớn đến

bước phát triển của công nghiệp và công nghệ của các đối thủ cạnh tranh là các nước mới công nghiệp hóa và Thế giới thứ ba.

TRIPs và nông nghiệp

Những gì nêu trên đây vẫn chưa nói hết những lo ngại của các nước đang phát triển đối với Hiệp định TRIPs. Bởi vì hiệp định này đe dọa chính sự tồn tại của các cộng đồng nông thôn. Bằng việc tăng cường mạnh mẽ cho hệ thống bằng sáng chế tư nhân của sở hữu trí tuệ, TRIPs đã khai thông con đường tư nhân hóa các sản phẩm phát triển qua các quá trình biến đổi gen hoặc do chính các cộng đồng phương Nam lai tạo. Một nhà nghiên cứu nhận xét:

“Một khi được cải biến, dù chỉ rất ít, sản phẩm gen có thể được cấp bằng sáng chế cho các công ty hoặc cá nhân, và như vậy sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận. Trong tình hình hiện nay, một cá nhân hoặc một công ty có thể lấy một cây trồng ở một nước đang phát triển, cải biến nó hoặc phân lập một gen hữu ích và xin cấp bằng sáng chế một giống cây mới hoặc một sản phẩm chứa đựng gen đó mà không phải trả bất cứ khoản tiền nào cho các cộng đồng đã sử dụng kiến thức truyền thống để duy trì và phát triển giống cây đó”.

Mặc dù Hiệp định GATT - WTO có nhắc đến khả năng một hệ thống độc hữu (sui generis) cấp bằng sáng chế cho các sản phẩm nông nghiệp và các quy trình công nghệ có thể áp dụng cho những loại được các cộng đồng nông thôn và cư dân bản địa phương Nam tập thể phát triển, nhưng trọng tâm của hiệp định này vẫn là tư nhân hóa chuỗi liên kết giữa các quá trình tự nhiên và sự can thiệp của con người.

Mối đe dọa của TRIPs đối với các cộng đồng nông thôn Thế giới thứ ba không chỉ giản đơn là sự ẩn hiện ở xa tít chân trời. Một công ty Mỹ đã nhận bằng sáng chế giống lúa 'Jasmati' là dòng lai từ lúa thơm jasmine của Thái Lan với lúa Basmati Ấn Độ. Công ty Mỹ này, Monsanto, đang thúc đẩy giành quyền sở hữu sử dụng hạt giống mà nông dân thu hoạch từ các vụ canh tác bằng giống 'Monsanto-cải tiến' mà chính nông dân đã phải bỏ tiền ra mua. W.R. Grace đã đăng ký và được cấp bằng sáng chế một quy trình cất tinh dầu cây Neem, một cây có dược chất và nhiều công dụng khác của Ấn Độ.

Còn một số dẫn chứng ít được biết tới mà các học giả phương Nam gọi là 'cướp sinh học' nguy trang dưới hình thức quyền sở hữu trí tuệ. Một công ty dược phẩm Mỹ đã thu được nhiều triệu đô la từ hai loại dược phẩm diệt chất sinh ra ung thư và chống bệnh bạch cầu có nguồn gốc ở Madagascar. Công ty dược phẩm hàng đầu phương Tây, Merck, dường như sẽ thu được nhiều lợi nhuận thông qua việc phát triển một chất chống đông máu chiết xuất từ cây tikluba mà dân vùng Amazon đã sử dụng từ lâu đời. Đã có 11 đệ trình xin cấp bằng sáng chế ở Mỹ và ở Nhật Bản về chiết xuất và sử dụng các dẫn chất của cây dứa, một ngành công nghiệp lớn của Philippin, và nhiều đăng ký khác của tổ chức và cá nhân nước ngoài xin cấp bằng sáng chế các cây dược liệu lagundi và banaba cũng của Philippin.

Hiệp định về nông nghiệp

Hiệp định TRIPs là một thí dụ cho phương Nam về tiêu chuẩn kép trong GATT - WTO. Một mặt thì thúc đẩy thương mại tự do đối với phương Nam trong các hiệp định phụ, mặt khác và là mặt chính, thì thúc đẩy độc quyền cho phương Bắc trên những cái khác quan trọng hơn. Điều này cũng đúng cả với Hiệp định về nông nghiệp (AOA) được đưa ra thương lượng ở Hội nghị cấp

bộ trưởng ở Siaton vào cuối tháng Mười một 1999.

Xem xét kỹ sự phát triển và tác động của Hiệp định về nông nghiệp sẽ có ích vì nó minh chứng sự cạnh tranh giữa các siêu cường quốc thương mại vốn dĩ là một trong những động hướng của GATT - WTO đã giao hội với một động năng mạnh mẽ không kém của việc buộc phương Nam phải thần phục phương Bắc.

Trước Vòng Uruguay, trong thực tế, nông nghiệp vẫn nằm ngoài các chuyên ngành của GATT, chủ yếu là vì vào những năm 1950, Hoa Kỳ đã xin một đặc miễn đối với Điều XI của GATT là điều cấm những hạn chế về số lượng nhập khẩu. Do Mỹ đe dọa sẽ rời bỏ GATT, trừ phi được phép duy trì các cơ chế bảo vệ cho các sản phẩm đường, sữa và một số nông sản khác, nên Oasinhton đã nhận được một 'đặc miễn vô thời hạn' đối với các sản phẩm nông nghiệp. Điều này đã dẫn GATT đến chỗ lỏng lẻo trong đơn đốc thi hành Điều XI vì sợ mang tiếng nhất bên trọng nhất bên khinh.

Hoa Kỳ và các cường quốc khác mạnh về nông nghiệp không chỉ phớt lờ Điều XI mà còn tận lực khai thác điều XVI là điều theo đó GATT miễn nông nghiệp ra khỏi danh mục cấm trợ cấp. Một kết quả của hành động này là làm cho Liên minh châu Âu từ chỗ nhập khẩu ròng lương thực thực phẩm sang xuất khẩu ròng vào những năm 1970. Vào thời gian đầu Vòng Uruguay giữa những năm 1980, Chính sách nông nghiệp chung (CAP) của EU đã phát triển thành cái mà người ta gọi là "một mạng chằng chịt những bảo đảm về giá và bao tiêu, trợ cấp, và các hỗ trợ khác bảo vệ quá đầy đủ cho nông dân họ trước các lực lượng thị trường".

Với giá cả lương thực tiêu dùng trong nước cao hơn nhiều so với giá trên thị trường thế giới và sản xuất lại không bị kiểm soát, nông dân châu Âu mở rộng sản xuất. Sản phẩm dư thừa chỉ có thể được giải quyết bằng con đường xuất khẩu, dẫn đến

cạnh tranh với sản phẩm của nông dân Mỹ vốn được nhà nước trợ cấp và chiếm lĩnh thị trường các nước Thế giới thứ ba. Cạnh tranh giữa các siêu cường nông nghiệp trở nên dữ dội nhưng nông dân được trợ cấp của họ thì không bị tổn thất mấy. Nạn nhân chính là nông dân phương Nam, chẳng hạn như những người chăn nuôi gia súc quy mô nhỏ ở Tây Phi và Nam Phi đã bị lâm vào cảnh phá sản vì giá thịt bò được trợ cấp của EU bán ra trên thị trường này với giá quá thấp.

Với việc trợ cấp của nhà nước ngày càng phải đẩy lên cao để cạnh tranh giành giật thị trường thứ ba, EU và Hoa Kỳ dần dần nhận ra rằng, càng kéo dài tình hình này thì chỉ dẫn đến tình thế chẳng có ai là người chiến thắng. Vào cuối những năm 1980, EU chẳng hạn, phải chi gần 80 phần trăm ngân sách cho việc trợ cấp các chương trình nông nghiệp, còn Mỹ thì bắt tay vào một chương trình tổng thể rất tốn kém để giành lại các thị trường từ tay EU, như thị trường bột mì ở Tây Phi.

Chính sự ý thức đó từ cả hai phía Mỹ và Liên minh châu Âu đã dẫn hai vị khổng lồ này vào cùng chung một nỗ lực ép đưa vấn đề nông nghiệp vào Vòng Uruguay. Thay vì nghiêm chỉnh xúc tiến một cơ chế phát triển mậu dịch tự do, cả hai siêu cường này lại vận dụng thuyết lý tự do mậu dịch để điều tiết điều kiện của cạnh tranh độc quyền, với mỗi bên tìm kiếm lợi thế trong đó.

Cung cách hiệp định ra đời minh chứng cho lối diễn dịch đó. Thỏa thuận cuối cùng của hiệp định chính là cái người ta gọi là ‘Thỏa ước nhà Blair’ chỉ được thương lượng giữa Mỹ và EU trong năm 1992 và 1993 mà thôi. Thỏa ước này sau đó được hai siêu cường quảng cho các thành viên GATT năm 1994 với tinh thần hoặc nhận tất hoặc bỏ tất. Không có gì khó hiểu khi nhiều nước thành viên GATT khác, và không chỉ là các quốc gia phương Nam, cảm thấy họ bị buộc phải ký vào hiệp định đó.

Những điều khoản then chốt của hiệp định này là:

- Sự hỗ trợ trong nước (đối với nông nghiệp) được định lượng trong một công cụ chung gọi là ‘định lượng bình quân hỗ trợ’, sẽ giảm 20 phần trăm trong vòng sáu năm, có nghĩa là mức hỗ trợ năm 2001 sẽ thấp hơn 20 phần trăm so với năm 1986-1988. Tuy nhiên, một số hỗ trợ nội địa, kể cả trợ cấp trực tiếp cho nông dân (cái gọi là các biện pháp nằm trong ‘ô xanh lá cây’ và ‘ô xanh’) thì không phải cắt giảm.
- Trợ cấp xuất khẩu sẽ giảm 21 phần trăm về khối lượng và 36 phần trăm về kim ngạch, và các thành viên sẽ nhất trí không mở rộng trợ cấp vượt quá mức đạt được sau thời gian sáu năm đó.
- Hạn ngạch (quota) nhập khẩu sẽ chuyển thành thuế quan (thuế quan hóa), và mức thuế sẽ giảm bình quân 31 phần trăm trong vòng sáu năm, với mức tối thiểu là 15 phần trăm, cũng được xác định trên cơ sở ‘mức thuế tương đương’ của các hạn ngạch những năm 1986-1988.
- Các quốc gia sẽ cam kết chấp thuận ‘khối lượng nhập khẩu tối thiểu’ đối với nông sản ở mức khởi điểm 3 phần trăm lượng tiêu dùng năm 1986-1988 và tăng lên 5 phần trăm năm 1999.

Căn cứ vào sự đối xử gọi là ‘quy chế phân biệt đặc biệt’ nêu trong văn kiện của GATT, các nước đang phát triển chỉ phải cắt giảm hai phần hạ thuế quan, hỗ trợ trong nước, và trợ cấp xuất khẩu so với mức áp dụng cho các nước phát triển, và được 10 năm ân hạn, thay vì sáu năm như mức chung để thi hành các điều khoản đó.

Vào thời gian Hội nghị Siatón cuối năm 1999, hiệp định đã có hiệu lực gần năm năm rồi, nhưng dường như nó chẳng có mấy hiệu lực đối với việc hạn chế sự bảo hộ và trợ cấp mà nông nghiệp của các nước phát triển được hưởng. Có nhiều cơ chế đã góp phần mang lại những kết quả đó.

Thứ nhất, định lượng bình quân hỗ trợ, trợ cấp xuất khẩu và thuế quan theo mức 1986-1988 là thời gian lấy làm căn cứ, khá cao so với định mức năm 1995 là năm hiệp định bắt đầu có hiệu lực, và như vậy, số thực giảm so với năm 1995 không được bao lăm. Lấy trường hợp của Mỹ làm dẫn chứng, từ năm 1992 đến 1996, đơn mức thuế bình quân đối với sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi tăng từ 5,7 phần trăm lên 8,5 phần trăm, với sản phẩm lương thực tăng từ 6,6 phần trăm lên 10,0 phần trăm, thuốc lá từ 14,6 phần trăm lên 104,4 phần trăm. Đồng thời việc Vòng Uruguay đòi hỏi chuyển hạn ngạch nhập khẩu thành thuế quan cũng bị EU và Hoa Kỳ lợi dụng, như Hoa Kỳ chẳng hạn đánh thuế thêm 350 phần trăm trên số nhập khẩu tối thiểu được quy định vào các sản phẩm thuốc lá.

Thứ hai, các quy định phải đạt mức giảm thuế quan bình quân 36 phần trăm (trên mức thuế vốn rất cao của năm 1986 - 1988) rất lỏng lẻo, cho nên các nước có thể đáp ứng yêu cầu của GATT rất dễ dàng bằng cách phối hợp đánh thuế tối thiểu các mặt hàng nhạy cảm hoặc có giá trị cao với đánh thuế thật cao (mức trần) các mặt hàng kém nhạy cảm hoặc kém giá trị, và đẩy lùi số thuế tối thiểu đánh vào hàng có giá trị cao vào cuối thời kỳ sáu năm.

Thứ ba, các trợ cấp cho nông dân phương Bắc, như phụ cấp thu nhập trực tiếp cho những người này để bù đắp cho sự thăng trầm của thị trường thì không bị cắt giảm.

Việc đặt trợ cấp thu nhập trực tiếp cho nông dân ra ngoài khuôn khổ quy định của GATT là một đòn nặng giáng vào nhiều nước đang hy vọng Hiệp định nông nghiệp sẽ được sử dụng như một cơ chế để làm cho thương mại quốc tế thông thoáng hơn. Các phụ cấp trực tiếp đó được chi trả cho nông dân với lý do là 'không dính với sản xuất' và do đó 'không làm biến dạng thị trường'.

Đối với Liên minh châu Âu, các khoản chi trả thu nhập trực

tiếp chủ yếu dựa vào kết quả đầu ra, đa phần là thông qua 'chương trình giảm đất canh tác', có nghĩa là nông dân được một khoản trợ cấp khi họ thu hẹp 15 phần trăm diện tích canh tác. Mục đích của chương trình này là giảm sản lượng, và do đó, làm tăng giá. Dự luật trang trại Mỹ cho phép nông dân được hưởng cùng một mức trợ cấp thu nhập trực tiếp, bất kể được mùa hay mất mùa. Khoản chi trả bù đắp dự tính bình quân là 5,1 tỷ USD một năm từ 1996 đến 2002.

Tuy nhiên, sự thật là các khoản chi trả trực tiếp cho nông dân châu Âu và Hoa Kỳ chẳng phải là không đáng gì đến sản xuất, vì nếu không có các khoản này thì nông nghiệp những nước này khó mà có lãi. Lấy ví dụ, chi bù thiếu hụt chiếm từ một phần năm đến một phần ba thu nhập của các trang trại Mỹ. Nói cách khác, bằng cách đưa các khoản chi nói là không dính đến sản xuất, tức là những trợ cấp không được đụng chạm đến vào 'ô xanh lá cây', trong thực tế, Mỹ và Liên minh châu Âu, như lời một nhà phân tích, đã "thay hỗ trợ trực tiếp của thị trường bằng trợ cấp trực tiếp cho nông dân (phương Bắc)".

Sự kết hợp giữa cắt giảm thuế quan, trợ cấp xuất khẩu và định lượng hỗ trợ bình quân ở mức tối thiểu, đồng thời duy trì chi trả thu nhập trực tiếp cho nông dân, đã đem lại hậu quả trong dự kiến là nâng tổng số trợ cấp cho nông nghiệp ở các nước OECD kể từ khi hiệp định có hiệu lực từ 182 tỷ USD năm 1995 lên con số kinh hoàng là 280 tỷ USD năm 1997, phần lớn trong số tiền này là của EU và Mỹ. Hơn 40 phần trăm tổng giá trị sản xuất của các nước OECD nay được tính là từ các khoản trợ cấp khác nhau cho người sản xuất.

Trái ngược với sự trợ cấp ồ ạt của các nước OECD, nông dân của các nước đang phát triển chỉ nhận được rất ít trợ cấp của chính phủ. Nếu có chẳng ở đâu đó thì cũng chẳng bao giờ đạt đến tỷ lệ phần trăm của giá trị sản xuất mà Hiệp định nông nghiệp cho phép. Thực tế, các nước đang phát triển bị thua thiệt

do các chính sách đã đưa tới 'sự trợ cấp tiêu cực' cho nền nông nghiệp của họ.

Một công trình nghiên cứu đã ước tính rằng 'thuế' hoặc việc chuyển giá trị sản xuất từ nông nghiệp như trợ cấp sang cho các ngành kinh tế khác của 18 nước đang phát triển tương đương bình quân 30 phần trăm giá trị sản xuất. Thế nhưng chính nông dân ở các nước phương Nam đó lại bị buộc phải gồng mình chịu cái gánh nặng của điều chỉnh cho tương thích với hệ thống nông nghiệp mới, bởi vì việc họ thiếu trợ cấp cũng đồng nghĩa với việc họ cam kết một cách rành rọt mở thị trường rộng hơn cho các lợi ích nông nghiệp của phương Bắc, nơi mà tình trạng trợ cấp thoải mái đã giúp cho nông dân khu vực này tạo nên hàng núi sản phẩm dư thừa cần tìm thị trường xuất khẩu.

Một báo cáo năm 1997 gửi các vị bộ trưởng nông nghiệp Liên minh châu Âu dự kiến số thặng dư bột mì sẽ từ 2,7 triệu tấn tăng lên đến 45 triệu tấn vào năm 1995, và tổng số ngũ cốc dôi ra sẽ lên đến 58 triệu tấn. Theo Franz Fischler, Bộ trưởng nông nghiệp EU thì giải pháp cho số sản phẩm được trợ cấp dư thừa ra đó là nỗ lực để xuất khẩu. Việc tiếp tục trợ cấp cũng làm cho nông nghiệp Mỹ lệ thuộc vào xuất khẩu. Đại diện thương mại Mỹ Charlene Barshefky thừa nhận cứ một trong ba mẫu Anh (4.050 m²) của Mỹ là dành cho xuất khẩu, và "do những giới hạn của nhu cầu trong nước, cần phải tìm kiếm những thị trường mới cho nông nghiệp Mỹ". Cần mở thêm thị trường mới để hỗ trợ cho lĩnh vực nông nghiệp không ngừng tạo ra nhiều sản phẩm hơn của Hoa Kỳ.

Vậy là, việc trợ cấp cho các nhà sản xuất phương Bắc đã biến mậu dịch tự do toàn cầu về nông nghiệp thành việc giành giật thị trường của các nước đang phát triển và bóp chết những người làm nông nghiệp không được trợ cấp ở khu vực này.

Đúng là Hiệp định về nông nghiệp có đem đến một vài thoả nhượng cho phương Nam dưới hình thức dẹp bỏ hạn ngạch, giảm chút đỉnh thuế quan cho xuất khẩu nông sản thương phẩm của các nước đang phát triển như dầu cọ và dầu dừa. Nhưng những thoả nhượng đó chủ yếu làm lợi cho các tổ chức vận động hành lang của các nhà xuất khẩu và chế biến quy mô lớn cây công nghiệp như chủ các đồn điền cây cọ dầu Malaysia, ca cao và cà phê ở châu Phi và châu Á, và đường ở Caribê. Còn đông đảo tiểu nông không có tổ chức, chuyên canh ngô, lúa và cây lương thực khác bị tổn thương nặng nề vì cái trò đổi chác đó, tự do hóa thị trường cho lương thực và các thực phẩm cơ bản khác.

Đối với Đông Nam Á, chẳng hạn, mỗi lợi nhỏ cho dầu cọ Malaysia và dầu dừa Philippin từ Vòng Uruguay phải đánh đổi bằng sự tổn thất nặng nề gây ra do tự do hóa ngành thóc gạo Malaysia, Indônêsi-a, Philippin. Nông dân Thái cũng chẳng được lợi lộc gì mấy; chính những chủ vừa trung gian Băng cốc mới kiếm được bẫm nhờ tăng xuất khẩu gạo. Tự do hóa thêm nữa bằng một vòng đàm phán mới chỉ càng đẩy các tiểu nông nhỏ của khu vực này, cũng như nông dân sản xuất nhỏ ở các vùng khác của phương Nam vào chỗ khánh kiệt.

Có lẽ sự bất bình đẳng được chế định trong Hiệp định nông nghiệp đã khái quát đầy đủ nhất trong lời phát biểu của Bộ trưởng thương mại và công nghiệp Philippin tại Hội nghị cấp bộ trưởng WTO lần thứ hai tháng Năm 1998: “Hiệp định nông nghiệp như hiện hữu... đang kéo dài sự bất bình đẳng trên sân chơi mà hệ thống mậu dịch đang tìm cách khắc phục. Hơn thế nữa, nó còn đặt gánh nặng điều chỉnh lên vai các nước đang phát triển chứ không phải là các quốc gia khác có đủ khả năng duy trì một mức cao những sự hỗ trợ nội địa và trợ cấp xuất khẩu”.

Ra quyết định kiểu các ông trùm

Còn có những bất bình đẳng khác trong tổ chức WTO mà hệ thống ra quyết định có lẽ là trắng trợn nhất. Trong lúc những kẻ tán dương WTO tâng bốc hết lời tính chất dân chủ của thể thức một quốc gia/một phiếu bầu, rằng Hoa Kỳ cũng chỉ có đúng một phiếu như Ruanda, Dominica v.v. thì trong thực tế WTO rất phi dân chủ và nằm dưới sự điều hành của một nhóm đầu sỏ chính trị, chẳng khác gì tại Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế. Nếu nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số được thực sự vận dụng thì WTO sẽ phải cơ cấu như Đại hội đồng Liên hợp quốc để đáp ứng thích đáng cho yêu cầu của phương Nam. Nhưng cũng như với Ngân hàng thế giới và IMF, phương Bắc bày ra các cơ chế khác để kiểm soát WTO. Trong lúc tại Ngân hàng thế giới và IMF, cơ chế chủ yếu để kiểm soát là quy mô phần đóng góp vốn của các nước giàu khiến họ có quyền đầu phiếu rất mạnh so với đông đảo các nước đang phát triển, thì ở WTO sự thống trị của phương Bắc được thực hiện bằng một uyển ngữ mỹ miều là 'đồng thuận'.

Quy trình này được một vị có nhiều ảnh hưởng mô tả rõ ràng trước Quốc hội Mỹ. Đó là nhà kinh tế học C. Fred Bergsten. Sau khi đã lưu ý trong tổ chức GATT, tiền thân của WTO, đã không có bỏ phiếu từ năm 1959, nhà kinh tế học này nhấn mạnh: "WTO không làm việc bằng bỏ phiếu. WTO tiến hành công việc bằng cách dàn xếp đồng thuận, mà nói thật, nó được quản lý bởi tứ đầu chế (Quad) Hoa kỳ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu và Canada". "Các nước đó phải đồng ý với nhau trước khi làm một việc gì đó. Đúng là như vậy. Nhưng không bỏ phiếu. Tôi không dự liệu việc bỏ phiếu trong thiết chế mới".

Cung cách mà sự đồng thuận bảo đảm cho bá quyền của phương Bắc vừa được phơi bày nhân việc lựa chọn người thay thế cho Renato Ruggieo làm tổng giám đốc. Khối do Mỹ cầm đầu

kiên quyết từ chối việc vận dụng nguyên tắc đa số theo đề nghị của những nước ủng hộ Supachai của Thái Lan, lấy lý do là làm như vậy sẽ vi phạm truyền thống đồng thuận.

WTO quả đã phi dân chủ đến mức các quyết định được đưa ra theo cách không chính thức, thông qua các phiên họp riêng do mấy cường quốc thương mại triệu tập bên lề các hội nghị bộ trưởng. Các phiên họp chính thức chỉ dành cho các bài diễn văn. Các hiệp định then chốt của Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ nhất và lần thứ hai của WTO, cụ thể là Hiệp định tự do hóa thương mại công nghệ thông tin năm 1996 ở Singapo và Hiệp định về tự do hóa thương mại điện tử ở Geneva năm 1998, tất cả đều được quyết định tại các cuộc họp kín không chính thức, và sau đó đem ra hội nghị toàn thể như một việc đã rồi.

Chiến lược cho sự thay đổi

Chính trong khung cảnh đáng buồn này mà chúng ta nói đến cải tổ. Ở đây chúng ta không muốn dẫm theo lối mòn của những kẻ sau khi đưa ra cáo trạng buộc tội các thiết chế Bretton Woods lại ngoảnh mặt sang phía khác trước câu hỏi phải làm sao đây, rồi kêu gọi các thiết chế tài chính và WTO hãy chịu trách nhiệm trước Liên hợp quốc và định hướng lại chính sách nhằm phục vụ đa số người nghèo, bởi vì làm như thế, theo họ là “thực sự khai sáng chính lợi ích của các nước công nghiệp giàu mạnh, và lớp lớp con cháu của muôn đời sau”. Đó là kiểu tư duy không tưởng, đặc biệt là khi phương Bắc vừa hoàn tất cái chiến dịch toàn cầu đẩy lùi chương trình cải cách của phương Nam, và bồi cho nó một phát đạn kết liễu ân huệ. Những gì mà trật tự kinh tế quốc tế mới (NIEO), Phong trào không liên kết (NAM), UNCTAD mong mỏi chỉ là cải cách thôi, không phải là cách mạng, thế nhưng họ vẫn băn khoăn không rõ liệu sự nghiệp đã hạn chế đến thế - mà một nhà quan sát phương Bắc nhận xét đó

vẫn là “trật tự hiện hữu cộng thêm sự giúp đỡ của vài ngọn cờ phương Nam” - có lỗi cuốn được phương Nam không.

Vào lúc này, thay đổi không có nghĩa là phí thời gian công sức để mở rộng những lĩnh vực cải tổ trong Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và Tổ chức thương mại thế giới. Những thiết chế này, mượn một ẩn dụ của Max Weber, là một cái lồng sắt của ba tòa thư lại và thác quyền dẫm lên nhau, chính là nơi mà các hoài bão và lợi ích của phương Nam bị chót chặt về cơ cấu.

Một mũi công kích của một phản chiến lược khả thể để bảo vệ quyền lợi cho phương Nam là phải hướng ngăn chặn sự đục ruỗng hệ thống Liên hợp quốc và bảo vệ tính hợp pháp của nó vào thời điểm mà hiệu năng một công cụ phát triển của nó bị sự đối địch của phương Bắc và ngân sách thiếu hụt làm cho què quặt. Người ta có thể làm được nhiều việc mà đâu có lọ tiền, thật vậy, miễn là đồng tiền được chi đúng chỗ, như trường hợp Báo cáo phát triển nhân lực của UNDP đã cho ta thấy nó đã trở thành tư liệu có uy tín đến thế nào, ở cả Bắc và Nam, về phản ánh tình hình kinh tế và xã hội của thế giới, bất chấp những gì hàng núi tư liệu của Ngân hàng thế giới cố công trình bày. Một ứng cử viên xứng đáng để làm những gì mà UNDP thành công về phát triển với Báo cáo phát triển nhân lực, là Báo cáo của UNCTAD về thương mại và phát triển, mà tiêu điểm là về các cơ cấu toàn cầu đang cản bước tiến của phương Nam, và đó là một liều giải độc tốt chống lại các ấn phẩm WTO ra rả các giáo điều về lợi ích của tự do mậu dịch.

Tuy nhiên, nhìn xa hơn, chiến lược làm cho các cơ quan Liên hợp quốc trở thành trụ cột cho một trật tự quốc tế thay cho cái hiện tại thì còn lâu, rất lâu mới mong có được kết quả. Vậy thì các phong trào phương Nam phải tập trung nghị lực làm gì đây? Theo quan điểm của chúng tôi thì phải làm cho nó quá tải, không còn hoạt động được, bằng cách liên tục đưa ra những yêu cầu mà hệ thống này không thể đáp ứng nổi. Chẳng hạn, với

Quyền tiền tệ quốc tế thì các chính phủ phương Nam và các tổ chức phi chính phủ có thể đưa ra những đòi hỏi như: minh bạch hơn khi ra quyết định, quan chức IMF phải được quy định rõ chịu trách nhiệm với ai và đến đâu, phải dàn xếp để thực hiện một quốc gia/một phiếu bầu khi ra quyết định, chấm dứt các chương trình điều chỉnh cơ cấu, không bổ sung tiền cho các chương trình tăng cường điều chỉnh cơ cấu (ESAF), không mở rộng thẩm quyền của IMF về các chủ đề lãnh đạo và điều hành, và đặt các chương trình điều chỉnh cơ cấu còn lại phụ thuộc vào các hiệp định về môi trường toàn cầu.

Còn đối với WTO, trong các sách lược chủ yếu có thể vận dụng để làm cho nó quá tải, người ta có thể thúc ép thay chế độ đồng thuận quyết định bằng bỏ phiếu theo đa số, sử dụng một cách sáng tạo các cơ chế chống thâm nhập bằng nhập khẩu, và khai thác các lỗ hổng trong Hiệp định về vệ sinh và vệ sinh thực vật để hạn chế nhập khẩu nông sản. Chính phủ các nước đang phát triển cần tiếp cận các luật lệ WTO như cung cách của một luật sư có tài tiếp cận bộ luật hình sự, nghĩa là khéo khai thác những điều mập mờ một cách có lợi cho thân chủ - trong trường hợp này là nông dân, các nhà chế tạo, và những người sản xuất khác của Thế giới thứ ba.

Tất nhiên, chiến lược gây quá tải cho hệ thống đó phụ thuộc rất nhiều vào việc xây dựng các liên minh chính trị toàn cầu, kể cả liên minh với các lực lượng chống toàn cầu hóa, và các lực lượng chính trị - xã hội của phương Bắc. Có thể đưa ra vài thí dụ: Một chiến dịch vận động gây sức ép toàn cầu của các TCPCP cả Bắc và Nam đối với các chính phủ OECD đã ngăn được thiết chế này thông qua Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI). Áp lực của các TCPCP với Quốc hội Hoa Kỳ cũng 'khai tử' âm mưu vận động cơ quan lập pháp này cho phép hành pháp được quyền 'đi đường cao tốc' để thương lượng các hiệp định thương mại, làm suy yếu khả năng của Mỹ đòi tự do hóa mậu dịch hơn nữa ở Hội

ngộ cấp bộ trưởng WTO ở Siaton.

Ở những nơi không thể đặt ra vấn đề giải quyết cơ cấu thì giải pháp tốt nhất có thể được là chỉ có các cơ cấu phi chức năng hoặc chẳng có cơ cấu nào vận hành cả. Chẳng hạn, trong thời kỳ chẳng có cơ cấu nào giám sát viện trợ và phát triển, tức là trong Chiến tranh thế giới thứ hai và thời kỳ ngay sau chiến tranh, các nước Mỹ Latinh đã đẩy mạnh việc sản xuất thay thế hàng nhập khẩu, và do đó đã đặt được cơ sở cho các cơ cấu công nghiệp. Và trong thời kỳ những năm 1960 cho đến cuối những năm 1980, khi WTO chưa ra đời, các nước mới công nghiệp hóa ở Đông và Đông Nam Á đã tranh thủ thời cơ tác thành cho chủ nghĩa bảo hộ bên trong với thương mại năng động bên ngoài, nhờ đó đã chuyển từ chậm phát triển sang tư thế nước công nghiệp chỉ trong vòng một thế hệ.

Các cơ cấu đa phương bảo vệ quyền lợi cho các siêu cường phương Bắc dưới cái vỏ nguy trang là định ra luật lệ toàn cầu cho tất cả mọi người. Đó là lý do tại sao khi biện hộ cho WTO trước Quốc hội Hoa Kỳ, nguyên đại diện thương mại của Mỹ là Mickey Kantor đã mệnh danh WTO là một 'thanh gươm' có thể được sử dụng để bặt nấp các nền kinh tế. Đó cũng là lý do tại sao nhà tư tưởng chèo chống con thuyền mậu dịch Mỹ là C. Fred Bergsten lại có thể nói với Thượng nghị viện Hoa Kỳ rằng việc phê chuẩn Hiệp định Marrakesh có thể mang lại lợi ích cho Mỹ, vì ngoài hành động đơn phương "nay chúng ta có thể tận dụng toàn bộ trọng lượng của cỗ máy quốc tế để tấn công vào các rào cản mậu dịch, giảm thiểu chúng, rồi hóa kiếp cho chúng".

Mặc dù mối đe dọa hành động đơn phương của kẻ mạnh luôn luôn tồn tại, nếu cân nhắc mọi mặt, có một hệ thống toàn cầu mà trong đó không có các cơ cấu đa phương hoặc có nhưng bị tê liệt, thì vẫn có lợi cho sự nghiệp của phương Nam.

Tất nhiên, các thuyết gia phương Bắc sẽ gào lên như thế có khác gì một tình trạng 'vô chính phủ'. Nhưng kẻ mạnh vẫn luôn

luôn là kẻ gây ra nỗi lo đó. Hình ảnh của các quan hệ quốc tế trong một thế giới được ghi dấu bằng vài ba hiệp định quốc tế ‘kinh tởm’ và ‘thô bạo’ vẫn luôn luôn là một ảo ảnh chẳng chút phù hợp với thực tiễn. Đó là vì mục tiêu chính của các dàn xếp đa phương hoặc quốc tế không bao giờ là nhằm bảo đảm luật lệ và trật tự để che chở cho kẻ yếu. Các cơ cấu đó được những kẻ mạnh đưa ra chủ yếu là nhằm hạn chế bớt những tổn kém trong việc tuần cảnh hệ thống để đoán chắc rằng những kẻ yếu hơn phải một bề tôn trọng kỷ cương do kẻ mạnh đưa ra, hoặc tách hẳn hoàn toàn.

Nói ngắn gọn, một hệ thống quốc tế mềm mại trong đó có nhiều vùng mơ hồ, mà kẻ yếu hơn có thể khai thác để bảo vệ quyền lợi của mình, có thể là sự lựa chọn thực tiễn duy nhất trong trật tự đa phương toàn cầu hiện nay, khả dĩ làm suy yếu sự bám giữ của phương Bắc. Kẻ được lợi chính trong những cơ cấu rạch ròi luôn luôn là kẻ mạnh và người giàu. Càng có ít cơ cấu và luật lệ càng kém rõ ràng thì càng tốt cho phương Nam.

Chương VI

Người thắng và kẻ thua trong toàn cầu hóa

Phân tích thời kỳ sau GATT

*Phía trước họ, những người nghèo, là một tương lai mờ mịt
— UNDP*

Michael Barratt Brown

GATT (Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch) ra đời năm 1947 để thế chỗ cho Tổ chức mậu dịch quốc tế (ITO) được đề nghị như một tổ chức quốc tế thứ ba đồng thời với Ngân hàng thế giới (Ngân hàng) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Ngân hàng và Quỹ tiền tệ quốc tế được thành lập là để phục vụ cho bá quyền của Hoa Kỳ. ITO bị gạt bỏ, bao gồm cả các nội dung tích cực hỗ trợ những người sản xuất hàng hoá và khuyến khích mua bán các sản phẩm chế tạo. GATT chẳng có gì khác hơn là việc đưa ra một loạt hiệp định để giảm thuế quan và những hạn chế khác đối với tự do thương mại, chủ yếu là các sản phẩm chế tạo của những quốc gia đã công nghiệp hóa. Ngay từ đầu các nước chưa công nghiệp hóa đã coi nó như một 'con đường một chiều'. Xuất khẩu từ các nước công nghiệp đến các nước không công nghiệp hóa thì tự do, chiều ngược lại thì vẫn tiếp tục vấp phải nhiều chương ngại.

Con đường một chiều của GATT

Mỗi vòng thương lượng về mậu dịch quốc tế nhằm mục đích làm cho buôn bán được tự do hơn đều lấy tên quốc gia nơi diễn ra hội họp. Vòng cuối mệnh danh là Vòng Uruguay có nhiệm vụ không những chấm dứt các chính sách bảo hộ còn lại đối với sản phẩm chế tạo, mà còn mở rộng tự do mậu dịch các sản phẩm nông nghiệp, đầu tư vốn và cung cấp dịch vụ. Trong thực tế, các nước công nghiệp đã tỏ ra rất miễn cưỡng trong việc từ bỏ việc bảo hộ công nghiệp dệt may cũng như các hình thức bảo hộ cho các trang viên của họ, nhưng lại rất kiên quyết đòi mở cửa thị trường của các nước đang phát triển cho dòng vốn của họ, cho tài sản trí tuệ của họ (bằng sáng chế v.v.) và các dịch vụ khác cũng như hàng hóa của họ. Họ cũng muốn chấm dứt việc bảo hộ hàng hoá của các nước vốn là thuộc địa của châu Âu được quy định trong các công ước Lomé ở Tôgô. Các hiệp định cuối cùng của GATT năm 1994 đã mang lại những kết quả rất không cân bằng.

Vào thời gian đó, Peter Madden và John Madeley đã viết một khảo luận ngắn cho Tổ chức Christian Aid, Vương quốc Anh, dưới nhan đề *“Kẻ thắng và người thua: Hậu quả của Vòng Uruguay đối với các nước đang phát triển”*. Các tác giả đã trích được từ một báo cáo viết chung của WB và OECD, theo đó, trong tổng số 213 tỷ USD lợi nhuận sẽ thu được từ tự do hóa mậu dịch của Vòng Uruguay, các nước công nghiệp phát triển chiếm một phần năm số dân thế giới sẽ giành được 142 tỷ USD tức hai phần ba tổng số, các nước còn lại với bốn phần năm số dân thế giới chỉ được một phần ba. Các nước chậm phát triển nhất, chủ yếu ở Nam Sahara châu Phi và Nam Á, là những người thua thiệt. Lý do mà hai tác giả đưa ra cho ước tính đó là phần lớn châu Phi và Nam Á không có một cơ sở công nghiệp chế tạo để tranh thủ thời cơ các thị trường mới mở cửa, và cũng

không cạnh tranh nổi với các sản phẩm nông nghiệp vẫn tiếp tục được trợ giá của các nước công nghiệp. Trong lúc đó thì chẳng có biện pháp nào để bảo vệ hàng xuất khẩu, chủ yếu là lương thực, của phần lớn các nước châu Phi.

Những mục tiêu trên lý thuyết của WTO

Vòng Uruguay đã nhất trí GATT sẽ kết liên với các tổ chức cùng hội cùng thuyền về dịch vụ và tài sản trí tuệ đứng chung trong một thiết chế mới là Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Tổ chức này được giao trách nhiệm thi hành các thỏa thuận bằng cách đình chỉ lợi ích của các nước không thi hành hiệp định. Nó không đơn giản như GATT chỉ là một diễn đàn thảo luận. Trong hiệp định cuối cùng này, các bên ký kết thừa nhận rằng:

“Các mối quan hệ trong lĩnh vực thương mại và kinh tế cần được tiến hành với mục đích nâng cao mức sống, bảo đảm có đủ việc làm, tăng trưởng đều đặn và rộng rãi khối lượng thu nhập thực tế và nhu cầu thực sự, và mở rộng sản xuất và trao đổi hàng hóa và dịch vụ, đồng thời tạo điều kiện tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực của thế giới phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, tìm cách vừa bảo vệ và gìn giữ môi trường, vừa tăng cường các phương tiện để có thể đạt được mục tiêu đó, tương hợp với các nhu cầu và những quan tâm ở các giai đoạn khác nhau của phát triển kinh tế”.

Nửa đầu của trích dẫn này nhắc lại những gì đã dự thảo cho ITO, nửa thứ hai dựa theo lời lẽ trong các thỏa thuận về môi trường đạt được ở Rio năm 1991. Cả hai phần này buộc các bên ký phải cam kết với các chính sách khó lòng phù hợp với các chính sách kinh tế của nước mình và khó tương thích với việc tự do hóa hoàn toàn thương mại. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy

tự do mậu dịch trong công nghiệp chế biến và thực phẩm gây nên thất nghiệp tại các nước ở cả trình độ phát triển kinh tế cao lẫn thấp, và tự do thương mại các sản phẩm nông nghiệp, gỗ, cá có thể tàn phá môi trường thiên nhiên. Tự do hóa mậu dịch trong lĩnh vực dịch vụ và tài sản trí tuệ sẽ làm cho các nước chưa công nghiệp hóa rất khó phát triển các doanh nghiệp chế tạo, dịch vụ và chuyên ngành của mình trước sự cạnh tranh của các nền kinh tế tân tiến hơn.

Luận cứ tự do thương mại dựa vào lý thuyết về lợi thế so sánh do David Ricardo đưa ra cách đây đã 180 năm. Mỗi quốc gia hoặc mỗi vùng cần tập trung sản xuất những gì mình có ưu thế nhất, hoặc ít ra những gì mình ít nhược điểm nhất, và mua mọi thứ khác từ nước ngoài. Và như thế, mọi người đều được lợi ích của tăng trưởng. Nhưng không thấy nói mọi người đều được hưởng lợi như nhau. Có thể có sự tăng lên trong tổng lợi nhuận, một số sẽ thu lợi rất nhiều, nhưng một số lại không ở vị trí khả dĩ tận dụng được các cơ hội mới. Người ta vẫn thường nghe nói triều lên thì thuyền nổi, nhưng có thể một số tàu ra được biển khơi, một số vẫn nằm đáy vì thùng đầy, không vượt trùng dương được, hoặc chở quá nhiều hành khách nên không an toàn.

Vòng Uruguay đã đạt được những kết quả gì ?

Điều gì đã xảy ra kể từ khi chấm dứt Vòng Uruguay và thiết lập WTO đã được Báo cáo phát triển nhân lực của UNDP, một tổ chức thường không được coi là cấp tiến, làm sáng tỏ. Báo cáo đã phân tích cụ thể luật chơi của thương mại quốc tế đã thiên lệch có hại cho các nước nghèo như thế nào:

- thuế của các nước công nghiệp thường leo thang theo mỗi giai đoạn chế biến nguyên liệu thô, bình quân các nước đang phát triển phải chịu cao hơn 10 phần trăm và các nước kém

phát triển phải chịu cao hơn 30 phần trăm so với bình quân toàn cầu. Đó là vì các nước đang phát triển phải chịu thuế cao cho các mặt hàng xuất khẩu chế biến giai đoạn thứ nhất như dệt may, da giày và nông sản.

- các nước công nghiệp giảm hàng rào thuế quan thường thay nó bằng hàng rào phi thuế quan, như quy định hạn ngạch, các biện pháp 'chống phá giá' và thỏa thuận 'tự nguyện hạn chế'. Tai tiếng nhất là Hiệp định đa sợi (MFA) cho hàng dệt, được dự tính sẽ chấm dứt sau mười năm theo thỏa thuận Uruguay, nhưng sau đó lại được thay thế bằng một sắc thuế 12 phần trăm, cao gấp ba lần mức thuế của các sản phẩm chế tạo khác.
- các nước công nghiệp đồng ý giảm 21 phần trăm khối lượng xuất khẩu nông sản được trợ cấp, nhưng lại cho phép trợ cấp thu nhập cho nông dân của họ. Năm 1995, các nước này trợ cấp 182 tỷ USD, tương đương ba lần tổng số tiền viện trợ cho các nước đang phát triển. Một nông dân Mỹ hoặc Pháp nhận trợ cấp gấp 100 lần thu nhập của một nông dân Philippin, những người này phải cạnh tranh với ngô nhập khẩu giá hạ hơn 30 phần trăm so với giá thị trường.
- các nước công nghiệp nay có thể thu phí rất cao các giấy phép sử dụng công nghệ nước ngoài của các nước đang phát triển. Người ta hứa với họ, bù lại, họ sẽ nhận được đầu tư trực tiếp, nhưng các nước nghèo nhất thì chẳng thu hút được đầu tư vì cơ sở hạ tầng quá yếu kém.
- các nước công nghiệp vẫn đòi các nước nghèo nhất phải trả nợ, số nợ này tăng thêm mỗi năm vì họ phải vay nợ mới để trả nợ cũ. Chính vì thế số nợ nước ngoài của các nước đang phát triển nhiều nợ đã tăng từ 55 tỷ USD năm 1980 lên đến 183 tỷ USD năm 1990 rồi vọt lên 215 tỷ USD năm 1996.
- thị trường các nước công nghiệp có thể mở ra để nhập một số mặt hàng của các nước đang phát triển.

Nhưng như Báo cáo của UNDP:

“Các chính sách ổn định có thể làm cho hoạt động kinh tế co hẹp và có thể phản phát triển... Tự do hóa thị trường có thể mở rộng cơ hội cho các nhà doanh nghiệp - nhưng đối với số đông, đặc biệt là người nghèo, thị trường không bảo đảm cho họ các cơ hội tiếp cận ngang nhau mà các chính sách mới muốn mang lại - hoặc cơ sở cần thiết để tận dụng các thời cơ đó”.

Các nước công nghiệp có thể sử dụng luận cứ tự do mậu dịch để không đếm xỉa đến những phản đối về bóc lột con người hoặc gây tổn hại cho môi trường trong sản xuất, hoặc việc sử dụng những hàng hóa hay dịch vụ nào đó phương hại tới quyền con người hoặc an toàn của họ bị đe dọa.

Những kết quả cụ thể

Thời gian sau ba năm có lẽ còn chưa đủ để đánh giá kết quả của các hiệp định cuối cùng của GATT. Rõ ràng nhìn tổng thể, kinh tế của các nước đang phát triển tăng trưởng nhanh hơn các nước phát triển, tất nhiên từ một cơ sở xuất phát thấp hơn, và tỷ trọng trong mậu dịch thế giới cũng tăng hơn. Điều này một phần là do suy thoái ở châu Âu và Nhật Bản và do sự tăng trưởng mau lẹ của sản xuất và thương mại ở một số ít quốc gia và lãnh thổ mới nổi (NIC), chủ yếu là ở Đông Á và Đông Nam Á. Từ năm 1995 đến 1997, UNDP dự kiến 24 nước đang phát triển (14 nước ở châu Á) sẽ đạt mức tăng trưởng 3 phần trăm một năm, so sánh với 30 nước đạt được như vậy bốn năm trước đó. Tính theo mức nghèo của UNDP (dưới 1 USD một người một ngày), Mỹ Latinh, Caribê và Nam Sahara châu Phi là những vùng nghèo khổ tăng lên.

“Một nửa số nước đang phát triển đã bị đầu tư nước ngoài bỏ qua, hai phần ba số đầu tư đó tập trung vào tám nước đang phát triển... Các nước chậm phát triển nhất chiếm 10 phần trăm số dân thế giới chỉ có tỷ lệ 0,3 phần trăm thương mại thế giới - bằng một nửa tỷ lệ của họ hai thập kỷ trước”.
(Báo cáo của UNDP, 1997)

Người ta nói nhiều về tỷ lệ tăng trưởng của các nước Nam Sahara châu Phi (từ *Economist*, ngày 14 tháng Sáu 1997). Năm 1996, khu vực này đạt mức tăng trưởng 4,4 phần trăm, nhanh hơn trong vòng hai thập kỷ và gấp đôi tốc độ của các nước công nghiệp. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đáng mừng đó chủ yếu là do những nguyên nhân của tự nhiên, không phải là do tự do thương mại. Được mùa và được cả giá, đặc biệt đối với ca cao, cà phê, bông. Nhất là cà phê, nhờ nhiều nơi khác trên thế giới bị thất bát. Tuy nhiên, cũng không thể tách rời việc tổ chức hiệu quả hơn của nông dân với sự ủng hộ của những người tiêu thụ tại các nước công nghiệp sẵn sàng trả một giá thích đáng hơn cho những sản phẩm mua bán công bằng. Với sự hỗ trợ đó từ bên ngoài, các tổ chức nông dân ở các nước đang phát triển có khả năng tận dụng lợi thế của tự do hóa thương mại. Tuy nhiên, theo các thống kê của Ngân hàng thế giới, tỷ phần của các nước có thu nhập thấp (trừ Trung Quốc và Ấn Độ) vẫn tiếp tục suy giảm (từ 1,3 phần trăm xuống còn 1,25 phần trăm tổng số năm 1995).

Nghiêm trọng hơn sự mở rộng cánh kéo về tăng trưởng thu nhập và tỷ phần thương mại giữa một số ít nước đang phát triển có điều kiện tốt hơn và các nước nghèo nhất là tình trạng xấu đi trong các nước nghèo nhất về phát triển nhân lực (tức về tỷ lệ biết chữ, tỷ lệ tử vong và điều kiện tiếp cận dịch vụ y tế như nước sạch, chăm sóc sức khoẻ v.v.). Báo cáo của UNDP vạch rõ rằng:

“Các số liệu mới nhất cho thấy các chỉ số phát triển nhân lực theo chiều đi xuống tại 30 nước trong năm qua, rõ hơn bất cứ năm nào kể từ khi Báo cáo phát triển nhân lực ấn hành đầu tiên năm 1990”.

Quá đủ đối với Vòng Uruguay, một công cụ xóa nghèo!

Vậy ai thắng ai thua?

Trong số ba mươi quốc gia nói trên có 10 nước thuộc Liên Xô trước đây, và 14 nước Nam Sahara châu Phi, những nước nghèo nhất thế giới đã có thêm nước sạch, một số cải thiện về tỷ lệ biết chữ nhưng là từ một nửa trong số dân chúng mù chữ. Song bên cạnh đó, tỷ lệ tử vong tăng, nhất là trong trẻ em do thiếu dịch vụ y tế. Báo cáo của UNDP chứng minh sự bất bình đẳng về giới gắn chặt với nghèo khổ như thế nào... Với tốc độ tăng trưởng bình quân hơn 3 phần trăm của thế giới, 97 nước trong tổng số 166 có thu nhập trên đầu người năm 1994 thấp hơn trước 1990.

Tăng trưởng đi kèm với bất bình đẳng là một đặc trưng của thời đại chúng ta. Phân tích của UNDP cho thấy tăng trưởng kinh tế là cần thiết để giảm nghèo, số người nghèo tăng lên nếu tỷ lệ tăng trưởng giảm, nhưng bản thân tăng trưởng không đủ để thúc đẩy phát triển nhân lực và thanh toán nghèo khổ. Điều này thể hiện rất rõ ở tỷ lệ người nghèo ngày một cao và tình trạng bất bình đẳng ngay trong các nước phát triển, bất chấp kinh tế tiếp tục tăng trưởng.

Chúng tôi đã xác định rõ những người thua thiệt ngay khi hoàn tất Vòng Uruguay. Đó là những người nghèo nhất của những nước nghèo nhất thuộc Nam Sahara châu Phi, Nam Á, Mỹ Latinh và Caribê. Nhưng những người thua thiệt còn là những người ở các nước phát triển, không được gì hoặc thậm chí mất mát trong lúc kinh tế tăng trưởng đi kèm với bất bình đẳng

sâu sắc thêm. Phụ nữ và trẻ em chịu nhiều thiệt hại nhất. Báo cáo của UNDP còn thêm vào đó những sắc tộc thiểu số và những thổ dân, họ luôn luôn là những người nghèo nhất trong những người nghèo ở bất cứ đâu và bất cứ thời điểm nào. “Phía trước họ là một tương lai u ám”, báo cáo nhận định.

Chúng ta cũng có thể xác định những kẻ chiến thắng. Có thể tìm thấy họ ở các nước công nghiệp giàu có và ở cả những nước mới công nghiệp hóa. Vì nay ở các nước này bất bình đẳng cũng hết sức sâu sắc, và do đó, vẫn nhiều cảnh ‘kẻ ăn không hết người lần chẳng ra’.

Của cải tích lũy, nghèo khổ gia tăng. Chỉ với các biện pháp phân phối lại một cách triệt để thì mới thay đổi được tình trạng này, không chỉ phân phối lại thu nhập mà cả các nguồn lực dành cho nghiên cứu và đầu tư vào giáo dục và đào tạo, vào nông nghiệp và dịch vụ y tế của các nước nghèo, và nhấn mạnh vào chủ trương mà Báo cáo của UNDP gọi là ‘tăng trưởng vì người nghèo’, tăng sức mạnh cho người nghèo, với sự chú ý đặc biệt đến giáo dục và sự tham gia của phụ nữ.

Có một câu hỏi với những người chiến thắng. Liệu có ai là người chiến thắng nếu sự gia tăng bất bình đẳng dẫn tới bạo lực, khủng bố và chiến tranh như đã xảy ra ở Nam Tư, Angiêri, Ruanda, Sômalì? Và ai sẽ là người chiến thắng nếu các luật lệ của WTO không bảo vệ được cuộc sống của muôn loài hoang dã, của môi trường, và sự cân bằng sinh thái của hành tinh chúng ta. WTO nên nhớ lại những mục tiêu đã được nhất trí và nên bắt đầu khuyến khích không chỉ mậu dịch mà cả những biện pháp để bảo đảm ‘mức sống cao hơn’, ‘toàn dụng lao động’, và “sử dụng tốt nhất các nguồn lực của thế giới phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững”? Các cuộc thăm dò dư luận ở các nước công nghiệp cho thấy đại đa số dân chúng các nước này sẵn sàng hỗ trợ những biện pháp đó, nếu chúng được trình bày cho họ một cách đúng đắn, hợp lý và có hệ thống.

Dân chúng các nước công nghiệp cũng tỏ ra sẵn sàng trong hành động cũng như trên lời nói, chuyển việc mua sắm không chỉ sang các mặt hàng mua bán công bằng mà cả các sản phẩm không gây tổn hại tới môi trường. Liên quan đến vấn đề này, cam kết của WTO tự do mậu dịch bằng mọi giá không chỉ là sự thách thức các mục tiêu thành lập nó, các điều khoản mà chúng tôi đã dẫn chiếu, mà còn đi ngược lại với nhận thức của công chúng thế nào là công bằng và cái gì là cần thiết để bảo vệ môi trường. Tự do mậu dịch quốc tế để bóc lột, phụ nữ và thanh thiếu niên trong sản xuất các thiết bị điện tử, bóng đá, giày thể thao, áo pun, để tàn phá các cánh rừng, gây ô nhiễm cho các con sông và vùng biển, sử dụng hoá chất độc hại để kích thích rau quả tăng trưởng đã trở thành một thứ tự do quá đáng dưới mắt người tiêu thụ cũng như người sản xuất. Đã có các hệ thống mậu dịch khác có thể thay thế. Những hệ thống này chỉ cho chúng ta con đường thoát khỏi thế lưỡng nan đã có kẻ thắng thì phải có người thua.

Chương VII

WTO và các nước đang phát triển

Tôi có thiện cảm với những ai chủ trương tối thiểu hóa chứ không phải tối đa hóa việc hội nhập kinh tế giữa các quốc gia. Tư tưởng, kiến thức, nghệ thuật, du hành và bao thứ khác, về bản chất, là quốc tế. Nhưng hàng hóa nên là sản phẩm quốc gia nếu có thể và nếu tiện lợi. Và đặc biệt, tài chính trước hết phải là quốc gia.

— MAYNARD KEYNES

Aileen Kwa

Đặc trưng của GATT là chuyển mậu dịch giữa một số quốc gia với nhau thành mậu dịch đa phương, đặt nó trong bối cảnh toàn cầu, buộc nó chịu chung những thăng trầm và dao động của thị trường thế giới nằm trong tay của các công ty xuyên quốc gia.

Trong bốn mươi năm tồn tại đầu tiên của nó, GATT nhấn mạnh chủ yếu vào việc bành trướng thương mại thông qua việc giảm thuế quan. Từng thời kỳ, các thành viên gặp nhau để thương lượng về tỷ lệ thuế quan và hạn ngạch cho các sản phẩm đưa ra thị trường. Vào những năm 1970, một số vấn đề mới được đưa vào GATT dưới hình thức các quy phạm, nhưng chủ yếu là do các nước phát triển đề xuất và thực hiện, rất ít nước đang phát triển hưởng ứng, vì họ thấy chúng quá khắt khe và chẳng mang lại mấy lợi lộc cho họ.

Tuy nhiên, tình hình đã thay đổi mau lẹ với Vòng đàm phán

Uruguay năm 1986, và sau đó là sự thành lập WTO. Khi bắt đầu Vòng Uruguay, các nước phát triển, cố nhiên đứng đầu là Mỹ, nêu ý kiến là có nhiều lĩnh vực chứ không riêng gì mua bán hàng hoá, có ý nghĩa rất quan trọng đối với nền kinh tế của họ. Do đó, họ đề nghị tổ chức một vòng thương lượng mới của GATT, bao gồm dịch vụ, đầu tư và quyền sở hữu trí tuệ. Họ đã toại nguyện khi đưa được hai nội dung là dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ vào Vòng Uruguay.

Và chỉ mấy tháng sau khi hoàn tất Vòng Uruguay (ngày 15 tháng Mười hai 1993), các nước lại ký Định ước cuối cùng ở Marrakesh, Maroc tháng Tư 1994, khẳng định kết quả của vòng thứ tám, vòng cuối cùng của GATT, là đã “tăng cường nền kinh tế thế giới, khuyến khích thương mại dịch, đầu tư, việc làm và thu nhập trên toàn thế giới”. WTO tiêu biểu cho kết quả của Vòng Uruguay và kế vị cho GATT. Các nước phát triển lớn lại tìm cách đưa thêm những vấn đề mới vào chương trình nghị sự của WTO. Đó là vấn đề đầu tư (đưa lại), tiêu chuẩn lao động, minh bạch trong mua sắm của chính phủ và chính sách cạnh tranh.

WTO là một thiết chế mạnh hơn hẳn GATT. Đó chủ yếu là do nó có một cơ chế để giải quyết tranh chấp mà mọi quốc gia thành viên có thể cầu đến khi lâm sự. GATT chỉ có 128 quốc gia và lãnh thổ thành viên so với 134 của WTO (nay đã tăng thành 135). GATT chỉ liên quan tới buôn bán hàng hoá. WTO bao quát cả thương mại, dịch vụ và ‘thương mại tư duy’ hay quyền sở hữu trí tuệ.

WTO không đơn giản là sự mở rộng GATT. Nó hoàn toàn thay thế và khác hẳn về bản chất. Đó là:

- GATT là một tập hợp các quy định, là một thoả thuận đa phương, không có cơ sở thiết chế mà chỉ có một ban thư ký lâm thời ra đời từ những năm 1940 với ý định lập một tổ chức mậu dịch quốc tế (International Trade Organization),

như đã nói trên. WTO lại là một tổ chức thường trực, có một văn phòng lớn.

- GATT áp dụng các quy định trên một 'cơ sở lâm thời', dù có những nước mong muốn có sự cam kết thường trực. Các cam kết của WTO là toàn diện và thường trực.
- Các quy định của GATT chỉ liên quan đến mặt dịch các sản phẩm thương mại. WTO thì ngoài ra còn bao quát cả mặt dịch các dịch vụ và mặt dịch các phương diện liên quan đến sở hữu trí tuệ.
- Trong lúc GATT chỉ là một công cụ đa phương thì đến những năm 1980, nó có thêm nhiều thỏa thuận mới của một số bên (plurilateral) nên mang tính chất chọn lọc. Các thỏa thuận của WTO hầu hết là đa phương (multilateral) mang tính cam kết của tất cả các thành viên.
- Hệ thống giải quyết các tranh chấp của WTO nhanh hơn, mang tính chất quyết định hơn nên giảm bớt được tác nghẽn so với hệ thống của GATT. Và do đó, việc thực thi xử lý tranh chấp cũng được nhanh hơn. Ở đây chưa nói tới lợi cho ai và thiệt hại cho ai.

Trong thực tế thì từ GATT đến WTO, các nước đang phát triển luôn bị ép phải:

- Tháo bỏ mọi hàng rào thuế quan bảo hộ, và như vậy, gây phương hại cho công nghệ địa phương.
- Hủy bỏ các quy định kiểm soát đầu tư nước ngoài để tạo cơ hội cho nước ngoài chi phối công nghiệp địa phương.
- Chuyển nền nông nghiệp đa canh quy mô nhỏ thành nền nông nghiệp độc canh hướng theo công ty kinh doanh xuất khẩu, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh lương thực của nhân dân địa phương.
- Hủy bỏ việc kiểm soát giá cả.

- Cắt giảm mạnh các dịch vụ xã hội của khu vực công. Tư nhân hóa quá mức các cơ quan công ích chịu trách nhiệm dịch vụ xã hội, khiến nhân dân không tiếp cận được các dịch vụ này, vì giá cả do tư nhân định đoạt quá đắt.
- Chấm dứt các chương trình 'thay thế hàng nhập khẩu' khuyến khích đa dạng hóa sản xuất và tự túc.

Chiến lược áp đặt cho các nước đang phát triển của WTO mang những đặc trưng sau:

1. Nhấn mạnh khu vực xuất khẩu. Khi một nước mở cửa biên giới thì luồng hàng hóa từ bên ngoài tràn vào. Nước đó phải trả số hàng nhập khẩu bằng giá trị hàng xuất khẩu của mình. Tuy nhiên, điều thường thấy là các nước đang phát triển chỉ sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp có giá trị thấp hoặc giản đơn là chỉ xuất khẩu nguyên liệu thô. Các nước phát triển 'dành cho' các nước đang phát triển các khu vực sản xuất phải sử dụng nhiều lao động như dệt may, các ngành gây nhiều ô nhiễm, bệnh nghề nghiệp, ít tạo được giá trị gia tăng. Các nước phát triển sử dụng đòn bẩy thuế quan để buộc các nước nghèo phải tập trung vào khai thác và xuất khẩu nguyên liệu (chịu thuế thấp), và hàng hoá bán thành phẩm (chịu thuế cao hơn) thay vì hàng công nghệ cao, vừa phải chịu thuế rất cao, vừa không sẵn thị trường.
2. Chú trọng khu vực công nghiệp đô thị, nguồn lực ít được chuyển đến vùng nông thôn, do đó, dù tỷ lệ tăng trưởng nói chung của đất nước khá hơn, khu vực nông thôn vẫn nghèo khổ, ảnh hưởng đến đa số dân chúng vùng nông thôn. Hậu quả là chênh lệch lớn giữa nông thôn và thành thị. Phần vinh đô thị che lấp nghèo khổ nông thôn. Một số người giàu lên nhưng đại bộ phận dân chúng vẫn nghèo và nghèo hơn.

Đó là thực tế của Thái Lan và Indônêsiya, ngay cả trước khi nổ ra khủng hoảng.

3. Các cộng đồng nông thôn vốn sống tự cung tự cấp nay thấy các nguồn lực truyền thống đất đai, rừng núi, sông biển... bị lấy đi để phát triển công nghiệp hoặc xuất khẩu. Từ chỗ sống trên một nền kinh tế phi tiền tệ hóa nay họ buộc phải gắn chặt với nền kinh tế đó. Thế nhưng họ lại không có tiền để sống trong xã hội kim tiền.
4. Nguồn lực nông thôn co hẹp đẩy nông dân ra thành phố kiếm sống. Nhiều thành phố ở các nước đang phát triển trở nên 'nhân mãn', số người tha hương sinh sống bất hợp pháp tăng vọt ở đô thị.
5. Sản xuất nông nghiệp tự cung không thoả mãn được yêu cầu vì sự bành trướng của cây công nghiệp. Đa số người làm nông nghiệp nhưng không đủ ăn, vấn đề an ninh lương thực còn xa vời, vì họ không có đủ đất để làm ra số lương thực cần thiết. Ngay cả trong những ngày huy hoàng của các con hổ châu Á, nghèo khổ và môi trường suy thoái vẫn hiện diện và không ngừng tăng lên. Không ai chú ý tới điều đó, người ta cho đó chỉ là hiện tượng cá biệt. Nhưng không, đó là bản chất, là hậu quả trực tiếp của tỷ lệ tăng trưởng cao.

Thái Lan chẳng hạn, khu vực đô thị tăng trưởng 10 - 12 phần trăm, khu vực nông thôn phải vật lộn với 3 - 4 phần trăm. Nhiều nơi ở Thái Lan, nông dân mắc nhiều nợ và thiếu cả lương thực. Và với việc đồng bath giảm giá, họ càng điêu đứng hơn. Người ta càng thấy rõ sự mong manh của nền kinh tế. Đó là mô hình kinh tế 'cốc rượu sâm banh', là nơi giàu nghèo cách biệt nghìn trùng, 20 phần trăm tầng lớp trên chiếm 83 phần trăm thu nhập, 20 phần trăm lớp dưới xoay xở với 1,4 phần trăm thu nhập. Bảy mươi phần trăm mậu dịch toàn cầu nằm trong tay 500 công ty xuyên quốc gia, và chỉ một phần trăm công ty xuyên

quốc gia sở hữu tới một nửa tổng đầu tư nước ngoài.

Các hiệp định thương mại mới chỉ làm tăng nhanh thêm tập trung tư bản và quyền lực của các tập đoàn xuyên quốc gia đối với các nước. Người ta thuyết phục các nước đang phát triển đi theo mô hình đó để tăng trưởng GDP. Hãy tập trung vào phát triển công nghiệp và xuất khẩu thay vì sản xuất tự cung tự cấp thì GDP mới tăng lên được. Và khi GDP tăng, của cải trong nước sẽ dồi dào, 'nước lên thì thuyền lên'. Thế nhưng GDP không làm tăng của cải mà nó là thước đo chúng ta đã tàn phá môi trường của chúng ta nhanh đến mức nào và cả nguồn lực lao động của chúng ta. Khi chúng ta đốn cây rừng đem bán thì GDP tăng lên. Nếu chúng ta không chặt phá rừng, rừng sẽ cho chúng ta lương thực, thuốc men, sẽ giữ cho môi trường sinh thái trong lành, sẽ ngăn ngừa lũ lụt, nhưng GDP sẽ không tăng được bao lắm.

Khi chúng ta trở thành tín đồ của thứ văn hoá 'ăn cháo đá bát', dùng xong là vứt bỏ, không cố gắng tái sinh, tái chế thì GDP tăng lên. Khi ta lái xe đi đường, GDP tăng. Khi ta đi bộ, GDP không tăng. Khi phụ nữ lo việc nội trợ, trông nom con cái, giặt dũ, nấu nướng, GDP không tăng. Nhưng nếu chị em hai vai gánh nặng, vừa làm việc trong các khu chế xuất, vừa đảm đương việc nhà, GDP sẽ tăng.

Vậy chớ nên ngộ nhận. GDP không phải là thước đo của cải, hạnh phúc. Nó là thước đo tốc độ tàn phá môi trường và con người, trong đó phụ nữ là những người bị thiệt thòi nhất.

Ai đứng đằng sau WTO?

GATT và nay là WTO cũng như nhiều thỏa thuận 'tự do' mậu dịch khác thực ra không làm cho mậu dịch thực sự 'tự do'. Đúng thế, các thỏa thuận đó chỉ hủy bỏ các chính sách bảo vệ lợi ích của dân chúng và thay bằng các chính sách tăng cường việc bảo

vệ lợi nhuận của các tập đoàn tư bản. Một số nhà nghiên cứu đã mệnh danh thời đại này là thời đại 'toàn cầu hóa tập đoàn'. Vòng Uruguay là một bước đi lịch sử theo hướng gạt các chính phủ ra một bên để các công ty được tự do vượt qua các biên giới quốc gia, và do đó, tiếp cận được với các nguồn lực - đất, nước, lao động, tài nguyên biển...- ở mọi nơi trên thế giới. Tiến trình này đang phi mã vì có thêm nhiều lĩnh vực mới được đưa vào WTO.

Nhìn lại lịch sử của GATT/WTO, các lĩnh vực được đưa vào luôn luôn là vì lợi ích của các tập đoàn tư bản, từ hàng công nghiệp đến dịch vụ. Nay vấn đề nông nghiệp và quyền sở hữu trí tuệ được đặt ra chính là để bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hóa và các công ty công nghệ sinh học. Đến lượt nó, khu vực ngân hàng được yêu cầu tự do hoá tài chính để ngân hàng các nước phát triển chiếm lĩnh. Khi siêu lộ thông tin ra đời, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh mới, thương mại điện tử được đưa vào WTO để các nước phát triển không phải chịu thuế quan khi bán hàng qua Internet. Và nay đầu tư và mua sắm của chính phủ nằm trên bàn nghị sự, vì các nước phát triển cần thêm thị trường mới để phình to thêm lợi nhuận.

Có dẫn chứng nào về việc các công ty định hướng cho nghị trình của WTO? Lấy nông nghiệp làm ví dụ. Vào lúc bắt đầu Vòng Uruguay, đại diện thương lượng của Mỹ là Phó chủ tịch công ty Cargill. Sau đó, ông ta trở về cương vị cũ ở cái công ty đứng hàng đầu thế giới trong lĩnh vực kinh doanh nông sản theo hướng công nghiệp hóa. Thỏa thuận TRIPs của Vòng Uruguay là do đại diện của các công ty soạn thảo. Mỹ có 'ủy ban tư vấn' về mậu dịch mà thành viên chủ yếu là thuộc giới kinh doanh, đóng vai trò quan trọng trong công việc của ủy ban này.

Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ ba diễn ra tại Siatơn, là vì thương mại ở thành phố này của Mỹ rất sôi động, đặc biệt là công nghiệp điện tử. Đáng chú ý, đây là quê nhà của Microsoft

và Boeing. Thế cho nên Bill Gates và Tổng giám đốc Boeing trong thực tế sẽ 'đại diện cho cộng đồng' để chủ trì hội nghị các đại diện chính phủ và phi chính phủ lần thứ ba này.

Đó chỉ là điểm qua một số tác nhân đứng đằng sau WTO. Các tập đoàn tư bản sử dụng WTO như một công cụ đắc lực để xây dựng các định chế và soạn thảo các thỏa thuận mà họ cần cho nghị trình của họ. Nghị trình đó vượt ra ngoài khuôn khổ của các thị trường truyền thống; họ cần tìm đến những vùng đất mới, những người tiêu thụ mới, những nguồn lực rẻ hơn, từ đất đai, cây cối đến nguồn nước, các giống loài mới, lao động rẻ mạt. Nghị trình đó đem lại cho họ nhiều lợi nhuận hơn, nhưng cũng khiến cho môi trường bị xâm hại hơn, sinh kế và an ninh lương thực của đại đa số nhân dân thế giới bị đe dọa.

Tại sao lại nói các nước đang phát triển bị thua thiệt?

Mặc dù Lời mở đầu của GATT có xác định "các quan hệ trong lĩnh vực mậu dịch và kinh tế phải nhằm nâng cao đời sống, bảo đảm cho mọi người có công ăn việc làm...", nhưng trong thực tế nó chỉ nhằm ép các nước đang phát triển phải chấp nhận chương trình đẩy nhanh tự do hoá mậu dịch. Dưới đây là một số thua thiệt của các nước đang phát triển:

1. Trong một vài lĩnh vực, các nước đang phát triển được đối xử ưu đãi và có phân biệt. Tuy nhiên, thường là cho lùi thời gian phải thực hiện nghĩa vụ. Điều đó chỉ là phù phiếm và chẳng đáp ứng được nhu cầu của các nước đang phát triển. Chẳng hạn, các nước có thu nhập thấp được phép kéo dài sáu năm so với các nước phát triển trong việc mở cửa khu vực viễn thông cho cạnh tranh của nước ngoài. Thế nhưng các nước đó đi sau Mỹ trong lĩnh vực này ít ra là 25 năm.

- Thời gian sáu năm làm sao bù được khoảng cách đó.
2. Điểm yếu cơ bản gây bất lợi cho các nước đang phát triển, buộc các nước này phải chấp hành quyền lợi và nghĩa vụ quy định là nguyên tắc được quyền trả đũa về mậu dịch. Hệ thống giải quyết tranh chấp cũng dựa trên nguyên tắc đó. Một nước nhỏ được kiện nhưng nếu nước lớn thua kiện vẫn không chịu chấp hành, nghĩa là vẫn giữ nguyên chính sách sai trái thì nước nhỏ được quyền trả đũa – chẳng hạn, cấm nhập một vài mặt hàng nào đó. Nhưng với nước lớn như Hoa Kỳ thì điều đó đâu có hề hấn gì. Ngược lại, nếu nước lớn trả đũa thì nước nhỏ có thể mất hẳn cả một thị trường. Rõ ràng, việc áp dụng nguyên tắc trả đũa hết sức khó thực hiện với các nước nhỏ, cả về kinh tế và chính trị.
 3. Các quy định của GATT trước đây không mang tính ràng buộc chặt cứng như các quy định của WTO đòi hỏi các thành viên phải thi hành tất cả các hiệp định của vòng Uruguay, không trừ một điều nào. GATT không đòi hỏi nguyên tắc cả gói như vậy. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ, sẽ lâm vào hoàn cảnh hết sức bất lợi. Chấp nhận phải thi hành mọi quy định của WTO về lâu dài sẽ rất tai hại cho nền kinh tế trong nước. Họ phải lựa chọn, hoặc đồng ý với tất cả luật lệ của WTO, hoặc đứng ra ngoài.
 4. Với WTO, chỉ cần một đa số tương đối là có thể đưa ra được yêu cầu thảo luận các điều khoản của WTO. Còn trước đây, GATT đòi hỏi phải có sự nhất trí chung. Như vậy, quy định mới khiến cho nước lớn dễ áp đặt lên nước nhỏ.
 5. Phần lớn các nước đang phát triển không có đủ nguồn lực để tham gia vào tất cả các cuộc đàm phán diễn ra mỗi ngày ở Geneva. Trong lúc đó, Hoa Kỳ có hàng trăm người làm việc về WTO. Các nước đang phát triển may mắn lắm mới có được một phái đoàn ở Geneva nhưng phải lo bao nhiêu việc khác như ILO, WHO, UNCTAD... Chỉ riêng các cuộc họp

chính thức của WTO mỗi tuần đã là khoảng 47 cuộc.

6. Ngoài vấn đề nguồn lực thì quan trọng nhất là sự không minh bạch trong quá trình ra quyết định của WTO. Tại Hội nghị cấp bộ trưởng ở Singapo, chỉ những nước được chọn lựa mới có quyền tham dự các cuộc thương lượng quan trọng nhất. Và ở Geneva cũng vậy. Một số nước nhỏ nghĩ rằng vào được WTO họ sẽ có cơ hội thương lượng với các nước lớn và được nhân nhượng, nhưng thực tế không phải như vậy, vì ở đây không hề có minh bạch trong quá trình ra quyết định. Chẳng hạn, sự hồi hã ra Tuyên bố về thương mại điện tử sẽ làm cho các nước không còn khả năng đánh thuế trên các thương vụ qua mạng Internet. Việc này chỉ được đưa ra một thời gian ngắn trước hội nghị, nên các nước đang phát triển không có thời gian nghiên cứu hậu quả về lâu dài của nó.

Tôi đã từng được đại diện thương mại của một nước đang phát triển cho biết khi ông ta phản đối một vài điểm phía Hoa Kỳ nêu ra, đại diện Hoa Kỳ thường báo cho bộ trưởng của mình biết và vị bộ trưởng này ép bộ trưởng nước kia phải nhượng bộ. Đại diện thương mại Mỹ, thậm chí, thường điện thoại báo cho đồng nghiệp đối tác biết trước phải sớm thay đổi lập trường vì sẽ có chỉ thị từ trong nước.

Đại diện thương mại này cũng cho biết ngay dù toàn bộ châu Phi có thông nhất với nhau cũng không đủ sức ngăn chặn thỏa thuận TRIPs phục vụ cho quyền lợi của các tập đoàn trong dịp xem xét lại tới đây.

Một số thoả thuận đáng quan ngại của WTO

Hàng dệt may

Rất quan trọng đối với các nước đang phát triển. Vào thời kỳ

Vòng Uruguay, người ta cho rằng tự do hóa khu vực này sẽ có lợi nhiều nhất cho các nước đang phát triển, và họ có thể thu nhập hơn 300 tỷ USD. Mỹ và EU là phía chủ yếu phải tự do hóa lĩnh vực này. Trong hai năm đầu lễ ra họ phải tự do hóa 16 phần trăm, nhưng rồi chẳng làm gì cả. Họ được yêu cầu tự do hóa 17 phần trăm trong giai đoạn hai. Tuy nhiên, chỉ có thể trông đợi EU tự do hóa nhập khẩu 3,6 phần trăm và Mỹ chỉ 1,3 phần trăm. Kết quả là trong bốn năm qua, các nước đang phát triển chỉ tăng xuất khẩu hàng dệt may có 4,3 phần trăm trong lúc các nước phát triển tăng đến 9 phần trăm trong cùng thời kỳ. Nói là tự do hóa nhưng họ chỉ tự do hóa những gì không cần phải bảo hộ, và nếu chiều hướng này cứ tiếp tục thì sau mười năm quá độ chỉ có thể tự do hoá 20 phần trăm mà thôi.

Chống phá giá

Trong hai thập kỷ qua, chống phá giá được các nước phát triển sử dụng như một công cụ quan trọng của chủ nghĩa bảo hộ. Các nước phát triển luôn luôn đòi hỏi điều tra vẫn cùng một sản phẩm ấy, làm cho các nước đang phát triển phải khó khăn và tốn kém trong việc cung cấp thông tin cho họ. Hơn nữa, nếu có sự kiện cáo, dấu kết quả điều tra cho thấy các nước đang phát triển chẳng có gì sai trái, thì cũng đã làm cho họ đột ngột mất thị trường. Nếu chỉ vài tuần thì còn đỡ, kéo dài cuộc điều tra thì các nước này lâm vào thế nguy khi nền kinh tế yếu ớt của họ chỉ trông cậy vào một số ít mặt hàng xuất khẩu. Hơn nữa, sẽ rất khó và tốn kém cho các nước nhỏ kiện cáo các nước lớn vì liên quan đến nhiều vấn đề kỹ thuật phải chứng minh.

Thỏa thuận về trợ cấp

Phần lớn các trợ cấp áp dụng ở các nước phát triển thuộc những

lĩnh vực như nghiên cứu và phát triển, vận dụng các tiêu chí về môi trường, là thuộc loại nằm ngoài sự điều chỉnh của pháp lý (non-actionable). Ngược lại, trợ cấp mà các nước đang phát triển thường áp dụng lại không được hưởng quy chế đó. Nếu muốn khiếu kiện thì vô cùng tốn kém và rất phức tạp về thủ tục pháp lý mà lẽ ra có thể tránh được nếu WTO có một cơ chế dịch vụ tư vấn pháp lý.

Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs)

Thỏa thuận trong lĩnh vực này cấm đòi hỏi một tỷ lệ cấu thành sản phẩm phải do trong nước sản xuất, vì sẽ trái với nghĩa vụ của chế độ đối xử quốc gia (?) Tuy nhiên, điều này rất cần thiết cho các nước đang phát triển vì:

- a) khuyến khích sử dụng nguyên liệu trong nước, tiết kiệm được ngoại tệ;
- b) tạo thêm việc làm trong nước;
- c) thúc đẩy công nghiệp hóa và tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Nông nghiệp

Thỏa thuận về nông nghiệp yêu cầu phi điều tiết một cách có chọn lọc để các nước xuất khẩu lớn như Mỹ và EU vẫn có thể trợ cấp cho các sản phẩm của họ, trong lúc các nước đang phát triển lại phải hủy các khoản trợ cấp nhỏ nhoi cho sản phẩm của mình. Thỏa thuận này chỉ có lợi cho các tập đoàn kinh doanh nông nghiệp vì họ vẫn nhận được trợ cấp, như OECD trợ cấp tới 280 tỷ USD chỉ riêng trong năm 1997. Các nước đang phát triển được khuyến khích phát triển những mặt hàng rau, hoa quả cao

cấp, phải vay nhiều vốn để đầu tư, khiến sản xuất lương thực bị đình đốn, đe dọa đến an ninh lương thực.

Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs)

Thỏa thuận này áp đặt các nước phải theo hệ thống cấp bằng sáng chế của Hoa Kỳ. Hệ thống này cho phép các công ty giành được bằng sáng chế các nguồn tài nguyên sinh học thiên nhiên của nhiều cộng đồng và quốc gia. Không có đền bù nào cho người địa phương mặc dù họ có thể đã sở hữu những giống loài đó từ lâu đời.

Do đấu tranh của các tổ chức phi chính phủ như Mạng lưới Thế giới thứ ba (Third World Network) vào thời kỳ Vòng Uruguay, Điều 27.3 (b) đã được đưa vào TRIPs để cho phép các cộng đồng địa phương sử dụng hệ thống riêng để bảo vệ các giống loài của mình. Nhưng điều này đang bị đe dọa sẽ tu chỉnh lại. Chính phủ Mỹ đang tìm cách xóa bỏ điều này.

Dịch vụ

Mục đích đưa các lĩnh vực này vào GATT, và nay là WTO, là cốt để doanh nghiệp các nước phát triển chiếm lĩnh khu vực dịch vụ của các nước đang phát triển, như bảo hiểm, điện ảnh, vận tải biển, ngân hàng, hàng không, viễn thông v.v.. Các nước đang phát triển sẽ mất cơ hội xây dựng và phát triển các lĩnh vực đó, đa dạng hóa và củng cố nền kinh tế của mình.

Tiếp sau Vòng Uruguay, các chủ đề thuộc lĩnh vực dịch vụ sau đây được thảo luận: dịch vụ tài chính, dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ di chuyển của các thể nhân v.v.. Đây là các lĩnh vực sẽ đem lại nhiều lợi nhuận cho các nước phát triển.

Thương mại điện tử

Tuyên bố cấm các thành viên không được đánh thuế vào các thương vụ thực hiện qua biên giới bằng các phương tiện điện tử. Trong lúc này thì điều đó không ảnh hưởng mấy tới các nước đang phát triển, vì phần lớn các nước này không sử dụng phương thức mua bán này. Tuy nhiên, đây là một lĩnh vực có nhiều khả năng sẽ được phát triển, và sẽ được sử dụng phổ biến, nhất là ở các nước phát triển. Hậu quả là các nước đang phát triển sẽ không được quyền thu thuế theo phương thức mua bán này, mất đi một nguồn thu nhập quan trọng của chính phủ.

Mua sắm của chính phủ

Phần lớn các chính phủ thích sử dụng các nhà thầu trong nước. Trong thực tế, sử dụng tiền thu thuế để mua hàng hóa và dịch vụ của các công ty địa phương là một chính sách then chốt để tăng cường nền kinh tế trong nước. Nếu tính cả trường học và dịch vụ thì có tới từ 40 phần trăm đến 50 phần trăm GNP là từ mua sắm của chính phủ. Đưa mua sắm của chính phủ vào WTO tức là buộc các chính phủ phải từ bỏ tập quán mua của các nguồn địa phương. Cũng có nghĩa là cho phép các tập đoàn ở các nước phát triển thâm nhập sâu hơn vào các nền kinh tế đang phát triển. Các chính phủ buộc phải đối xử với các công ty trong nước và công ty quốc tế ngang nhau trong việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho chính phủ. Như vậy là từ bỏ quyền kiểm soát lĩnh vực quan trọng đó và làm mất khả năng giúp đỡ các xí nghiệp trong nước.

Điều tệ hại là công ty của các nước đang phát triển lại không thể bình đẳng cung cấp cho chính phủ các nước phát triển, giản đơn là họ làm sao có đủ sức cạnh tranh.

Lâm sản

Đây là chủ đề mới nhất có thể được đưa vào WTO. Tại hội nghị APEC lần trước, đã có sự thúc đẩy mạnh mẽ tự do hóa hầu như toàn bộ lĩnh vực lâm sản. Nhật Bản đã chống lại nên lần này có thể chuyển cho WTO. Dường như các cuộc thương thảo đã được tiến hành. Các nước thúc đẩy lĩnh vực này, đặc biệt là Mỹ, muốn hoàn tất việc này vào tháng Chạp 1999.

Đầu tư

Do đấu tranh mạnh mẽ của các phong trào công dân, những cuộc thương lượng để thông qua Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) ở OECD đã bị đình lại. Nhưng nay MAI sẽ được chuyển sang cho WTO. Nội dung chính của MAI là dành cho các công ty nước ngoài sự đối xử quốc gia, tức là công ty nước ngoài sẽ được đối xử như công ty trong nước, nếu không nói là hơn. Điều này sẽ rất nguy hiểm cho nền kinh tế của các nước đang phát triển, các công ty ngoài nước sẽ soán ngôi.

Tại Hội nghị Singapo, nhiều nước đang phát triển đã kịch liệt phản đối đưa vấn đề này vào WTO. Tuy nhiên, Ấn Độ, một quốc gia dẫn đầu sự chống đối, do bị nhiều sức ép đã đồng ý thành lập một nhóm nghiên cứu về đầu tư. Không biết những gì diễn ra sâu đó có làm cho Ấn Độ thay đổi lập trường không.

Hệ thống giải quyết tranh chấp

Hệ thống giải quyết tranh chấp được coi như là một trong những thành tựu đáng kể nhất của Vòng Uruguay. Thế nhưng kể từ 1995, nó chủ yếu được các nước phát triển sử dụng với chừng 150 trường hợp. Riêng Mỹ đưa ra trên 50 trường hợp, tất cả các nước đang phát triển nêu ra khoảng 40 vụ.

Mặc dù các nước đang phát triển thắng trong một số trường hợp, nhưng hệ thống này vẫn bất lợi nghiêm trọng cho các nước đang phát triển. Một trong những lý do chính là thủ tục pháp lý rất tốn kém. Các nước đang phát triển thường không có đủ năng lực pháp lý để tự đảm đương lấy mà phải thuê chuyên gia nước ngoài rất tốn kém. Do đó, họ thường phải cân nhắc liệu có đáng để khiếu kiện không. Như đã nói trên, dù có được kiện nhưng nước làm sai không chịu sửa thì điều khoản cho phép trả đũa đối với các nước nhỏ là rất không thuận tiện, cả về chính trị và kinh tế.

Nghị trình đã được lập sẵn cho vòng thương lượng mới?

Theo vòng thương lượng cuối cùng trước đây, một số chủ đề sẽ được đưa vào nghị trình năm 1999, gọi là 'nghị trình lập sẵn'. Bao gồm: nông nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs), vệ sinh và vệ sinh thực vật (SPS) và hệ thống xử lý tranh chấp.

Tại WTO, các cuộc thương lượng diễn ra, hoặc chỉ gồm các chủ đề duy nhất, tức trao đổi theo lĩnh vực, hoặc một vòng đàm phán đồng thời các chủ đề, để thoả hiệp hơn theo kiểu có đi có lại. EU rất muốn tận dụng cơ hội xem xét lại các thoả thuận để tiến hành một vòng đàm phán mới, nhằm đạt được sự thoả hiệp giữa các lĩnh vực khác nhau. Do không muốn hủy bỏ phần lớn các trợ cấp về nông nghiệp, nhân nhượng lẫn nhau sẽ có lợi cho EU.

Hoa Kỳ không muốn thoả hiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Và cũng không muốn có một vòng thương lượng mà trong đó một chủ đề sẽ phải đình lại đợi cho đến khi tất cả các chủ đề đều được giải quyết. Vòng Uruguay phải kéo đến bảy năm là vì thế. Dương như lập trường hiện nay của Mỹ là họ sẽ ủng hộ phương án Vòng, nhưng mỗi chủ đề phải được kết thúc khi đã thương

lượng xong, không phải chờ cho đến khi mọi chủ đề đã hoàn tất. Hoa Kỳ cũng nêu ra thời gian giới hạn ba năm cho một vòng.

Vì thế có lẽ một vòng thương lượng mới sẽ được khởi động ở Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ ba. Nhiều nước đang phát triển phản đối điều này. Họ muốn hội nghị này chỉ bàn chương trình lập sẵn. Thế nhưng cho đến nay lập trường của họ chưa được nghe và xem xét một cách nghiêm chỉnh. Trừ phi các nước đang phát triển đoàn kết với nhau, kiên quyết phản đối các nước phát triển một cách hiệu quả, còn không thì triển vọng sẽ là có một vòng mới – Vòng thiên niên kỷ được tiến hành.

Đặt lên bàn cân - WTO có lợi cho Việt Nam không?

Đối với các nước nhỏ như Việt Nam, WTO có ý nghĩa gì?* Lợi ích chính người ta hứa với các nước nhỏ là sẽ có thêm nhiều cơ hội tiếp cận thị trường của các nước lớn, nhất là thị trường của các nước phát triển. Chẳng hạn, thuế đánh vào hàng dệt Việt Nam xuất sang thị trường Hoa Kỳ hiện nay cao gấp ba lần so với khi Việt Nam đã vào WTO. Đây chỉ là một ví dụ, còn nhiều trường hợp có lợi khác.

Tôi xin đứng trên phương diện cá nhân đề nghị các nhà lãnh đạo Việt Nam chớ nên quá lạc quan. Các cơ hội thị trường thường chỉ là tô điểm (cosmetic). Ban đầu sẽ có một số lợi, nhưng không lớn lắm. Ngay cả trong hàng dệt may, chỉ những mặt hàng nào Mỹ không sản xuất mà thôi. Chắc chắn trong lĩnh vực nông nghiệp có vấn đề. Martin Khor, một người vận động hành lang của TCPCP rất sắc sảo, đã khái quát lập trường của Hoa Kỳ đối với WTO như sau: Hoa Kỳ sẽ chơi con bài “tự do hóa nếu có lợi, chủ nghĩa bảo hộ nếu có lợi, cái cần là lợi ích thương

* Đây là quan điểm riêng của tác giả. (BT)

mại”.

Trong thực tế, khi khởi đầu Vòng Uruguay, người ta tính sẽ mang lại lợi nhuận chừng 500 tỷ USD (bây giờ mới thấy con số đó là quá lạc quan). Nhưng ngay cả lúc bấy giờ, khi đánh giá hiệu quả theo vùng thì đã thấy các nền kinh tế nhỏ sẽ thua thiệt ở GATT.

Đối với tôi, kết quả trên bàn cân là rõ: Việt Nam sẽ được nhượng thêm một vài cơ hội thị trường cho sản phẩm của mình. Đối lại, các tập đoàn của những nước phát triển lớn sẽ vào Việt Nam, chiếm lĩnh các trang trại, đất đai, giống cây (như giống lúa và ngũ cốc - điều này đã xảy ra ở Ấn Độ và Thái Lan), rừng rú, ngân hàng, bệnh viện, và ngay cả quyền sử dụng nước. (Ở một số vùng của Ấn Độ, người ta phải mua quyền sử dụng nước). Toàn bộ đất nước của các bạn sẽ được chuyển thành một dây chuyền sản xuất như trong một xí nghiệp của các tập đoàn ấy, nhân dân các bạn sẽ trở thành một quốc gia lao động làm thuê có rất ít quyền để tự định đoạt lấy số phận của mình.

Điều đó đương nhiên không xảy ra ngay sau khi các bạn trở thành thành viên của WTO. Nó sẽ diễn ra từ từ, 10 năm, 15 năm hoặc lâu hơn. GDP của Việt Nam có thể tăng lên khi vào WTO. Nhưng đó là vì chúng ta phải bán mọi thứ – tất cả các tài nguyên, từ cây cối đến đất đai, từ các giống loài đến phụ nữ của chúng ta. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta giàu lên, nhưng GDP thực tế sẽ là thước đo tốc độ đi xuống của chúng ta.

Và còn những hậu quả xã hội? Có thể sẽ có một nhóm nhỏ người Việt Nam được lợi và trở nên giàu sang. Nhưng cũng sẽ có sự cách biệt lớn hơn giữa giàu và nghèo – người nghèo sẽ nhiều hơn, nghèo khổ sẽ sâu sắc hơn. Phụ nữ sẽ là những người đầu tiên gánh chịu hậu quả, vì họ là những người quản lý gia đình và là những người trước hết phải nhịn ăn nhịn mặc để nhường cho chồng con khi lương thực và tiền nông cạn kiệt. Họ cũng là người phải chăm lo cho sức khỏe của gia đình, vì cái nghèo

không cho phép họ tiếp cận các dịch vụ y tế. Họ cũng lại là những người đầu tiên mất việc khi một công ty cơ cấu lại tổ chức. Và cùng bất đắc dĩ, nhưng cũng không phải là hiếm hoi, họ phải bán thân nuôi miệng.

Vậy đâu là lối thoát? Cũng như trong một trận đấu bóng, nếu anh là đội trẻ mà phải đấu với đội lớn thì tốt nhất là không chơi, chỉ chơi với những đội ngang trang ngang lứa. Thịnh thoảng cũng chơi với đội lớn, nhưng chỉ khi mình muốn, vào thời gian mình lựa chọn, chứ không để bị bắt buộc.

Việt Nam hiện đang có ưu thế. Các bạn chưa vào WTO. Lời khuyên của tôi là:

- Hãy huy động nguồn lực của các bạn vào nền kinh tế trong nước thay vì tập trung vào một nền kinh tế định hướng xuất khẩu.
- Đa dạng hóa nền kinh tế bản địa, như vậy sẽ duy trì được mức độ tự túc hiện nay và thực tế là tăng khả năng tự túc – cả các sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp.
- Huy động nguồn lực vào các nhu cầu về giáo dục và y tế của nhân dân – nhân dân là tương lai của các bạn.

Cùng với các nước chưa tham gia WTO và các nước đang phát triển đã là thành viên của WTO, đấu tranh để làm cho WTO cân bằng hơn quyền lợi của các nước phát triển và đang phát triển; phải gạt bỏ hết chương trình nghị sự của các tập đoàn, và WTO phải thực sự phản ánh mục tiêu nguyên thủy của một tổ chức mậu dịch đa phương, và mậu dịch đa phương đó phải được tiến hành một cách công bằng.

Phải làm sao cho tổ chức đó giống với Liên hợp quốc hơn là WTO. Có các quy định và tổ chức mới giám sát việc chấp hành các quy định đó. Các nước đang phát triển có nhiều đòn bẩy hơn trong tổ chức này.

Nhưng ngay dù có một tổ chức như thế thì tự túc vẫn phải là mục tiêu của các chính phủ. Tất nhiên, sẽ có những sản phẩm ta muốn mà ta không sản xuất được, lúc đó cần đến thương mại. Nhưng chúng ta phải xoá bỏ tư tưởng của các thiết chế tài chính quốc tế cố nhồi nhét cho chúng ta. Chúng ta không thể xuất khẩu kiếm tiền rồi nhập khẩu những gì chúng ta cần. Đối với phần lớn các nước đang phát triển, mô hình đó đã thất bại thảm hại. Nó chỉ làm tăng nợ nần, bản cứng hoá và giảm quyền tự chủ.

Tôi xin kết thúc bằng lời trích dẫn về việc dựa vào sức mình và nền kinh tế thế giới hiện nay:

“Dựa vào sức mình, một khái niệm và là một mục tiêu chính trị của các nước đang phát triển xem ra như đã lỗi thời trong một thế giới tương thuộc hơn và những nền kinh tế hội nhập. Nhưng đối với một quốc gia đi theo đường lối dựa vào sức mình hoặc tự chủ thì không có nghĩa là phủ định hội nhập với nền kinh tế thế giới. Thành đạt tự lực có nghĩa là các nước đang phát triển không phải chịu cúi mình trước mệnh lệnh của các nước khác, của các tác nhân quyền lực khác như các công ty đa quốc gia, hoặc nói đúng ra là các thiết chế tài chính quốc tế do phương Bắc thống ngự, trong đó các nước đang phát triển không có tiếng nói trong quyết định chính sách và luật lệ. Quyền định đoạt hoàn toàn vận mệnh của mình, không gian kinh tế và chính trị của mình đòi hỏi, phải theo đuổi điều mà một số người gọi là sự hội nhập ‘chiến lược’ vào nền kinh tế thế giới’.

Chương VIII

Phương Nam tiếp tục bị nghiền nát hơn nữa tại Siaton?

Khi các nhà đàm phán chuẩn bị cho Hội nghị cấp bộ trưởng của WTO tại Siaton tạm ngừng để nghỉ hè sau một vòng thương lượng căng thẳng, người ta thấy rõ đã xuất hiện một khoảng cách và những mâu thuẫn căn bản giữa quan điểm của các nước đang phát triển muốn tập trung vào việc thực thi các hiệp định hiện có và các nước công nghiệp đang cố gắng đạt được 'các vấn đề mới' nhằm tiến sâu hơn vào các nền kinh tế phương Nam.

Chakravarthi Raghavan¹

Các nhà đàm phán thương mại chuẩn bị cho Hội nghị cấp bộ trưởng tại Siaton (30 tháng Mười một đến 3 tháng Mười hai) của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã kết thúc một vòng các cuộc đàm phán chính thức và không chính thức đầy căng thẳng với một loạt đề xuất về các vấn đề trong khuôn khổ hiện thời của WTO và các lĩnh vực mới (mà Mỹ, EC và Nhật Bản muốn đưa vào WTO).

Sau kỳ nghỉ hè tháng Tám, các nhà đàm phán sẽ trở lại Geneva vào tháng Chín để bắt đầu dự thảo và thương lượng về các khuyến nghị sẽ được gửi đến Hội nghị cấp bộ trưởng tại Siaton. Đã có trên 140 đề nghị được đưa ra: những người đề

1. Bài báo trên đây được đăng đầu tiên trên tờ *Theo dõi phát triển Nam-Bắc* (SUNS - số 4489) mà Chakravarthi Raghavan là tổng biên tập).

xương đã giải trình chúng cũng như đã giải đáp một số câu hỏi và nhận xét, nhưng cho đến nay đó vẫn chủ yếu là các cuộc độc thoại hoặc những cuộc trao đổi riêng với nhau.

Có lẽ đây là một trường hợp đặc trưng về sự yếu kém của văn phòng báo chí của WTO, hay đó là khó khăn trong việc vượt ra ngoài 'những các trích dẫn công thức' để có thể tập trung vào lợi ích của tất cả các thành viên WTO và các phương tiện thông tin đại chúng chứ không phải chỉ chú trọng đến lợi ích của Mỹ hay châu Âu mà thôi.

Tuy nhiên, trong một buổi họp báo về Đại hội đồng của WTO vào ngày 29 tháng Bảy Keith Rockwell người phát ngôn chính của WTO đã phát biểu: "Cuộc gặp tới là một 'đàm phán về đàm phán'. Có rất nhiều đề xuất, nhưng tôi không biết gì về bất kỳ đề xuất nào... không một ai có khả năng hiểu thấu được các chi tiết của tất cả các đề xuất này, nhưng người ta đã yêu cầu ban thư ký lên một danh sách của tất cả các đề xuất và các bản tóm tắt của chúng...".

Được Vênêxuêla yêu cầu cần nâng cao hình ảnh của WTO và toàn cầu hoá trong công chúng thông qua một hãng chuyên về quan hệ công cộng hoặc tăng ngân sách của văn phòng báo chí, nên có thể các nhà đàm phán sẽ quan tâm đến ban thư ký của WTO và cách tiếp cận của nó đối với thông tin đại chúng. Cũng giống như ở các tổ chức khác nhưng có lẽ đậm nét hơn ở WTO, điều được chú tâm ở đây là quảng cáo cho các vị đứng đầu của WTO và cung cấp những mẫu tin có lợi cho WTO trong mục điểm báo hàng ngày (để gây tác động đến các thành viên) chứ không phải là những vấn đề mà công chúng quan tâm.

Hố sâu ngăn cách lớn dần

Chính thức mà nói thì các đề xuất đều là những văn bản 'bị hạn chế lưu hành' mặc dù trên thực tế thì các phóng viên tận tụy

vẫn có thể có được chúng và đưa ra trước công luận. Không giống như ở GATT (Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch - tổ chức tiền thân của WTO), vì sự thịnh vượng của các tập đoàn phương Bắc, các đề xuất mới từ các nước công nghiệp sẽ tước đi nhiều hơn nữa quyền tự quyết của các nước muốn thúc đẩy công ích cho công dân nước mình.

Từ nội dung của một số văn kiện đề xuất, đặc biệt là những tài liệu được đệ trình vào tháng Bảy, và phần trình bày của các chuyên viên về những gì họ muốn, người ta thấy có một hố sâu ngăn cách đang lớn dần giữa chính các nước công nghiệp lớn với nhau và một khoảng cách còn lớn hơn giữa phương Nam và phương Bắc.

Thậm chí đối với kết quả và những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực thi (những hiệp định hiện có của WTO) tuy nhiều nước đang phát triển đã đệ trình những tài liệu và lập trường của mình, tuy các nước công nghiệp lớn đã om sòm tuyên bố sẽ cân nhắc và nhận trách nhiệm giải quyết những vấn đề này, nhưng cho đến nay vẫn không hề có thay đổi cơ bản nào.

Tại Hội nghị cấp bộ trưởng ở Singapo vào tháng Mười hai 1996, kết quả thực thi đã được dành cho rất ít thời gian, và Tổng giám đốc WTO khi đó là Renato Ruggiero và các nhân vật có quyền lực khác đã khẳng định rằng vấn đề nghị sự cơ bản này đã được đề cập trong các bản tham luận của các bộ trưởng tại phiên họp toàn thể (trong phòng họp gần như vắng tanh) và rằng không có gì được yêu cầu thêm.

Sự giận dữ mà điều này gây ra trong xã hội dân sự phương Nam - khi nhiều nhà hoạt động phi chính phủ của họ đã nhận thấy rằng chính phủ của họ thậm chí không biết tới những vấn đề mới và trọng yếu mà phương Bắc quan tâm hiện đang được bàn bạc và thương lượng trong một nhóm nhỏ mà tại đó một vài nước đang phát triển đối diện với các nước lớn và bị ép phải khuất phục - đã được bộc lộ rõ tại cuộc họp báo cuối cùng với sự

tham dự của Ruggiero và Thủ tướng Singapo, người chủ tọa hội nghị này. Điều này đã buộc lãnh đạo của WTO và các nước công nghiệp phải đánh giá lại quan điểm chính thức, nếu không muốn nói là hành động cá nhân của họ.

Vào thời điểm diễn ra Hội nghị cấp bộ trưởng tại Geneva (tháng Năm 1998) cũng đã có tính đến việc đánh giá các kết quả thực thi nhưng quá trình chuẩn bị cho Hội nghị cấp bộ trưởng này đã không chú trọng đến chúng nhiều lắm.

Hội nghị cấp bộ trưởng này và hầu hết các chính phủ đều bị sưng sốt vì các cuộc biểu tình phản đối WTO đã diễn ra và sự giận dữ cao độ phản đối hệ thống thương mại của WTO (coi đó như là một cơ quan ra quyết định phi dân chủ và không minh bạch phục vụ cho lòng tham của các tập đoàn xuyên quốc gia và nhất là các hình thức 'toàn cầu hoá' nhằm 'tước bỏ quyền lực' của nhà nước ở các quốc gia và 'trao quyền' cho các tập đoàn, gây tổn hại cho khu vực công cộng và người nghèo). Có nhiều dấu hiệu cho thấy hội nghị tại Siaton này cũng sẽ chứng kiến một làn sóng tương tự chống lại hệ thống này.

Tuy nhiên Mỹ và EC – và thậm chí một số nước đang phát triển, một vài nước trong số này đang trở thành những kẻ ủng hộ mãnh liệt các 'giáo điều của chủ nghĩa tự do mới' hơn cả những kẻ sản sinh ra chúng – dường như cho rằng họ có thể kiềm chế được sự phản đối đang ngày càng lớn của công chúng đối với WTO và tiến trình toàn cầu hoá của tổ chức này bằng cách sử dụng một vài ngôn từ dân túy của chính họ như kiểu bài phát biểu của Phó đại diện thương mại Mỹ (USTR) Đại sứ Susan Esserman tại phiên họp chính thức Đại hội đồng tối 29 tháng Bảy hoặc trên tài liệu của EC về cách tiếp cận của họ đối với các quyết định dự kiến tại Siaton.

Có lẽ các ông lớn cho rằng có thể làm chệch hướng hoặc làm lạc lối sự phản đối bằng cách nói đến cải cách thể chế để có tính 'minh bạch' và 'cởi mở với xã hội dân sự' – đưa ra vài sự thay đổi

kiểu tô son trát phấn mà một số TCPCP quốc tế ủng hộ các thiết chế đương quyền có trụ sở quanh Geneva quan tâm (như đăng ký kèm theo sơ yếu lý lịch để được tham dự các buổi điều trần giải quyết tranh chấp...); nhấn mạnh quan điểm của Mỹ về 'tính đồng bộ' thông qua sự hợp tác của WTO với Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức lao động quốc tế (ILO), Chương trình môi trường của Liên hợp quốc (UNEP), Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) và Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD).

Những người đứng đầu các thiết chế này có lẽ cho rằng, bằng sự hợp tác mà Mỹ đề ra đó, họ có thể làm dịu những vấn đề này hoặc có thể nói lên quan điểm của cộng đồng mà họ đại diện. Trong tình hình 'quyền lực' trong hệ thống Liên hợp quốc và các cơ quan chuyên trách của nó, là các thiết chế Bretton Woods và WTO, Mỹ và EU thậm chí có thể buộc những người đứng đầu các thiết chế khác ủng hộ một quan điểm tương tự.

Tuy nhiên, nếu không có những thay đổi căn bản và ý chí thay đổi thực sự thì sự kết hợp và hợp tác như vậy có lẽ chỉ dẫn đến việc các thiết chế này phải chia sẻ trách nhiệm và sự chệch trách chú không có sức mạnh và ảnh hưởng để thay đổi, và vì thế sẽ trở thành mục tiêu của sự xa lánh nếu không muốn nói là tức giận của công chúng.

Tại Hội nghị cấp bộ trưởng ở Geneva, trong cả các cuộc gặp chính thức được tổ chức đằng sau hàng rào chương ngại và dây thép gai và đương nhiên cả trong các buổi họp báo cuối cùng, Đại diện thương mại Mỹ Charlene Barshefsky nói về vấn đề thực thi như sau "chúng tôi thực thi những cam kết của chúng tôi và các bạn thực thi những cam kết của các bạn".

Không yên tâm

Tuy có vẻ như tách khỏi lập trường đó, nhưng tuyên bố của Phó

đại diện Mỹ Esserman tại Đại hội đồng ngày 29 tháng Bảy vẫn không làm yên lòng các nước đang phát triển thậm chí ngay cả khi nó được xem đây chỉ là bước khởi sự thương lượng.

Bà đã nêu rõ Mỹ hy vọng rằng cho đến cuối năm nay tất cả các nước thành viên sẽ thực hiện các cam kết của mình tại Vòng đàm phán Uruguay về TRIPs, TRIMs và Hiệp định về định giá hải quan và trợ cấp.

Bà nói rằng 'liên tiếp các năm tới', những cam kết cuối cùng của Hiệp định về dệt may, cũng như một số lĩnh vực của TRIPs (có lẽ là ám chỉ đến bằng sáng chế các sản phẩm dược và hoá chất, lĩnh vực mà một số nước đang phát triển chưa phải thực hiện cho đến 1 tháng Giêng 2005) và Hiệp định về tiền trợ cấp 'sẽ bắt đầu được thực thi'.

Bà phát biểu: "Những cam kết này thể hiện sự cân bằng về những nhượng bộ đã giúp hoàn thành Vòng đàm phán Uruguay và hiện thực hoá những lợi ích của nó kể từ đó đến nay" – mặc dù hầu hết các nghiên cứu nay đều đánh giá rằng những ước tính ban đầu (của GATT, Ngân hàng thế giới, Cơ quan hợp tác và phát triển kinh tế,...) về những lợi ích đối với các nước đang phát triển là hoàn toàn sai lầm, và những dự báo bằng toán kinh tế thì giống như những dự đoán chiêm tinh trên các cột báo tuần.

Esserman khẳng định: "Sự mở rộng và loại trừ quá nhiều các nguyên tắc cơ bản sẽ phá huỷ sự cân bằng mà chúng ta đã xây dựng được tại Vòng đàm phán Uruguay", và như một sự xoa dịu đối với các nước đang phát triển, bà nói thêm rằng Mỹ sẵn sàng xem xét chúng trên 'cơ sở từng trường hợp' và sẽ 'tìm cách giải quyết' nếu vấn đề là chính đáng.

Bài diễn văn của Esserman muốn các cuộc đàm phán mới chú tâm vào việc mở rộng thị trường nông nghiệp – thông qua việc loại bỏ hoàn toàn và cấm tất cả các khoản trợ cấp xuất khẩu, giảm cơ bản sự hỗ trợ từ trong nước và trừng phạt mọi sự

hỗ trợ có liên quan đến sản xuất, giám và ràng buộc thuế quan. Bà ta cũng muốn có các nguyên tắc để bảo đảm việc mua bán các sản phẩm công nghệ sinh học trong nông nghiệp được dựa trên các tiến trình minh bạch và có thể dự đoán được.

Mỹ cũng muốn tự do hoá nhiều hơn nữa thương mại dịch vụ (lĩnh vực mà các nước đang phát triển đang bị thúc ép phải mở cửa hơn nữa) và tiếp tục giữ nguyên trạng 'không áp dụng thuế quan' đối với thương mại điện tử. Theo Esserman, một khi đạt được sự đồng thuận về chương trình nghị sự thì một cấu trúc đàm phán thích hợp sẽ được thông qua. Đối với những vấn đề khác bà gợi ý rằng chương trình đàm phán có thể được bổ sung và cân đối bằng một chương trình làm việc để bàn tới những lĩnh vực chưa đạt được sự đồng thuận, cũng như bằng các biện pháp để cải thiện sự vận hành của WTO.

Về chương trình làm việc, trong khi các chính phủ và các ngành công nghiệp đang phải vật lộn với toàn cầu hoá và điều chỉnh thì Mỹ muốn WTO đưa vào vấn đề về 'kết hợp thương mại và các tiêu chuẩn căn bản về lao động'. WTO phải thiết lập một 'chương trình làm việc nhìn tới tương lai' để bàn tới các vấn đề về thương mại – lao động trẻ em, hoạt động của các khu chế xuất... – có liên quan đến các tiêu chuẩn lao động. Về phương diện này, Mỹ muốn có sự liên kết cụ thể về thiết chế giữa WTO và ILO. Trong tương lai, Mỹ còn muốn có tiếp xúc với 'những người có lợi ích' (có lẽ là các tập đoàn kinh doanh và một số TCPCP).

Cách tiếp cận của EC đối với các cuộc đàm phán này mà Phó tổng giám đốc đối ngoại của EC, ông Peter Carl, đã tóm lược trong một tài liệu và đưa ra trong một cuộc họp báo cho thấy rằng mặc dù tỏ ra sẵn sàng hoà giải nhưng EC vẫn muốn đưa vào chương trình nghị sự nhiều vấn đề mà phương Bắc và các tập đoàn của mình quan tâm, những vấn đề đã bị gạt ra bên lề tại Punta del Este (khi Vòng đàm phán Uruguay khởi động),

tại Geneva và tại Marrakesh (khi các cuộc đàm phán kết thúc, mà kết quả là sự hình thành của WTO và các hiệp định đi kèm với nó). Mặc dù Carl không thừa nhận nhưng chắc chắn là cả Mỹ và EC đều muốn các nước đang phát triển phải gánh vác nhiều nghĩa vụ hơn nữa để đổi lấy những lời hứa thực hiện những cam kết của phương Bắc.

EC nói rằng họ sẵn sàng xem xét và bàn thêm về những cam kết của họ đối với việc tiếp tục tiến trình cải cách để tự do hoá lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, những người đối thoại của họ, chủ yếu là các nhà xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp ôn đới thuộc các nước đang phát triển, thì biết chắc nếu không có sự bắt đầu đàm phán về các quy chế đầu tư thì sẽ chẳng có thể đạt được việc mở cửa thị trường rộng rãi hơn nữa hoặc cắt giảm các khoản tiền trợ cấp trong nước hoặc trợ cấp xuất khẩu.

Một viễn cảnh khác

Một viễn cảnh khác do Đại sứ Pakistan, Munir Akram đưa ra (người cũng phát biểu thay mặt cho Cộng hoà Đômìnica, Ôndurat và Indônêsi-a) – mà theo văn phòng báo chí của WTO đã được Đại sứ Ấn Độ S. Narayanan chia sẻ bằng một vài lời bình luận ứng khẩu. Bài phát biểu của Akram (đã được đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng) đã nhấn mạnh đến Chương 8 trong Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng Geneva kêu gọi tiến hành một “đợt đánh giá việc thực thi từng hiệp định và việc thực hiện các mục tiêu của chúng”. Một đợt đánh giá và thảo luận như vậy về ‘kết quả thực thi’ đã không cấu thành chính thức tại Đại hội đồng và trong tiến trình chuẩn bị cho Hội nghị Siaton. Những cuộc thảo luận đang diễn ra về Đoạn 9 (a), (i) về kết quả thực thi đã nêu ra một số vấn đề nhưng chúng đã không tổng quát được việc thực thi từng hiệp định đã thành đạt được các mục tiêu như thế nào. Việc đánh giá này đòi hỏi Hội

đồng phải xem các mục tiêu của từng hiệp định đã được thực hiện đến đâu, các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực thi, tác động của những vấn đề này đến thương mại và triển vọng phát triển của các nước thành viên.

Bài phát biểu cho rằng bất kỳ một đợt đánh giá nào cũng phải xem xét mức độ mà việc thực thi từng hiệp định đã giúp thành đạt các mục tiêu chủ chốt mở rộng sản xuất và thương mại về hàng hóa và dịch vụ; bảo đảm cho các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước chậm phát triển nhất (LDC) có được tỷ phần trong sự tăng trưởng của thương mại quốc tế phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của mình; và bảo đảm rằng những thỏa thuận đã đạt được là 'cùng có lợi'.

Akram phát biểu: "Không có nhiều lý do để vui mừng với một đợt đánh giá mục tiêu này (của những hiệp định này)". Điều ông muốn nói đến là các bản nghiên cứu được OECD, Ngân hàng thế giới và GATT đưa ra ngay trước khi kết thúc Vòng Uruguay và cả sau Hiệp định Marrakesh (do GATT đưa ra) tiên đoán rằng các biện pháp tự do hóa sẽ làm tăng thu nhập thế giới 1 phần trăm hay 200 tỷ USD đến 500 tỷ USD mỗi năm, và một sự tăng trưởng về mậu dịch thế giới được ước đoán trong khoảng 6-20 phần trăm một năm – so với mức ước đoán cơ sở 4 phần trăm mỗi năm nếu không có các biện pháp tự do hoá của Vòng Uruguay. Akram nói: "Những hy vọng đó vẫn chưa thành hiện thực".

Bài diễn văn sau đó đã chỉ ra những kết quả và lợi ích không tốt đẹp gì đối với các nước đang phát triển trong quá trình thực thi các Hiệp định về hàng dệt may, nông nghiệp, các biện pháp bảo vệ, chống phá giá và trợ cấp, bao gồm cả xu hướng sử dụng các biện pháp điều tra để buộc các nước xuất khẩu nhất trí với việc hạn chế xuất khẩu, quy chế về xuất xứ, Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ (GATS), các rào cản mà hàng hóa của các nước đang phát triển gặp phải trên thị

trường của các nước phát triển (thông qua thuế quan và các biện pháp khác), các Hiệp định TRIPs và TRIMs mang tính chất hạn chế và các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại và các biện pháp về vệ sinh và vệ sinh thực vật.

Cuối cùng, Akram phân nân rằng các hiệp định này đã áp đặt những tiêu chuẩn 'quốc tế' như là cơ sở cho các quy chế quốc gia. Khi các hiệp định này được hoàn tất, những tiêu chuẩn đó chắc chắn sẽ được phê chuẩn bằng nguyên tắc đồng thuận. Tuy nhiên, với mức độ 'chính trị hoá ngày càng tăng' đối với việc xây dựng tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu của các lực lượng vận động vì môi trường và người tiêu dùng, thì khó mà thông qua được các tiêu chuẩn bằng đồng thuận.

Trong vài năm gần đây, hầu như không có một tiêu chuẩn nào mà Ủy ban quy chế dinh dưỡng phê chuẩn đối với các sản phẩm lương thực được thông qua bằng đồng thuận. Thậm chí tiêu chuẩn về thịt có hoóc môn vốn là một vấn đề gây tranh cãi cũng chỉ được thông qua bằng một cuộc bỏ phiếu với đa số sát sao. Điều này làm nảy sinh câu hỏi liệu các nước đã bỏ phiếu phản đối một tiêu chuẩn nào đó có phải xây dựng các quy chế về kỹ thuật và vệ sinh của mình trên cơ sở các tiêu chuẩn đó hay không.

“Vấn đề này rất quan trọng vì công việc của các tổ chức như Ủy ban quy chế dinh dưỡng sẽ phải tập trung hơn nữa vào việc xây dựng các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm được sản xuất bằng ứng dụng các công nghệ sinh học hoặc biến đổi gen”.

Hơn thế nữa, hầu hết các nước đang phát triển đều không có khả năng tham gia một cách có hiệu quả vào công việc của các tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc tế. Và mặc dù vấn đề này đã được nêu ra trong các buổi thảo luận của WTO nhưng đã “có rất

ít tiên triển trong việc tạo điều kiện cho sự tham gia có hiệu quả của các nước đang phát triển trong các cơ quan này”.

Trong các vấn đề thực thi khác, Akram cũng phàn nàn rằng các quy chế đa phương đã không có khả năng ngăn chặn sự xuất hiện hoặc thậm chí sự tồn tại dai dẳng của các biện pháp hoàn toàn trái ngược với những mục tiêu và nguyên tắc căn bản của WTO. WTO đã phê chuẩn một ‘hệ thống hoạt động theo luật lệ’ đi kèm một hệ thống giải quyết tranh chấp toàn diện được mong đợi sẽ giúp chấm dứt hiện tượng trước đây khi các nước phát triển gây sức ép đối với các nước đang phát triển để đạt được những thay đổi trong các chính sách thương mại.

Ám chỉ Hoa Kỳ (không nêu tên cụ thể) và ‘bộ luật S.301’, Akram bổ sung thêm: “Nhưng những điều mong đợi này là sự lầm lạc. Ở một quốc gia mật dịch lớn vẫn còn đó một đạo luật được dùng để gây sức ép buộc các nước khác thay đổi chính sách hoặc các biện pháp, mà theo quan điểm của quốc gia này, đã ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của mình hoặc không phù hợp với các quy chế của WTO”.

Trong khi các nhà ngoại giao thương mại tạm ngừng các cuộc thảo luận và chính quyền trung ương của họ đang nghiên cứu các đề xuất khác nhau được đệ trình tính đến thời điểm này (và còn tiếp tục được gửi đến) và đưa ra một số đánh giá của riêng mình trước khi trở lại Geneva để tiếp tục các cuộc đàm phán (về một bản dự thảo tuyên bố và khuyến nghị trình Hội nghị cấp bộ trưởng) người ta dễ dàng nhận thấy một khoảng cách và xung đột cơ bản giữa lập trường nước đang phát triển chú tâm đến ‘sự thực thi’ và quan điểm của các nước công nghiệp phát triển hồi thúc việc mở cửa hơn nữa thị trường các nước đang phát triển cho việc xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của các công ty của họ.

Tuy nhiên, không giống như trong Vòng Uruguay hoặc trước đó là các cuộc đàm phán về GATT, cả các doanh nghiệp

trong nước (lớn, vừa và nhỏ) của các nước đang phát triển lẫn các thành phần khác của xã hội dân sự nay đều nhận thức rõ các vấn đề và sự cần thiết phải chống lại những sự lấn chiếm tiếp theo.

Nhiều TCPCP hoạt động của phương Nam đang yêu cầu 'rút bỏ' một số cam kết và nghĩa vụ đang được thực hiện mà thường chưa có hiểu biết đầy đủ về hệ quả và không được quốc hội thông qua, họ chỉ được nghe mỗi lời của những người biện hộ rằng "không có sự lựa chọn nào khác" ngoài việc chấp nhận và thực hiện Hiệp định Marrakesh thành lập WTO".

Rút bỏ

Có những yêu cầu từ xã hội dân sự phương Nam được sự ủng hộ ngày càng tăng của khu vực kinh doanh, không chấp nhận thêm bất kỳ nghĩa vụ nào nữa – dù đó là thông qua những quy chế mới hay thậm chí thông qua việc thực hiện các quy định truyền thống của GATT về cắt giảm và ràng buộc thuế quan – mà phải rút bớt một số cam kết đã được triển khai.

Các nhà kinh tế học và các thiết chế của nhiều nước đang phát triển bắt đầu lên tiếng cho rằng nếu các nước đang phát triển muốn công nghiệp hoá và tạo ra nhiều việc làm hơn nữa, tích lũy tư bản và năng lực kỹ thuật thì không chỉ cần có thay đổi những hạn chế mới về năng lực của mình (TRIPS, TRIMs, GATS, quy chế về tiền trợ cấp, v.v.) mà cũng phải xem lại một số quy chế dựa trên quan điểm coi thương mại hàng hoá là khả biến, các yếu tố sản xuất là bất biến.

Chẳng hạn, có một quan điểm (được nêu ra tại một hội nghị chuyên đề gần đây tại New York được Giáo sư Jagdish Bhagwati tổ chức, cùng với cả Tổng thư ký OECD, nguyên Tổng giám đốc GATT Arthur Dunkel, và Tổng thư ký UNCTAD Rubens Ricupero) cho rằng trong kỷ nguyên mới của toàn cầu

hoá xuyên quốc gia và các trọng tề mới ² của các nước công nghiệp lớn nhằm nâng cao lợi ích cho các tập đoàn của họ, các nước đang phát triển cần phải có được tính linh hoạt cao hơn, chứ không kém đi đối với các quy chế và nguyên tắc của WTO.

Tuy nhiên những nhân vật này đã không đi xa như các chuyên gia về thương mại và các nhà kinh tế chính trị học của thế giới đang phát triển. Những người này thậm chí còn khẳng định rằng các nước đang phát triển muốn xây dựng các ngành công nghiệp mới và cho chúng được hưởng một 'sự bảo hộ đối với ngành công nghiệp non trẻ' nào đó trong giai đoạn đầu, họ phải được phép làm như vậy - bằng cách tăng thuế và các công cụ khác - mà không phải 'bồi thường' cho các đối tác thương mại của mình (như họ đang buộc phải làm theo các điều khoản tại Phần A và C của Điều khoản XVIII của GATT). Để hiểu được sự bất công cơ hữu này, người ta chỉ cần so sánh sự tự do hành động của các nước công nghiệp trong việc bảo vệ các ngành công nghiệp đã ra đời từ xa xưa, thậm chí đã già cỗi của họ mà không phải bồi thường gì cho các đối tác thương mại của họ, với những hạn chế đối với các nước đang phát triển trong việc thúc đẩy các ngành công nghiệp mới ở đất nước của họ.

Theo quan điểm này, các nhà kinh tế học và chuyên gia thương mại thấy sự hoài nghi có căn cứ của các nước đang phát triển đối với sự o ép họ phải cắt giảm mạnh các loại thuế quan công nghiệp của mình và phải chịu sự 'ràng buộc' với các loại thuế quan 'áp dụng' trong GATT và WTO. Họ cũng nhận thấy phải có được hoặc là 'tính linh hoạt' - để có quyền tự quyết đối với hàm lượng nội địa trong sản phẩm và các nghĩa vụ khác của TRIMs nhằm bảo đảm rằng các tập đoàn xuyên quốc gia (TNC) khi triển khai hoạt động phải tuân thủ các chính sách có liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế nội địa - hoặc là một sự

2. Cui tiên tề là hình thức duy nhất của của cải.

'rút bỏ' các điều khoản.

Điều này càng trở nên quan trọng hơn - khi ta thấy cung cách xử lý của WTO (như trong trường hợp ô tô của Indônêsi-a, chuỗi của Mỹ và EU, và những vụ việc khác) rõ ràng là nhằm mở rộng nghĩa vụ phải chấp hành các hiệp định WTO, bằng cách diễn giải các hiệp định và nghĩa vụ là mang tính chất 'tích hợp'.

Nếu không đạt được những thay đổi trong tiến trình đàm phán, nếu các nhóm nước hưởng lợi chính phản đối thì, sự phản kháng mang tính chất dân túy chống lại WTO sẽ có được một động lực mới trong thế kỷ tiếp theo, và sẽ gây ra những hậu quả cho các cuộc đàm phán mới.

Chương IX

Lập trường của Nhóm 77¹

WTO phải kiểm điểm, sửa chữa và cải tổ.

Martin Khor

Bộ trưởng các nước thuộc Nhóm 77 (gồm hơn 130 nước đang phát triển, tham dự hội nghị này có 80 nước) họp Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ chín từ ngày 14 đến 16 tháng Chín 1999 để chuẩn bị cho UNCTAD - X, nhưng mỗi quan tâm chủ yếu lại là Hội nghị Siaton của WTO.

Chủ tịch hội nghị Clement Rohee, Bộ trưởng ngoại giao Guyana, cho rằng Hội nghị Siaton cần tập trung vào ba chữ R (review, repair và reform), tức kiểm điểm, sửa chữa và cải tổ. Ông cho rằng bất cứ một vòng thương lượng mới nào cũng phải chỉnh đốn lại sự mất cân bằng hiện hữu. Hệ thống mậu dịch quốc tế là chủ đề trung tâm của toàn cầu hóa. Do đó, hoạt động của WTO phải nhạy cảm và đáp ứng với nhu cầu phát triển của tất cả các nước đang phát triển. Cụ thể là:

1. Do Martin Khor, Giám đốc Mạng lưới Thế giới thứ ba, đại diện duy nhất của các TCPCP tại hội nghị này, biên soạn và giới thiệu.

Thứ nhất, thực thi toàn bộ các cam kết tự do hóa hiện có. Liên quan đến việc này, nhiều nước đang phát triển cho rằng Hội nghị Siaton nên khởi động một tiến trình 'kiểm điểm, sửa chữa và cải tổ'. Không phải là một hội nghị mà các nước đang phát triển phải thảo luận thêm những vấn đề mới.

Thứ hai, các điều khoản đối xử đặc biệt và có phân biệt cần nhấn mạnh thực tế là các nước đang phát triển bị bất lợi do trình độ phát triển thấp. Trong bối cảnh của WTO, sự đối xử đặc biệt và có phân biệt trong tương lai cần dựa vào các tiêu chí phát triển đặc thù thay vì áp đặt những thời kỳ quá độ.

Lưu ý tới sự phát triển của kiến thức và công nghệ mới, Rohee cho rằng một nghị trình tập thể cho phương Nam về khoa học và công nghệ cần nêu ra vấn đề "xem xét lại và bổ sung chế độ TRIPs của WTO nhằm làm cho chế độ quyền sở hữu trí tuệ toàn cầu nhạy cảm hơn và hỗ trợ cho phát triển".

Ông Bộ trưởng nhận xét: "Trong hai thập kỷ qua, rõ ràng đã có sự xa rời từng bước, nhưng dứt khoát, trong nghị trình chính sách quốc tế đối với các mối quan tâm tập thể của phương Nam. Tiến trình đó diễn ra trong bối cảnh của hai sự phát triển: sự trỗi dậy của chủ nghĩa tự do mới về chính trị và kinh tế (với sự nhấn mạnh về vai trò của thị trường phóng khoáng hơn trong việc phân bổ các nguồn lực quốc gia và toàn cầu) và bước đi ào ạt của toàn cầu hóa không ngừng được biện minh bằng thứ lô gích tự do hóa thị trường".

Rohee cho rằng toàn cầu hóa tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc đến phần lớn các nền kinh tế đang phát triển. Những quyết định chính sách tập trung vào tay một nhóm các nước công nghiệp lớn, mà thường là một nhóm tập đoàn kinh doanh lớn và vài cá nhân. Các chính phủ quốc gia ngày càng phải đứng bên lề trong lúc chủ quyền kinh tế được định nghĩa lại và các lực lượng thị trường vươn dậy.

“Đối với phần lớn các nước đang phát triển, tiến trình toàn cầu hóa với việc tự do hóa mau lẹ thương mại, tài chính và đầu tư đã không được như trông đợi, mặc dù đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu một cách sâu sắc và thực thi những biện pháp kinh tế vĩ mô. Những nỗ lực để đáp ứng đòi hỏi của tiến trình toàn cầu hóa trên cơ sở thị trường định hướng phương Tây, trên cơ sở của năng lực cá nhân, chỉ có tác dụng phân hóa thế giới đang phát triển và làm cho các quốc gia trở nên dễ bị tổn thương hơn trước áp lực của các tác nhân hùng hậu nhất của trật tự quốc tế, dù đó là các quốc gia hay các công ty xuyên quốc gia. Nghị trình toàn cầu hiện nay hầu như chẳng quan tâm gì đến phương Nam”.

Rohee nhấn mạnh ba nhiệm vụ quan trọng của G77:

- gia cường G77 như một diễn đàn trung tâm vận động cho tăng trưởng, phát triển xã hội và hội nhập chiến lược các nước đang phát triển vào nền kinh tế toàn cầu;
- tái tục và củng cố hợp tác Nam - Nam;
- xác định một chương trình công tác rộng lớn và thực tiễn cho UNCTAD để hỗ trợ cho các nhiệm vụ đó.

Rohee cũng cho rằng việc thiếu một Ban thư ký cũng ảnh hưởng đến công việc của G77. G77 cần tăng cường khả năng phân tích thông qua những dàn xếp về mặt tổ chức. Nó cũng có thể sử dụng các phương tiện sẵn có của các thiết chế thích hợp như Trung tâm phương Nam (South Center) và Mạng lưới Thế giới thứ ba (Third World Network).

Mike Moore, lần đầu tiên phát biểu với tư cách Tổng giám đốc WTO, nói với các đại biểu: “Tôi là công bộc của các vị, tôi sẽ làm hết sức mình để kiến tạo WTO sao cho nó có thể làm cho thế kỷ tới là một thế kỷ của sự thuyết phục, không giống như

phần lớn thế kỷ này thường là một thế kỷ của sự cưỡng bức". Moore nêu ra năm biện pháp để hài hòa lợi ích của các nước nhỏ và lớn, làm cho WTO phản ánh được nhu cầu của mọi thành viên:

- Bảo đảm tự do hóa thương mại sẽ mang lại lợi ích cho tất cả, đặc biệt là các nước đang phát triển, nhất là trong nông nghiệp, chế biến lương thực và dệt may.
- Bảo đảm các quy định được xây dựng sao cho các nước đang phát triển có thể vận dụng được.
- Bảo đảm các quy định và thủ tục bảo hộ 'ngoại lệ' được áp dụng một cách công bằng và các biện pháp đó không trở thành thế phẩm của các hàng rào bảo hộ lỗi thời.
- Bảo đảm việc tiếp cận các cơ chế giải quyết tranh chấp được dành cho mọi bên có nhu cầu một cách công bằng.
- Bảo đảm thông tin về WTO, sẵn sàng cung cấp cho mọi thành viên, kể cả những thành viên dễ bị tổn thương nhất.

Thứ trưởng thương mại Nam Phi, bà L.B. Hendricks cho rằng việc công nghiệp hóa phương Nam phải đặt trên cơ sở thiết lập công nghiệp sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Các ngành công nghiệp đó vẫn tồn tại ở phương Bắc và cần được xem là các ngành công nghiệp thuộc 'đời ông bà'. Lợi thế của các ngành công nghiệp dựa trên nông nghiệp và tài nguyên nay thuộc về phương Nam. Do đó, các nước phương Bắc cần tiến hành những thay đổi về cơ cấu, bởi nếu các ngành công nghiệp 'đời ông bà' cứ tiếp tục giữ vai trò nổi bật ở phương Bắc thì triển vọng công nghiệp hóa của phương Nam sẽ bị khóa sỏ. Sự thay đổi về cơ cấu ở phương Bắc là cần thiết, chúng ta không cần một hệ thống bố thí, mà là phương Bắc mở thị trường cho phương Nam.

Tổng thư ký UNCTAD Rubens Ricupero nói rằng, mấy năm trước đây người ta còn nghĩ rằng chỉ cần các luồng vốn tư nhân

thôi cũng đủ để đáp ứng nhu cầu tài chính của phương Nam. Và một sự phóng đại khác là về đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), nó sẽ tăng rất nhanh để dễ dàng bù đắp cho sự sa sút của ODA. “Nay chúng ta biết đó là sai. FDI chỉ tập trung vào một số nước. Chẳng hạn, Trung Quốc, Braxin và Mêhicô chiếm tới 50 phần trăm FDI trong những năm gần đây. Năm ngoài, trong tổng FDI vào các nước đang phát triển, chỉ có 1 phần trăm đến với 48 nước chậm phát triển nhất (LDC)”.

“Chúng ta cần nhìn bức tranh tài chính phát triển trong tổng thể của nó, trên mọi khả năng tài trợ cho phát triển. Điểm khởi đầu là phần lớn đầu tư phải khai thác từ nguồn trong nước. Ở phần lớn các nước, hơn 80 phần trăm tài chính là từ các nguồn trong nước. Đối với tài chính từ bên ngoài, tài chính hạ tầng cơ sở phải là từ các ngân hàng đa phương. Vào lúc này chưa thể thay thế ODA được. Tuy nó có suy giảm nhưng chúng ta phải ngăn chặn tình trạng đó. Đối với việc giảm nợ, tiêu chí vận dụng và ngân sách thực hiện chưa thỏa đáng”.

Ricupero cũng bình luận về những mối nghi ngờ hiệu quả hội nhập kinh tế thế giới của các nước đang phát triển. Đó là vì cuộc khủng hoảng tài chính mới đây đã giáng đúng vào các nước đang phát triển hội nhập nhiều nhất. Mêhicô và Hàn Quốc vừa mới được xếp vào hàng ngũ OECD đã nằm ngay trong số những nước bị khủng hoảng đó.

“Thật là chuyện ngược đời. Nếu phát triển là một tiến trình giả định sẽ làm cho các nước hạn chế được tổn thương trước các cơn sóc bên ngoài, thì hà cớ gì mà Hàn Quốc, Mêhicô và các nước khác, đã tiến rất xa trên con đường hội nhập, lại bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến thế? Kết luận của tôi là hội

nhập chẳng phải không có triển vọng. Phần lớn là tùy thuộc vào chất lượng hội nhập của ta, tiến độ thích hợp của ta, con đường mà ta đi”.

Ricupero nhận xét: “Các nước bị ảnh hưởng chính là các nước thành công nhất trong thương mại. Một số các nước châu Á rất thành công trong xuất khẩu các chế phẩm lại không mấy thành công trong hội nhập tài chính”. Ông cho rằng điều đó chứng tỏ “cái duy nhất giống nhau giữa mậu dịch và tài chính chỉ là cái tên hội nhập mà thôi”. “Thế nhưng hội nhập vào thị trường tài chính thế giới khác với hội nhập trong hệ thống thương mại dịch vụ. Nó rất tế nhị và chỉ có ít nước thành công mỹ mãn”.

“Khi nghe nói rằng tất cả các nước cần thực hiện chuyển đổi toàn bộ trong tài khoản vốn (đó là một mục tiêu của IMF), chúng ta cần nhớ rằng sự chuyển đổi toàn bộ chỉ mới được thực hiện rất gần đây mà thôi. Năm 1983 chỉ mới có ba nước Hoa Kỳ, Anh và Thụy Sĩ là hoàn toàn chuyển đổi. Ngay cả Đức và Nhật Bản cũng thực hiện sau đó, còn Pháp và Italia thì mãi đến tận năm 1990. Quả thật rất khó có được sự cơ động hoàn toàn về tài khoản vốn, vì nó phải đi kèm với nhiều điều kiện khác bao gồm sự ổn định về chính trị và kinh tế”.

Ricupero cho rằng bây giờ thì đã rõ, vốn ngắn hạn sẽ luôn luôn rất không ổn định. Tuy nhiên, ta cũng cần phải dè chừng những phân biệt giả tạo. Vốn dài hạn cũng có thể nguy hiểm, vì có khi nó góp phần vào sự bất ổn định.

Phó thủ tướng Thái Lan Supachai Panitchpakdi, người sẽ là Tổng giám đốc WTO từ năm 2002, chủ trì phiên thảo luận bàn tròn, nêu ý kiến về sự cần thiết phải thực hiện những thay đổi căn bản trong Hệ thống thương mại đa phương (MTS).

- Trong MTS có biểu hiện của các yếu tố đơn phương. Chúng ta phải hỏi xem liệu chúng ta có thể giải quyết một cách nghiêm chỉnh hành động đơn phương của các thành viên, vì chúng ta đâu có thể nhắm mắt làm ngơ được.
- Ở các vòng thương lượng trước, tính khả dụng của chúng được lượng giá bằng tổng khối lượng mậu dịch. Cái còn thiếu là sự phân bổ của khối lượng tăng lên đó, tức là phân bổ lợi nhuận cho các nước. Điều này chưa được phân tích đầy đủ.
- Cần tiến hành một sự đánh giá tính chất thực thi các cam kết của Vòng Uruguay. Việc này chủ yếu là để biết kết quả và hậu quả, cái được và chưa được của vòng này, để các cuộc thương lượng tương lai tốt hơn.
- Sự đối xử đặc biệt và có phân biệt với các nước đang phát triển có được ủng hộ nhưng việc thực hiện còn nhiều thiếu sót. Làm thế nào để thi hành tốt sự đối xử đặc biệt và có phân biệt đó để các nước đang phát triển có thể tự mình không cần đến và thoát ra khỏi hệ thống đó.
- Làm thế nào để giải quyết các hàng rào phi thuế quan như các hàng rào kỹ thuật đối với mậu dịch, chống bán phá giá và bảo đảm an toàn. Người ta đang đưa thêm các hàng rào khác để chống lại sản phẩm của các nước Thế giới thứ ba.
- Nếu chúng ta cần thảo luận về một 'thu hoạch sớm' ở Siaton thì cần phải nhấn mạnh tới các lĩnh vực mà các nước đang phát triển quan tâm, như thị trường cho hàng hóa của chúng ta tiếp cận, sự di chuyển của các thể nhân, vấn đề nông nghiệp, mở rộng hạn ngạch thuế, triển hạn TRIPs.
- Có một mối lo về sự phát triển của thủ tục thưa kiện thông qua Hệ thống xử lý tranh chấp (DSS). Hệ thống này có thể mở đường cho các nước áp đặt luật lệ của nước mình lên nước khác. Cần sớm xem xét lại DSS để tránh tình trạng thưa kiện quá mức.
- Tiến trình gia nhập không nên o ép mà cần mềm dẻo.

- Các chính sách mậu dịch và tài chính phải đồng hành. Khủng hoảng châu Á cho thấy một sự sút giảm đột ngột về tài chính có thể phương hại đến thương mại. Cần có sự phối hợp tốt hơn giữa các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực này.
- Các nước đang phát triển cần ưu tiên cho các mục tiêu phát triển xã hội và các nước phát triển cần giúp đỡ cung cấp các cơ chế có khả năng phục vụ cho các mục tiêu đó. Toàn tính sử dụng các cơ chế trừng phạt mậu dịch chỉ có thể dẫn đến việc loại bỏ các vấn đề xã hội.

Tổng thư ký UNCTAD Rubens Ricupero nói ông tán thành các yếu tố của Supachai và cho rằng chẳng còn mấy thời gian là đã đến Hội nghị Siaton, các nước đang phát triển cần tập trung vào bản dự thảo của Tuyên bố Siaton, vì đây không phải là một tuyên bố chung chung về ý định mà là việc định ra một khuôn khổ để thương lượng. Hơn 30 phần trăm thành công của các cuộc thương lượng sẽ phụ thuộc vào những gì nêu ra trong thông cáo đó. Vì vậy, các nước cần chuẩn bị những phương án khác nhau cho từng chủ đề khác nhau.

Ricupero nói nhiều nước tán thành nay là thời điểm của một vòng phát triển. “Nếu chúng ta thành thật trong vấn đề này thì sự cân bằng có nghĩa là phải dành cho phát triển hơn 50 phần trăm. Cân bằng không có nghĩa là 50-50, bởi vì các vòng thương lượng trước ít quan tâm tới phát triển và những bất cân đối trong hệ thống (WTO) là từ các vòng trước mà có. “Chẳng hạn, nay đang có sức ép đòi hủy bỏ thời kỳ quá độ² của các nước đang phát triển. Sau Vòng Urugoa, nhiều nước đang phát triển bị áp lực song phương từ bỏ thời kỳ quá độ”. Bất công là ở chỗ trước đây các nước phát triển được hưởng những thời kỳ quá độ

2. Thời kỳ một nước được phép chưa phải thi hành ngay hiệp định để chuẩn bị các điều kiện đáp ứng các đòi hỏi của một hiệp định.

rất dài. Các thời kỳ quá độ dài nhất là về nông nghiệp và dệt may". Trong nông nghiệp, Hoa Kỳ được hoãn thi hành từ những năm 1950 và chỉ chấm dứt vào năm 2003, tức là kéo dài những 50 năm.

Còn về bông vải thì được hoãn vào cuối những năm 1950, sau đó trở thành Thỏa thuận đa sợi (MFA). "Cho đến khi MFA không còn hiệu lực (tôi nghi là nó sẽ không bị vô hiệu hóa), thì cũng đã kéo dài 45 năm".

Ricupero cho rằng chẳng thể nào phủ nhận sự thật là hệ thống thương mại đa phương đã tỏ ra "rất không cân đối và lệch về phía chống các nước đang phát triển. Có bằng chứng hiển nhiên xác nhận điều đó". Chẳng hạn, tại sao các nước đang phát triển không có quyền thực hiện trợ cấp cho hàng công nghiệp của họ trong lúc các nước phát triển lại lạm quyền trợ cấp cho nông nghiệp? "Bây giờ đối với chúng ta là "thu hoạch muộn chứ không phải là thu hoạch sớm". Tại sao thời kỳ quá độ với TRIPs lại ngắn hơn với dệt may và nông nghiệp.

Đối với chế độ đối xử đặc biệt và có phân biệt, Ricupero cho rằng chẳng có gì phải xấu hổ, các nước đang phát triển phải giành lấy nó, vì nay kiến thức và công nghệ quan trọng hơn nhiều so với lao động, và tiếp cận chúng cũng ngày một khó hơn. Đòi hỏi được đối xử đặc biệt là để học hỏi tiến trình của phát triển, để tăng sức cạnh tranh. "Trong hệ thống GATT trước đây, có một quan điểm sai lầm cho rằng cạnh tranh chỉ đòi hỏi có những quy định rõ ràng và có trọng tài công minh. Nhưng cạnh tranh còn yêu cầu phải chuẩn bị, phải giáo dục, đào tạo. Chế độ đặc biệt và phân biệt là để học tập cạnh tranh. Không ai có thể hình dung việc đưa một võ sĩ hạng nhẹ ra tỉ thí với một võ sĩ hạng nặng. Chúng ta phải học tập từng bước với sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật".

Ow Chim Hock, Quốc vụ khanh Singapo cho rằng một chế độ mậu dịch cởi mở đem lại nhiều lợi ích như mở rộng thị trường

cho các nước đang phát triển, tăng cường FDI, và cải thiện năng suất của các nhà sản xuất địa phương. Mậu dịch cũng là một động lực của phát triển. Siaton là một thời điểm thuận lợi để gửi một thông điệp tích cực cho thị trường nhằm thúc đẩy đà phát triển của thương mại. Nếu Siaton không tạo ra được tự do hóa hơn nữa, chủ nghĩa bảo hộ sẽ chiếm chỗ, lòng tin sẽ mất và hệ thống mậu dịch đa phương sẽ tan rã.

Supachai cho rằng đúng là chiếc xe đạp phải tiếp tục chạy mới khỏi đổ, nhưng trong thực tế, thương mại cởi mở cũng chẳng giúp được gì cho một số nước như lý thuyết vẫn nói.

Đại biểu Nam Phi Hendricks cho rằng, vòng thương lượng tới phải chú ý tới phát triển và thu hẹp sự cách biệt về thu nhập. “Điều then chốt là các quy định chứ không phải quyền lực điều chỉnh các quan hệ mậu dịch. Có các quy định trong WTO là một sự khởi đầu tốt. Nhưng các quy định phải được thiết kế nhằm thực hiện các mục tiêu một cách công bằng. Nếu không sẽ có nguy cơ hệ thống mậu dịch đa phương bị chi phối bởi quyền lực được che đậy bằng tấm màn mỏng của các quy định. Chúng ta không cho phép điều đó xảy ra”. Bà nói thêm: điều quan trọng là tiến độ của tự do hóa và quy định phải tương thích với khả năng đáp ứng nghĩa vụ của các chính phủ. “Không làm được điều này thì sẽ phương hại tới các mục tiêu của xóa bỏ nghèo khổ”. Chỉ có thể tin cậy vào hệ thống thương mại nếu như trong vòng tới có một nghị trình cân đối bảo đảm được lợi ích của các thành viên. “Phải thừa nhận rằng sẽ có những gánh nặng khác nhau đè lên vai các phái đoàn khác nhau nhưng tất cả phải giành được lợi ích”.

Đại sứ Munir Akram, đại diện của Pakistan, cho rằng có một số điểm trong dự thảo cần được thương lượng để nhất trí ngay ở dạng đề cương. Ông cho rằng đúng trên quan điểm của các nước đang phát triển, “chúng ta bắt đầu từ tiền đề những gì cần thương lượng thêm là tiếp tục của những cái trước đó, và nó

liên quan đến các thoả thuận hiện hữu và đánh giá việc thực thi". Khi chúng ta biết được đã làm đến đâu, chúng ta có thể khuyến nghị các giải pháp. 'Thu hoạch sớm' ở Siatơn phải là những giải pháp thực thi, như vấn đề các nước chậm phát triển (LDC), tiếp cận thị trường, dệt may, thực hiện vấn đề nông nghiệp, triển hạn TRIPs và TRIMs. Những vấn đề quan trọng đó nếu không được giải quyết lần này thì phải được giải quyết trong vòng một năm tới. Các cuộc thương lượng tới chỉ nên đóng khung vào nông nghiệp và dịch vụ như nghị trình đã lập sẵn. Cũng có thể xem xét thêm vấn đề giải quyết tranh chấp và các khó khăn trong việc thực thi TRIPs và TRIMs.

Về các chủ đề nêu ra ở Singapo, sự minh bạch trong mua sắm của chính phủ và thuận lợi cho mậu dịch ít khó khăn hơn so với đầu tư và cạnh tranh, cần tiếp tục nghiên cứu ở nhóm. Một số vấn đề dù có được nêu lên cũng vẫn phải nằm ngoài WTO. Vấn đề môi trường phải đưa ra ngoài bất kỳ gói đàm phán nào, và vấn đề lao động không thể nằm trong nghị trình.

Đại sứ Adhemar Bahadian, đại diện thường trú của Braxin ở Geneva, băn khoăn làm sao có thể yêu cầu EU hủy bỏ các trợ cấp trong nông nghiệp gây thiệt hại cho phương Nam? Liệu có thể chỉ nói vấn đề thực thi chưa tốt và xin thêm vài năm? Và nhân danh phát triển hay còn có công cụ đòn bẩy nào khác. "Điều làm tôi lo ngại là chúng ta bước vào vòng thương lượng trong thế yếu. Làm thế nào để tạo được thế cân bằng từ đầu?".

Đại diện Côlômbia cho rằng vấn đề trung tâm là liệu một vòng mới có thích hợp hay có lợi cho phương Nam trong giai đoạn này không. Thông qua các cuộc thảo luận ở đây, hiện vẫn chưa rõ liệu các nước đang phát triển có nên chấp nhận một vòng mới hay không. Ở Côlômbia đang có một cuộc tranh luận quốc gia về vấn đề này.

Đại biểu Cuba nói việc mở thị trường của đất nước chúng tôi, nếu không được đi kèm với việc bảo hộ một số lĩnh vực thì

thật đáng lo ngại, vì một số ngành công nghiệp sẽ phải gánh chịu nhiều bất trắc. “Trong nền kinh tế của chúng tôi, có một số ngành công nghiệp quan trọng phải được giữ gìn, cởi mở quá mức sẽ đe dọa sự phát triển của chúng tôi”.

Đại biểu Peru hỏi liệu có thực tế không khi trông đợi một vòng mới sẽ bao gồm những quan tâm về phát triển. “Cho đến nay chẳng có gì làm cho ta tin rằng phát triển sẽ là một yếu tố thực sự của vòng này”. Sự đối xử đặc biệt và phân biệt đã bị giản đơn hóa thành triển hạn cho thời kỳ quá độ và hỗ trợ kỹ thuật. Ông cho rằng sự khác biệt giữa Bắc và Nam ngày nay là ở các doanh nghiệp. Ngay dù có luật chơi công bằng thì chúng ta cũng chẳng được gì vì chúng ta không có các doanh nghiệp. “Có mạo hiểm không khi đặt hy vọng quá nhiều vòng này sẽ lập lại được sự cân bằng”.

Bộ trưởng ngoại giao Guyana nói những nhà kinh doanh, nông dân, công nhân nước tôi cảm thấy không thể trông đợi gì nhiều ở Siaton. Các nền kinh tế nhỏ bé ở Caribê đang đứng trước thách thức bị loại bỏ những ưu đãi cho sản phẩm chuỗi khiến cho nền kinh tế của họ lâm vào nguy cơ sụp đổ. Ông đề nghị các nước đang phát triển hãy có một cương lĩnh hành động. “Thời gian đang trôi mất không chỉ đối với thương lượng mà cả vận mệnh của chúng ta”.

Đại diện thường trú của Tandania tại Geneva, Ali Mchumo (Chủ tịch Hội đồng WTO) cho rằng mười điểm của Supachai là rất quan trọng, tổng hợp được nhiều đề nghị ở Geneva. “Tôi tin rằng chúng sẽ nằm trong Tuyên bố cuối cùng”. Dự thảo đề cương tuyên bố này cần được cải thiện. Các nước đang phát triển cần bồi đắp thêm cho nó. Đối với các nước kém phát triển, khả năng cung ứng là quan trọng. “Tiếp cận thị trường là cần thiết nhưng người ta không thể đưa ra thị trường cái mà người ta không có”. Chương trình cho các nước kém phát triển chưa được thực thi đến nơi đến chốn.

Trong lời phát biểu cuối cùng, Ow Chim Hock, đại diện của Singapo nói mỗi đại biểu cần tự hỏi xem mình có được thuyết phục về lợi ích của hệ thống thương mại rộng mở hay không, và sau Vòng Tokyo các nước có khá hơn hay kém đi với WTO và UNCTAD. Nếu câu trả lời là khẳng định thì chúng ta cần bắt đầu một vòng mới.

Trả lời câu hỏi này, Ahmad Tofail, Bộ trưởng thương mại Bănglađet dẫn thông điệp của Tổng thư ký Liên hợp quốc gửi hội nghị, rằng một số nước đang phát triển có lợi từ toàn cầu hóa nhưng nhiều nước lại thua thiệt. Nhân danh một nước chậm phát triển, ông nói: “Chúng tôi không cần một vòng mới”. Chúng ta cần xem Vòng Uruguay đã làm được những gì trước khi nghĩ đến một vòng khác. Tự do hoá đem lại nhiều lợi ích cho các nước công nghiệp chứ không phải cho các nước chậm phát triển. Bình quân thuế quan ở Bănglađet đã giảm nhiều. “Kết quả là công nghiệp trong nước chúng tôi bị thua thiệt. Nay giới kinh doanh đang lo chúng ta chuẩn bị nêu lại vấn đề lao động ở Siaton. Và nay chúng ta đang phải đối diện với các rào cản phi thuế quan. Chúng ta cần đánh giá kết quả và phải thận trọng với một vòng mới”.

Kết luận của Ricupero

Chúng ta cần một hệ thống dựa trên các quy định; thương mại có tiềm năng đối với phát triển, nhưng hệ thống hiện nay còn xa mới hoàn chỉnh vì nó chứa đựng quá nhiều sự mất cân đối. Đó một phần là do các hành động đơn phương hoặc sự khác nhau về quyền lực. Trong tất cả các tổ chức quốc tế, quyền lực có ý nghĩa quyết định. Trong thương lượng về mậu dịch, quyền lực biểu hiện trong sức mạnh của thị trường.

“Tuy nhiên, thế nào là một mức độ không cân bằng hợp lý?

Nếu chúng ta cho rằng có thể cải thiện được thì việc nên làm là tập trung vào khắc phục những bất cân đối thay vì lao vào các lĩnh vực mà các nước công nghiệp có lợi. Kể từ Vòng Uruguay, các lĩnh vực tiên bộ là viễn thông, công nghệ thông tin và dịch vụ tài chính. Đó là những lĩnh vực mà các nước công nghiệp quan tâm. Nay đã đến lúc dành ưu tiên cho các lĩnh vực lợi ích của các nước đang phát triển trên phương diện tiếp cận thị trường và sự linh hoạt về tiêu chuẩn”.

Cần đạt được những tiến bộ về tiếp cận thị trường cho phương Nam trên các mặt hàng dệt và may mặc, nông nghiệp, mức tăng và trần của thuế quan. Chúng ta còn rất xa mới loại bỏ được các hàng rào phi thuế quan của các nước công nghiệp. Liên quan đến các tiêu chí, các nước đang phát triển cần linh hoạt hơn trong việc lựa chọn các chính sách phát triển. Nhiều chính sách mà các nước phát triển áp dụng trong quá khứ qua nhiều thế kỷ, hoặc là không nằm trong tầm với của các nước đang phát triển vì bị cấm chỉ trong vòng trước, hoặc là do có mưu toan gạt bỏ các chính sách đó. Chúng ta không nên đồng ý với những quyết định ngăn cản hơn nữa sự lựa chọn chính sách.

Phát triển là một tiến trình phức hợp. Những nước như Singapo có thể được lợi (từ thương mại), các nước khác vẫn lệ thuộc vào một số ít mặt hàng. Chúng ta không thể trông đợi cả 150 nước làm như Singapo. Cần phải có những con đường phát triển khác nhau, và do đó chúng ta cần sự linh hoạt.

Phần thứ ba
Những vấn đề cốt lõi

Chương X

Thương mại và an ninh lương thực

Đánh giá Hiệp định về nông nghiệp tại Vòng đàm phán Uruguay

*Nông nghiệp là cuộc sống của triệu triệu người
cùng gia đình họ trên khắp thế giới này.*

Mark Ritchie

Lời giới thiệu

Những Hiệp định tại Vòng đàm phán Uruguay, trong đó có Hiệp định về nông nghiệp (viết tắt là AoA), đã bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng 1995, theo đó việc mua bán nông phẩm sẽ phải tuân thủ những kỷ luật nghiêm khắc hơn nhiều của GATT. Và như vậy cũng có nghĩa là việc mua bán nông phẩm bị coi y như mua bán các sản phẩm công nghiệp.

Tại đây, người ta lập luận rằng, cũng như với bất kỳ sản phẩm nào khác, những nguyên tắc kinh tế cổ điển mới phải được áp dụng cho nông phẩm, rằng khi không còn sự can thiệp của chính phủ thì cung - cầu sẽ cân bằng trên thị trường thế giới, rằng sản xuất nông nghiệp sẽ hiệu quả hơn, góp phần làm tăng của cải cho thế giới, và rằng như vậy, cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng đều được lợi.

Tuy nhiên, nhiều tổ chức phi chính phủ (TCPCP), học giả và một số chính phủ lại cho rằng lương thực không thể bị đối xử như những thương phẩm khác vì những lý do như: cần có nhà nước can thiệp để bảo đảm việc cung cấp lương thực ổn định; những nền kinh tế nhỏ bé không thể cạnh tranh nổi trên thị trường quốc tế phi điều tiết; sức ép sản xuất nông sản xuất khẩu có thể buộc hàng triệu nông dân làm ăn theo lối tự cấp tự túc phải bỏ mảnh đất của mình; nhà nước không kiểm soát giá cả và không dự trữ lương thực sẽ dẫn tới dao động mạnh về giá cả, thiếu lương thực, đói kém. Ngoài ra còn có vấn đề chủ quyền quốc gia: sự lệ thuộc vào thị trường lương thực bên ngoài sẽ dẫn tới thiếu khả năng tự quyết định ưu tiên phát triển của mình. Thiếu lương thực không giống như thiếu ô tô, có thể gây bất ổn về chính trị và nổi thống khổ cho người dân.

Điều cần lưu ý ở đây là cả những người ủng hộ lẫn những người phản đối các nguyên tắc GATT đối với nông nghiệp đều tán thành coi thị trường là một công cụ để quản lý việc sản xuất và phân phối lương thực cũng như phân phối nguồn lực. Trong Điều 20 của AoA, các chính phủ cũng thỏa thuận rằng đàm phán về nông nghiệp là một quá trình không ngừng và kêu gọi mở các cuộc đàm phán mới về vấn đề này năm năm sau khi bắt tay thực thi AoA, tức là từ cuối năm 1999 hoặc đầu năm 2000. Điều 20 quy định các cuộc đàm phán này phải xem xét "những mối quan tâm phi thương mại, sự đối xử đặc biệt và phân biệt đối với các quốc gia thành viên đang phát triển, và mục tiêu thiết lập một hệ thống mua bán nông phẩm công bằng theo định hướng thị trường, cũng như các mục tiêu và mối quan tâm khác đã đề cập trong lời nói đầu của hiệp định này". Trong danh sách liệt kê những mối quan tâm phi thương mại của Lời nói đầu AoA, có vấn đề an ninh lương thực.

Để tiến hành vòng đàm phán mới này (mà hiện nay đang được tiến hành một cách không chính thức ở Geneva), các chính

phủ cần đánh giá đầy đủ về tác động của AoA trước khi đưa ra cam kết mới, ví dụ tác động trong các lĩnh vực canh tác, chế biến thực phẩm và phân phối lương thực. Tuy nhiên, việc đánh giá này không hề dễ dàng, bởi lẽ - như bài viết này sẽ minh họa - các chính phủ đều đang triển khai AoA trong lúc phải chịu nhiều sức ép khác về chính sách, cả đối nội lẫn đối ngoại.

Trong bối cảnh đó, điều cốt yếu là phải thấy được những xu hướng trong thương mại quốc tế và trong các chỉ số về an ninh lương thực để bảo đảm rằng các chính phủ xử lý được những khiếm khuyết trong các hệ thống quốc gia. Do vậy, bài viết này xem xét những chỉ số như sản xuất lương thực trong nước và biến động trong việc mua bán nông phẩm có liên quan trực tiếp tới an ninh lương thực, thông qua ba công trình nghiên cứu cụ thể về Kenya, Mêhicô và Bănglăđet (là ba nước đang phát triển có thực tiễn điển hình khác nhau). Sau đó, bài viết này sẽ xem xét công việc của Ủy ban nông nghiệp của WTO, điểm lại lập trường của các chính phủ khi chuẩn bị cho các cuộc đàm phán mới về nông nghiệp. Cuối cùng, bài viết này nêu ra các phương án chính sách bảo đảm an ninh lương thực trên cơ sở đề xuất của các TCPCP, các hội nông dân và một số tổ chức đa phương như Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), Tổ chức lương nông Liên hợp quốc (FAO).

An ninh lương thực

An ninh lương thực bao gồm việc cung cấp, phân phối và khả năng tiếp cận. Lương thực cần thích hợp về mặt văn hóa và thỏa đáng về dinh dưỡng. Đây là những điều kiện tiên quyết cho việc đạt được an ninh về lương thực.

Thế nào là có an ninh lương thực? Theo FAO, đó là "khi lương thực luôn luôn có sẵn, khi tất cả mọi người đều có phương tiện tiếp cận lương thực, khi lương thực đó thỏa đáng về mặt

dinh dưỡng, cả về số lượng, chất lượng, chủng loại, và khi lương thực đó được chấp nhận trong khuôn khổ một nền văn hóa nhất định". Đây là định nghĩa được hầu hết TCPCP và các tổ chức canh nông hoạt động trong lĩnh vực an ninh lương thực chấp nhận, trừ một vài bảo lưu. Đây còn được coi là một quyền con người, và Tuyên ngôn quyền con người của Liên hợp quốc cũng như Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đều bao hàm nội dung bảo đảm quyền được có lương thực.

Nói một cách đơn giản nhất, an ninh lương thực đòi hỏi phải thỏa mãn được ba yếu tố: cung cấp, phân phối và khả năng tiếp cận.

Cung cấp

Mặc dù thế giới sản xuất ra một lượng lương thực dồi dào nhưng mức độ lệ thuộc về lương thực của các nước đang phát triển lại đang gia tăng, kèm theo đó là tăng nhập khẩu lương thực. Vì sao nhập khẩu lương thực nhiều hơn?

Theo Viện nghiên cứu chính sách lương thực quốc tế (IFPRI), con số ước tính nhập khẩu lương thực của châu Á cao gấp bốn lần vào năm 2020, chủ yếu là do thu nhập tăng nhanh, còn con số dự báo nhập khẩu tăng 150 phần trăm của vùng Nam Sahara châu Phi chủ yếu là do trình độ sản xuất lương thực kém cỏi kéo dài của vùng này. Như đối với Kenya chẳng hạn, do nợ nước ngoài nhiều, nguồn thu từ xuất khẩu ít được đa dạng hóa (lệ thuộc vào xuất khẩu cà phê trong lúc giá cà phê thế giới không ổn định và đang có chiều suy giảm), và đang lệ thuộc nhiều hơn vào thị trường lương thực thế giới, thì an ninh lương thực trở thành một dấu hỏi lớn. Hay như trường hợp Mêhicô, tình trạng sản xuất trong nước giảm sút, nhập khẩu lương thực tăng lên, và lạm phát cao - ba yếu tố này gộp lại tạo ra thất nghiệp và đói khát. Điều này đặc biệt đúng khi số lao

động nông nghiệp bị năng suất lao động thấp và hàng nhập khẩu đẩy ra khỏi mảnh đất của mình không kiếm nổi việc làm trong các khu vực khác của nền kinh tế.

Phân phối

Phân phối lệ thuộc vào thị trường, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, sức mua tương đối và nguồn cung như bản chất của việc cung cấp. Luật thương mại hiện hành và những thay đổi kinh tế theo hướng toàn cầu hóa đã giúp định hình một cách đáng kể các mạng lưới phân phối. Ví dụ việc tiếp thị toàn cầu của hãng McDonald đã làm tăng nhu cầu đối với thịt bò, hay những cơ cấu thuế quan đã làm cho Gana có thiên hướng xuất khẩu ca cao thô hơn là xuất khẩu sô cô la. Theo FAO, hiện nay xu hướng chung là mua bán nông phẩm đã chế biến và có giá trị gia tăng cao. Còn mô hình IMPACT của IFPRI thì đặt trọng tâm vào việc tăng cường sản xuất thức ăn gia súc phục vụ chăn nuôi.

Mô thức nhu cầu đối với lương thực thay đổi đã tác động tới cơ sở hạ tầng của hoạt động mua bán lương thực, từ phương tiện vận chuyển đến kho bãi. Ở đây, các nước đang phát triển gặp những rào cản cao khi muốn bước vào thị trường ở các nước phát triển. Chẳng hạn, tình hình đường sá tồi tệ đã làm cho việc nhập khẩu lương thực từ nước ngoài vào có khi còn rẻ hơn việc vận chuyển và mua bán giữa các vùng trong một nước. Trong trường hợp Môdambich, vào tháng Sáu 1977, khi thời tiết và đường sá ở vào điều kiện thuận lợi nhất, phí vận chuyển vẫn chiếm tới 30 - 35 phần trăm giá bán lẻ đối với lương thực ở thủ đô Maputo. Dầu vậy, phải hiểu rằng đầu tư vào cơ sở hạ tầng vận tải có thể vừa giúp bảo đảm việc cung cấp lương thực trong nước, vừa cải thiện mức sống cho khá nhiều người phải sống dựa vào nghề nông.

Khả năng tiếp cận

Trong khi an ninh lương thực có thể tác động tới các cá nhân, gia đình, và có khi cả cộng đồng, thì hiếm khi cả một đất nước bị đói, vì lẽ những người có nhiều tiền vẫn kiếm được lương thực. Mặc dù hoàn cảnh và điều kiện khác nhau thật xa, nhưng Bangladesh cũng giống Anh ở chỗ: người đói không có gì để ăn không phải vì ngoài chợ không có lương thực. Như Amartya Sen cho thấy, khi một bộ phận dân cư kiếm được nhiều tiền hơn, sẵn sàng trả giá cao hơn cho lương thực, thì những bộ phận dân cư khác lại ngày càng không chịu nổi áp lực của tình trạng tăng giá. Về lâu dài, giá tăng có thể kích sản xuất. Nhưng trước mắt, người dân sẽ chết đói, như đã xảy ra ở Bangladesh năm 1974. Tăng giá lương thực không nhất thiết cải thiện điều kiện an ninh lương thực cho nông dân.

Tương tự như đói với bất kỳ quyền con người nào khác, quyền được bảo đảm an ninh lương thực đòi hỏi phải có một loạt yếu tố: việc làm, mức thu nhập (đặc biệt là mức lương tương đối), chăm sóc sức khỏe, chính sách đất đai và khả năng được cấp tín dụng. Đúng như Robert Chambers đã nêu trong cuốn sách của ông, *Phát triển nông thôn: Hãy bắt đầu từ những người cùng khổ*,¹ tình trạng nghèo khổ là một sự kết hợp đan quện giữa sự yếu kém về thể chất, sự cô lập, dễ bị tổn thương và tình trạng không có quyền lực về chính trị.

1. Tên nguyên gốc của cuốn sách này là *Phát triển nông thôn: Hãy đưa những người ở cuối rớt lên đầu* (*Rural Development: Putting the Last First* của Robert Chambers). Cuốn sách này đã được dịch sang tiếng Việt và được Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp phát hành năm 1991. (ND)

Hiệp định về nông nghiệp

Trong thập niên 1980, chính sách nông nghiệp của các nước phát triển, nhất là Mỹ và châu Âu, đã bị phê phán mạnh mẽ vì đã sản ra lượng thặng dư lương thực lớn tới mức khó có thể bảo quản và sử dụng hết. Hậu quả là họ bán tháo ra thị trường thế giới, làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất ở nhiều nước đang phát triển. Tuy nhiên, những người phê phán chính sách này lại không muốn sử dụng tự do hóa thương mại như thứ công cụ duy nhất để cải cách khu vực nông nghiệp, vì lẽ các thị trường nông nghiệp bị phân bổ quá không đồng đều. Họ muốn có thay đổi, nhưng không nhất thiết phải chấm dứt sự can thiệp của chính phủ trong nông nghiệp.

Các cuộc đàm phán về nông nghiệp tại Vòng Uruguay cho thấy rõ rằng những nước đang phát triển đã từng đơn phương tự do hóa chế độ mậu dịch của mình theo các chương trình điều chỉnh cơ cấu (SAP) đều muốn các nước phát triển phải thể hiện thái độ 'có đi có lại'. Các cuộc đàm phán này đã diễn ra với mâu thuẫn gay gắt, và cuối cùng Mỹ và châu Âu đã phải làm ăn tay đôi với nhau để cho ra đời bản Thỏa thuận Nhà Blair (Blair House Accord), tư dinh của Phó tổng thống Mỹ, nhằm giải quyết nốt các khó khăn và ký được một hiệp định.

Đặt vấn đề

Với một dải rộng các loại vấn đề liên quan tới an ninh lương thực, khó có thể rút ra được kết luận đơn giản về mối quan hệ nhân quả giữa các hiệp định thương mại với những thay đổi về số lượt người bị đói, vì muốn vậy, người ta phải dựa vào nhiều chỉ số mà hiện nay còn chưa có, trong đó có sự thay đổi về mô thức việc làm và mức lương, tác động qua lại giữa một bên là những khu vực kinh tế lệ thuộc xuất khẩu với một bên là phần

còn lại của nền kinh tế, rồi những thay đổi về mô thức sản xuất. Tuy nhiên, vẫn có cơ sở để nêu ra một đánh giá sơ bộ, xuất phát từ xu hướng giá lương thực thế giới, thay đổi về nguồn thu xuất khẩu và chi phí nhập khẩu, rồi thay đổi về mức sản xuất trong nước và khả năng tự túc lương thực của quốc gia. Mục đích của AoA là tác động đến những lĩnh vực này trong chính sách nông nghiệp, và trong chừng mực nào đó, nó đã thành công.

Trước khi xem xét những tác động đó, phần này sẽ điếm qua lịch sử đàm phán về AoA. Trong khi Vòng Uruguay đang đàm phán về nông nghiệp, thì ở hai nơi xuất khẩu lương thực chính là Mỹ và Liên minh châu Âu (EU), người ta còn đang cãi vã nhau về chính sách lương thực, tranh luận về việc liệu tự do hóa thương mại có phải là mục tiêu tốt nhất, và GATT có phải là nơi tốt nhất, để tiến hành cải cách hay không. Tuy nhiên, nhìn chung người ta nhất trí rằng cần thay đổi chính sách thương mại và nông nghiệp, bởi lẽ nhờ chính phủ các nước xuất khẩu lương thực đều cạnh tranh nhau trong việc trợ giá xuất khẩu, nên các nước nhập khẩu chỉ phải trả chưa đến một nửa giá gốc. Thậm chí, nhiều nông dân ở EU và Mỹ đã thúc giục thay đổi chính sách nông nghiệp. Theo họ, ngoài việc tùy thuộc vào xuất khẩu, chính sách nông nghiệp của hai khu vực này còn có bốn đặc điểm chung: nó làm cho các khoản trợ cấp của nhà nước dồn về chỗ những chủ nông cỡ bự nhất; nó không chặn đứng được tình trạng suy giảm việc làm và thu nhập về lâu dài của kinh tế trang trại; nó tác hại nghiêm trọng cho môi trường; và từng bước sáp nhập công việc canh nông vào một tổ hợp nông - công nghiệp rộng lớn hơn.

Tất nhiên, động cơ cải cách ở mỗi nơi một khác. Ví dụ, EU lo lắng về chi phí trợ giá nông nghiệp, một phần do cuộc chiến tranh về giá xuất khẩu nông phẩm. Trong thập kỷ 1980, mức chi phí của Chính sách nông nghiệp chung EU (CAP) đã tăng gấp ba lần. Chỉ riêng năm 1983, chi phí CAP đã chiếm 70 -75

phần trăm tổng ngân sách của EU, trong đó khoảng 50 phần trăm chỉ để chi cho việc xử lý số sản phẩm dư thừa. Trong lúc đó, số người thực sự làm canh nông trong EU từ năm 1980 đến 1987 đã giảm 50 phần trăm. Người ta lo lắng về chi phí bảo quản và xử lý số sản phẩm dôi dư, và về xu hướng hình thành những chủ nông bự đang làm giảm bớt số người làm canh nông.

Tình hình ở Mỹ cũng diễn ra tương tự. Chính phủ bù cho nông dân mức giá do các công ty lương thực thu mua định quá thấp. Một tiểu ban do Bộ trưởng nông nghiệp Bob Bergland thành lập năm 1979 đã báo cáo: "Nếu những chính sách và chương trình hiện nay không thay đổi để chống lại, chứ không phải để tăng cường hoặc đẩy nhanh hơn, xu hướng tiến tới hoạt động canh nông quy mô lớn chưa từng có, thì kết quả sẽ là chỉ một vài năm nữa, một vài chủ nông lớn sẽ kiểm soát việc sản xuất lương thực".

Đòi hỏi cải cách nông nghiệp ở hai nơi này còn xuất phát từ vấn đề sinh thái và sức khỏe con người: phân bón sử dụng quá nhiều làm nguồn nước uống bị nhiễm nitơrat tới mức nguy hiểm, đất bị bạc màu ghe gớm, và cả việc sử dụng quá nhiều thuốc kháng sinh trong chăn nuôi.

Các nhà đàm phán của các nước đang phát triển nói chung đều muốn tham gia vào AoA, vì họ muốn ổn định và tăng giá nông phẩm một cách phải chăng để chống tình hình thực phẩm đang bị bán phá giá ồ ạt trên thị trường thế giới, thậm chí thấp hơn giá thành sản xuất. Do nhiều nước đang phát triển đã phải tự do hóa khá nhiều thị trường của mình theo các chương trình điều chỉnh cơ cấu (SAP), họ muốn các nước phát triển cũng phải làm như vậy để họ có thể tiếp cận các thị trường này và thu được giá nông phẩm cao hơn cho nông dân mình. Các TCPCP phát triển quốc tế cũng phê phán hiện trạng không công bằng như trên do chính sách của Mỹ và EU gây ra. Ví dụ, họ đã chống lại việc EU bán phá giá thịt bò sang Côt Divoa và

Buôckina Phasô trong thập kỷ 1980, phá hoại thị trường chăn nuôi nội địa của những nước này. Hoặc họ đã phản đối việc vận chuyển hàng viện trợ lương thực quá chậm trễ, làm rối loạn giá cả và thị trường lương thực, gây phương hại cho người sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, nỗ lực đòi đưa nông nghiệp vào nghị trình của Vòng Uruguay không phải nhằm chấm dứt việc nông nghiệp đang tập trung hóa nhanh chóng ở Mỹ hay châu Âu, lại càng không phải nhằm đảo ngược xu thế công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp hoặc thúc đẩy an ninh lương thực, mà là mở cửa các thị trường cho những công ty thương mại về gia súc, gia cầm, lương thực và các nông phẩm ôn đới khác.

Động lực thúc đẩy mạnh mẽ nhất vấn đề này xuất phát từ Mỹ hồi đầu thập kỷ 1980. Đại diện đàm phán cho Mỹ về nông nghiệp khi Vòng Uruguay khởi động chính là cựu Phó chủ tịch của Cargill - công ty tư nhân lớn nhất ở Mỹ, kiểm soát tới 60 phần trăm buôn bán ngũ cốc toàn thế giới. Sau khi mãn nhiệm, ông ta quay trở lại với ngành ngũ cốc. Khi Vòng Uruguay chuyển động, cái gọi là Tập đoàn Cairns cũng góp tiếng nói đòi tự do hóa thương mại nông phẩm. Đây là một tập đoàn bao gồm các nhà xuất khẩu ngũ cốc và sản phẩm sữa của các nước phát triển và đang phát triển, được thành lập nhằm mở rộng tỷ trọng trên thị trường thế giới mà không phải trả giá khi cạnh tranh với Mỹ và EU trên một thị trường xuất khẩu được trợ giá cao độ.

Nhiều TCPCP có cách phân tích khác các nhà đàm phán của chính phủ. Họ ít quan tâm hơn tới thị phần xuất khẩu và thương mại nông phẩm gia tăng. Họ đòi chấm dứt việc bán phá giá lương thực sang thị trường các nước đang phát triển và tăng chi cho các chương trình tăng cường sản xuất và tiếp thị trong nước. Các TCPCP không cho rằng lấy GATT làm nơi cải cách, mặc nhiên có nghĩa là chấp nhận lấy thương mại làm công cụ chủ yếu để cải cách chính sách nông nghiệp, vì theo họ việc tự

do hóa trên một thị trường không bình đẳng như vậy không có ích gì cho những người vốn đã ở vào thế bất lợi. Bình quân một năm, Mỹ, EU và Canada chiếm 3 phần 4 lượng xuất khẩu lúa mì thế giới, còn Mỹ xuất khẩu 3 phần 4 tổng lượng ngô giao dịch trên thế giới. Các thị trường này được tập trung khá đều về mặt cầu, trong đó tám nước chiếm quá nửa lượng nhập khẩu lúa mì và chỉ có ba nước chiếm ngót nghét một nửa lượng ngô nhập khẩu của thế giới năm 1994.

Các cuộc đàm phán vẫn tiếp diễn, dù chậm chạp và gặp nhiều trở ngại. Nhưng năm 1992, thỏa thuận riêng giữa Mỹ và EU tại Nhà Blair đã được áp đặt cho các bên khác. Một trong những hệ quả quan trọng nhất của thỏa thuận này là gộp vào AoA điều mà sau này trở thành Điều 6.5 (thường được gọi là 'ô xanh da trời'): loại trừ việc đòi các chính phủ phải cam kết giảm trợ giá trực tiếp cho nông dân nếu những khoản này vượt quá các chương trình hạn chế sản xuất. Những khoản này là một bộ phận cực kỳ quan trọng trong mô hình nông nghiệp Mỹ, đã được EU chấp thuận trong khi các cuộc đàm phán Uruguay còn đang diễn ra. Các nhà đàm phán 'ăn mảnh' này còn vạch ra một đường cơ sở khá hào phóng để đo lường mức giảm trợ giá xuất khẩu, soạn thảo ra Điều 13 của AoA - cái gọi là Điều khoản hòa bình, cấm các nước có hành động chống trợ giá xuất khẩu và chỉ hỗ trợ trong nước như đã nêu trong Phụ lục 2 của AoA (thường được gọi là 'ô xanh lá cây') cho tới ngày 31 tháng Mười hai 2003, năm cuối thực hiện chương trình chín năm kéo dài.

Thỏa thuận Nhà Blair là một bước thụt lùi đáng kể đối với những người muốn chính phủ giảm can thiệp vào thị trường nông nghiệp thế giới, đồng thời là niềm thất vọng đối với những TCPCP tìm cách chấm dứt tình trạng phá giá lương thực trên thị trường thế giới. Các nhà đàm phán AoA khác phải chấp nhận Thỏa thuận Nhà Blair vì dường như cũng không làm sao có nổi bất kỳ thỏa thuận nào khác nữa.

Khái quát các quy định trong AoA

AoA bao gồm ba lĩnh vực cải cách chính sách chủ yếu: tăng khả năng tiếp cận thị trường, giảm hỗ trợ trong nước cho nông dân, và giảm trợ giá xuất khẩu (ngoài một Hiệp định riêng rẽ về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh và vệ sinh thực vật đang được đàm phán dưới sự bảo trợ của các cuộc đàm phán về nông nghiệp). AoA còn bao gồm một số điều khoản đặc biệt đối với các nước đang phát triển và chậm phát triển nhất, trong đó có thời hạn thực hiện dài hơn (10 năm thay vì sáu năm) và mức cam kết giảm thấp hơn đối với các chương trình hỗ trợ sản xuất và thương mại nông phẩm. Tuy nhiên, từ góc độ an ninh lương thực, AoA có một số bất cập. Hiệp định này không yêu cầu các nước phát triển phải thay đổi mạnh các chương trình nông nghiệp, trong lúc vẫn cho phép tiếp tục thực hiện những việc như trợ giá xuất khẩu. Hiệp định này còn thể chế hóa sự bất bình đẳng giữa những nước dùng nhiều công quỹ để hỗ trợ nông nghiệp (các nước phát triển) với những nước không làm như vậy (các nước đang phát triển). Các nước phát triển chỉ phải giảm dần sự hỗ trợ này, còn các nước đang phát triển thì bị cấm hỗ trợ như vậy.

Phần này điếm lướt qua một số quy định của AoA. Có thể xem thêm chi tiết trong Phụ lục 3.

Lời nói đầu của AoA nhắc lại mục tiêu lâu dài của việc đưa nội dung nông nghiệp vào GATT lúc khởi sự Vòng Uruguay tháng Chín 1986, là "quy định giảm dần và về cơ bản việc hỗ trợ và bảo hộ nông nghiệp trong một thời gian theo thỏa thuận, tiến tới điều chỉnh và ngăn chặn những hạn chế và biến dạng trên thị trường nông nghiệp thế giới".

Lời nói đầu cũng thừa nhận tính chất chính đáng của những mối quan ngại phi thương mại trong nông nghiệp: "Ghi nhận rằng cần phải cam kết cải cách một cách công bằng giữa

tất cả các thành viên, xem xét những mối quan ngại phi thương mại, kể cả an ninh lương thực và nhu cầu bảo vệ môi trường, xem xét thoả thuận rằng sự đối xử đặc biệt và phân biệt đối với các nước đang phát triển là một bộ phận cấu thành của các cuộc đàm phán, và cân nhắc những tác động tiêu cực có thể phát sinh trong việc thực hiện chương trình cải cách đối với các nước chậm phát triển nhất (LDC) và những nước đang phát triển phải nhập khẩu ròng lương thực (NFIDC)...".

Mặc dù việc tự do hóa thương mại nông phẩm hoàn toàn không thể chỉ đàm phán một đợt là xong, nhưng ngoài quy định về giảm hỗ trợ theo lịch trình, vòng đàm phán này cũng đã đề ra một số nguyên tắc, trong đó có 1) Không được thực thi bất kỳ chương trình mới nào có thể bóp méo hoạt động thương mại, như trợ giá xuất khẩu chẳng hạn; 2) Bất kỳ cải cách nào về chính sách nông nghiệp cũng đều phải đưa các nước tới gần hơn một lý tưởng về thương mại tự do. Suy cho cùng, những nguyên tắc này đã bó tay những nước đã đơn phương tự do hóa theo các chương trình SAP trong việc đề ra biện pháp bảo vệ khu vực nông nghiệp của mình. Trái lại, những nước đã có nền nông nghiệp được bảo hộ cao nhất lại tìm được cách để AoA chỉ hạn chế các chương trình hiện hành của họ ở mức tối thiểu.

AoA công nhận việc thay đổi trong thương mại nông phẩm có thể có tác động tiêu cực tới một số nước. Những nước nhập nhiều ngũ cốc cho rằng việc các nước phát triển giảm trợ giá xuất khẩu và sản xuất có thể làm tăng chi phí cho họ, phá hoại an ninh lương thực của họ. Do vậy, các nước này được hứa hẹn sẽ được bảo vệ khi giá cả trên thị trường thế giới tăng, thể hiện chính thức bằng "Quyết định cấp bộ trưởng về các biện pháp liên quan tới khả năng chương trình cải cách có tác động tiêu cực tới các nước LDC và NFIDC", thường được gọi là Quyết định cấp bộ trưởng Marrakesh, không phải là một phần của AoA, nhưng có được nhắc tới trong Điều 16. Đó là một phần có tính ràng buộc

pháp lý của các Hiệp định Marrakesh.

Cũng cần giải thích thêm về một vài thuật ngữ trong AoA.

Trong các quy định về khả năng tiếp cận thị trường, thuật ngữ trọng tâm là 'thuế quan hóa'. Nó chỉ một quá trình trong đó một số nước – phần lớn là các nước phát triển - tính toán một đơn vị tương đương thuế quan trên cơ sở các chương trình bảo hộ đường biên giới của họ. Các quy định thuế khác nhau và các loại công cụ khác, bị AoA coi là không hợp pháp, không bị xóa bỏ mà chỉ bị chuyển hóa thành thuế quan, và bị coi là một đối tượng có thể đo đếm được cần phải cắt giảm. Nhiều nước đang phát triển lại chọn cách đề ra mức trần thuế quan, hứa không bao giờ nâng thuế quan trên mức đó. Cách này không áp dụng với các nước phát triển.

Còn trong các quy định về hỗ trợ trong nước có đề cập một công thức Lượng định tổng quan về hỗ trợ (AMS), nhằm tạo thuận lợi cho việc xác định chỉ tiêu cắt giảm, bằng cách quy tất cả các chương trình hỗ trợ khác nhau của một nước thành một con số. Các nước đang phát triển có chỉ tiêu cắt giảm thấp hơn các nước phát triển, còn các nước chậm phát triển nhất thì không phải tính AMS của mình. Tuy nhiên, tất cả các nước đang phát triển, kể cả các nước chậm phát triển nhất, buộc phải tuân thủ một mức trần chi phí không quá 10 phần trăm tổng giá trị sản lượng nông nghiệp. Những chương trình được miễn tính toán AMS được quy định trong Điều 6.2 đối với các nước đang phát triển và Điều 6.5 đối với các nước phát triển (cái gọi là 'ô xanh da trời') và Phụ lục 2 - 'ô xanh lá cây'. Các quy định trong 'ô xanh da trời' là các khoản chi bù thiếu hụt cho nông dân trên cơ sở mức sản xuất và diện tích (hoặc đầu gia súc, gia cầm); khoản chi này cao hơn mức giá hiện hành. Các khoản miễn trong 'ô xanh lá cây' bao gồm những thứ như chi cho cơ sở hạ tầng nông thôn, cứu trợ thiên tai, dịch vụ thú y, và chi trả cho nông dân không trên cơ sở mức sản xuất hoặc diện tích. Chúng

được gọi là những khoản chi trả riêng vì không gắn với hoạt động sản xuất.

Tác động của AoA

Dự báo hệ quả

Có nhiều mô hình lượng định tác động của AoA đối với nông nghiệp, điển hình do FAO, UNCTAD, OECD, và Ngân hàng thế giới đưa ra, đều dự báo tự do hóa thương mại sẽ làm tăng đáng kể của cải, dĩ nhiên ở các mức độ khác nhau, tùy theo các biến số và giả định của từng tổ chức. Với việc các cuộc đàm phán sắp đến hồi kết thúc và những kỷ luật tương đối khiêm tốn của AoA được mọi người biết đến, hầu hết mô hình đều dự báo mức tăng không lớn về giá trên thị trường thế giới. Theo các dự báo này, tác động tổng hợp của việc giảm các chương trình trợ giá trong nước và xuất khẩu, và việc tăng khả năng tiếp cận thị trường nhập khẩu ở các nước phát triển, có thể sẽ phần nào bị đảo ngược do những thay đổi đại để theo chiều ngược lại trong các nước kế hoạch hóa tập trung (thuộc khối Liên Xô cũ) và các nước đang phát triển gây ra. Tại các nước này, nông nghiệp bị đánh thuế và giá cả trong nước được trợ cấp vì người tiêu dùng, và vì vậy tự do hóa có thể sẽ làm tăng giá trên thị trường nội địa, khuyến khích sản xuất, và đẩy mạnh xuất khẩu.

Các mô hình của FAO dự báo rằng AoA sẽ làm sâu sắc thêm xu hướng hiện nay tăng lệ thuộc của các nước đang phát triển vào nhập khẩu lương thực, và rằng giá trị nhập khẩu lương thực của các nước này sẽ tăng 62 phần trăm, trong đó 15 phần trăm là vì AoA. Con số này thật đáng lo ngại từ góc độ an ninh lương thực. Nhiều nước trong số này không có nguồn thu ngoại tệ đáng tin cậy và cần phải tăng sản xuất lương thực nội địa. Thế mà ngay từ đầu người ta đã tính AoA phải đi theo chiều ngược lại. Cũng những mô hình này dự báo rằng cán cân buôn

bán nông phẩm của các nước đang phát triển sẽ được cải thiện nhờ có AoA: khoảng 40 phần trăm số thu chính là nhờ có các biện pháp tự do hóa của AoA. Tuy nhiên, các mô hình này cũng cho thấy rằng các số thu này sẽ không được phân bổ một cách đồng đều giữa các khu vực cũng như giữa các nước trong cùng một khu vực.

Thực hiện AoA

Để thực hiện AoA, nhiều nước đã phải thay đổi chính sách nông nghiệp của mình, thậm chí còn đi xa hơn cam kết của họ đối với WTO trong việc tự do hóa khu vực nông nghiệp, vì họ hình dung ra những kết quả có thể thu hái được trong các cuộc đàm phán tương lai về AoA. Thực ra, những chỉ tiêu đề ra để thực hiện ba nội dung của AoA đều thấp tới mức khó có thể gây trở ngại cho những nhà xuất khẩu nông phẩm lớn. Có một vài tác động được dự báo đã thực sự xảy ra, ví dụ việc các nước đang phát triển lệ thuộc nhiều hơn vào nhập khẩu lương thực. Tuy nhiên, niềm hy vọng của Tập đoàn Cairns về phân bổ lại thị phần đã không diễn ra, và khả năng của các nước đang phát triển tiếp cận thị trường các nước phát triển cũng chẳng khá hơn là bao. AoA đã tăng thêm nhiều điều bất bình đẳng giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển, đã ngăn cấm nhiều công cụ chính sách của các nước đang phát triển trong khi chỉ yêu cầu các nước phát triển phải thay đổi rất từ từ để thích ứng với đa số những biến dạng của thị trường.

Đánh giá tổng quát

Để chuẩn bị cho các cuộc đàm phán mới dự tính bắt đầu vào ngày 1 tháng Giêng 2000, các chính phủ cần đánh giá lại nội dung của AoA. Không thể tách riêng việc đánh giá đó khỏi

những yếu tố khác định hình nền kinh tế các nước. Thực hiện các chương trình điều chỉnh cơ cấu (SAP), nhiều nước đang phát triển đã cơ bản cấu hình lại nền kinh tế của mình. Trong bốn năm qua kể từ khi triển khai, giá ngũ cốc thế giới đã gần đạt mức cao kỷ lục trong năm 1995 và 1996, để rồi sau đó tụt xuống gần mức thấp kỷ lục năm 1998. Do khủng hoảng tài chính, mức cầu nông sản của châu Á dự kiến sẽ tiếp tục tăng, và vì thế việc xuất khẩu sang châu Á tụt xuống đã làm đảo lộn những dự báo về mua bán nông phẩm. Hiện tượng El Nino gây hại cho mùa màng khắp thế giới trong suốt 18 tháng. Kinh tế Nga gần sụp đổ, biến Nga từ chỗ là một nguồn đóng góp lương thực quan trọng cho thế giới trở thành nước phải nhập lương thực. Là những nước sản xuất lúa mà tiêu dùng cũng nhiều, sự thay đổi nhu cầu của các nền kinh tế thuộc Liên Xô cũ và Trung Quốc trong quá trình chuyển đổi có tác động đáng kể tới giá cả thế giới. Việc giảm hỗ trợ cho nông dân và tình trạng dao động giá cả sau Vòng Uruguay vẫn không làm giảm mức sản xuất ở EU và Mỹ. Trái với lô gích rằng phải giảm mức sản xuất thì mới tăng được giá, người nông dân lại lao vào tăng sản xuất với hy vọng kiếm thêm được chút ít lợi nhuận cận biên.

Việc tăng giá thời kỳ 1995 - 1996 đã làm tăng các khoản tiền nhập ngũ cốc của các nước LDC và NFIDC: từ thời kỳ 1993 - 1994 đến 1995 -1996, khoản tiền này của các nước LDC tăng 85 phần trăm, và của các nước NFIDC tăng 68 phần trăm. Sau đó, khi giá ngũ cốc giảm xuống, các khoản chi cho nhập ngũ cốc này đã không giảm tương ứng, có phần vì liên quan tới mức viện trợ lương thực trong mấy năm qua. Mặc dù theo dự báo, mức đóng góp cho viện trợ lương thực năm 1998 -1999 sẽ tăng lên khoảng 9 triệu tấn so với mức 5,3 triệu tấn năm 1997 - 1998, xu hướng viện trợ lương thực với giá ưu đãi về lâu dài là giảm mạnh: chiếm 64 phần trăm tổng nhập lương thực của các nước LDC hồi giữa thập kỷ 1980 xuống còn 23 phần trăm năm 1997 -

1998. Việc này sẽ làm cho các nhà sản xuất lao vào cạnh tranh không lành mạnh. Tuy nhiên, nhiều nước trong số này không có đủ nguồn lực cần thiết để chuyển sang sản xuất nhiều hơn trong nước, cũng không thể thông qua nhập khẩu để bảo đảm cung cấp đủ lương thực cho dân nước mình.

Bối cảnh mới trong Chính sách nông nghiệp

Như trên đã nêu, cả EU và Mỹ đều tỏ ra hào phóng khi đặt mức cao cho thuế quan và chỉ tiêu trợ giá xuất khẩu cũng như giảm chương trình hỗ trợ trong nước, phù hợp với tinh thần của AMS. Do vậy, chẳng có mấy nước thấy khó khăn gì trong việc đạt chỉ tiêu AMS trước khi kết thúc giai đoạn thực hiện. Tuy nhiên, vấn đề trọng tâm ở đây là AoA đã tác động tới tư duy chính sách nông nghiệp của các nước như thế nào, thông qua việc thay đổi các thông số liên quan. Những nhóm có lợi ích lớn nhất trong thương mại, đặc biệt các công ty lương thực và chế biến thực phẩm, đã đấu tranh, và trong nhiều trường hợp đã thành công, để loại bỏ những chương trình gây hao tiền tốn của hơn khi mua đầu vào. Chẳng thế mà Tangermann, một chuyên gia về AoA kiên quyết đòi phi điều tiết thương mại trong nông nghiệp, đã nói: "Thật an tâm khi biết rằng ngày càng có nhiều cuộc cải cách chính sách được tiến hành dưới tác động của Hiệp định này hoặc được những quy tắc mới đối với nông nghiệp của WTO đưa đường chỉ lối".

Các quy định về tiếp cận thị trường

Các nước đã sớm nhận ra những lỗ hổng và vấn đề trong AoA. Các nước đều quy định thuế quan ở mức cao, làm cho thị phần chẳng thay đổi là bao. Các chính phủ lại được phép tùy ý lựa chọn lĩnh vực để giảm thuế quan, thường là giữ thuế quan cao

đối với những sản phẩm đặc biệt nhạy cảm và giảm đối với những sản phẩm ít nhạy cảm hơn. Thậm chí EU còn ban hành Điều khoản bảo vệ đặc biệt, nhờ đó dễ dàng tuyên bố rằng các nhà sản xuất trong nước bị hàng nhập rẻ tiền đe dọa để nâng thuế quan.

Hầu hết các nước đang phát triển chọn cách quy định mức trần thuế quan chứ không sử dụng công thức thuế quan hóa. Thông thường mức trần này cao hơn nhiều mức thuế quan thực tế với hy vọng có thể kiểm soát được dòng nhập khẩu. Tuy nhiên, việc này còn tùy thuộc vào thỏa thuận với tổ chức tài chính quốc tế trong trường hợp chính phủ nước sở tại lệ thuộc vào vốn vay điều chỉnh cơ cấu.

Việc áp đặt các tiêu chuẩn về vệ sinh và vệ sinh thực phẩm đối với hàng nhập từ các nước đang phát triển cũng có thể bị coi là nhằm phục vụ mục đích bảo hộ do các nước này thiếu tiền và chuyên môn pháp lý để chọi lại những biện pháp này.

Một vấn đề nữa là thuế quan đối với thực phẩm chế biến lại thấp hơn khi chưa chế biến. Ví dụ: dầu lạc khi nhập vào Mỹ và Nhật Bản chịu mức thuế quan cao hơn lạc. Theo FAO, đây là vấn đề đối với hơn một nửa trong số 377 cặp hàng hóa (như ô liu và dầu ô liu chẳng hạn) đã được nghiên cứu. Điều này gây khó khăn cho các nước đang phát triển muốn phát triển những ngành công nghiệp có nhiều giá trị gia tăng hơn.

Những biện pháp hỗ trợ trong nước

Theo các cam kết trong AoA, các nước đang phát triển không được chi để hỗ trợ các nhà sản xuất của nước mình quá 10 phần trăm tổng giá trị ngành nông nghiệp. Trong lúc đó, đối với các nước phát triển mức giới hạn là 5 phần trăm. Tuy nhiên, nhiều nước phát triển tiếp tục chi tương đương trên 50 phần trăm tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của mình để hỗ trợ các nhà

sản xuất. Theo công thức tính của OECD, trong năm 1995, Mỹ đã chi 25,5 tỷ USD, và EU chi 85 tỷ USD cho mục đích này. Những khoản tăng chi này được coi là hợp pháp theo cam kết của họ trong AoA. Ngoài ra, các chính phủ đã đồng ý gộp các chương trình hạn chế sản xuất (chi tiền để nông dân giảm sản xuất) vào các tính toán AMS cơ bản, chứ không trong AMS hiện hành. Cách làm này mặc nhiên giúp hạ bớt các con số lại mà không đòi hỏi phải có thay đổi gì trong chính sách hoặc trong thực chi:

Trợ giá xuất khẩu

Theo AoA, những nước chưa trợ giá xuất khẩu thì không được ban hành mức trợ giá mới, mặc dù các nước đang phát triển được phép chi có mức độ để tiếp thị hàng xuất khẩu. Trong thực tế, chỉ có 25 trong tổng số 132 thành viên WTO có quyền trợ giá xuất khẩu, và chỉ vài ba nước xuất khẩu chiếm tới hầu hết số trợ giá xuất khẩu. Ba nước xuất khẩu chiếm tới 93 phần trăm số lúa mì xuất khẩu có trợ giá, hai nước chiếm 80 phần trăm số thịt bò xuất khẩu có trợ giá, và hai nước chiếm tới 94 phần trăm số bơ xuất khẩu có trợ giá.

Các nước đang phát triển còn quan ngại về việc AoA không trừng phạt việc sử dụng tín dụng xuất khẩu và các công cụ khác, mà về bản chất tương tự như trợ giá xuất khẩu. Trong lúc đó, AoA lại cho phép các nước giữ lương thực lại trong nước mình, làm cho các nước NFIDC rất bất bình vì an ninh lương thực của họ tùy thuộc vào việc cung ứng trên thị trường thế giới.

Một số TCPCP phê phán việc trợ giá vốn đã tồn tại nhiều năm này. Họ cho rằng nên coi đây là việc xuất khẩu phá giá. Chẳng hạn, nông dân Mỹ luôn bị thanh toán số tiền thấp hơn giá thành sản xuất. Số lương thực đó được bán trên thị trường thế giới, thậm chí với giá còn thấp hơn nữa, tạo ra cạnh tranh

không công bằng với hàng xuất khẩu của các nước khác. Viện chính sách nông nghiệp và thương mại - một TCPCP - cho rằng điều quan trọng là chấm dứt trợ giá xuất khẩu, nhưng điều quan trọng hơn là phải sử dụng luật thương mại đa phương để chấm dứt việc bán phá giá nông phẩm này.

Nghiên cứu trường hợp các quốc gia

Để trả lời những câu hỏi như: liệu các ngành kinh tế lệ thuộc vào thương mại có làm lợi cho nền kinh tế nói chung? Liệu có các công ty tư nhân, cơ sở hạ tầng pháp lý và các cơ chế điều tiết nào để bảo đảm rằng khu vực tư nhân không lạm dụng công ích? Liệu những ngành có thể bị thiệt do tình hình kinh tế thay đổi có được bảo hộ hay bị buộc trở nên dễ bị tổn thương hơn? Liệu các nước có khả năng phân tích những nhu cầu mới và cơ hội mới của mình, và vì thế thúc đẩy để có kết quả tốt nhất cho nhân dân mình?

Các nghiên cứu dưới đây xem xét xu hướng ở các nước về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu lương thực; cung cấp thông tin (nếu có) về cách thức thực hiện AoA ở các nước; giúp độc giả hiểu được rằng các nước đã gặp vấn đề gì khi điều chỉnh cho phù hợp và thực hiện các Hiệp định Vòng Uruguay. Nhiều vấn đề trong số này không thể được giải quyết chỉ riêng qua AoA. Điều cốt yếu là hệ thống đa phương này phải giúp đỡ chứ không phá hoại an ninh lương thực của các quốc gia.

Lời giới thiệu

Mặc dù chưa có đủ tất cả những dữ liệu quan trọng nhất, qua ba trường hợp nghiên cứu quốc gia điển hình dưới đây, có thể thấy tình hình sản xuất lương thực và sức mua trên thị trường lương thực thế giới của các nước này, hình dung xem liệu AoA có

làm phát sinh những vấn đề mới về an ninh lương thực hay chỉ làm trầm trọng thêm những vấn đề vốn có, để từ đó có thể rút ra kết luận về việc làm thế nào cải tiến được AoA trong các cuộc đàm phán sau này.

Công trình nghiên cứu được tiến hành ở Kenya, Mêhicô và Bangladesh. Trong số này, Kenya là một nước đang phát triển phải nhập khẩu ròng lương thực (NFIDC - tức là nằm trong số các nước có tổng giá trị nhập khẩu lương thực lớn hơn tổng giá trị xuất khẩu lương thực), đã tự do hóa chính sách thương mại khá nhiều từ đầu thập kỷ 1990, phần lớn là theo các chương trình điều chỉnh cơ cấu (SAP). Nước này đang ngày càng lệ thuộc vào lương thực nhập khẩu và đang ra sức tìm kiếm nguồn ngoại tệ để phát triển thị trường cho hàng xuất khẩu của mình. Còn Mêhicô, thành viên mới của OECD, là nền kinh tế lớn thứ 16 trên thế giới có ngót một nửa số dân trong diện nghèo khổ và chừng một nửa trong số này được coi là nghèo khổ cùng cực. Đa số dân nghèo ở nông thôn sống nhờ vào nông nghiệp. Việc Mêhicô tiến hành tự do hóa kinh tế nhanh chóng xuất phát từ việc nước này đơn phương thay đổi chính sách, việc nước này gia nhập GATT năm 1986 và tham gia Hiệp hội tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA) với Canada và Mỹ. Nghiên cứu nước này sẽ có ích cho các nước khác khi xem xét việc tự do hóa thương mại nông phẩm đa phương hơn nữa. Đối với Bangladesh, một nước vừa là NFIDC lại vừa là LDC, đồng thời là phát ngôn viên của các nước LDC tại WTO, thì phần lớn số dân sống bằng nghề nông, lấy nông nghiệp làm nguồn thu nhập và nguồn thức ăn chính yếu cho mình. Hệ thống quy tắc và ưu đãi thương mại ngày càng toàn cầu hóa đang trở thành những thách thức to lớn đối với đất nước này.

Kenya

Bắt đầu các chương trình điều chỉnh cơ cấu từ đầu thập kỷ

1980, Kenya đã thu được một số kết quả tốt cho phần đông dân chúng, kể cả tiểu nông. Phi điều tiết và tự do hóa kinh tế đã giúp khu vực tư nhân phát triển. Nhưng việc nhập khẩu lương thực ngày càng nhiều đã tước đi nguồn ngoại tệ của các ngành khác, đồng thời tác động trực tiếp tới việc tiếp tục trả những khoản nợ địa của nước ngoài. Đất đai bị xói mòn và số dân tăng 3,8 phần trăm mỗi năm làm giảm diện tích bình quân sử dụng đất. FDI và ODA đều rất ít ỏi. Khu vực tư nhân chưa đủ sức thay thế mọi vai trò của chính phủ và đa số nông dân thiếu tín dụng để làm ăn có lãi. AoA hiện hành chẳng giúp được Kenya bao nhiêu trong việc tiếp sức cho nông nghiệp - xương sống của toàn bộ nền kinh tế nước này.

Tổng quan

Hơn 3 phần 4 trong tổng số 28 triệu dân của Kenya sống nhờ vào nông nghiệp, nhưng ngành này chỉ chiếm 30 phần trăm GDP. Tăng trưởng GDP là 5 phần trăm năm 1995, 4 phần trăm năm 1996, và 0,1 phần trăm năm 1997. Tăng trưởng kinh tế trong thập kỷ 1990 chưa đủ để bù lại tổn thất trong các cuộc khủng hoảng hồi thập kỷ 1980. Tăng trưởng nông nghiệp cực kỳ tồi tệ, và ngày càng lệ thuộc nhiều vào viện trợ và nhập khẩu lương thực. Dự tính nhu cầu lương thực từ nay đến 2010 sẽ tăng gấp đôi, trong lúc cứ 10 người lớn thì có một người nhiễm HIV/AIDS (chiếm 11,64 phần trăm số dân), làm cho lực lượng thực sự lao động trong thực tế giảm đi đáng kể.

Kinh nghiệm tự do hóa

Kenya đã trải qua một số chương trình tự do hóa kinh tế từ đầu thập kỷ 1980. Khi đó, việc sản xuất nông sản hàng hóa xuất khẩu như chè, cà phê và sản phẩm vườn đã tăng đáng kể, góp

phần tăng thu nhập và giảm nghèo, thậm chí cho cả một số tiểu nông. Cũng nhờ đó, người sản xuất lương thực đỡ bị cạnh tranh (do số người bán lương thực giảm đi) và có điều kiện chuyên canh hóa.

Gần đây hơn, các nhà máy xay ngô ở thành thị không còn giữ độc quyền, góp phần hạ giá bán lẻ ngô xay, có tác dụng nhất định đối với an ninh lương thực.

Tuy nhiên, đúng như tổ chức Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) đã cảnh báo, cần thận trọng trước khi quyết định gia tăng sự lệ thuộc vào nguồn cung ứng trên thị trường thế giới khi loại lương thực chủ yếu của mình không được mua bán rộng rãi trên quốc tế. Điều này thật đúng với Kenya, nước mà ngô trắng là lương thực chủ yếu. Kenya còn lệ thuộc nhiều vào một số nông sản xuất khẩu để thu ngoại tệ. Việc giá cả những mặt hàng này giảm đã kéo theo nguồn ngoại tệ giảm, ảnh hưởng tới nhập khẩu lương thực. Những thực tại này, cộng với một khu vực tư nhân non yếu, hệ thống tín dụng kém cỏi và cơ sở hạ tầng nông nghiệp (bảo quản, tiếp thị...) nghèo khổ, đã làm cho các nhà sản xuất trở nên yếu ớt trước những thương gia có tiền để khai thác thị trường.

Sang đầu thập kỷ 1990, với các chương trình ổn định hóa, việc trợ giá bị xóa bỏ, đẩy giá đầu vào nông nghiệp tăng vọt. Từ 1990 đến 1992, mức sử dụng phân bón giảm xuống hơn 40 phần trăm. Giá nông sản tăng không đủ bù những khoản tăng đầu vào này. Đã có bằng chứng rõ ràng về việc các điều kiện xã hội sụt giảm đáng kể trong khi tiến hành những điều chỉnh kinh tế gần đây.

Các số liệu về thương mại và sản xuất

Năm 1996, xuất khẩu hàng hóa của Kenya đạt 2,2 tỷ USD, trong đó chè chiếm gần 40 phần trăm và cà phê khoảng 30 phần

trăm; còn nhập khẩu hàng hóa đạt 3,5 tỷ USD, tức là thâm hụt tài khoản vãng lai tương đương 1,3 tỷ USD.

Từ giai đoạn 1985 -1990 đến 1991 -1996, nhập khẩu nông phẩm đã tăng suýt soát 47 phần trăm, từ 164 triệu USD lên 302 triệu USD; còn xuất khẩu nông phẩm tăng khoảng 25 phần trăm, từ 727 triệu USD lên 965 triệu USD. Với đà cán cân thương mại nông nghiệp đi xuống này, FAO đã dự báo Kenya đến năm 2000 sẽ thiếu tất cả các loại lương thực cơ bản, trừ khoai tây và đỗ đậu. Cây lương thực có sản lượng lớn nhất là ngô trắng cũng sẽ thiếu. Năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa đang giảm dần, từ mức 93 phần trăm năm 1990, xuống 82 phần trăm năm 1996. Từ chỗ là nước xuất khẩu ngô trong khu vực, Kenya đã trở thành nước nhập khẩu bình quân 200.000 tấn ngô/năm trong giai đoạn 1990 -1995, tức là khoảng 10 phần trăm năng lực sản xuất.

Cơ cấu lương thực nhập khẩu của Kenya cũng thay đổi. So với thập kỷ 1980, viện trợ lương thực cho Kenya giai đoạn 1993-1995 chỉ còn non một nửa. Theo AoA, các nước xuất khẩu lương thực giảm bớt dự trữ lương thực của họ, làm lượng lương thực xuất khẩu có trợ giá cũng giảm đi. Kenya buộc phải tự mình mua lương thực trên thị trường quốc tế để giải quyết chỗ lương thực còn thiếu, mà việc này không hề dễ dàng khi GDP bình quân giai đoạn 1990 -1997 chỉ còn chưa bằng một nửa giai đoạn 1980 -1990, giá trị gia tăng nông nghiệp giảm từ 3,3 phần trăm mức tăng trưởng bình quân hàng năm xuống còn 0,8 phần trăm. Trong lúc đó, ODA giảm từ 12 phần trăm GNP năm 1990 xuống 6,8 phần trăm năm 1996, và FDI giảm từ 57 triệu USD năm 1980 xuống chỉ còn 13 triệu USD năm 1996. Mức nợ từ 3,4 tỷ USD năm 1980 đã lên 6,9 tỷ USD, bằng 64 phần trăm GNP.

Kênya và AoA

Chính phủ Kênya khuyến khích nghề làm vườn vì nó có tiềm năng tạo việc làm. Có khoảng 530.000 lao động làm trong ngành này và có 65.000 lao động tham gia sản xuất đồ xanh. Tuy nhiên, từ năm 1990 đến 1996, sản lượng sản phẩm vườn chỉ tăng 3,7 phần trăm và xuất khẩu chỉ tăng 1,8 phần trăm, vì EU - thị trường cuối cùng của sản phẩm này, không nhập khẩu nữa khi các nhà làm vườn của họ đã cung cấp đầy đủ cho thị trường. Trong trường hợp này, các quy tắc của AoA có thể phát huy tác dụng, không cho EU phân biệt đối xử với hàng nhập khẩu theo mùa, hoặc tạo được cơ hội thu hút đầu tư để phát triển ngành chế biến nhằm tăng sức cạnh tranh. Nhưng vấn đề ở đây là: AoA hạn chế sự lựa chọn công cụ hiện có. UNCTAD đã lập luận rằng cần coi các chuyên ngành nông nghiệp mới như "những ngành công nghiệp non trẻ", bởi lẽ tự do hóa nền kinh tế vì thương mại mà trước hết không bảo đảm có đủ năng lực cung ứng sẵn sàng đáp ứng những cơ hội xuất hiện thì không có khả năng phát triển được kinh tế.

Mêhicô

Đây là ví dụ điển hình về hệ quả với một nước áp dụng chính sách tự do hóa nhanh chóng mà không có bảo đảm an ninh lương thực. Mặc dù thương mại ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Mêhicô, đa số đầu tư và phát triển do thương mại sản ra đã không thể đem lại ích lợi cho nền kinh tế quốc gia nói chung. Từ năm 1986, Mêhicô bắt đầu rút dần chủ trương hỗ trợ nông nghiệp, và sau khi tham gia NAFTA, chủ trương này được thực hiện rất cương quyết. Hậu quả xã hội thật nghiêm trọng. Nội chiến bùng lên ở bang Chiapas, rồi sự phản đối và phong tỏa của các tổ chức nông dân. Lạm phát rất cao làm mức

tiêu thụ lương thực cơ bản giảm ngót 30 phần trăm, cho thấy nạn đói đang lan rộng. Hàng triệu nông dân nghèo đói, sống nhờ vào chế độ canh tác tự cấp tự túc, nay đứng trước việc lương thực nhập khẩu ồ ạt từ Mỹ vào. Năm 1996, với giá cả thế giới cao kỷ lục, những hàng nhập khẩu này đã gây ra một tình trạng thừa mứa trên thị trường nội địa, buộc giá nội địa tụt khoảng 20 phần trăm năm 1995. Đây không phải là hậu quả cam kết của Mêhicô trong AoA, nhưng là một ví dụ về một tình huống mà theo đó mô hình lý tưởng AoA có thể diễn ra trong thực tế.

Tổng quan

Mêhicô là một nước có nhiều điều tương phản. Là thành viên của OECD và đứng thứ 16 trên thế giới về quy mô kinh tế, GNP năm 1997 của nước này là 305 tỷ USD - tính theo đầu người là 3.320 USD.² Nếu tính theo chỉ số sức mua ngang giá (PPP), con số này tương đương 8.120 USD/người. Vai trò của thương mại tăng vọt từ đầu thập kỷ 1980 và đầu tư nước ngoài đã tăng đáng kể.

Thế nhưng non nửa số dân Mêhicô sống trong cảnh nghèo khổ, đa số ở nông thôn. Tình trạng thiếu việc làm và việc chính phủ đột nhiên rút khỏi lĩnh vực nông nghiệp đã làm cho bức tranh an ninh lương thực ở nhiều vùng nông thôn trở nên u ám hơn. Khoảng 3 triệu người nông thôn không tác đất cắm dùi chính là những người nghèo nhất. Sống ở nơi heo hút, họ không bán được ngô với mức giá cao do chính phủ quy định, cũng không được mua lương thực có trợ giá của chính phủ. Họ phải trông chờ vào thu nhập phi nông nghiệp để sống qua ngày.

Nông nghiệp chỉ chiếm 7 phần trăm GDP, nhưng sử dụng tới 25 phần trăm số dân thực sự lao động của Mêhicô. Tỷ trọng

2. Theo Báo cáo phát triển nhân lực của UNDP 1998.

nông nghiệp trong GDP giảm đi, do năng suất thấp và thu nhập ít ỏi. Có thể chia nội bộ nông dân thành mấy nhóm. Một cực là khoảng 10 phần trăm nông dân, nhiều vốn, công nghệ cao, chuyên sản xuất phục vụ thị trường thế giới, được hưởng phần lớn các chương trình hỗ trợ của chính phủ. Cực kia là khoảng 50 phần trăm dân nông thôn, cày kéo trên đất cằn, ít có phân hóa học.

Các số liệu về thương mại

Thương mại của Mêhicô tăng rất nhiều trong 20 năm qua. Từ năm 1980 đến 1996, xuất khẩu tăng từ 22,6 tỷ USD lên 106,9 tỷ USD, nhập khẩu từ 27,6 tỷ USD lên 100,3 tỷ USD. 75 phần trăm hàng xuất khẩu của Mêhicô là sang Mỹ, và nhập khẩu 69 phần trăm từ Mỹ.

Cơ sở sản xuất công nghiệp của Mêhicô khá đa dạng và thu hút được lượng FDI đáng kể, từ 2,6 tỷ USD năm 1980 lên 7,6 tỷ USD năm 1996, tập trung chủ yếu vào các ngành hoạt động trong các khu miễn thuế dọc biên giới với Mỹ. Trong năm 1996, 40 phần trăm tổng xuất nhập khẩu của Mỹ là do các nhà máy này tạo ra. Các nhóm hoạt động môi trường, quyền con người, sức khỏe và công đoàn thấy đều phê phán các nhà máy này về điều kiện làm việc tồi tệ, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và có những hành động ráo riết chống công đoàn. Ban thư ký WTO, trong lúc coi thương mại gia tăng là một diễn biến tích cực, cũng đã chỉ ra rằng mặc dù các nhà máy này có tạo thêm việc làm và thu hút đầu tư vào Mêhicô, những việc làm đó hóa ra không được hoan nghênh và các khoản đầu tư đó không khuyến khích tăng trưởng kinh tế rộng lớn hơn ở đất nước này. Với hàng nhập chủ yếu là ngô, đỗ tương, lúa mì, cao lương, đại mạch và các hạt có dầu khác, thương mại nông phẩm và gia súc của Mêhicô năm 1996 đã thâm hụt 1,2 tỷ USD, tăng lên 4,2 tỷ

USD năm 1997.

Tự do hóa nhanh chóng: Một vài bài học

Dưới đây không phải là phần mô tả về tác động của việc thực hiện AoA, mà là ví dụ về một nước đang trong quá trình vận động nhanh chóng để mang diện mạo của một nền nông nghiệp quy định trong AoA.

Năm 1982, do khủng hoảng nợ nước ngoài, chính phủ Mêhicô tiến hành tự do hóa, cắt trợ giá cả đầu vào và đầu ra cho nông dân, làm cho sản lượng lương thực sụt xuống. Khoảng 1980, Mêhicô từ chỗ là nước xuất khẩu ròng lương thực biến thành nước nhập khẩu ròng. Năm 1986, Mêhicô gia nhập GATT, năm 1994, gia nhập OECD, chuyển từ địa vị nước đang phát triển thành nước phát triển. Cùng năm đó, NAFTA ra đời và các hiệp định của Vòng Uruguay được ký kết.

Từ năm 1989 đến 1994, Mêhicô đã chuyển nhanh từ một nền kinh tế bảo hộ cao thành một nền kinh tế rất mở, đặc biệt theo đòi hỏi của NAFTA. Cũng theo NAFTA, họ phải thay thế nhiều chương trình hỗ trợ nông nghiệp bằng một hệ thống thanh toán trực tiếp duy nhất cho người sản xuất.

Những thay đổi về chính sách trong thập kỷ 1980 và đầu thập kỷ 1990 đã tác động to lớn tới người dân. Khu vực chính thức (nhà nước) đầu thập kỷ 1990 chỉ tạo được một phần ba số việc làm cần thiết cho số lực lượng lao động hiện có. Năm 1994, nội chiến bùng nổ ở bang cực nghèo Chiapas. Cuối năm 1994, đồng pêsô sụt giá. Sau đó, các khoản tiền vay đã giúp khôi phục phần nào niềm tin vào ngành ngân hàng, nhưng lại giáng đòn nặng vào dân thường. Lạm phát lên đến 52 phần trăm năm 1995, và vẫn ở mức 27,7 phần trăm năm 1996. Sau khi phá giá đồng tiền, chi phí sản xuất ngô và các cây trồng khác tăng 40 phần trăm. Từ năm 1987 đến 1998, chi phí cho 'rổ' lương thực cơ

bản ở Mêhicô tăng 1.727 phần trăm nhưng lương tối thiểu chỉ tăng 1 phần 4 con số đó, làm cho mức tiêu thụ ngô, lúa mì và rau quả giảm.

Tín dụng là một vấn đề lớn với nông dân kể từ khủng hoảng tài chính 1994. Các ngân hàng cắt giảm tiền cho những công ty và người sản xuất nhỏ vay trong lúc chính phủ đóng cửa dần những ngân hàng phát triển công đã bị thua lỗ sau khủng hoảng. Chỉ khoảng 18 phần trăm người sản xuất được cấp tín dụng chính thức.

Việc đột nhiên mở toang thị trường cho hàng nhập, nhất là ngô, là cú sốc lớn nhất đối với những người sản xuất nông nghiệp. Ngô là lương thực của Mêhicô và là một trong những nông sản xuất khẩu lớn nhất của Mỹ. Năm 1996, Mêhicô cho phép tăng ô ạt lượng ngô nhập miễn thuế. Hạn ngạch miễn thuế dành cho Mỹ theo NAFTA là 2,65 triệu tấn, và ngoài số đó thì mức thuế là 189,2 phần trăm. Tuy nhiên, năm 1996, lượng nhập miễn thuế từ Mỹ lớn gấp đôi con số đó, làm Mêhicô phải chi ra 1,1 tỷ USD. Hậu quả là ngô thừa mứa trên thị trường, đẩy giá nội địa tụt xuống 18 -23 phần trăm so với năm 1955. Như vậy ngô nhập khẩu đã làm giá ngô nội địa sụt giảm trong khi giá thế giới cao kỷ lục và khi đồng pêsô đã phá giá có sức cạnh tranh cao với các đồng tiền khác.

Quyết định nhập khẩu ngô này phản ánh sự yếu kém tương đối về chính trị của người sản xuất, sức ép của một số cơ quan chính phủ, cũng như nhiều công ty lương thực và hãng chế biến thực phẩm lớn ở Mêhicô nhưng đóng trụ sở tại Mỹ. Những công ty này tham gia xuất khẩu lương thực từ Mỹ sang, được hưởng tín dụng và trợ giá xuất khẩu của Chính phủ Mỹ.

Mêhicô và AoA

Bị ép phải tự do hóa, Mêhicô chỉ cam kết một cách khiêm tốn

trong AoA. Theo Báo cáo kiểm điểm chính sách thương mại của WTO năm 1997, trong lúc tiếp tục bảo hộ một số ngành thông qua việc sử dụng các quy định chống phá giá rộng rãi, Mêhicô chọn phương án tự do hóa thương mại khu vực hơn là tự do hóa đa phương, và vì thế, ngày càng tùy thuộc nhiều hơn vào một thị trường duy nhất là Mỹ.

Bănglađet

Xã hội Bănglađet nhìn chung mang tính chất điền địa và quy mô kinh tế nhỏ, đồng thời là một nước nhập khẩu ròng lương thực và là một nước LDC. Do vậy, họ không bị AoA gây nhiều khó khăn. Tuy nhiên, những quy chế ưu đãi quan trọng về thương mại dành cho nước chậm phát triển nhất này hiện nay đang bị đặt dấu hỏi vì các hiệp định Vòng Uruguay mở rộng mức hưởng thuế quan thấp cho nhiều nước hơn.

Bănglađet tuyên bố thiếu các nguồn lực để xác định những nhu cầu xây dựng năng lực thương mại, do đó kêu gọi các thiết chế đa phương, kể cả WTO, giúp xử lý vấn đề này.

Tổng quan

Thu nhập tính theo đầu người năm 1996 của Bănglađet là 279 USD. Khoảng 60 phần trăm số dân nước này kiếm sống từ nông nghiệp. Theo FAO, 78 phần trăm số dân đến năm 2000 vẫn sống ở nông thôn. Mấy năm qua, GDP tăng bình quân 4 phần trăm và đất nước này gần đạt mức tự túc về gạo (đáp ứng 93 phần trăm nhu cầu thời kỳ 1994 -1996), đồng thời tăng đáng kể việc sản xuất lúa mì. Sản xuất lúa gạo là ngành quan trọng nhất của cả nền kinh tế. Tuy có cải thiện việc sản xuất lúa và lúa mì, Bănglađet vẫn phải tăng dần lượng lương thực nhập khẩu. Mặc dù khối lượng xuất khẩu nông sản có tăng, nhưng

nếu tính theo đồng đôla cố định, thì lượng ngoại tệ thu được lại giảm.

Ngoài nguồn thu ngoại tệ truyền thống do xuất khẩu đay, Bangladesh còn trội hơn các LDC khác vì không chỉ lệ thuộc vào một, hai nguồn thu ngoại tệ, mà ví dụ hàng dệt chiếm tới 70 phần trăm xuất khẩu của họ sang các thị trường OECD và sang 12 nước lớn không phải thành viên OECD.

Nông sản xuất khẩu - ví dụ về ngành nuôi tôm

Nằm trên vùng châu thổ do các con sông Hằng, Meghna và Brahmaputra tạo nên, với bờ biển dài 480 km, có lăm cửa sông và lòng đáy cát, Bangladesh có nhiều điều kiện rất thích hợp để nuôi tôm. Nghề nuôi tôm đã có ở đây từ nhiều thế kỷ, xen canh với lúa. Nhưng phải có sự tham gia của Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á và chính phủ, thì việc nuôi tôm thương phẩm mới phát triển, đem lại nguồn ngoại tệ lớn thứ ba cho đất nước, lên tới 325 triệu USD năm 1994.

Tuy nhiên, sự phát triển của ngành này cũng làm xuất hiện những quan ngại về môi trường và xã hội. Chỉ do tranh chấp đất nuôi tôm mà hơn 100 người đã bị giết trong mười năm qua. Ao hồ nhiễm mặn đã huỷ diệt cây trồng, giảm diện tích trồng lúa nước, thu hẹp vùng bãi cỏ chăn thả trâu bò, giảm nguồn sữa của dân. Ngành nuôi tôm còn khó duy trì lâu dài hệ thống hồ ao vì ô nhiễm và bệnh tật.

Ví dụ điển hình về tác động tiêu cực của ngành này có thể thấy ở huyện Cox's Bazaar. Theo UNCTAD, tính đến năm 1991, 41 phần trăm rừng ngập mặn ở đây đã bị biến thành nơi nuôi tôm quảng canh. Năm đó, một cơn bão xoáy ở đó đã giết chết 700 người, làm 20.000 người mất nhà cửa, phá hủy đàn gia súc và thuyền bè đánh cá của dân trong vùng. Dân địa phương nói rằng hậu quả của cơn bão trở nên tệ hại hơn nhiều vì không còn

rừng ngập mặn che chắn nữa.

Việc chuyển từ trồng đay và lúa nước sang nuôi tôm còn làm tăng tình trạng nhiều người không có đất canh tác, giảm cơ hội việc làm một phần vì trồng đay và lúa nước là công việc quanh năm, còn nuôi tôm chỉ là công việc thời vụ, lại cần nhiều vốn hơn là cần lao động. Khi thấy mặt trái, người ta bèn chấm dứt nuôi tôm, nhưng không dễ gì chấm dứt các hậu quả. Ô nhiễm, nạn phá rừng, đất bạc màu, đất và nước nhiễm mặn... chẳng dễ khắc phục. Tình trạng biến động về sở hữu đất đai nghiêm trọng tới mức chính phủ Bangladesh đang phải đưa ra một dự luật nhằm bảo vệ nông dân nghèo khỏi bị số điền chủ giàu có chiếm đất do sức hấp dẫn của lợi nhuận từ việc bán tôm.

Bangladesh và AoA

Thực hiện tự do hóa kinh tế từ thập kỷ 1980, Bangladesh phá giá mạnh đồng taka, bỏ hầu hết các hạn chế số lượng nhập khẩu, kể cả nông sản. Các cuộc đàm phán Vòng Uruguay không có nhiều tác động lắm tới tiến trình này, mặc dù có khẳng định xu hướng của các nhà tài trợ quốc tế đòi các nước nhận viện trợ phải thực hiện các chính sách tăng trưởng kinh tế theo hướng xuất khẩu. Là nước nhận nhiều ODA, Bangladesh dễ bị tổn thương dưới những sức ép như vậy.

Được xếp vào nhóm các nước LDC, Bangladesh chỉ có cam kết tối thiểu theo AoA, tuy vẫn phải ràng buộc thuế quan với nông sản. Các nước LDC không có nghĩa vụ giảm Lượng định tổng quan về hỗ trợ (AMS), cũng chưa trình dự tính AMS cho WTO. Mức thuế quan ràng buộc trung bình đơn giản của họ rất cao - 197,1 phần trăm. Một nửa tổng loại thuế quan của họ đều cao hơn 100 phần trăm. Do không có loại nào trong số thuế quan này bị coi là ràng buộc trước khi AoA có hiệu lực, họ có thể sử dụng điều khoản về Đối xử đặc biệt và phân biệt để ràng buộc

thuế quan của mình, nhờ đó tránh được việc thuế quan hóa và chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ tối thiểu. Về mặt lý thuyết, họ có thể tạo ra và sử dụng một hệ thống hạn ngạch nội địa để quy định mức thuế nhập khẩu thấp, cho phép một lượng hàng thuế thấp được nhập vào thị trường, tránh tình trạng cung thừa, ổn định được giá cả trong nước.

Tuy được Điều 6 của AoA cho phép tương đối tự do đầu tư vào nông nghiệp và kiểm soát được nhập khẩu, cơ hội tiếp cận thị trường cho Bangladesh vẫn chưa thấy đâu kể từ khi AoA có hiệu lực. Mặc dù AoA có quy định giảm mức thuế với hàng chế biến, mức này vẫn cao hơn mức thuế đánh vào hàng nguyên liệu; điều này tiếp tục ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực sản phẩm, trong đó có chè, các sản phẩm cá và đay, mà đây lại đều là các mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Bangladesh. Khi được yêu cầu xác định những vấn đề gặp phải trong khi thực hiện các hiệp định của Vòng Uruguay, Bangladesh trả lời rằng chính phủ của họ thậm chí không có đủ năng lực để xác định xem họ đang gặp phải vấn đề gì.

Việc thực hiện AoA ở Geneva

Các nhà ngoại giao ở Geneva nay đang tập trung vào việc bổ sung, sửa đổi AoA, mà chủ yếu là tiến trình đang diễn ra trong Ủy ban thương mại và nông nghiệp của WTO, quan hệ giữa WTO với các TCPCP và lập trường của các chính phủ khi dự liệu các cuộc đàm phán tới, dự kiến bắt đầu vào tháng Mười hai 1999, tại Hội nghị cấp bộ trưởng WTO lần thứ ba.

Ủy ban nông nghiệp

Được thành lập theo quy định của AoA để giám sát việc thực hiện AoA, Ủy ban này họp mỗi năm bốn lần và mở cửa cho tất

cả thành viên WTO. Họ xem xét các thông báo quốc gia liên quan tới các điều khoản của AoA và thảo luận các vấn đề chung liên quan tới thương mại và nông nghiệp. Các nước phải trình lên WTO, đồng thời đưa lên trang Internet của WTO, những thay đổi về chính sách trong việc thực hiện các cam kết theo AoA.

Vấn đề nông nghiệp không chỉ được thảo luận tại Ủy ban này mà cả ở Ủy ban thương mại và phát triển (CTD) và Ủy ban thương mại và môi trường (CTE). Tuy nhiên, Ủy ban nông nghiệp vẫn là chính, với nội dung trung tâm là quản lý các hạn ngạch về mức thuế quan (TRQ). Gần đây hơn, các chính phủ còn tham gia vào quá trình "phân tích và trao đổi thông tin" nhằm trình bày những quan tâm của mình đối với AoA, đồng thời xem xét những lĩnh vực cần kiểm điểm trong tương lai mà chưa phải chính thức đàm phán với nhau.

Phân tích và trao đổi thông tin (AIE)

Đây là một tiến trình được quyết định triển khai kể từ Hội nghị cấp bộ trưởng WTO năm 1996 tại Singapo sau khi một số nước (nhất là các thành viên của Nhóm Cairns) thúc đẩy tự do hóa nông nghiệp sớm hơn tiến độ thỏa thuận tại Marrakesh trong lúc một số nước khác lại muốn đi chậm hơn.

Được các đại biểu WTO tại Geneva đón nhận một cách tích cực, tiến trình này tạo ra một con đường cho các chính phủ đề xuất ý tưởng và những mối quan tâm để thảo luận trong các cuộc đàm phán sắp tới. Các cuộc gặp này đều là không chính thức, cho phép có trao đổi và thảo luận nhiều hơn trong các cuộc đàm phán thông thường, do vậy không có quan sát viên.

Tuy nhiên, các nước đang phát triển chỉ tham gia một cách yếu ớt vào tiến trình AIE. Trong tổng số 45 tài liệu được đệ trình cho đến nay, chỉ có tám là từ các nước đang phát triển và

bốn từ thành viên Nhóm Cairns. Mặc dù có nhiều sáng kiến quan trọng của các cơ quan thuộc Liên hợp quốc, các TCPCP và các nhà tài trợ song phương nhằm tăng cường năng lực của các nước đang phát triển tham gia vào WTO, hình như việc đặt lên bàn thảo luận những mối quan tâm của các nước này vẫn còn gặp nhiều trở ngại, một phần là do họ không có hoặc chỉ có những phái bộ đại diện rất nhỏ tại WTO, phần nữa là do ở ngay nước mình, bộ máy chuyên trách của các nước này bị làm việc quá tải đến mức không thể cung cấp được sự hậu thuẫn cần thiết để phái bộ đại diện ngoại giao tại Geneva có thể hoạt động có hiệu quả. Những tổ chức liên chính phủ như Trung tâm phương Nam (South Center) đang tích cực hoạt động để giải quyết điều này, nhưng vẫn còn nhiều việc phải tiếp tục làm thì tính đại diện tại Geneva mới thực sự đồng đều.

Đến lúc này, tiến trình AIE đang đến đoạn thắt nút. Ngày 23 tháng Mười một 1998, Đại hội đồng đã họp không chính thức, thỏa thuận tiến hành các cuộc đàm phán mới tại Hội nghị cấp bộ trưởng tới đây tại Siaton, Mỹ vào đầu tháng Mười hai 1999. Tại đó, các chính phủ chắc sẽ tung ra lập trường đàm phán cứng rắn nhất của mình, đòi hỏi có những thay đổi theo ý nguyện của họ. Đến mùa Xuân, Ủy ban nông nghiệp sẽ bắt đầu đàm phán về một văn bản khung trình cấp bộ trưởng thông qua trước khi họ đi vào cụ thể hóa văn bản đó. Khi đó, AIE sẽ phải trôi theo dòng của nó.

WTO và các tổ chức phi chính phủ (TCPCP)

WTO hiện có hơn 130 thành viên và hơn 30 nước khác đang tìm cách gia nhập. Chỉ các chính phủ mới có thể trở thành thành viên WTO, mặc dù một số tổ chức liên chính phủ (như UNCTAD, Ngân hàng thế giới và IMF) đã được hưởng quy chế quan sát viên tại Đại hội đồng (là cơ quan ra quyết định cao nhất của

WTO giữa hai kỳ họp cấp bộ trưởng, hai năm một lần) cũng như tại một vài Ủy ban giám sát việc thực hiện các hiệp định. Các TCPCP không có vị thế chính thức nào trong WTO.

Bản chất và thực tiễn hoạt động của WTO làm cho công tác vận động trở nên rất khó khăn. Trước đây, các TCPCP không được hoan nghênh ở WTO. Vài năm gần đây, các TCPCP được mời dự một số hội thảo do đơn vị duy nhất thuộc WTO tổ chức định kỳ là Ban thương mại và môi trường. Đây cũng là đơn vị duy nhất có phát hành một bản tin định kỳ để thông tin cập nhật cho công chúng về hoạt động của nó. Các TCPCP có thể xin làm quan sát viên trong các phiên họp công khai của các hội nghị cấp bộ trưởng, nhưng không được tiếp cận chính thức các văn bản thảo luận của WTO.

Công chúng, thậm chí các nhà nghiên cứu và học giả, khó có thể tiếp cận các văn kiện của WTO, cho dù Ban thư ký WTO đã cố gắng triển khai trang chủ trên Internet và đưa lên đó nhiều tài liệu và quyết định quan trọng. Năm 1996, Đại hội đồng quyết định chỉ công bố phần lớn tài liệu sáu tháng sau khi thông qua, trừ một số trường hợp ngoại lệ, ví dụ có thể công bố các báo cáo của Cơ quan giải quyết tranh chấp ngay sau khi dịch xong sang ba ngôn ngữ chính thức của WTO là Anh, Pháp và Tây Ban Nha. Tuy nhiên, các chính phủ thành viên lại có quyền tùy ý hoãn vô thời hạn việc công bố bất kỳ văn kiện nào.

Cũng theo quyết định đó, Ban thư ký WTO có trách nhiệm liên lạc và quan hệ với những TCPCP có quan tâm. Trung tâm quốc tế phi chính phủ về thương mại và phát triển bền vững (ITCSD) phát hành miễn phí một bản tin hàng tuần, một nguyệt san và các báo cáo định kỳ về một số vấn đề cụ thể. Tại ITCSD, cán bộ của WTO và đại diện các chính phủ ở WTO thông tin định kỳ cho các TCPCP. Đặc biệt Văn phòng đại diện của tổ chức Quâyơ tại cơ quan thường trực Liên hợp quốc ở Geneva đã từ lâu trở thành nơi gặp gỡ đối thoại cho các chính phủ,

các quan chức của các tổ chức đa phương (kể cả WTO) và các TCPCP. Đây là bước đi ban đầu, nhưng rất có ý nghĩa.

Các chính phủ tại WTO khuyến khích các TCPCP tiến hành vận động với các cơ quan chủ quản ngay từ trong nước. Đúng là cần như vậy, nhưng các TCPCP cũng cần vận động các tổ chức đa phương vì đó là nơi đưa ra nhiều quyết định quan trọng. Nhiều chính phủ tán thành quan hệ không chính thức với các TCPCP, nhưng trước mắt chưa có triển vọng TCPCP được hưởng quy chế chính thức tại WTO. Trong lúc đó, nhiều TCPCP đòi tăng tính minh bạch trong quá trình ra quyết định của WTO để bảo đảm tính dân chủ, đồng thời tăng sự tham gia của các TCPCP vào một số quy trình của WTO nhằm tranh thủ năng lực của TCPCP trong một số vấn đề kỹ thuật. Đây là điều đáng lưu ý vì hiện nay một số công ty vẫn có tiếng nói trong một số hoạt động của WTO thông qua các kênh không chính thức.

Các chính phủ rất bị chia rẽ về vấn đề này. Nhiều nước đang phát triển có những bảo lưu mạnh mẽ về việc tăng cường sự tham gia của TCPCP trong WTO, nhất là TCPCP từ các nước đang phát triển vì các chính phủ không có đủ tiền để trang trải chi phí cho họ. Các TCPCP về môi trường có mặt đông đảo nhất, chủ yếu là các TCPCP quốc tế và các TCPCP có trụ sở tại Mỹ. Một số các TCPCP này biên chế số nhân viên văn phòng tại Liên hợp quốc còn đông hơn cả một số phái đoàn chính phủ. Trong lúc các nước đang phát triển ngày càng bị gạt ra bên lề. Cũng có một số TCPCP không muốn có quan hệ chính thức với WTO vì không muốn tăng thêm uy tín cho tổ chức này. Tuy nhiên, cần công nhận rằng, nếu được công khai hóa hơn, thì tiến trình đàm phán ở Geneva sẽ giúp tăng trao đổi, thảo luận ở cấp độ từng quốc gia, tạo điều kiện cho quốc gia đấu tranh hiệu quả hơn trên bàn đàm phán, khả dĩ có được những quy tắc thương mại tốt nhất cho mình.

Biểu hiện thái độ gần đây nhất của TCPCP đối với WTO là

hàng loạt cuộc biểu tình hồi tháng Năm 1998, vừa hòa bình, nhưng cũng có bạo hành, làm rung chuyển Geneva vào dịp Hội nghị cấp bộ trưởng WTO họp lần thứ hai và kỷ niệm 50 năm ra đời hệ thống thương mại đa phương. Đáng kể nhất là ba cuộc thảo luận lớn do Tổ chức "Hành động toàn cầu của nhân dân" triệu tập hồi tháng Ba 1997, tập hợp mọi người từ khắp nơi trên thế giới để trao đổi về vấn đề toàn cầu hóa và chiến lược chống tự do hóa. Riêng trong nông nghiệp, nông dân và tiểu nông do tổ chức La Via Campesina đại diện, đã tuyên bố rõ ràng rằng sẽ vận động để đưa vấn đề nông nghiệp ra khỏi phạm vi ảnh hưởng của WTO.

Có những TCPCP khác, cũng phê phán tác động của WTO và toàn cầu hóa thương mại, nhưng coi kỷ luật thương mại là cần thiết để kiểm soát việc bán tháo nông sản dư thừa ra thị trường thế giới, nhất là sang các nước đang phát triển, và cho rằng WTO là nơi tốt nhất để đàm phán và buộc thi hành những kỷ luật như vậy. Hai xu hướng hành xử khác nhau của các TCPCP này đều cùng nhằm tác động tới các cuộc đàm phán trong tương lai, và vì thế, hy vọng rằng họ sẽ cùng có hiệu quả và cùng học tập được lẫn nhau.

Bối cảnh đàm phán

Cần nhớ rằng cách đàm phán trong WTO là 'cho để nhận', tức là nhượng bộ trong lĩnh vực này để rồi giành lại trong lĩnh vực khác. Có hiểu sự có đi có lại đó thì mới thấy được những chính sách nào có thể thay đổi để thu được lợi ích.

Dưới đây là phần trình bày ý kiến của một người ngoài cuộc về tình hình đang diễn ra tại WTO ở Geneva, trên cơ sở thông tin thu thập được từ các cuộc gặp gỡ không chính thức với Ban thư ký WTO, đại diện các chính phủ tại đó và tại các nước, cũng như từ các ấn phẩm đã phát hành. Mục đích ở đây chỉ là giúp

cung cấp vài nét chấm phá chứ không phải một bức chân dung mô tả lập trường của các chính phủ về vấn đề nông nghiệp.

Liên minh châu Âu (EU)

Dường như EU bị cô lập trên các vấn đề nông nghiệp vì thiếu sự lãnh đạo trong việc tự do hóa chính sách nông nghiệp. Do đó, có vẻ như thái độ của họ trong vòng tới là 'chờ xem', và chỉ chú tâm tới việc thảo luận về cải cách chính sách nông nghiệp ở cấp độ EU thôi.

Để mở rộng EU nhằm thu nạp thêm một số nước Đông Âu có ngành nông nghiệp rất lớn, và để tiếp tục dành ưu tiên chi ngân sách cho các chính sách nông nghiệp chung (CAP), EU sẽ phải thay đổi chính sách nông nghiệp. Hiện nay các quốc gia thành viên EU đang thảo luận một chương trình cải cách CAP - Nghị trình 2000, trong đó EU công nhận cần giảm lệ thuộc vào hàng xuất khẩu có trợ giá như một cơ chế để giải quyết số nông phẩm dư thừa, cần tiến tới thực hiện thanh toán riêng rẽ, cần giảm giá có bảo lãnh xuống mức giá của thế giới và tăng kiểm soát mức đầu ra. Nghị trình này không thảo luận việc tăng tự do hóa nhập khẩu, vì vậy làm cho các thành viên khác của WTO rất bất bình.

Việc EU đưa khái niệm 'nông nghiệp đa năng' vào chương trình nghị sự của Ủy ban nông nghiệp bị đông đảo công luận coi là một ý đồ giảm nhẹ những kỷ luật đa phương đối với CAP qua việc mở rộng các điều miễn giảm trong 'ô xanh lá cây', thiếu cam kết thực hiện các mục tiêu của AoA.

Công ước Lomé, với những thỏa thuận ưu đãi thương mại giữa EU với các nước châu Phi, Thái Bình Dương và Ca-ri-bê, cũng đang trong quá trình tái đàm phán. Các thỏa thuận này đang bị sức ép ngày càng tăng tại WTO vì không tôn trọng nguyên tắc tối huệ quốc, áp đặt các chế độ nhập khẩu có tính

phân biệt đối xử trên cơ sở quan hệ lịch sử chứ không nhất nhất tính theo trình độ phát triển. Chế độ nhập khẩu chuỗi của EU đã thổi bùng sự hằn học ghê gớm của Mỹ chính vì nó là di sản của những mối quan hệ ưu đãi như vậy.

Hoa Kỳ

Những luật và dự luật về nông nghiệp của Mỹ đều đi xa hơn mức cam kết của Mỹ theo yêu cầu trong AoA, làm thay đổi sâu sắc các chương trình hỗ trợ trong nước đối với nông nghiệp³: chính phủ giảm mạnh việc dự trữ công; hạ lãi suất cho vay đối với ngũ cốc, qua đó hạ mức sàn giá cả xuống thấp hơn nữa dưới mức giá thành sản xuất; và áp dụng chế độ thanh toán riêng kiểu 'ô xanh lá cây' cho nông dân, căn cứ trên cơ sở mức sản xuất quá khứ chứ không phải sản xuất thực. Tình trạng sụt giá trong nhiều ngành nông nghiệp năm 1998 đã buộc người ta phải đánh giá lại một cách nghiêm túc các luật lệ đó, mặc dù còn chưa rõ là liệu đa số nghị sĩ Mỹ có sẵn lòng xem xét lại quy định trong Đạo luật Liên bang về thực hiện và cải cách nông nghiệp (FAIR) hay không.

Bộ trưởng nông nghiệp Dan Glickman đề xuất những mục tiêu chính sách cho Mỹ trong vòng đàm phán tới đây về nông nghiệp như sau:

- Giảm thuế quan hơn nữa.
- Tăng mạnh hoặc thực sự loại bỏ các hạn ngạch về mức thuế

3. Theo Bộ Thương mại Mỹ, thu nhập của hộ gia đình nông nghiệp Mỹ vào tháng Mười 1998 giảm 39 phần trăm so với 1996 và 33 phần trăm so với năm 1997. Còn theo Viện chính sách nông nghiệp và thương mại Mỹ, giá xuất khẩu lúa mì trong thời gian 1994-1997 thấp hơn từ 5,2 phần trăm tới 12,6 phần trăm so với giá thành sản xuất, chưa tính tới chi phí giá thành do chính phủ chi trả nếu tính toán theo quy định của AMS.

- quan thông qua việc giảm thuế suất đối với những sản phẩm được mua bán trên hạn ngạch.
- Giảm hoặc xóa hoàn toàn trợ giá xuất khẩu.
 - Siết chặt kỷ luật đối với việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật, ví dụ những yêu cầu cứng nhắc không cần thiết trong việc dán nhãn mác.
 - Ban hành những quy tắc rõ ràng hơn và chặt chẽ hơn đối với các biện pháp vệ sinh và vệ sinh thực phẩm (SPS).
 - Áp đặt những 'kỷ luật khắc nghiệt' đối với các doanh nghiệp thương mại của nhà nước.

Gần đây hơn, chính quyền Clinton còn bổ sung thêm sự quan tâm của họ nhằm bảo đảm rằng sẽ không có phân biệt đối xử trong thương mại thế giới đối với những sản phẩm cải biến gen.

Các chính phủ tại WTO đều lo lắng về việc Quốc hội Mỹ từ chối gia hạn thẩm quyền đàm phán thương mại (thường được gọi là tuyến cao tốc - fast track) cho chính quyền Clinton, và như vậy, các nhà thương lượng Mỹ chỉ đàm phán các gói thỏa thuận thương mại (nói là theo chỉ đạo của quốc hội) để cuối cùng quốc hội sẽ chấp nhận hoặc bác bỏ cả gói thỏa thuận đó. Đồng thời, các nước khác cũng không thể biết liệu Quốc hội Mỹ có phê chuẩn các thỏa thuận sau khi đã đàm phán hay không. Trong lúc đó, nhiều nhóm công dân Mỹ, trong đó có cả người tiêu dùng, các TCPCP phát triển và môi trường, đang quan ngại một cách chính xác rằng các đại diện thương mại không tính tới mối quan tâm của họ hoặc đại diện một cách thỏa đáng lợi ích cho họ tại Geneva. Họ phản đối việc quốc hội mới đây từ chối gia hạn thẩm quyền này. Quốc hội sắp được bầu tới đây chắc cũng không khác hơn, mặc dù có nhiều áp lực trong nội bộ Mỹ đòi thông qua ngay trong năm 1999 một loại quy định pháp lý nào đó về thẩm quyền trong thương mại.

Nhóm Cairns

Cho tới nay, nhóm này tương đối thành công trong việc đạt được các mục tiêu đàm phán của họ, chủ yếu vì họ nhất trí cao về một nghị trình đơn giản nhằm tự do hóa nông nghiệp và hợp tác chặt chẽ trong nội bộ, cho dù quy mô và cơ cấu kinh tế khác nhau.⁴ Đối với vòng đàm phán tới, họ mong tiếp tục theo hướng này, đặt mục tiêu đưa việc mua bán nông sản gần hơn tới một nền thương mại mở hoàn toàn, như bất kỳ sản phẩm nào khác mà các hiệp định WTO đã quy định.

Trong Nhóm Cairns, Ôxtrâyliya, và Achentina giữ vai trò lãnh đạo. Một số thành viên phải điều hòa khá nhiều mâu thuẫn để có thể ở trong nhóm, vì họ vừa nhập lại vừa xuất lương thực. Chẳng hạn, Phigi lệ thuộc nhiều vào xuất khẩu đường và Nghị định thư về đường của EU. Nghị định này, cũng tương tự như Nghị định thư về chuối đang gây biết bao căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ - EU, lệ thuộc vào khả năng tiếp cận một cách ưu đãi mà các nhà xuất khẩu thuộc bên thứ ba (là những nước bị nằm ngoài hiệp định) có thể đưa kiện tại WTO. Việc cải cách Nghị định thư này sẽ làm giảm giá đường khoảng 25 phần trăm, khiến Phigi phải có nhiều điều chỉnh trong ngành này.

Mặc dù một số thành viên có thể bị tác động, Nhóm Cairns đã có đường lối rất cứng rắn đối với việc các nước NFIDC đòi được bồi thường khi giá nhập khẩu lương thực tăng trong năm 1995 -1996. Họ cho rằng AoA không ảnh hưởng tới giá cả thế giới, và vì thế đòi cắt giảm mạnh các chương trình hỗ trợ trong nước và trợ giá xuất khẩu. Tuy nhiên, trong tuyên bố về Tầm

4. Nhóm này gồm có Ôxtrâyliya, Niu Dilân, Canada, Achentina, Braxin, Chilê, Cólômbia, Urugoay, Malaisia, Thái Lan, Philippin, Indônêsiya, Phigi và Hunggari. Sau khi kết thúc Vòng Urugoay, Hunggari ra khỏi nhóm, Paragoay và Nam Phi tham gia nhóm.

nhìn 1998, nhóm lại ủng hộ nguyên tắc đối xử đặc biệt và phân biệt đối với các nước đang phát triển, đồng thời đòi cắt mạnh tất cả các thuế quan, trần thuế quan và biểu chuyển thuế quan, bỏ mọi rào cản phi thuế quan.

Các nước đang phát triển

Có thể chia số nước này thành ba loại: Nhóm Cairns - đòi tự do hóa hoàn toàn; Nhóm NFIDC và LDC - ngăn ngại tự do hóa, và Nhóm ba ở giữa hai nhóm này. Một số nước đang phát triển, nhất là Ấn Độ, đang gợi ý lập ra một loại nữa để xem xét miễn giảm theo AoA: những nước đang phát triển mà nông nghiệp là chủ đạo. Theo Ấn Độ, cần dành quyền tự chủ lớn hơn trong việc hoạch định chính sách nông nghiệp trong nước nhằm bảo đảm tăng năng suất lao động, tăng thu nhập và giảm tính dễ bị tổn thương trước dao động của giá cả. Từ góc độ an ninh lương thực, những mối quan tâm này là cực kỳ quan trọng. Theo đề xuất này, các nước đang phát triển cần được phép hỗ trợ ở trong nước cho nông nghiệp nhằm đáp lại những thách thức về an ninh lương thực và ổn định việc làm cho khu vực nông thôn, trái với những thứ hỗ trợ lệch lạc trong thương mại và những trợ giá mà hiện thời AoA cho phép.

Đàm phán mang quy mô vòng hay quy mô ngành?

EU tuyên bố sẽ không có tiến triển về nông nghiệp nếu không thể mở rộng quy mô đàm phán bù trừ trong các lĩnh vực khác. Canada, Mỹ và một số nước khác e rằng việc mở rộng quy mô ra thành vòng mới sẽ làm chậm trễ các cuộc cải cách tự do trong nhiều năm. Nhưng họ hiểu rằng EU mà không tham gia thì việc tái đàm phán về nông nghiệp sẽ chẳng còn mấy ý nghĩa.

Với các nước đang phát triển, tính phức tạp và những đòi

hỏi của một Vòng với hàng loạt cuộc thảo luận diễn ra cùng một lúc sẽ là quá tải đối với bộ máy văn phòng đại diện thường bé tí xíu của họ. Mặt khác, nếu làm riêng rẽ từng ngành, thì cũng không chắc các nước này có mạnh hơn ở điểm nào, trong lúc nếu làm theo quy mô Vòng, họ có thể còn có điều kiện liên minh lại với nhau theo nước, theo vùng để tạo thế mạnh hơn trong đàm phán.

Kịch bản khả dĩ nhất là đàm phán đa ngành, vì hiện nay có nhiều hiệp định đang cùng phải xem xét lại. Mỹ đề xuất 'thu hoạch sớm', tức là nếu đàm phán đa ngành, thì không được để việc đàm phán thất bại ở một ngành này cản trở tiến bộ trong việc đàm phán ở ngành kia. Thực ra, việc này nói dễ hơn làm, vì có đạt tiến bộ hay không còn tùy vào những nước tiến hành đàm phán đồng thời ở từ hai ngành trở lên, như gợi ý của EU. Với việc này, các TCPCP không có gì mấy để bàn bạc, nhưng kết luận về điều này sẽ là một nhân tố quan trọng cho các TCPCP định hình chiến lược vận động của mình.

Thương mại không phải là mối quan tâm duy nhất, thậm chí không phải cấp bách nhất, về an ninh lương thực. Thế nhưng luật lệ thương mại đang thay đổi chính sách nông nghiệp trong nước và có một ảnh hưởng vượt xa những cam kết của chính AoA. Sau đây xin đề xuất những phương án chính sách nhằm tăng cường an ninh lương thực trong bối cảnh AoA.

Các phương án chính sách

Đặt vấn đề

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và phân tích những thay đổi trong chính sách nông nghiệp ở các khu vực trong 5 -10 năm qua, tác động của chúng đối với số người thiếu ăn và đối với việc sản xuất lương thực của các nước, dưới đây xin trình bày một số đề xuất thay đổi nội dung AoA. Các đề xuất này cần được thảo

luận và phát triển hơn nữa trong các cuộc đối thoại với các chính phủ, các tổ chức đa phương, nông dân và các TCPCP quan tâm.

Có thể đại khái chia các đề xuất thành hai loại.

Loại thứ nhất cho rằng thật sai lầm khi sử dụng AoA làm công cụ khắc phục tình trạng mất an ninh lương thực, rằng việc tự do hóa, cắt giảm giá cả và phi điều tiết thị trường không thể đem lại những cơ chế sản xuất và phân phối lương thực nhằm bảo đảm an ninh lương thực. Loại này, bao gồm Nhóm La Via Campesina, đòi đặt nông nghiệp ra ngoài phạm vi ảnh hưởng của WTO; đòi ban hành một Bộ luật ứng xử về quyền lương thực nhằm bảo đảm các chính phủ tôn trọng, bảo vệ và xúc tiến quyền lương thực; và yêu cầu xây dựng một công ước đa phương về an ninh lương thực.

Xuất phát từ cách đặt vấn đề AoA (và các kỹ luật của WTO nói chung) có thể đóng một vai trò xây dựng trong việc đạt được an ninh lương thực.

Loại thứ hai tập trung đề nghị bổ sung, sửa đổi hiệp định hiện hành, ví dụ đưa thêm một 'ô về an ninh lương thực' vào AoA, chỉnh lại tiến độ quy định để cho phép các nước đang phát triển sử dụng AoA một cách có lợi hơn, đề ra các cơ chế bồi thường hữu hiệu hơn cho các nước NFIDC và LDC, có quy tắc nghiêm ngặt hơn trong việc sử dụng các điều khoản bảo vệ đặc biệt và chống phá giá. Một số đề nghị này đã được đưa vào chương trình nghị sự của Ủy ban nông nghiệp của WTO.

Có hai lĩnh vực cải cách rộng lớn cần được xem xét trước khi tập trung vào AoA: phối hợp chính sách và xây dựng năng lực cho các nước đang phát triển.

Phối hợp chính sách

Cần tăng sự phối hợp giữa các nội dung khác nhau của hệ thống

đa phương trong phát triển kinh tế. Ví dụ, hiện nay một số chủ nợ từ các nước phát triển và các tổ chức tài chính quốc tế vẫn không chịu công nhận rằng cần phải khẩn trương hành động nhằm giảm hoặc xóa nợ cho các nước đang phát triển, do vậy, tác động tiêu cực tới khả năng các nước này có tiền để nhập khẩu lương thực có ý nghĩa sống còn cho họ, đồng thời thu hút FDI và tham gia vào nền kinh tế thế giới. Tỷ lệ nợ/GDP bình quân của các nước LDC năm 1996 là 90 phần trăm, với Kiribati là 23 phần trăm và Sao Tômê & Prinxipê là 238 phần trăm. Những quy tắc đa phương làm tăng tình trạng phụ thuộc vào thị trường lương thực thế giới, trong bối cảnh đó, càng gây ra thêm nhiều vấn đề.

Cũng cần phối hợp chính sách ở cấp độ quốc gia. Nhiều nước phát triển, ví dụ EU, dùng ODA để khuyến khích một loại hình phát triển này, nhưng lại dùng chính sách thương mại để khuyến khích loại hình phát triển kia, khiến các TCPCP phải mất nhiều công sức nghiên cứu và yêu cầu điều chỉnh những mâu thuẫn này.

Cũng cần nhắc để các chính phủ tại WTO nhớ rằng nhiều hội nghị thế giới của Liên hợp quốc gần đây thừa nhận có những mối quan tâm quan trọng hơn là chỉ thuần túy tập trung vào thương mại. Sứ mệnh của WTO chỉ là điều tiết thương mại sao cho tối đa hóa việc tự do trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, các quốc gia thành viên WTO cần thực hiện những nghĩa vụ đa phương khác khi hoạch định chính sách thương mại, trong đó có cam kết xóa bỏ nghèo khổ.

Xây dựng năng lực cho các nước đang phát triển

Giá như có nhiều tiền và cán bộ hơn để theo dõi và phân tích chính sách thương mại khi vạch tiến độ thực hiện các quy định của AoA, nhiều nước đang phát triển hẳn đã có thể tranh thủ

tốt hơn các quy định này. Các tổ chức như WTO, Ngân hàng Thế giới, UNCTAD, FAO cũng như các TCPCP cần giúp đào tạo và xây dựng năng lực hơn cho họ. Ngoài ra, trong tình hình mọi hiệp định của WTO đều ràng buộc đối với mọi thành viên (trừ một vài ngoại lệ), cần giải quyết tình trạng đa số các nước đang phát triển không được tham gia vào quá trình ra quyết định do cách thức tổ chức các uỷ ban đàm phán nhỏ và do việc phái đoàn đại diện của một số nước nghèo quá ít cán bộ (thậm chí không có cả phái đoàn đại diện). Có thể xem xét một đề xuất gần đây về việc thành lập một trung tâm pháp lý để phục vụ các nước đang phát triển trong mối quan hệ với cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO.

Những phương án 'ngoài' WTO Đưa NÔNG NGHIỆP ra ngoài WTO

Lập luận

Trái với các hiệp định thương mại, chính sách nông nghiệp của các quốc gia cần tập trung vào an ninh lương thực và nhu cầu của người sản xuất. Đưa nông nghiệp ra ngoài WTO thì các vấn đề khác sẽ được ưu tiên chú ý hơn, đồng thời các nước có thể duy trì "chủ quyền lương thực", tức là tự quyết định chiến lược an ninh lương thực của chính mình, như nhiều tổ chức nông dân và TCPCP, mà đại diện tiêu biểu là La Via Campesina, đã lập luận. Theo họ, AoA đã gây ra nhiều méo mó trong chính sách nông nghiệp, và những lệch lạc này sẽ còn tồn tại dai dẳng chừng nào WTO còn điều tiết nông nghiệp.

Nhưng không phải mọi TCPCP đều ủng hộ lập trường này. Cùng nhiều nước phát triển và đang phát triển, một số TCPCP vẫn cho rằng những kỷ luật thương mại đúng đắn có thể giúp bảo vệ hệ thống nông nghiệp. Một số nước mạnh nhất trong

WTO, như Mỹ, rất kiên quyết yêu cầu để nông nghiệp trong AoA. Các nước phát triển tiếp tục sử dụng những biện pháp bị GATT hạn chế (như phá giá xuất khẩu) để phá hoại sự phát triển nông nghiệp của các nước đang phát triển. Vì vậy, họ cho rằng các quy tắc đa phương, dù còn xa mới gọi là hoàn hảo, có thể giúp họ được cùng có lợi hơn là khi phải theo các thỏa thuận song phương.

Bộ luật quốc tế về quyền lương thực

Lập luận

Trong lúc lập trường các nước còn quá khác nhau để ra được một bộ 'luật cứng', một bộ 'luật mềm' có thể là một bước đầu tiên tiến tới những biện pháp mạnh hơn, cũng là một nơi khá an toàn để các chính phủ gặp gỡ và giải quyết bất đồng.

Kế hoạch hành động được Hội nghị thượng đỉnh thế giới về lương thực năm 1996 thông qua, sau khi tham khảo ý kiến các cơ quan và các tổ chức hữu quan, đã mời Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người đề ra các quyền về lương thực, cách thức thực hiện các quyền đó, có tính tới khả năng soạn thảo những hướng dẫn tự nguyện về an ninh lương thực cho mọi người. Cũng tại hội nghị này, các chính phủ đã khẳng định "quyền của mọi người được có lương thực an toàn và đủ dinh dưỡng, nhất quán với quyền có đủ lương thực và quyền căn bản của mọi người không bị đói". Kể từ đó, các TCPCP đã làm việc với FAO và Cao ủy quyền con người của Liên hợp quốc để trao đổi thêm về cách thực hiện quyền lương thực, trong đó tập trung vào việc soạn thảo các hướng dẫn tự nguyện về an ninh lương thực. Việc này diễn ra dưới dạng một Bộ luật ứng xử về quyền lương thực, trong đó giải thích quyền lương thực, đề ra trách nhiệm của các nhà nước và các thiết chế ngoài nhà nước (kể cả các tổ chức đa phương) để thực hiện quyền này. Mặc dù Bộ luật ứng xử này

không có vị thế pháp lý như một hiệp định của WTO, các TCPCP hy vọng rằng nó có thể ép các chính phủ bảo đảm sao cho ít ra chế độ thương mại đa phương này không phá hoại khả năng của các chính phủ tôn trọng, bảo vệ hoặc xúc tiến quyền lương thực. Việc xây dựng văn bản này đang tiến triển tốt, đang được xem xét đưa vào FAO và Tiểu ban quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của Liên hợp quốc.

Công ước an ninh lương thực

Lập luận

Vấn đề an ninh lương thực đã được hệ thống đa phương đề cập ở nhiều nơi, từ nhiều góc độ khác nhau, và vì vậy, gây ra nhiều lúng túng và không nhất quán về chính sách. Trong bối cảnh đó, một công ước có thể tạo ra một sự cam kết quốc tế mạnh mẽ đối với an ninh lương thực, đề ra những thông số cho luật thương mại, viện trợ lương thực và viện trợ phát triển nông nghiệp, tương tự như ý nghĩa của Công ước về đa dạng sinh học đối với các Hiệp định đa phương về môi trường.

Khởi đầu từ Hội nghị thượng đỉnh thế giới về lương thực năm 1996 khi những người tán thành Bộ luật ứng xử về quyền lương thực muốn đi xa hơn, cho ra đời một cơ chế ràng buộc về pháp lý, cho dù hiểu rằng vấn đề này có thể phải mất hàng chục năm mới hiện thực hóa được, đông đảo TCPCP đã lập tức ủng hộ ý tưởng này.

Theo Karen Lehman (Viện chính sách nông nghiệp và thương mại), một công ước về an ninh lương thực cần gồm có:

- Các chương trình an ninh lương thực quốc gia, trong đó có chính sách đối với nông dân và người tiêu dùng. Việc này có thể giúp tăng cường vị thế của các nước đang phát triển trong các cuộc thương lượng sau này về nông nghiệp.

- Một mạng lưới quốc tế gồm các cơ sở dự trữ lương thực cấp quốc gia và khu vực. Mặc dù tồn kém trong việc duy trì, các kho này sẽ có vai trò quan trọng trong việc ổn định hóa giá cả và chống thiếu lương thực ngắn hạn, cải thiện khả năng của các nước đang phát triển tham gia vào hệ thống thương mại thế giới.
- Xem xét lại các thỏa thuận về hàng hóa và các chương trình ổn định giá cả hàng hóa nhằm giảm khả năng biến động trên thị trường hàng hóa thế giới và ổn định giá cho các nước nhập khẩu.
- Khuyến khích các hệ thống sản xuất lương thực bền vững, như đã đề xuất trong Chương 14 của Nghị trình 2000. Tại cuộc họp của Tiểu ban phát triển bền vững của Liên hợp quốc, các chính phủ đã tán thành xem xét AoA từ góc độ này.

Những phương án 'trong' khuôn khổ WTO Không đánh giá thì không có cam kết mới

Lập luận

Các nước đang phát triển đều có nhiều khó khăn về nguồn lực và năng lực, do vậy, cần ưu tiên cho việc thực hiện và đánh giá, chứ không nên vội vàng tính tới việc có những cam kết mới qua các vòng đàm phán mới, như người ta đang hối thúc hiện nay. Tuy nhiên, một số nhà ngoại giao ở Geneva cho rằng đã quá muộn để dừng các cuộc đàm phán mới, vì bản thân AoA đã bao hàm trách nhiệm tiến hành công tác kiểm điểm. Nhóm Cairns và Mỹ từ sau Hội nghị cấp bộ trưởng WTO ở Singapo đã giục giã thông qua các cam kết mới trong nông nghiệp. Còn Ấn Độ và Ai Cập đã yêu cầu Ban thư ký WTO phân tích tác động của Vòng Uruguay đối với các nước đang phát triển. UNCTAD, FAO và nhiều TCPCP đang làm việc này. Trong lúc xu hướng chung là

phải kiểm nghiệm một mô hình nông nghiệp trước khi tiến tới phi điều tiết hoàn toàn việc sản xuất và trao đổi lương thực, nhiều nước đang phát triển tỏ ra thất vọng về kết quả của AoA cho tới nay và yêu cầu đánh giá lại AoA. Trong bối cảnh đó, có lẽ giải pháp khả thi là các nước phát triển cứ có cam kết mới, còn các nước đang phát triển thì chưa.

Một ô về 'an ninh lương thực'

Lập luận

Các ô được xây dựng như một bộ phận cấu thành của AoA. Một số chính sách gây méo mó về mặt phi thương mại được xếp trong Phụ lục 2 và gọi là 'ô xanh lá cây'. Còn các chính sách khác, xếp trong Điều 6 và gọi là 'ô xanh da trời', đều quá nhạy cảm về chính trị để đưa vào danh mục cắt giảm.

Cho đến nay, bức tranh chung về tự do hóa thương mại có cả hai mảng tối - sáng. Riêng với nhiều nước đang phát triển, khu vực tư nhân chưa đủ lớn để tận dụng các cơ hội trên thị trường toàn cầu phi điều tiết. Mục tiêu an ninh lương thực lớn nhất của họ vẫn là tăng sản xuất lương thực trong nước. Để đạt mục tiêu đó, họ cần có đầu tư, có cải cách chính sách và có các cách khác để bảo vệ người sản xuất, ví dụ kiểm soát biên mậu.

Ý tưởng về bảo vệ an ninh lương thực trong AoA đã nổi lên ngay trong Vòng Uruguay khi Jamaica đề nghị đưa vào AoA một điều khoản về an ninh lương thực. Gần đây, Ấn Độ đã đề xuất một phương pháp tiếp cận gọi là 'thị trường cộng' đối với tự do hóa thương mại trong nông nghiệp, có nghĩa là ngoài thị trường còn phải có thêm sự hỗ trợ của chính phủ, theo đó những nước đông nông dân nghèo cần được hưởng những khoản miễn giảm nhằm bảo vệ số dân này khỏi các tác động về kinh tế và xã hội của thương mại phi điều tiết hoàn toàn.

Ô về an ninh lương thực có thể được trình bày dưới hình

thực một điều khoản riêng hoặc một loạt bổ sung, sửa đổi văn bản cho hiệp định này. Mục đích của nó là để tăng sự linh hoạt cho các nước nghèo trong AoA, đồng thời yêu cầu các nước phát triển chịu trách nhiệm bảo vệ và khuyến khích an ninh lương thực trên thế giới.

Những miễn cam kết giảm chi nêu trong Phụ lục 2 và Điều 6 là quan trọng, nhưng chưa đủ. Khiếm khuyết lớn nhất của nó là chưa xử lý các vấn đề của các nước về mặt nhu cầu chứ không phải là phương tiện đầu tư vào nông nghiệp. Nói cụ thể, những miễn giảm trong 'ô xanh lá cây' chỉ phục vụ các nước phát triển là những nước đang chuyển dần các chương trình hỗ trợ trong nước của họ sang hướng thanh toán trực tiếp cho nông dân, mà những khoản thanh toán này lớn quá khả năng của đa số các nước đang phát triển.

Điều 6.2 xác định "những khoản chi chấp nhận được" còn quá hẹp khi nói rằng những trợ giá đầu vào "nhìn chung dành cho những người sản xuất có thu nhập thấp và ít nguồn lực" được miễn thực hiện AMS. Nhưng theo Tobias Reichert, cách xác định đối tượng như vậy đã gây ra các vấn đề về hành chính cho những nước nghèo. Việc quy định mức trần 10 phần trăm trên các chương trình hỗ trợ nông nghiệp trong nước là không công bằng khi so sánh với những mức tương đương hỗ trợ cho người sản xuất vốn dĩ rất cao ở các nước phát triển.

Đối với các nước NFIDC, còn cần có các quy định linh hoạt hơn về tiếp cận thị trường, theo đó họ có thể sử dụng các loại thuế và hàng rào phi quan thuế khác để duy trì số dự trữ ngoại tệ hiếm hoi và tăng sản xuất nông nghiệp, nhất là của những người sản xuất tự cấp tự túc. Cũng cần đề ra các tiêu chí để kiểm soát khả năng xảy ra lạm dụng, ví dụ việc đòi định kỳ kiểm điểm các chương trình tại WTO. Nhưng nếu không có đầu tư lớn và bảo vệ nhằm khắc phục tình trạng khó khăn về mặt cung, các nước đang phát triển sẽ hết sức yếu trong cuộc chạy

đua với các nước phát triển có nền tài chính mạnh hơn bội phần.

WTO hiện đã cho phép miễn áp dụng tạm thời các quy định về tiếp cận thị trường trong trường hợp có biến động về kinh tế như các khó khăn trong cán cân thanh toán hoặc ngành công nghiệp nội địa bị tổn thương do nhập khẩu đột ngột tăng vọt. Mặc dù không dễ xác định được cụ thể tổn thương trong một ngành đa dạng và thiếu tổ chức như hoạt động nông nghiệp của tiểu nông, có thể lấy những nội dung như số người làm việc trong ngành này, khả năng chịu tác động của các cú sốc từ bên ngoài... để xây dựng một quy tắc mới nhằm chống tác động tiêu cực của bất ổn định về kinh tế. Song song với WTO, FAO cũng đề nghị rằng định nghĩa về chính sách dự trữ lương thực trong 'ô xanh lá cây' phải được mở rộng ra, rằng AoA phải có quy định về các kế hoạch an ninh lương thực khu vực, kể cả các kho dự trữ khẩn cấp chung, và rằng AoA phải có quy định khuyến khích các nước phát triển hỗ trợ tài chính và hiện vật cho những kế hoạch như vậy trong nhiều năm.

Những biện pháp đối với các nước NFIDC

Lập luận

Giá lương thực biến động trên thị trường thế giới đặc biệt có tác động tới các nước NFIDC. Nhìn chung, dù giá đó lên (như hồi 1995 -1996) hay xuống (như hiện nay), các nước này đều phải tăng chi đáng kể cho lương thực, còn Ủy ban nông nghiệp thì chẳng hề có động tác nào để hỗ trợ, làm cho Quyết định cấp bộ trưởng Marrakesh trở nên vô nghĩa. Trong lúc đó, thay vì chấp nhận tính tổng thể của hệ thống thương mại toàn cầu có phần tùy thuộc vào việc giúp các nước yếu chống tác động tiêu cực, chính phủ các nước phát triển tại Ủy ban nông nghiệp lại chỉ tập trung bàn thảo xem trong số giá lương thực tăng, tỷ trọng do AoA gây ra là bao nhiêu.

Để tăng hiệu lực của Quyết định Marrakesh, cần thiết lập một cơ chế giá 'phát hỏa' có thể tự động giải tỏa tiền hoặc các phương thức hỗ trợ khác cho các nước NFIDC khi giá tăng cao trên thị trường lương thực thế giới. Cơ chế này chỉ được dựa vào chi phí cho lương thực, và cần phát hỏa khi giá tăng cho dù vì nguyên nhân gì. Nên gán một quỹ (đã sẵn có hay chưa có) với AoA, đề ra tiêu chí để các nước NFIDC xin được hỗ trợ khi cần thiết. Tại đây, có thể tránh xu hướng lệ thuộc vào quỹ về lâu dài bằng cách quy định một thời gian chuyển tiếp để tăng sản xuất trong nước.

Từ góc độ an ninh lương thực, cần chấm dứt sự lệ thuộc vào lương thực giá thấp trên thị trường thế giới và thiết kế các chiến lược chuyển tiếp để khắc phục các trở ngại trên con đường tăng sản xuất lương thực ở các nước LDC và NFIDC. Để tránh việc các nước NFIDC lệ thuộc vào trợ giá xuất khẩu, cần sử dụng viện trợ lương thực, viện trợ tài chính và chuyển giao công nghệ. Về nội dung viện trợ tài chính đã nêu trong Quyết định Marrakesh, vào lúc ODA đang suy giảm dẫn tới viện trợ phát triển nông nghiệp cũng suy giảm, cần đề ra những nghĩa vụ cụ thể hơn trong AoA. Phụ lục 4 đề xuất việc lập một loại quỹ bảo hiểm nhằm giúp các nước đang phát triển mua lương thực ở mức giá phải chăng trên thị trường thế giới.

Công ước viện trợ lương thực

Lập luận

Quyết định Marrakesh đề xuất coi viện trợ lương thực là một phương tiện giúp các nước NFIDC gặp khó khăn về cán cân thanh toán do việc tăng giá trên thị trường lương thực thế giới. AoA yêu cầu Ủy ban nông nghiệp của WTO "kiểm điểm mức độ viện trợ lương thực do Ủy ban viện trợ lương thực định kỳ quy định...và đề xướng đàm phán dưới hình thức thích hợp nhằm đề

ra mức cam kết viện trợ lương thực đủ để đáp ứng những nhu cầu chính đáng của các nước đang phát triển trong chương trình cải cách". Do các cuộc tái đàm phán về Công ước viện trợ lương thực (FAC) đang bị ngưng lại, Ủy ban nông nghiệp của WTO cần có biện pháp mạnh hơn để bảo đảm cho các nước LDC và NFIDC kiếm đủ lương thực.

Điều đáng nói là FAC chịu sự giám sát của Ủy ban viện trợ lương thực, mà bên cạnh FAO và Chương trình lương thực thế giới (WFP) là quan sát viên tại các cuộc họp của Ủy ban viện trợ lương thực, thì các thành viên của ủy ban này lại toàn là các nước xuất khẩu lương thực - Argentina, Ôxtrâyliya, Canada, Nhật Bản, Nauy, Thụy Sĩ, Mỹ và EU. Công ước quy định mức cam kết viện trợ lương thực tối thiểu ràng buộc về mặt pháp lý, đồng thời lập một danh sách các nước có thể được hưởng viện trợ lương thực trên cơ sở mức thu nhập theo đầu người. Nó không chỉ định nước nào được nhận lương thực ở mức nào, và tất nhiên, các nước đủ tiêu chuẩn nhận thì không có gì bảo đảm sẽ được nhận viện trợ. Các nước nhận viện trợ không phải là thành viên công ước.

Không thể coi viện trợ tài chính gắn với mua lương thực trên thị trường quốc tế là viện trợ lương thực, mặc dù một nhà tài trợ có thể được phép cho mua lương thực ở một nước thứ ba. Xu hướng chung là giá lương thực tăng thì viện trợ giảm, và ngược lại. Theo hướng đó, giá xuống cực thấp năm nay dẫn tới hứa hẹn viện trợ lương thực tăng. Tuy nhiên, do bất đồng ý kiến về FAC và do cả EU và Mỹ đều giảm dự trữ lương thực quốc gia, FAC đang lo làm sao duy trì thậm chí một mức viện trợ lương thực tối thiểu. Việc EU định đưa một quy định ứng xử vào FAC, ràng buộc việc sử dụng viện trợ lương thực chặt hơn vào những mối quan tâm về an ninh lương thực, đã bị Mỹ và một số thành viên khác của Ủy ban phản đối.

Như trên đã nêu, khi giá lương thực tăng, viện trợ lương

thực giảm. Biết vậy, nhưng nhiều nước vẫn rất lo để làm sao có nguồn cung ứng lương thực ngày càng độc lập hơn. Cộng với việc Ủy ban nông nghiệp của WTO không giải quyết nổi cú sốc đối với các nước NFIDC về giá lương thực năm 1995 - 1996, tình hình này đã khẳng định điều mà nhiều TCPCP đã nói, tức là cần có các quy định đa phương khác để bảo đảm an ninh lương thực tốt hơn, thực hiện được tự do thương mại mà không làm tăng tình trạng mất an ninh lương thực.

Nông nghiệp đa năng

Lập luận

Nông nghiệp cần cung cấp không chỉ lương thực và việc làm, mà còn cả một cơ cấu văn hóa và xã hội cho cộng đồng nông thôn, và một phương tiện bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học. WTO không quan tâm tới những đặc trưng cốt yếu này. Trong lúc đó, nếu chỉ thuần túy dựa vào thị trường phi điều tiết thì sẽ không cung cấp được những tín hiệu đúng cho nông dân về giá trị xã hội của những khía cạnh 'phi kinh tế' này của nông nghiệp.

EU và một số nước phát triển khác, trong đó có Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc và Thụy Sĩ, đã đề xuất và trình Ủy ban thương mại và môi trường của WTO một đề án về nông nghiệp đa năng, trong đó khuyến nghị tăng mức chi công cho nông nghiệp để bảo vệ môi trường và an ninh lương thực, đồng thời đặt vấn đề xem xét lại việc có nên tiếp tục cam kết theo AoA giảm các chương trình hỗ trợ trong nước đối với nông nghiệp hay không. Khuyến nghị này có thể được thực hiện dưới dạng những quy định trong Phụ lục 2, cái gọi là 'ô xanh lá cây'. Cách đặt vấn đề của khuyến nghị này được sự đồng tình của nhiều TCPCP và nông dân vì hệ thống thị trường do AoA và các hiệp định khác của WTO quy định đã không cho phép phân biệt sự khác nhau giữa các sản phẩm trên cơ sở phương thức sản xuất ra chúng. Trong lúc đó,

một nền nông nghiệp đa năng có thể tạo ra một khuôn khổ cho những nước đang phát triển muốn bảo tồn phương pháp canh tác của mình trước sức ép của thị trường thế giới đang ngày càng phi điều tiết hơn.

Tuy nhiên, cần đòi EU bỏ thái độ lạm dụng các quy định về trợ giá xuất khẩu và sử dụng một cách vô đoán quyền tiếp cận thị trường của họ, bởi lẽ những điều này không hề cần thiết cho nông nghiệp đa năng. Hiện nay, các nước đang phát triển chưa ủng hộ ý tưởng về nông nghiệp đa năng. Theo họ, nếu chỉ thuần túy tăng việc miễn các cam kết giảm hỗ trợ trong nước thì cũng chẳng đem lại lợi lộc gì cho họ cả.

Luật chống phá giá và cạnh tranh

Lập luận

Các TCPCP đã phê phán việc AoA nhấn mạnh trợ giá xuất khẩu, vì vấn đề phá giá lương thực còn lớn hơn thế trên thị trường thế giới. Điều VI của hiệp định gốc trong GATT định nghĩa phá giá là việc bán dưới mức giá trong nước, hoặc trong trường hợp không có giá trong nước để so sánh thì là giá bán dưới mức giá thành sản xuất cộng thêm một "mức hợp lý đối với giá bán và lợi nhuận". Các sản phẩm nông nghiệp tiếp tục vi phạm quy định này. Thị trường toàn cầu mở toang khiến những nước mới vào cuộc khó có thể cạnh tranh. Giao dịch nông phẩm đặc biệt tập trung trong tay vài công ty. Không giải quyết tình trạng này thì các nước đang phát triển sẽ không thu được lợi ích gì từ những cơ hội trên thị trường đã bớt nhiều rào cản đó.

Trái với lập luận kinh tế vĩ mô rằng nhập khẩu lương thực giá rẻ sẽ làm lợi cho các nước đang phát triển, hầu hết TCPCP cho rằng việc đó sẽ không chỉ có tác động rất tiêu cực tới phúc lợi của triệu triệu người sống dựa vào nghề nông ở các nước này, mà tới cả những người sản xuất ở một số nước phát triển, đặc

biệt khi chính phủ chấm dứt các chương trình hỗ trợ.

Để thực hiện được các quy định về chống phá giá của WTO, một nước phải có quy định tương thích trong luật của chính nước đó, phải có kinh phí để chứng minh được trường hợp của mình. Nhưng không dễ gì để chứng minh được thiệt hại đối với một ngành, nhất là nếu ngành đó bao gồm nhiều triệu tiểu nông rải ra khắp cả nước. Nhiều nước đang phát triển không có đủ cả năng lực pháp lý lẫn tiền bạc để kiện tại WTO. Cần đơn giản hóa thủ tục quy định liên quan tới việc này.

Các nước phát triển còn hay dùng các biện pháp chống phá giá để chống hàng xuất khẩu của các nước đang phát triển, làm mất đi thị trường của các nước này. Mà mất thị trường, dù chỉ trong vòng vài tuần, cũng thật tệ hại cho những ngành còn yếu hoặc những nước tùy thuộc nặng vào một vài sản phẩm xuất khẩu. Cần tính tới trình độ phát triển của các nước khi yêu cầu các nước phải tuân thủ những thủ tục thay đổi quy định về quyền tiếp cận thị trường của họ.

Gắn với vấn đề chống phá giá còn có vấn đề chống tập trung thương mại nông phẩm trong tay vài công ty. Nhiều nước đã có luật chống tờ rút để bảo vệ công dân và bảo đảm rằng các doanh nghiệp nhỏ có thể cạnh tranh bình đẳng với những doanh nghiệp lớn hơn nhiều. Vậy thì trên thị trường thế giới cũng cần có những quy định chống độc quyền cá nhân và tập đoàn. Một số nhà bình luận đã cho rằng lô gạch trong các hiệp định của Vòng Uruguay là tăng cường xu hướng tiến tới độc quyền. WTO sẽ phải cân nhắc vấn đề này nếu muốn hệ thống thương mại đa phương mà nó đề ra còn tồn tại được.

Kết luận

Việc thực hiện an ninh lương thực tùy thuộc vào khả năng cung ứng đủ, phân phối tốt và tiếp cận được cho tất cả mọi người. Nó

tùy thuộc vào lương thực thích hợp về mặt văn hóa và, đối với hầu hết các nước trên thế giới, vào một mức độ tự túc nhất định về lương thực. FAO ước tính rằng 828 triệu người trên thế giới bị suy dinh dưỡng kinh niên, và con số này đang gia tăng. Mặc dù trên cấp độ toàn cầu, sản lượng lương thực của chúng ta đủ nuôi tất cả mọi người, nhiều người vẫn không có tiền để mua số lương thảo họ cần. Các nước cần xác định một cách độc lập được rằng liệu họ có cần nhập lương thực không, và nếu có, thì nhập bao nhiêu. Nhiều TCCP và tổ chức của nông dân sử dụng thuật ngữ 'chủ quyền lương thực' để khẳng định tầm quan trọng của việc mỗi quốc gia có chiến lược bảo đảm cung cấp lương thực của riêng mình. Nông nghiệp là cuộc sống của triệu triệu người cùng gia đình họ trên khắp thế giới này.

Thương mại là một cơ chế tạo thuận lợi cho việc phân phối lương thực. Những nước hoặc khu vực bị thiếu lương thực có thể mua lương thực trên thị trường quốc tế để tăng cường an ninh lương thực của mình. Tuy nhiên, để cung cấp lương thực một cách ổn định với giá cả ổn định, cần có nhiều sự kiểm soát hơn là chỉ dựa vào thị trường quốc tế phi điều tiết. Nhiều nước không có mức an ninh tối thiểu về lương thực vì không có số ngoại tệ cần thiết để mua lương thực theo giá dao động trên thị trường thế giới. Hơn nữa, nhiều người không đủ ăn hiện vẫn sống dựa vào nông nghiệp. Thương mại có thể tăng cường và hỗ trợ cho một chiến lược an ninh lương thực, đặc biệt ở cấp khu vực, nhưng đó phải là thương mại có quản lý để chắc chắn bảo vệ được an ninh lương thực.

Thương mại quốc tế không thể thay thế sản xuất lương thực trong nước. Nhiều người ăn những thứ lương thực không được mua bán trên thị trường quốc tế, và vì vậy, lệ thuộc vào việc cung ứng tại chỗ. Thông thường nông dân chọn giống thích hợp với điều kiện thời tiết và đất đai cụ thể. Hạt giống chính là một hình thức đa dạng sinh học quan trọng cần được giữ gìn.

Phương pháp canh tác cũng là một đóng góp quan trọng vào sự đa dạng của một khu vực. Thực phẩm chế biến và thức ăn gia súc ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong thương mại lương thực quốc tế, và đều nhằm vào các thị trường đô thị với người mua có đồng lương trung lưu, chứ không nhằm vào người nghèo và đói. Những người này khó có thể được hưởng lợi từ chính sách khuyến khích xuất khẩu vì thiếu vốn hoặc tín dụng, trong lúc hàng nhập tràn vào đánh tụt giá lại đe dọa trực tiếp thị trường của họ.

WTO là một thiết chế đa phương có trách nhiệm soạn thảo và thực thi các quy tắc thương mại đa phương. Các quy tắc này có thể có ích vì giúp các nước nhỏ cùng đưa ra lập trường chung để đòi các nước lớn hơn có thỏa nhượng nhiều hơn so với việc nếu họ phải đấu tranh tay đôi. Các nước phát triển đã sử dụng những biện pháp liên quan tới thương mại, như trợ giá xuất khẩu, để bán phá giá số lương thực dư thừa ra thị trường thế giới, gây thiệt hại cho nông nghiệp trong các nước đang phát triển. Có một số thuế quan phân biệt đối xử với việc đa dạng hóa sản xuất ở các nước đang phát triển. GATT, nay là WTO, đã đặt ra ngoài vòng pháp luật những chính sách này. Tuy nhiên, AoA lại phê chuẩn những chính sách dẫn tới bán phá giá trên thị trường thế giới. Cần điều chỉnh tình hình này của AoA.

Nhưng không thể quyết định chính sách đa phương thông qua một lăng kính thương mại thuần túy. AoA đã quy định chính sách thương mại phải tôn trọng an ninh lương thực. Nếu các quy định của WTO bị coi là phá hoại an ninh lương thực, thì sẽ không được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. An ninh lương thực là một ví dụ rõ ràng về một mục tiêu đòi hỏi sự hợp tác liên ngành. WTO cần làm việc với những thiết chế đa phương khác là chuyên gia về các phương diện cụ thể của mỗi quan tâm phi thương mại đưng tới hoạt động của WTO. Sự hợp tác với IMF, ITC, UNCTAD, UNDP và Ngân hàng thế giới trong Hội nghị

cấp cao về các nước LDC là một ví dụ tốt. Về nông nghiệp, Tiểu ban phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã trực tiếp đề nghị WTO tiến hành phân tích tác động của AoA đối với phát triển nông thôn và nông nghiệp bền vững. Cách hợp tác như vậy có thể giúp tăng sức mạnh cho cả hai tổ chức và cải thiện tính nhất quán trong việc hoạch định và thực hiện chính sách đa phương. Nó đòi hỏi thêm các nguồn lực cho WTO và yêu cầu các chính phủ phải cam kết lồng ghép chính sách thương mại của mình vào các quá trình lập kế hoạch phát triển quốc tế khác.

Để tôn trọng an ninh lương thực, WTO cần có những mục tiêu và phương châm nhất quán hơn từ hệ thống đa phương. Trong lĩnh vực an ninh lương thực, hiện còn có một sự lúng túng, mơ hồ về những cơ quan hoạch định chính sách quốc tế vốn gây ra những chỗ vừa hỏng vừa chòng chẹo về chính sách. Chính phủ các nước phát triển và đang phát triển cũng đều cần bảo đảm nhất quán chính sách ở cấp độ quốc gia. Chính sách thương mại thường phá hoại các chương trình viện trợ song phương, tương tự như việc xuất khẩu nông sản theo CAP đã phá hoại khoản tiền do EU chi để phát triển ngành nông nghiệp ở nhiều nước đang phát triển. Một Công ước về an ninh lương thực có thể giúp hình thành một khuôn khổ nằm ngoài WTO, nhờ đó có cơ sở đánh giá những quy định thương mại thích hợp và không thích hợp từ góc độ an ninh lương thực.

Không có mấy quan hệ nhân quả trực tiếp giữa AoA với những thay đổi trong an ninh lương thực. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán Vòng Uruguay, việc ký kết AoA và cam kết theo đuổi tự do hóa hơn nữa, tất cả những điều này đều có một tác động không thể phủ nhận được tới cách thức các chính phủ và các cộng đồng bị thua thiệt phải lựa chọn chính sách trong nông nghiệp như thế nào. AoA mô tả một mô hình nông nghiệp về cơ bản chỉ là đơn diện. Trong khi đó, an ninh lương thực đòi hỏi một mô hình phức hợp hơn nhiều đối với nông nghiệp, bao gồm

việc sản xuất tự cấp tự túc hoặc sống nhờ nông nghiệp của người sản xuất, các nền văn hóa đa dạng, các nguồn lực sinh học, các khoản dự trữ lương thực do nhà nước quản lý, và một tầm nhìn cấp khu vực đối với các nhu cầu về an ninh lương thực. Thương mại sẽ là một bộ phận của mô hình này cho nhiều nước, nhưng nội dung giảm chi công quỹ cho nông nghiệp và định hướng tăng trưởng thì chắc không được coi như vậy.

Chủ định của tài liệu này là trình bày một vài hiểu biết của chúng tôi về việc WTO nói riêng và các thành phần khác của hệ thống đa phương nói chung có thể tham gia tốt hơn vào việc bảo vệ và xúc tiến an ninh lương thực cho người dân như thế nào. Không ai phải chịu đói - mỗi người bị đói đều là nạn nhân của những lựa chọn chính sách có ý thức và của những thất bại về chính sách. Chúng ta có toàn quyền thay đổi điều đó.

Phụ lục 1

Những tiêu chuẩn về vệ sinh và vệ sinh thực phẩm

Hiệp định của Vòng Uruguay về áp dụng các biện pháp vệ sinh và vệ sinh thực phẩm (SPS) đã xác định những tiêu chuẩn về sức khỏe con người, động vật và thực vật để áp dụng cho hàng nhập khẩu. Các nước ký kết Hiệp định này đã nhất trí đặt các biện pháp SPS trên nguyên tắc khoa học và không áp dụng các nguyên tắc này "khi không có đủ bằng chứng khoa học", và như vậy, gánh nặng của bằng chứng đè lên vai những người đề ra một tiêu chuẩn cao hơn chứ không phải trên vai người xuất khẩu.

Lời nói đầu của Hiệp định về SPS năm 1994 viết: "Tái khẳng định rằng không một nước thành viên nào bị ngăn cản chấp nhận hoặc thực thi những biện pháp cần thiết để bảo vệ sự sống hoặc sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật, với điều

kiện là không được áp dụng những biện pháp đó theo cách thức dẫn tới phân biệt đối xử một cách vô đoán hoặc không biện giải được giữa các nước thành viên có cùng điều kiện hoặc dẫn tới việc hạn chế thương mại quốc tế trá hình".

Hiệp định về SPS có liên quan trực tiếp tới thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp và được đàm phán dưới sự bảo trợ của Ủy ban nông nghiệp trong Vòng Uruguay. Những nước đang phát triển hy vọng mở rộng xuất khẩu nông phẩm cần bảo đảm sao cho việc sử dụng một cách vô đoán những tiêu chuẩn này không bịt đường tiếp cận thị trường của họ.

Tuy nhiên, các TCPCP tỏ ra nghi ngờ hệ thống hiện hành. Họ phê phán Tiểu ban tiêu chuẩn nông nghiệp (CAC) vì các nước đang phát triển chẳng có mấy đại diện trong các ban của nó, trong lúc các công ty chế biến thực phẩm thì có đại diện đông đảo. Một cuộc khảo sát được thực hiện cho các TCPCP bảo vệ người tiêu dùng của Anh năm 1993 cho thấy 104 nước và hơn 100 công ty nông hóa và lương thực đa phương được tham dự các cuộc họp này. Có 26 TCPCP công ích có mặt, so với 662 đại diện của ngành này. Nestlé, công ty lương thực lớn nhất thế giới, có hơn 30 đại diện, đông hơn phái đoàn của hầu hết các nước. Hơn 60 phần trăm đại biểu là từ các nước phát triển, chỉ có 7 phần trăm từ châu Phi và 10 phần trăm từ Mỹ Latinh.

Mặc dù các cuộc cải cách thuế quan đã giúp giảm thuế quan xuống một mức độ nhất định, người ta vẫn chưa giảm nhiều yếu tố khác nhằm duy trì tiêu chuẩn an toàn lương thực cao, và vì thế chưa thể giải quyết nhanh chóng vấn đề sử dụng các biện pháp SPS để bảo vệ thị trường các nước phát triển. Có lẽ để tăng thị phần của các nước đang phát triển trên thế giới, cần chú ý hơn tới việc đầu tư cải thiện năng lực cung ứng và chế biến của các nước này, đồng thời tăng sự tham gia của họ vào các cơ chế xây dựng tiêu chuẩn và phổ biến những quy định chặt chẽ hơn nhằm tránh tình trạng áp đặt đột ngột và vô đoán

những tiêu chuẩn SPS hoặc các rào cản kỹ thuật trong thương mại.

Xin đề xuất một số điều để xem xét:

- *Các nước phát triển, với tư cách những nước hàng đầu trong việc sử dụng các tiêu chuẩn SPS, cần cam kết mạnh mẽ không sử dụng một cách vô đoán những tiêu chuẩn này và tăng chuyển giao công nghệ để giúp các nước thích nghi với những tiêu chuẩn mới ban hành.*
- *Tăng mạnh sự tham gia của các nước đang phát triển, các tổ chức người tiêu dùng và những tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sức khỏe con người, động vật và thực vật vào các cơ chế xây dựng tiêu chuẩn.*
- *Tăng tính minh bạch và thời gian báo trước khi một nước nhập khẩu nào đó quyết định áp đặt một tiêu chuẩn mới hoặc sửa đổi một tiêu chuẩn hiện hành.*
- *Chuyển giao công nghệ và hỗ trợ cho các nhà xuất khẩu của nước đang phát triển trong việc đáp ứng những tiêu chuẩn mới hoặc xử lý những vấn đề kéo dài (ví dụ, dịch bệnh ảnh hưởng tới việc xuất khẩu gia súc của một nước nào đó).*
- *Ứng hộ đề xuất của Na Uy, Hà Lan và các nước khác trong việc lập một quỹ pháp lý cho các nước đang phát triển nhằm hỗ trợ họ sử dụng hệ thống giải quyết tranh chấp, bảo vệ ngành xuất khẩu trước việc tùy tiện sử dụng các biện pháp SPS.*

Phụ lục 2

Các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs)

TRIPs là một thỏa thuận riêng rẽ thuộc Vòng Uruguay chịu sự

giám sát của một hội đồng riêng rẽ. Chúng tôi nêu TRIPs ở đây vì nó có những quy định về nhận bằng sáng chế đối với các loại hình của sinh thể có liên quan tới an ninh lương thực, nhất là bằng sáng chế về hạt giống và cây trồng. Trong TRIPs, Điều 27.3 (b) gây ra mối quan ngại sát sườn nhất, vì ý kiến của các bên còn rất khác nhau khi hoàn tất văn bản TRIPs: nó xem xét vấn đề nhận bằng sáng chế đối với các vi sinh vật và sinh vật ra đời theo kỹ thuật gen, nhưng cho phép các bên tham gia TRIPs đặt cây trồng và vật nuôi ra ngoài hệ thống bằng sáng chế của mình. Tuy nhiên, các bên phải thiết lập một 'hệ thống riêng hữu hiệu' để bảo vệ những cây trồng được chọn làm giống do có tình trạng đặc biệt - thường để phục vụ hoạt động nông nghiệp hoặc làm vườn.

Dự thảo ban đầu của TRIPs do một ban gồm các công ty được phẩm và các công ty lớn khác biên tập, sau đó Mỹ đã thành công trong việc ép các chính phủ chấp nhận mô hình bảo hộ bằng sáng chế của mình, mặc dù nhiều mô hình khác cũng hợp pháp trong WTO. Nhiều nhà khoa học, những người chuyên chọn giống cây trồng, nhiều tổ chức nông dân và những người khác rất lo ngại rằng xu hướng tách chiết và làm biến đổi vật liệu di truyền đã không quan tâm đến công tác chọn giống cẩn thận của các cộng đồng dân cư qua nhiều thế kỷ trong những điều kiện sinh thái cụ thể, mà lại tìm cách tư nhân hóa bất kỳ một bổ sung hoặc phối hợp kỹ thuật khác. Làm sao để có thể xác định cái gì là 'mới' trong quá trình này? Làm sao báo đáp được cho những người đã làm nên tất cả các nền móng - những người này thậm chí còn không biết rằng vật liệu di truyền ấy đã được thu nhặt từ chính nơi họ sống và làm việc? Liệu có nên để cho những thành tố căn bản của chính sự sống phải chịu sự điều chỉnh trước hết của luật sở hữu tài sản tư nhân hay không?

Việc một công ty ở Tchédat tìm cách kiếm được một tấm bằng sáng chế đối với một dạng gạo basmati bắt nguồn từ một

số vùng ở Ấn Độ và Pakistan là một ví dụ gần đây về ý đồ tư nhân hóa kiến thức chung. Một số nước đang phát triển không thể đủ tiền để trả những khoản luật phí cần thiết để đảo ngược những tấm bằng sáng chế này. Vấn đề này cũng làm nổi lên tình hình căng thẳng trong hệ thống quốc tế giữa Công ước về đa dạng sinh học - CBD (mà Mỹ chưa phê chuẩn) có giá trị ràng buộc về pháp lý với TRIPs. CBD yêu cầu các nước phải bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sao cho hỗ trợ được việc cộng đồng dân cư địa phương sử dụng bền vững những nguồn lực di truyền, đồng thời bảo đảm chia sẻ một cách công bằng lợi ích của những nguồn lực này. Hệ thống bằng sáng chế kiểu Mỹ chưa sẵn sàng đáp ứng cách thức chia sẻ lợi ích này, mà cũng không có một không gian cho phép tồn tại quan niệm về sở hữu ở cấp cộng đồng. Nhiều người lập luận rằng tư nhân hóa cây trồng, hạt giống và các sinh vật khác thực ra góp phần làm tăng sự mai một về di truyền. Trong trường hợp này, TRIPs mâu thuẫn trực tiếp với mục tiêu của CBD.

Các TCPCP và các tổ chức nông dân đang đề xuất một loạt chiến lược nhằm bảo đảm sao cho cây trồng, đặc biệt cây lương thực và hạt giống, được giữ trong khu vực công. Lập trường tối thiểu là giữ nguyên văn bản, trong đó chỉ quy định việc bảo hộ riêng. Tuy vậy, nhiều tổ chức trong số đó tìm cách đạt được phương án tối đa là cấm toàn bộ việc cấp bằng sáng chế đối với các sinh thể.

Phụ lục 3

Các điều khoản của AoA

Tổng quan

Việc thực hiện AoA thuộc Vòng Uruguay bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng 1995, được kéo dài 6 năm đối với các nước phát

triển và 10 năm đối với các nước đang phát triển. Khung thời gian kéo dài hơn và những mức cam kết thấp hơn đối với các nước đang phát triển cũng như một số đặc miễn đối với các nước LDC đã được chấp nhận dưới dạng các nguyên tắc về đối xử đặc biệt và phân biệt. Những nguyên tắc này đề ra một mức thỏa nhượng nhất định đối với những nước có trình độ phát triển khác nhau và có nhu cầu và lợi ích khác nhau trong hệ thống thương mại đa phương.

Theo thỏa thuận, các cuộc đàm phán để rà soát Hiệp định này sẽ được bắt đầu một năm trước khi kết thúc thời gian thực hiện đối với các nước phát triển, tức là muộn nhất vào ngày 1 tháng Giêng 2000.⁵ Điều 13 của AoA, mang tên "Điều khoản hòa bình", cấm các nước kiện nhau về việc sử dụng các khoản trợ giá xuất khẩu và các chương trình hỗ trợ trong nước đã được miễn tính toán theo AMS. Điều 13 có giá trị đến ngày 31 tháng Mười hai 2003.

Tiếp cận thị trường

Các quy định về tiếp cận thị trường được nêu trong các Điều 4 và 5 và Phụ lục 5 của hiệp định này.

Mọi hạn chế về nhập khẩu ở tất cả các nước đều được đổi thành những quy định tương đương thuế quan trong một quá trình gọi là 'thuế quan hóa'. Đã có một công thức để đổi những rào cản phi thuế quan sang thành thuế quan nhằm hình thành một chỉ số rõ ràng hơn về những rào cản thực sự đối với thương mại. Thời gian cơ bản để tính toán các cắt giảm là 1986 - 1988. Các nước phát triển phải cắt giảm bình quân 30 phần trăm

5. Các chính phủ trong Ủy ban nông nghiệp đã thảo luận xem nên bắt đầu các cuộc đàm phán mới vào cuối năm 1999 (ý kiến của Nhóm Cairns và Mỹ) hay vào đầu năm 2000 (ý kiến của EU, Nhật Bản và một số nước khác).

những thuế quan này, trong đó mỗi dòng thuế quan phải cắt giảm tối thiểu 15 phần trăm. Các nước đang phát triển phải cắt giảm bình quân 24 phần trăm thuế quan, với mức cắt giảm tối thiểu cho mỗi dòng thuế là 10 phần trăm.

Đối với những dòng thuế đã chuyển sang hệ tương đương theo công thức thuế quan hóa, các nước phải đưa ra những mức thuế thấp hơn đối với một loạt hạn ngạch nhập khẩu nhằm bảo đảm duy trì và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Điều này được gọi là Hạn ngạch mức thuế quan (TRQ). Các nước phát triển cam kết mức nhập khẩu tối thiểu 3 phần trăm tiêu dùng nội địa, nâng lên 5 phần trăm vào cuối giai đoạn thực hiện. Những nước đang phát triển có đánh thuế nhập khẩu cam kết mức nhập tối thiểu 1 phần trăm, nâng lên 4 phần trăm vào năm 2004, tức là vào cuối giai đoạn thực hiện.

Trong trường hợp một nước đánh thuế nhập khẩu một sản phẩm, nước đó cũng được phép bảo lưu quyền viện tới các quy định về bảo vệ đặc biệt (SSG) trong biểu thuế của mình và thông báo trước về khả năng sử dụng đến quy định này. SSG cho phép áp đặt mức thuế quan cao hơn nếu một ngành cụ thể nào đó có nguy cơ bị tổn hại bởi nhập khẩu tăng vọt hoặc giá cả nhập khẩu tụt xuống dưới mức sàn đã định. SSG là một công cụ chỉ được thực hiện trong một khung thời gian nhất định.

Các chương trình hỗ trợ trong nước

Các chương trình này được nêu trong Điều 6 của AoA và các Phụ lục 2,3 và 4, theo đó các nước phải đặt giá cho các chương trình dùng để hỗ trợ người sản xuất. Tương tự quy định của OECD về Mức tính tương đương trợ giá cho người sản xuất (PSE), mặc dù không toàn diện bằng, các nhà đàm phán ở Vòng Uruguay đã đề ra Lượng định tổng quan về hỗ trợ (AMS) để tính toán chi phí

các chương trình hỗ trợ.⁶ Thời gian cơ bản để tính toán việc cam kết giảm này là 1986 - 1988.

Tổng AMS ở các nước phát triển sẽ phải giảm 20 phần trăm trong thời gian thực hiện. Các nước đang phát triển phải giảm 13,3 phần trăm trong vòng 10 năm. Các nước LDC không có nghĩa vụ phải trình tính toán về AMS.

AoA quy định một mức sàn đối với các sản phẩm cụ thể hoặc ngành nông nghiệp nói chung. Dưới mức sàn này, các nước không phải tính chi phí trong AMS - đây là cái gọi là mức tối thiểu. Với các nước phát triển, mức này là 5 phần trăm, còn với các nước đang phát triển, mức này là 10 phần trăm.

Những tính toán về AMS trong Điều 6.5 (cái gọi là 'ô xanh da trời') không bao hàm những khoản chi trực tiếp cho nông dân trong khuôn khổ các chương trình hạn chế sản xuất, tính toán trên cơ sở diện tích cố định và công suất sản xuất tối đa 85 phần trăm. Ngoài ra, các nước đang phát triển còn được miễn áp dụng AMS khi trợ giá đầu vào và đầu tư để phát triển nông thôn.

Phụ lục 2, còn gọi là 'ô xanh lá cây', miễn trừ một danh mục dài những chương trình được coi là không làm biến dạng sản xuất và thương mại nông phẩm, trong đó có cứu trợ thiên tai, viện trợ lương thực, bảo hiểm mùa vụ chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, và các chương trình kiểm soát bệnh dịch. Danh mục này còn gồm những khoản chi cho nông dân không trên cơ sở mức sản xuất. Tuy nhiên, không có quy định nào ở đây về các loại thuế hoặc thuế quan mà các nước có thể ban hành để tăng

6. AMS bao gồm các chương trình hỗ trợ giá thị trường, các khoản chi trực tiếp của chính phủ cho nông dân và các trợ giá đầu vào, nhưng không gồm các dịch vụ chung của chính phủ đối với nông nghiệp như PSE. Để hiểu rõ sự khác nhau giữa AMS và PSE, xem thêm F. J. Nelson (tháng Mười một 1997), "Lượng định sự hỗ trợ trong nước đối với nông nghiệp Mỹ", *Economic Research Service, USDA, USA*.

thu phục vụ cho các chương trình hỗ trợ nông nghiệp.

Trợ giá xuất khẩu

Những cam kết liên quan tới trợ giá xuất khẩu được nêu từ Điều 8 suốt tới Điều 11, theo đó những cam kết giảm trợ giá xuất khẩu được thực hiện trong giai đoạn 1986-90 mặc dù Thỏa thuận Nhà Blair cho phép bắt đầu tính toán giảm trợ giá xuất khẩu trong giai đoạn 1991- 1992. Do vậy, những người sử dụng trợ giá xuất khẩu nhiều nhất được có những chỉ tiêu rộng rãi hơn nhiều.⁷

Các nước phát triển cam kết giảm trợ giá xuất khẩu 36 phần trăm về giá trị và 21 phần trăm về khối lượng; còn các nước đang phát triển cam kết giảm 24 phần trăm về giá trị và 14 phần trăm về khối lượng. Các nước LDC không phải giảm trợ giá xuất khẩu. Đáng chú ý là không nước nào, kể cả nước LDC, được ban hành thêm bất kỳ chương trình trợ giá mới nào. Tuy vậy, các nước đang phát triển được phép đưa ra một số khoản trợ giá liên quan tới chi phí thị trường, phí giao thông và cước vận tải hàng hóa trong nước cho các nhà sản xuất.

AoA không bao gồm một số hình thức chương trình trợ giá xuất khẩu, kể cả tín dụng xuất khẩu.

Phụ lục 4

Quỹ quản lý rủi ro thu nhập hàng hóa quốc tế

Theo Alexander Sarris, để giải quyết vấn đề giá cả thị trường

7. Thỏa thuận Nhà Blair giữa Mỹ và EU quy định lấy 1991-1992 làm thời gian cơ sở để tính giảm trợ giá xuất khẩu, thực ra là hạ thấp quy định giảm trợ giá. Nhưng đến cuối giai đoạn thực hiện, các khoản trợ giá phải giảm theo một lượng đã định tương ứng với thời gian nêu trong AoA, nghĩa là 1986-1988.

quốc tế dao động, nên lập ra một Quỹ quản lý rủi ro về thu nhập hàng hóa quốc tế đối với các nước NFIDC. Theo đề án này, các nước phát triển định trước một mức giá cố định cho các nước NFIDC để mua ngũ cốc. Nước đó không phải theo phương án này nếu giá trên thế giới thấp hơn khi mua, nhưng sẽ áp dụng phương án này nếu giá hiện hành cao hơn. Trong thực tế, nước này có thể được bảo hiểm rủi ro đối với các khoản mua lương thực của họ thông qua một hợp đồng kỳ hạn, trong đó có quy định mức trần có bảo đảm đối với việc chi mua của nước này. Đề án này giống như một chương trình bảo hiểm với phí bảo hiểm có trợ giá (thấp hơn mức mua đủ). Phần trợ giá này do các nước phát triển cấp, tính trong ODA, sẽ dần chấm dứt khi nền kinh tế của nước nhận trợ giá cải thiện. Mức trợ giá cụ thể tùy thuộc vào nhu cầu cụ thể của nước hữu quan.

Đề nghị này đưa ra một cơ chế khắc phục tình trạng các nước đang phát triển thiếu cầu thực trên thị trường lương thực thế giới, giúp tránh những chi phí và phức tạp về hậu cần khi xử lý những hàng hóa vật thể, đồng thời cho phép chính phủ các nước đang phát triển được tự chủ trong việc lập kế hoạch và ra quyết định mua lương thực khi thích hợp.

Tuy nhiên, một vài công ty lớn có tiềm năng đáng kể trong việc đầu cơ giá cả vẫn thống trị thị trường ngũ cốc. Vào được thị trường đó thì khó, và vì thế muốn có thông tin đầy đủ không phải đơn giản. Kinh nghiệm giao dịch hàng hóa ở Mỹ đã bộc lộ những vấn đề nghiêm trọng trong việc sử dụng công cụ này như một cơ chế bảo hiểm rủi ro cho nông dân, vì lẽ họ, cũng như nhiều nước nhỏ, luôn ở vào thế bất lợi do thiếu cả tiền lẫn thông tin đầy đủ để có quyết định tốt nhất. Do vậy, cần phát triển hơn nữa ý tưởng của A. Sarris để giải quyết được những vấn đề này trong quá trình giao dịch ngũ cốc hiện nay.

Chương XI

Tại sao không nên đưa những vấn đề mới vào Hội nghị Siaton¹

Phân lớn các chủ đề mới có thể gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho sự phát triển tương lai của các nước phương Nam.

Martin Khor

Chúng ta gặp nhau trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và trước Hội nghị WTO ở Siaton. Do đó, đây đúng là lúc cần thẩm định và tái thẩm định đâu là con đường đúng đắn mà các nước đang phát triển cần phải đi để hội nhập vào nền kinh tế thế giới, và để tự do hóa mậu dịch, tài chính và đầu tư.

Về tự do hóa tài chính, đã có những bài học mới từ các sự kiện gần đây. Bây giờ thì đã rõ, tự do hoá tài chính, nhất là khi được thực hiện một cách không thích hợp, là nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng kinh tế Đông Á. Nhiều nước trong các quốc gia bị ảnh hưởng, vốn đứng ở hàng đầu các nước phương Nam trong hội nhập kinh tế toàn cầu, nay đang thận trọng xem xét lại việc rộng mở về tài chính.

Malaisia chẳng hạn, đã thiết lập một hệ thống hối đoái cố

1. Tham luận tại Hội nghị G77 ngày 14 tháng Sáu 1999.

định (nhằm ngăn ngừa những dao động và tạo sự linh hoạt về các phương án tiền tệ, tài chính và thuế khóa). Đồng thời, cũng áp dụng một số kiểm soát có chọn lọc về hối đoái để bảo vệ hệ thống tài chính chống lại nạn đầu cơ tài chính tiền tệ và ảnh hưởng tiêu cực của dòng vốn ngắn hạn 'nóng'. Ngay cả những người trước đây chỉ trích các chính sách đó nay cũng thừa nhận chúng có tác dụng ổn định nền kinh tế. Có những bài học tốt từ khủng hoảng tài chính và kinh nghiệm của Malaysia.

Suy nghĩ lại về tự do hóa mậu dịch và hiệu quả của nó

Vấn đề tự do hóa mậu dịch còn phức tạp hơn. Có sự trái ngược hoặc mâu thuẫn lớn giữa các nước đang phát triển nói chung và nhiều học giả về vấn đề này. Một mặt, người ta thường nhắc đi nhắc lại rằng “chúng tôi cam kết với tự do hóa mậu dịch vì nó là tích cực và thiết yếu cho tăng trưởng và phát triển”. Mặt khác, nhiều nước đang phát triển đã nhận ra và phân nân tự do hóa mậu dịch mang lại những ảnh hưởng tiêu cực cho các nền kinh tế của họ hoặc gạt họ ra ngoài lề.

Báo cáo của UNCTAD về thương mại và phát triển năm 1999 giải thích rõ cho chúng ta tại sao tự do hóa thương mại thường dẫn đến những kết quả tiêu cực. Báo cáo tập trung vào động thái và cán cân nhập khẩu và xuất khẩu, và nhận thấy tự do hóa thương mại một cách nhanh chóng góp phần làm tăng thâm hụt mậu dịch ở các nước đang phát triển nói chung. Bởi đây mạnh tự do hóa thương mại làm tăng nhanh nhập khẩu trong lúc xuất khẩu không theo kịp. Đối với các nước đang phát triển (trừ Trung Quốc), bình quân thâm hụt thương mại thập kỷ 1990 cao hơn 3 phần trăm điểm GDP so với thập kỷ 1970 trong lúc tăng trưởng bình quân giảm 2 phần trăm điểm.

Phát hiện mới nhất đó của UNCTAD trùng hợp với nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy không có sự tương tác tất nhiên giữa tự do hóa mậu dịch và tăng trưởng. Các nước tự do hóa nhập khẩu mau lẹ không nhất thiết tăng trưởng nhanh hơn các nước tự do hóa từng bước.

Vấn đề của tự do hóa thương mại là ở chỗ một quốc gia có thể kiểm soát được tiến độ nhập khẩu nhanh đến đâu (và do đó tăng luồng nhập khẩu các sản phẩm) nhưng lại không thể xác định được sự tăng trưởng xuất khẩu của mình nhanh đến mức nào. Sự tăng trưởng của xuất khẩu tùy thuộc vào giá cả của các mặt hàng đang được xuất khẩu (và các nước đang phát triển phải chịu nhiều thiệt hại do bất lợi về cánh kéo thương mại), và vào việc thiết lập hoặc phát triển cơ sở hạ tầng, nhân lực và khả năng doanh nghiệp để xuất khẩu sản phẩm mới (đây là một tiến trình lâu dài không dễ thành đạt).

Nó cũng còn tùy thuộc vào liệu có hay không có thị trường, nhất là thị trường các nước phát triển. Ở đây có một vấn đề nằm ngoài vòng kiểm soát của các nước phương Nam. Đó là những hàng rào thuế quan và phi thuế quan của phương Bắc đối với hàng hóa có tiềm năng xuất khẩu của các nước đang phát triển. Trừ phi tháo dỡ các hàng rào đó, còn không thì tiềm năng của họ vẫn chỉ là tiềm năng.

Như vậy, tự do hóa mậu dịch có thể (và thường như thế) làm cho nhập khẩu tăng vọt mà không có sự vươn lên tương ứng của xuất khẩu. Điều đó làm cho thâm hụt mậu dịch nhiều hơn, cán cân thanh toán xấu thêm, nợ nước ngoài nặng lên, tất cả điều đó cản trở triển vọng của tăng trưởng và thường dẫn đến trì trệ và suy thoái.

Một kết luận từ tình hình đó là tự do hóa mậu dịch không nên tiến hành một cách tự động và hồi hải kiểu phi mã. Thay vào đó, điều quan trọng là chất lượng, thời điểm, trình tự và phạm vi của tự do hóa (đặc biệt là với nhập khẩu), và phải đi

kèm với hoặc được đi trước bởi các yếu tố khác như gia cường các xí nghiệp hoặc nông trại, phát triển nguồn nhân lực và công nghệ cũng như xây dựng năng lực và tìm kiếm thị trường.

Các nước đang phát triển phải có khả năng, được tự do và linh hoạt thực hiện những lựa chọn chiến lược về chính sách tài chính, mậu dịch và đầu tư, được quyền định đoạt nhịp điệu và phạm vi của tự do hóa và kết hợp một cách thích hợp tự do hóa với bảo vệ các xí nghiệp và nông trại.

Cần rà soát lại và bổ cứu các Hiệp định của WTO

Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với các cuộc thương lượng WTO. Như đã được nêu ra trong hội nghị cấp bộ trưởng này, Vòng Uruguay đã gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng cho các nước đang phát triển. Các cuộc thương lượng sắp tới cần giải quyết các vấn đề này, những nhược điểm và khiếm khuyết cũng như những bất cân đối đã hạn chế khả năng lựa chọn các chiến lược kinh tế cần thiết của các nước đang phát triển.

Như vị Chủ tịch G77 đã nói, giai đoạn tới của các cuộc thương lượng WTO nên xoay quanh ba chữ R (trong tiếng Anh), nghĩa là phải kiểm điểm, chấn chỉnh và cải tổ hệ thống WTO và các thoả thuận của nó để tránh gây thêm tổn thất cho các nước đang phát triển.

Thứ nhất, các nước phát triển phải thực thi các cam kết lĩnh vực với các nước đang phát triển mà họ chưa làm đến nơi đến chốn, đã khiến cho các nước này thấy mình bị lừa dối và chẳng được lợi lộc gì từ Vòng Uruguay. Đó là các lĩnh vực đang bị rút bỏ như hiệp định về sợi dệt, hạn chế trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp, thuế quan cao, từ bỏ lạm dụng các biện pháp bán phá giá và thực thi các điều khoản đối xử đặc biệt và phân biệt với các nước đang phát triển.

Thứ hai và có lẽ quan trọng hơn, cần giao vai trò lãnh đạo WTO cho các nước đang phát triển và đánh giá lại một cách tổng hợp các hiệp định để lập lại sự cân bằng và khắc phục những hậu quả của chúng gây ra cho phát triển. Ví dụ:

- Cần xem xét lại hiệp định về nông nghiệp trên quan điểm bảo đảm an ninh lương thực và sinh kế của nông thôn ở các nước đang phát triển, vì phần lớn các nước này dựa vào một nền nông nghiệp canh tác quy mô nhỏ, sử dụng một lực lượng lao động lớn và góp phần bảo đảm an ninh lương thực. Là một bộ phận của chế độ đối xử đặc biệt và phân biệt, ở các nước đang phát triển, lương thực sản xuất cho tiêu dùng trong nước và sản phẩm của tiểu nông cần được đặt ra ngoài phạm trù tự do hóa nhập khẩu và hỗ trợ quốc nội.
- Trong Hiệp định TRIPs, nhằm giữ được sự chính trực của hệ thống cấp bằng sáng chế, trong đó quy định cấp bằng sáng chế cho phát hiện, và để ngăn chặn nạn chiếm hữu sinh học (tức cưỡng đoạt các vật tư sinh học và kiến thức truyền thống sử dụng chúng bằng cách cấp bằng sáng chế), cần xét lại và bổ sung Điều 27.3b để cho tất cả các sinh thể không phải bị cấp bằng sáng chế. Đồng thời, phù hợp với Công ước đa sinh học, phải làm rõ hệ thống độc hữu (sui generis) về việc bảo vệ các giống loài cây (trong cùng điều khoản đó) có thể bao gồm pháp luật quốc gia bảo vệ kiến thức truyền thống của các cộng đồng địa phương.
- Đối với Hiệp định TRIMs, không vận dụng điều khoản cấm các nước đang phát triển yêu cầu phải có tỷ lệ hàm lượng nội địa trong sản phẩm cũng như phải có vốn đối ứng bằng ngoại hối (tức nhập khẩu của một xí nghiệp phải gắn với xuất khẩu của nó). Đây là sự thừa nhận các nước đang phát triển cần đến những biện pháp đó (chẳng hạn, cần nâng cao năng lực sản xuất của các xí nghiệp trong nước, tạo nên

những hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế nội địa, giữ gìn ngoại hối và tránh được nợ nước ngoài quá mức.

Tránh đưa những vấn đề mới vào WTO

Chỉ có rất ít những thay đổi cần đưa vào nghị trình WTO, những thay đổi cần cho sự tồn tại và phát triển của các nông trại sản xuất lương thực trong nước và của khu vực công nghiệp của các nước đang phát triển. Chắc chắn là các hiệp định WTO không có nghĩa, và cũng chẳng nên như vậy, là làm cho các trang trại, xí nghiệp và nền kinh tế của các nước phương Nam không thể tồn tại và phát triển được để rồi chìm đắm đi.

Những sửa đổi cần thiết đối với các hiệp định hiện hữu sẽ không thể làm được tốt nếu như người ta đưa hàng loạt những chủ đề mới vào chương trình nghị sự. Nguồn lực con người, kỹ thuật và tài chính hết sức hạn chế của các nước đang phát triển, các nhà ngoại giao, các nhà hoạch định chính sách của họ sẽ bị thu hút vào việc bảo vệ lập trường quốc gia trên các chủ đề mới, đâu còn thời gian để xem xét lại các hiệp định cũ. Và số thời gian hạn chế của WTO cũng sẽ chỉ dành cho các vấn đề mới.

Thời gian chẳng có bao nhiêu để xem lại, đối chiếu lại và cải thiện các hiệp định hiện hữu. Trong lúc đó thì các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực thi cứ tăng lên và chồng chất với thời gian, và biểu hiện thành sự xáo trộn về kinh tế và xã hội, sự bất ổn định về chính trị ở nhiều nước đang phát triển.

Nếu thế vẫn chưa đủ thì cần thấy rằng phần lớn các chủ đề mới còn có thể gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho sự phát triển tương lai của các nước phương Nam. Trước hết, các chủ đề đó không thuộc WTO (vốn được coi là một tổ chức thương mại). Chúng được các nước phát triển tìm cách đưa vào để lợi dụng các khả năng chấp pháp (hệ thống xử lý tranh chấp) của WTO, để buộc các nước đang phát triển phải mở cửa nền kinh tế cho

hàng hóa và dịch vụ của công ty các nước phát triển.

Do đó, các nước đang phát triển cần chống lại việc đưa những vấn đề mới đó vào nghị trình của WTO. Dưới đây thử phân tích bốn trong những 'chủ đề mới'.

- Vấn đề đầu tư

Đề nghị thương lượng một hiệp định đầu tư có thể biến WTO từ một tổ chức thương mại thành một tổ chức giải quyết lĩnh vực khác, tức là chính sách đầu tư. Các quyền của những nước đang phát triển (với tư cách quốc chủ) trong việc chấp thuận cho phép, quy định các điều kiện hoạt động của xí nghiệp nước ngoài sẽ bị hạn chế nghiêm trọng. Các yêu cầu về báo cáo kết quả hoạt động, khuyến khích đầu tư, điều chỉnh luồng vốn ra vào, các lĩnh vực ưu tiên cho các xí nghiệp và công dân sẽ bị cắt giảm nhiều.

Do sự phản đối rộng khắp mô thức đầu tư trước đây do OECD đưa ra (Hiệp định đa phương về đầu tư, gọi tắt trong tiếng Anh là MAI trước đó cũng đề nghị ở WTO), một mô thức khác đã được thêm bớt gia vị để làm cho chủ đề đầu tư hợp với khẩu vị hơn, dễ được chấp nhận làm điểm xuất phát. Tuy nhiên, một khi hiệp định được ký, dù là dưới hình thức 'pha loãng', chắc chắn sẽ có nhiều sức ép buộc các nước đang phát triển phải tự do hóa. Và như vậy, khả năng của các nước này điều tiết có lợi cho các xí nghiệp địa phương, hoặc đặt điều kiện và nghĩa vụ cho các công ty nước ngoài sẽ bị cắt giảm. Khả năng tồn tại và phát triển của các xí nghiệp và trang trại trong nước sẽ bị đe dọa.

Do tính chất cực kỳ quan trọng của vấn đề này, nhóm nghiên cứu đầu tư nên tiếp tục thảo luận, và WTO không nên khởi phát thương lượng một hiệp định đầu tư ở Siaton.

- Minh bạch trong vấn đề mua sắm của chính phủ

Đề nghị mở các cuộc thương lượng một hiệp định (hoặc thậm chí là ký một hiệp định) về minh bạch trong mua sắm của chính phủ ở Siaton cũng hết sức tai hại cho phương Nam. Cho đến nay, các quyết định mua sắm của chính phủ nằm ngoài phạm vi các quy định đa phương của GATT. Các nước đang phát triển, theo chủ quyền, được tự do và được lựa chọn mua sắm theo tiêu chí và các mục tiêu phát triển của mình, và việc ưu tiên cho các công ty trong nước là thông lệ của phần lớn các nước.

Những người ủng hộ nó lập luận rằng chẳng có gì hại (ngược lại có lợi mọi bề) cho các nước đang phát triển nếu minh bạch hơn và hạn chế được tham nhũng, còn vấn đề tiếp cận thị trường thì không nằm trong hiệp định này. Nói chung, minh bạch hơn là điều tốt. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của WTO, không có điều khoản giải thoát sự minh bạch với tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nước ngoài, và khi gắn nó với hệ thống xử lý tranh chấp thì sẽ nảy sinh nhiều vấn đề cho các nước đang phát triển.

Quan trọng hơn, mọi người đều biết qua những văn kiện trước đây gửi cho WTO, mục đích thực sự của các nước lớn là kết nhập toàn bộ vấn đề mua sắm của chính phủ (đặc biệt là vấn đề tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia cho các doanh nghiệp nước ngoài) vào WTO. Thoả thuận về minh bạch chỉ là giai đoạn một. Một khi mua sắm đã lọt được vào WTO dưới 'cái vỏ nguy trang hiền lành' đó, các chủ đề đích thực tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia sẽ nối gót theo ngay.

Bởi vậy, các nước đang phát triển phải bác bỏ việc 'đa phương hóa' vấn đề mua sắm, vì một khi khái niệm mua sắm đã an bài trong hệ thống thương mại đa phương, dù chỉ dưới một hình thức hạn chế, thì toàn bộ hình hài của nó sẽ hiện lên thông qua những áp lực mới. Hậu quả đối với các nước đang phát triển

sẽ rất nghiêm trọng vì các chính phủ sẽ mất đi, có thể là công cụ trực tiếp quan trọng nhất, để đạt được các mục tiêu xã hội, kinh tế và phát triển.

Các nước đang phát triển không nên ký hiệp định (hoặc thương lượng hiệp định đó) dù chỉ là nói về sự minh bạch. Thay vào đó, toàn bộ vấn đề này cần được các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu cho đến khi biết rõ ý định của các nước lớn là gì và hậu quả của việc đưa vấn đề mua sắm vào WTO sẽ thế nào.

- Chính sách cạnh tranh

Trong vấn đề này rõ ràng những thế lực lớn ủng hộ một hiệp định WTO về chính sách cạnh tranh muốn sử dụng nó như một công cụ khác để thâm nhập thị trường các nước đang phát triển, bị coi là có quá nhiều những chính sách và thông lệ ưu đãi cho các doanh nghiệp trong nước, và như vậy, bất lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài. Thông qua một hiệp định WTO, các nước đang phát triển sẽ phải xây dựng những chính sách về cạnh tranh buộc các doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ, các doanh nghiệp địa phương phải từ bỏ lối làm ăn cũ, chế độ ưu đãi cho họ cũng bị cắt giảm để cho các doanh nghiệp nước ngoài có thể cạnh tranh 'bình đẳng' với các doanh nghiệp trong nước.

Kết cục khó tránh khỏi là các doanh nghiệp nhỏ hơn của địa phương sẽ không còn sức cạnh tranh vì những ưu đãi thì hầu như không còn nữa, các doanh nghiệp lớn của nước ngoài hoặc sản phẩm của họ sẽ độc quyền chiếm lĩnh thị trường địa phương.

Nhiều nước đang phát triển nhìn vấn đề này một cách khác. Họ muốn chính các thông lệ hạn chế của các doanh nghiệp đa quốc gia khổng lồ là cái phải được cắt giảm và chiều hướng sáp nhập các ngân hàng và tập đoàn lớn phải được đảo ngược. Họ cũng muốn việc lạm dụng chống bán phá giá cũng như các biện

pháp thương mại khác của phương Bắc phải đình chỉ vì đó là phần cạnh tranh chống lại hàng nhập khẩu của phương Nam. Nhưng các nước lớn không chia sẻ các quan tâm đó.

Do tính chất phức tạp của vấn đề và tầm quan trọng của nó, chính sách cạnh tranh sẽ được giải quyết như thế nào trong WTO. Nhóm nghiên cứu vấn đề này cần tiếp tục trao đổi ý kiến. Hội nghị Siaton không nên tiến hành bất cứ cuộc thương lượng nào về một hiệp định cho lĩnh vực này.

- Thuế quan hàng công nghiệp

Đề nghị cắt giảm thuế quan hàng công nghiệp chắc sẽ làm hài lòng khu vực chế tạo của các nước đang phát triển. Nhưng do thuế suất của các nước này thường cao hơn thuế suất của các nước phát triển, nên các nước đang phát triển sẽ được yêu cầu nhân nhượng nhiều hơn trong lĩnh vực này. Như vậy là không công bằng.

Trước hết, các nước đang phát triển nói chung đã tự do hóa với nhịp điệu nhanh hơn trong những năm gần đây. Các nước phát triển cũng vẫn chưa hạ thấp hàng rào thuế của họ về dệt may, hoặc về nông nghiệp, mặc dù đã được cho triển hạn tới bốn hoặc năm thập kỷ. Việc họ cần đến một thời gian dài như thế để bảo hộ hàng của họ chứng tỏ các nước đang phát triển, vốn có nền kinh tế yếu hơn nhiều vì chỉ mới có một thời gian xây dựng công nghiệp rất ngắn sau ngày độc lập, càng cần bảo hộ các ngành công nghiệp non yếu của mình hơn nhiều.

Các nước đang phát triển đã giảm thuế quan khá nhiều, chủ yếu là theo các điều kiện cho vay của IMF - WB. Tuy nhiên, họ vẫn cần có chính sách công nghiệp hóa và trong tương lai vẫn cần tăng thuế đánh vào một số sản phẩm chọn lọc cần cho sự phát triển của công nghiệp trong nước. Phương án đó sẽ có thể phải hủy bỏ nếu có thêm một vòng cắt giảm thuế công nghiệp

khác buộc các nước này phải hạ mức thuế thấp hơn và thấp hơn nữa.

Tại nhiều nước đang phát triển, đã diễn ra các quá trình phi công nghiệp hóa gây nên bởi việc hạ mức thuế quan làm tăng nhập khẩu, buộc các ngành công nghiệp trong nước phải chuyển dịch. Hơn nữa, như đã nói trên, Báo cáo của UNCTAD về thương mại và phát triển đã vạch rõ ở nhiều nước đang phát triển, việc tự do hóa mau lẹ nhập khẩu đã dẫn đến việc nhập khẩu tăng quá nhanh mà xuất khẩu lại không theo kịp. Từ đó gây ra thâm hụt lớn trong cán cân thương mại và cán cân thanh toán, và đến lượt chúng, tác động xấu đến tăng trưởng.

Dưới ánh sáng của tình hình đó, sẽ là sai lầm nếu các nước đang phát triển đồng ý với việc có thêm một vòng tự do hoá về thuế quan công nghiệp nữa. Thay vào đó, để khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay và chứng tỏ sự chân thành của mình, các nước phát triển cần cam kết tại Siaton giảm hoặc xóa bỏ trần thuế quan và sự leo thang của nó, mà không đòi hỏi các nước đang phát triển phải tham gia vào một vòng cắt giảm thuế quan công nghiệp khác.

Kết luận

Những tháng ngắn ngủi còn lại trước và trong thời gian Hội nghị Siaton có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tương lai của các nước đang phát triển. Xét cho cùng thì các nước này chiếm đa số nên có thể kiến tạo WTO trở thành một tổ chức ủng hộ phát triển, nhưng họ cũng có thể bị khuất phục trước áp lực của các nước lớn muốn sử dụng bộ máy trừng phạt mậu dịch của WTO để cấu hình tổ chức này phục vụ cho quyền lợi của họ.

Chúng ta có thể bất bình hoặc thất vọng trước cách tiếp cận của phương Bắc hoặc của việc duy trì nguyên trạng, nhưng cảm nhận hoặc thậm chí cả biểu lộ bất bình và thất vọng vẫn chưa

đủ. Tình trạng này phải được chấn chỉnh. Các nước đang phát triển phải đoàn kết lại, và trước hết phải tự thuyết phục rồi thuyết phục các nước phát triển, rằng nay là lúc phải duyệt xét lại WTO chứ không phải là mở rộng phạm vi của nó, và chỉ có thể làm như vậy sau khi đã rà soát lại kỹ càng, đã sửa chữa những bất cân đối và khiếm khuyết. Các chủ đề mới chỉ được đưa vào sau khi đã hoàn thành cải tổ.

Nhiệm vụ của những tháng tới là nặng nề. Chúng ta phải vươn lên ngang tầm của nó vì tương lai của nhân dân chúng ta gắn liền trong đó.

Chương XII

Cộng đồng châu Âu 'khởi động trở lại' quy chế đầu tư tại WTO¹

Cộng đồng châu Âu đã đề nghị chương trình nghị sự của WTO tại Siatơn đưa ra một khuôn khổ các quy định đa phương điều chỉnh đầu tư quốc tế. Mặc dù EC đã cố gắng để phân biệt hiệp ước mà họ đề xuất với Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) đây tai tiếng trước đây, nhưng dường như đây chỉ là một xảo thuật ngoại giao nhằm đạt được những mục tiêu tương tự.

Cộng đồng châu Âu đã đề xuất thiết lập tại Tổ chức thương mại thế giới một khuôn khổ các quy định đa phương điều chỉnh đầu tư quốc tế và đưa vấn đề này vào chương trình nghị sự của 'Vòng đàm phán thiên niên kỷ' mà họ muốn được khởi động tại Hội nghị cấp bộ trưởng tại Siatơn (từ ngày 30 tháng Mười một đến ngày 3 tháng Mười hai 1999).

Ông Peter Carl, Phó tổng giám đốc Đối ngoại của EC tại Brussels đã nói tại một buổi họp báo ngày 28 tháng Bảy rằng

1. Bài báo trên đây được đăng đầu tiên trên tờ *Theo dõi phát triển Bắc - Nam* (SUNS - số 4487) mà Chakravarthi Raghavan là tổng biên tập.

EC và các quốc gia thành viên của mình đã quyết định chấm dứt hoàn toàn các cuộc đàm phán về Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) trong khuôn khổ Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) tại Pari và muốn “khởi động lại từ đầu vấn đề này tại WTO”. Theo ông Carl, sự khác biệt chủ yếu giữa các cuộc đàm phán về OECD - MAI và đề xuất đàm phán tại WTO là các cuộc đàm phán tại WTO chỉ giới hạn trong phạm vi đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) và loại trừ tất cả các hình thức đầu tư có liên quan đến đầu tư gián tiếp bằng cổ phiếu và các dòng vốn khác.

Sự phân biệt mập mờ

Tuy nhiên, nhiều tổ chức quốc tế như Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) và Ngân hàng thanh toán quốc tế cũng như các chuyên gia tài chính đã nêu trong nhiều báo cáo và nghiên cứu rằng không thể biệt lập và phân biệt giữa FDI và các dòng vốn và tài chính khác trong kỷ nguyên của thị trường tài chính liên kết toàn cầu với các công cụ tài chính phái sinh không niêm yết và các công cụ tài chính khác.

Chẳng hạn như trong Bản tin Kinh tế số 1 năm 1999 của Ủy ban kinh tế Liên hợp quốc khu vực châu Âu (ECE) đã chỉ rõ rằng việc phân biệt giữa đầu tư ngắn hạn và dài hạn ngày càng ít có ý nghĩa trong tình hình tài khoản vốn có khả năng chuyển đổi thâm nhập được các thị trường phái sinh hiện đại có thể được sử dụng để làm giảm bớt sự sai biệt về khả năng thanh toán giữa các loại tài sản khác nhau.

Carl thừa nhận có vấn đề đó khi phân biệt giữa FDI và các hình thức vốn khác, nhưng khẳng định rằng hoàn toàn có thể đưa một sự phân biệt như vậy vào một hiệp định của WTO.

EC cũng muốn chỉ dành cho FDI được hưởng quyền đối xử quốc gia sau khi ban bố (chứ không phải là trước đó) và dành

cho các nước được toàn quyền điều tiết và kiểm soát hoạt động của các nhà đầu tư phù hợp với các mục tiêu chính sách quốc gia của họ. Carl cho biết EC cũng đang tiến hành đối thoại với xã hội dân sự và các TCPCP có trụ sở tại châu Âu, nghiên cứu sự phân đối của họ (có liên quan đến MAI) và tin rằng sẽ tìm được một giải pháp có cân nhắc những mối quan tâm của xã hội dân sự.

Được hỏi về các báo cáo và nghiên cứu gần đây của các nhà kinh tế học và viện nghiên cứu có tên tuổi (Giáo sư Dani Rodrik của trường Đại học Harvard, Michael Mortimore của Ủy ban kinh tế Liên hợp quốc về Mỹ Latinh và Caribê (ECLAC), và của các nhà kinh tế học ECE thuộc Liên hợp quốc đã chứng minh rằng 'không có bằng chứng xác thực' nào về việc FDI hay tự do hoá FDI đã đem lại tăng trưởng và phát triển ở các nước đang phát triển (xem ô dưới), Carl đã bác bỏ chúng coi đó là "những bài viết của các nhà kinh tế học trong các văn phòng có điều hoà nhiệt độ" và cho rằng các nước đang phát triển muốn có FDI.

Phản ứng này dường như ngụ ý rằng nếu các nước đang phát triển muốn có FDI thì đương nhiên là nó phải có lợi cho họ vì thế mới có lý do để xây dựng các quy chế FDI tại WTO.

Phương án hạ thấp

Bản đề xuất của EC trình lên Đại hội đồng dưới dạng dự thảo trong giai đoạn chuẩn bị cho Siaton có thể coi là bản hạ thấp phần nào những ý tưởng khởi nguyên của nó (được đưa ra tại Marrakesh và các cuộc gặp cấp bộ trưởng tại Singapo và Geneva) nhằm đưa vấn đề đầu tư vào nghị trình của đàm phán thương mại của 'Vòng thiên niên kỷ'. Mặc dù có vẻ khiêm tốn hơn đề xuất mà Leon Brittan, Cao uỷ thương mại EC đưa ra tại Singapo và Geneva, nhưng đề xuất lần này được diễn đạt khôn khéo hơn để đưa được vấn đề này vào WTO rồi sẽ mở rộng phạm vi của nó sau.

Nhật Bản cũng đã đệ trình một đề xuất tương tự với Đại hội đồng vào tháng Hai. Tại Punta del Este, trong khuôn khổ Vòng đàm phán Uruguay, Nhật Bản dưới “chuyên mục đầu tư có liên quan đến thương mại”, đã tìm cách để đạt được những nguyên tắc rộng lớn hơn trong hệ thống thương mại nhằm xúc tiến quyền lợi của các nhà đầu tư và hạn chế quyền điều tiết đầu tư của các chính phủ.

Nhật Bản nay lại trở về với đề xuất của họ về ‘thương mại và đầu tư’

(Kể từ Punta del Este và sau sự ra đời của WTO, tất cả các nước công nghiệp phát triển đã bỏ tám bình phong được họ sử dụng trước đây khi đưa các vấn đề mới vào WTO bằng cách cho rằng “chúng có liên quan đến thương mại”. Bây giờ họ gọi chúng là ‘thương mại và...’).

FDI - Một động cơ của tăng trưởng?

Tài liệu của EC và luận điệu về lợi ích của FDI đối với các nước đang phát triển xuất hiện đúng vào thời điểm mà nhiều lợi ích này đang bị các nhà kinh tế học và các tổ chức đặt thành vấn đề.

Quan điểm dựa trên ý thức hệ của chủ nghĩa tự do mới này rất thịnh hành vào cuối những năm 1980 và đầu 1990 và đã trở thành một phần của khuôn khổ chính sách ‘chủ lưu’ của sự đồng thuận Oasinhton và một giáo điều được ồ ạt tuôn vào các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi: rằng tự do hóa FDI tạo ra tăng trưởng và phát triển, rằng FDI không gây ra nợ nần, rằng FDI (cùng với tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ) sẽ giúp chuyển

giao công nghệ có lợi cho nước tiếp nhận và rằng FDI cùng với cạnh tranh và tính hiệu quả mà nó đem lại sẽ tăng trưởng phúc lợi.

Đã có nhiều báo cáo và nghiên cứu nghiêm túc phê phán mạnh mẽ quan điểm về FDI này.

Trong bản tin tháng Năm, ECE trong một tổng quan tập trung vào tự do hoá thương mại và tự do hoá thị trường vốn quốc tế đã chỉ rõ rằng “nhiều chính sách mà sự đồng thuận 'chủ lưu' khuyến nghị đã trở nên rất gần với những giáo điều dựa trên các mô hình được đơn giản hóa quá mức và các bằng chứng không đầy đủ. Sự khẳng định mà họ dựa vào và theo đuổi không hề được kiểm nghiệm trong thực tế”.

Trong một nghiên cứu chính sách mới được xuất bản gần đây dưới tiêu đề “Hãy thực sự cởi mở”, Giáo sư Dani Rodrik đã chỉ ra rằng không hề có bằng chứng thực tiễn nào cho thấy FDI là một động cơ của tăng trưởng và sẽ là sai lầm và thậm chí nguy hiểm nếu đòi hỏi các nước đang phát triển chạy theo FDI.

Tại một hội nghị chuyên đề ở Trường đại học Columbia, New York, vào tháng Bảy vừa qua, Tổng thư ký UNCTAD Rubens Ricupero đã phát biểu rằng, trong khi các nước đang phát triển tìm kiếm “thêm các dự án đầu tư vào những vùng trắng” - chứ không phải là các dự án hợp nhất hoặc sở hữu khả dĩ dẫn đến tài sản bị tước đoạt và mất công ăn việc làm - thì ngoài việc tìm kiếm cơ hội tiếp cận với công nghệ, tài chính và kỹ năng quản lý, họ cần phải linh hoạt hơn nữa đối với FDI.

Ricupero cho rằng FDI là một hiện tượng phức tạp và “không thể dự đoán trước được cần có những chính sách nào để đối phó với những hậu quả tích cực và tiêu cực mà nó đem lại trong tương lai”.

Cũng tại hội nghị chuyên đề này, một nhà kinh tế học

theo trường phái thương mại tự do, Giáo sư Arvind Panagariya của Trường đại học Maryland đã chỉ trích quan điểm cho rằng đầu tư và thương mại có thể được đối xử như nhau: “Trong thương mại, anh vào thị trường của tôi và tôi vào thị trường của anh. Trong đầu tư, có chủ đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư, mỗi bên sẽ được hưởng những mức độ lợi ích khác nhau nếu có các quy chế đầu tư quốc tế”.

Ngay cả sự tương quan giữa tăng trưởng FDI và tăng trưởng kinh tế cũng khiến người ta phải băn khoăn. Trong mục “Chính kiến” trên tờ *Ghi chép ECLAC*, Michael Mortimore, người lãnh đạo cơ quan Liên hợp quốc về chiến lược kinh doanh và đầu tư, đã chỉ rõ dòng FDI vào Mỹ Latinh trong những năm 1990 cao hơn 13 lần so với những năm 1970 nhưng mức tăng trưởng kinh tế bình quân trong cùng thời gian lại thấp hơn 50 phần trăm.

Theo ông, điều này là do FDI không đem lại sự hình thành tổng tư bản bất biến mà là chuyển đổi các tài sản hiện có và nguồn tài chính mà chính phủ thu được từ quá trình tư nhân hoá để trang trải khoản thâm hụt trong cán cân thanh toán. Vẫn theo Mortimore, FDI chỉ đóng góp một phần khiêm tốn vào phát triển công nghiệp, và các mô hình xuất khẩu dựa trên tài nguyên thiên nhiên hoặc các sản phẩm công nghiệp thu được từ nguồn tài nguyên đó chẳng qua chỉ mô phỏng lại những kế hoạch lập các khu công nghiệp đã có.

Cuối những năm 1980, UNCTAD trong các báo cáo và tài liệu cho Hội nghị lần thứ chín tại Midrand của mình đã phân tích rằng FDI là một công cụ không gây ra nợ nần, vì không có lợi nhuận thì sẽ không có một quốc gia nào chịu bỏ tiền của và công sức ra cho nó.

Ngoài những tranh luận và câu hỏi về 'định giá chuyển nhượng' (và trong khuôn khổ WTO, là chi phí không thể

tránh được nếu một doanh nghiệp được quyền đem vào bất kỳ nguồn lực nào và lấy nó từ bất kỳ đâu) thì những lời tán dương FDI không gây ra nợ nần và vì thế có tính bền vững hơn, dường như chỉ làm cho người ta lạc lối.

Hầu hết các dữ liệu được trích dẫn hoặc sử dụng đều được lấy ra từ các dữ liệu về cán cân thanh toán của IMF.

Tài liệu này của Nhật Bản đã nói đến đầu tư như là một công cụ chủ yếu trong chiến lược kinh doanh của các tập đoàn với nhịp độ phát triển tăng lên cùng với tốc độ "toàn cầu hoá các nền kinh tế"; đầu tư có vị trí quan trọng hơn trong nền kinh tế thế giới; đặc biệt, tài liệu này cho rằng FDI bảo đảm dòng vốn dài hạn ổn định, tăng cường việc chuyển giao công nghệ và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của cả nước đầu tư và nước tiếp nhận.

Hiệp ước đầu tư 'chất lượng cao'

Trong quá trình chuẩn bị cho Punta del Este và Vòng Uruguay, Mỹ đã coi Hiệp định TRIPs và Hiệp định GATS cũng như Hiệp định TRIMs là có quan hệ khăng khít với nhau và có thể thay thế cho nhau để giúp các tập đoàn của mình, dưới một chiêu bài nào đó, thâm nhập và nắm quyền kiểm soát nền kinh tế của các nước đang phát triển. Sau khi WTO ra đời, kết quả của Hiệp định GATS cho thấy một chính sách cam kết 'tích cực' từ dưới lên và cũng là yêu cầu bắt buộc đối với các thành viên, Mỹ lại chuyển trọng tâm sang OECD nhằm đạt được một hiệp ước về đầu tư 'chất lượng cao'.

Sau sự thất bại của các cuộc đàm phán tại OECD, và với những dấu hiệu rõ ràng cho thấy các cuộc đàm phán tại WTO sẽ thu hút sự phản đối của các TCPCP đối với hệ thống thương mại

(và chính bản thân cuộc gặp Siaton), Mỹ và Bộ Tài chính của mình nay dường như lại chuyển qua Quỹ tiền tệ quốc tế đang có các đề nghị về khả năng chuyển đổi của tài khoản vốn.

Một TCPCP tham gia tích cực trong chiến dịch phản đối MAI đã đưa lên Internet một trang tin trích dẫn lời một nhà kinh tế học nổi tiếng phát biểu tại một hội nghị chuyên đề gần đây tại Oasinhton về các cuộc nói chuyện của ông với các quan chức Bộ Tài chính theo đó Mỹ đang 'dồn toàn lực' để tự do hoá tài khoản vốn tại cuộc họp thường niên của IMF/Ngân hàng thế giới (từ ngày 24 đến ngày 29 tháng Chín 1999), và rằng Mỹ đang hối thúc sửa đổi các điều khoản của IMF nhằm trao quyền hợp pháp cho tổ chức này giám sát và can thiệp đối với những biện pháp kiểm soát vốn!

Những đề nghị của EC và Nhật Bản liên quan tới cuộc thương lượng về luật lệ đầu tư tại WTO như một phần của vòng đàm phán thiên niên kỷ phải được nhìn nhận trên nền của bối cảnh này.

Không thể biện luận được

Những đề xuất và quan điểm của EC, mặc dù được trình bày dưới hình thức khá lỏng lẻo rất dễ làm người ta rối trí, vẫn cho thấy rõ EC đang tìm kiếm sự minh bạch, sự đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài - những nguyên tắc mà ngay cả trong lĩnh vực thương mại hàng hóa cũng đang bị chất vấn - tuy nhiên, dường như EC không tìm được đủ lý lẽ biện hộ cả về phương diện lý thuyết lẫn chính sách.

Trong tài liệu của mình, mà có lẽ sẽ được đưa ra thảo luận tại Đại hội đồng vào cuối tháng tháng Bảy này, EC giải thích rằng lý do mà họ muốn đạt được vấn đề này tại WTO là do "lợi thế không thể phủ nhận" mà WTO có được thông qua Thoả

thuận về giải quyết tranh chấp (với quyền chấp pháp và quyền được trả đũa) và các nguyên tắc cơ bản không phân biệt đối xử. EC đề nghị rằng đã đến lúc WTO thiết lập một khung luật đa phương để điều chỉnh đầu tư quốc tế nhằm bảo đảm một môi trường ổn định và có thể tiên liệu được cho FDI trên toàn thế giới.

Theo EC, khung luật WTO cần tập trung hoàn toàn vào FDI tuy có những khó khăn để phân biệt rạch ròi giữa sự chuyển vốn ngắn hạn và FDI.

Yên lặng

EC cũng cho rằng các quy định của WTO phải bảo lưu quyền của nước tiếp nhận đối với việc điều tiết hoạt động của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trên lãnh thổ của mình - có chú ý đến mối quan tâm của xã hội dân sự, kể cả về tính trách nhiệm của các nhà đầu tư - và rằng ngay cả quy chế về bảo vệ đầu tư cũng phải được suy xét lại nhằm bảo đảm quyền của nước tiếp nhận điều tiết "các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ của mình phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của WTO".

Mặc dù tỏ vẻ thừa nhận quyền của các nước điều tiết các nhà đầu tư nhưng việc EC dẫn chiếu đến các nguyên tắc cơ bản của WTO kết hợp với việc kêu gọi sự đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử có thể cho thấy rằng các nước tiếp nhận chỉ có thể điều tiết các nhà đầu tư nước ngoài với mức độ mà họ đang làm đối với các nhà đầu tư trong nước. Bất kể điều này có ý nghĩa thế nào đối với các nước công nghiệp thì kinh nghiệm của những năm 1980 và 1990 vẫn cho thấy rằng tiến trình công nghiệp hoá của các nước đang phát triển và sự tích lũy tư bản ở các nước này đòi hỏi phải có sự phân biệt đối xử giữa các công ty trong nước và các công ty nước ngoài.

EC cũng chỉ rõ rằng đối với các nước thành viên của mình

“không phân biệt đối xử là yếu tố cốt tử của một hệ thống đầu tư cởi mở và có hiệu quả”. Tài liệu của EC cũng không hề đá động gì đến ‘trách nhiệm’ và nghĩa vụ của các nước đầu tư đối với hoạt động của các nhà đầu tư của họ trong trường hợp WTO chế định chúng thành văn bản.

Trên thực tế, hiện có một sự đồng tình mạnh mẽ trong các chuyên gia thương mại của các nước đang phát triển đối với quan điểm cho rằng mặc dù tự do hóa thương mại và cắt giảm thuế quan như vẫn thường được tuyên bố là có thể giúp nâng cao ‘tính hiệu quả’ và sức cạnh tranh, nhưng đối với các nước đang phát triển, để công nghiệp hoá, tạo việc làm và tăng thu nhập thì một số quy định, khái niệm và nguyên tắc của GATT cần được tu chỉnh lại, ít nhất là khi áp dụng cho các nước đang phát triển.

Trong tình hình chuyển động của hàng hóa và tính bất biến của các yếu tố sản xuất, và trong kỷ nguyên của ‘toàn cầu hóa’, ngay cả một số lý thuyết thương mại cũ về lợi thế so sánh và phân công lao động quốc tế cũng phải được xem xét lại vì không một nhà nước nào trên phạm vi thế giới có đủ khả năng áp dụng bù đắp để phân phối lại lợi nhuận.

Cần suy nghĩ lại

Cũng cần phải xem xét lại và có thay đổi trong các quy chế của GATT/WTO về các nguyên tắc thuế quan và cam kết mở cửa thị trường và các lý thuyết về ‘mức sinh lợi bình quân chính đáng’ của các đối tác thương mại khi nhân nhượng lẫn nhau và cùng chịu ràng buộc, và ‘đền bù’ cho đối tác bằng cách đồng ý cho nâng thuế quan, dù chỉ tạm thời, để bảo vệ các ngành công nghiệp mới theo các nguyên tắc đa phương. Nếu không thì các nước đang phát triển sẽ vĩnh viễn bị khóa chặt ở phần cuối của dây chuyền phân công lao động quốc tế, như những người lao

Và chính báo cáo của nhân viên IMF về Ba Lan (tháng Tư 1999) đã làm người ta chú ý đến vấn đề dữ liệu này.

Báo cáo nhận xét: "Trong việc sử dụng dữ liệu cán cân thanh toán cho FDI, điều quan trọng là cần phải thấy những dữ liệu này, theo định nghĩa của IMF, bao gồm ba phạm trù: vốn cổ phần (có thể coi là tương ứng với các khoản đầu tư mới), lợi nhuận tái đầu tư (lợi nhuận từ chi nhánh ở nước ngoài được coi là khoản thu xuất khẩu dịch vụ của nước đầu tư, và những gì mà nước chủ nhà giữ lại được coi là dòng vốn vào) và dòng nợ bên trong công ty. Vì thế, dữ liệu FDI có lẽ đã phóng đại lượng đầu tư cổ phần 'ổn định'. Các dữ liệu thường không được cung cấp vào thời điểm thanh toán các khoản vay bên trong công ty - và ở Ba Lan thì không hề có hạn chế nào đối với các khoản vay ngắn hạn kiểu này".

Báo cáo của IMF cho thấy rằng khi FDI tăng thì các khoản vay cũng tăng, với tỷ lệ giữa các khoản vay so với FDI tăng từ 7 phần trăm năm 1991 lên 13,4 phần trăm năm 1992 và 23,7 phần trăm năm 1993, giảm xuống 21,1 phần trăm năm 1994 và 18,2 phần trăm năm 1995 rồi sau đó lại tăng lên 24,4 phần trăm năm 1996 và 36 phần trăm năm 1997.

Báo cáo này của IMF cũng chỉ ra rằng tổng nợ nước ngoài của Ba Lan sẽ cao hơn 10 phần trăm nếu tổng số nợ có liên quan đến FDI được cộng vào.

Và trong khi các khoản vay và nợ bên trong công ty có thể coi là thuộc về khu vực tư nhân (và vì thế không bị coi là thuộc trách nhiệm của nhà nước) thì kinh nghiệm gần đây của cuộc khủng hoảng châu Á cho thấy rằng bảng phân loại quốc gia của các cơ quan chuyên môn có tính đến các khoản nợ của khu vực tư nhân này, do đó mức độ rủi ro (cả của vay nợ công cộng và tư nhân) ở mỗi nước mỗi khác, và có một phí tổn được che đậy đối với mỗi quốc gia. - *C. Raghavan.*

dịch cho các nước giàu và tư bản của họ, và không bao giờ phá vỡ được cái vòng đời nghèo của dân chúng và của các nước kém phát triển.

Tài liệu của EC tuy muốn các quy định của WTO có các điều khoản bảo vệ đầu tư, nhưng cũng nhất trí rằng cần cân nhắc thêm về vấn đề này, vì “trong nhiều trường hợp chúng được giải thích trái ngược nhau và không lường trước được” - có lẽ ám chỉ trường hợp các nhà đầu tư thuộc Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) kiện các chính phủ đã có những chính sách làm mất thu nhập hoặc gây thiệt hại cho các tập đoàn.

EC dường như thừa nhận rằng quy chế về đầu tư của WTO cần bảo đảm cho các nước tiếp nhận điều tiết các nhà đầu tư nhưng phải “phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của WTO” - những từ ngữ mơ hồ mà các đoàn bồi thẩm WTO có thể sử dụng để đưa ra các phán quyết hạn chế hành động của các nước thành viên.

Chương XIII

Cuộc đấu tranh về văn hóa ở WTO

Vào lúc các sản phẩm văn hóa thương mại của các tổ hợp công nghiệp giải trí Hoa Kỳ tiếp tục đe dọa nền văn hóa phong phú lâu đời của các nước khác, một cuộc chiến đấu về chủ đề này tại WTO đang nổi lên. Đứng trước việc chính quyền Hoa Kỳ quyết tâm không để cho lợi ích ngành công nghiệp xuất khẩu lớn nhất của mình bị thương tổn bởi các động thái bảo hộ, một số các nước bị đe dọa đã bắt đầu gặp nhau để cùng chia sẻ một chiến lược trong cuộc đấu tranh tới.

Maude Barlow¹

Một chủ đề dường như sẽ nổi lên đậm nét tại Vòng thiên niên kỷ ở WTO là văn hóa. Đối với nhiều nước, mỗi cảm nhận phải giảm bớt cường năng và phải hài hòa các tác động của toàn cầu hóa kinh tế, sự đa dạng về văn hóa và quyền bảo vệ nó trước sức mạnh của toàn cầu hóa cũng quan trọng như cuộc chiến đấu để gìn giữ tính đa dạng sinh học vậy. Các chính phủ và nhân dân trên toàn thế giới ngày càng quan ngại trước sự đồng hoá của văn hóa toàn cầu trong đó thế giới bị thống trị bởi các giá trị và lối sống Mỹ được tổ hợp công nghiệp giải trí của nước này quảng bá khắp nơi.

Nhiều quốc gia coi văn hóa là di sản lớn nhất, không có nó họ không còn gốc rễ, lịch sử, tâm hồn. Họ khẳng định văn hóa

1. Maude Barlow, Chủ tịch Hội đồng tình nguyện Canada, có 100.000 thành viên. Bà là tác giả của nhiều cuốn sách, tác phẩm mới nhất là cuốn *MAI - Mối đe dọa chủ quyền của Canada* và cuốn *Sách đen lớn*.

không phải là tiền bạc, do đó, biến nó thành hàng hóa là thù tiêu nó. Họ cho rằng văn hóa không phải chỉ là một thứ sản phẩm khác như thép hoặc linh kiện điện tử, và tuyệt nhiên chú đưa nó vào các hiệp định thương mại.

Các tổ hợp công nghiệp giải trí, ngược lại, coi văn hóa là kinh doanh, một thứ kinh doanh rất béo bở, một chủ đề phải bằng mọi cách đưa cho được vào WTO. Ngành công nghiệp này kết hợp các công ty viễn thông khổng lồ, các phim trường, các hệ thống truyền hình, các công ty truyền hình cáp và Internet hình thành một mạng phức hợp bao gồm xuất bản, phát thanh, video, truyền hình cáp, các hệ thống vệ tinh, ngành sản xuất trình diễn quy mô lớn, thu và phân phối nhạc phẩm, các công viên chuyên đề. Đại diện thương mại Hoa Kỳ, Charlene Barshefsky nói bà sẽ làm hết sức để bảo vệ cho ngành xuất khẩu lớn nhất là các sản phẩm văn hóa được sản xuất hàng loạt của Hoa Kỳ.

Vài nét lịch sử của văn hóa và thương mại

Vào những năm 1920, để bảo vệ công nghiệp làm phim trong nước trước làn sóng phim Mỹ ồ ạt tuồn vào, các nước châu Âu phải sử dụng đến biện pháp áp đặt hạn ngạch nhập khẩu phim của Hoa Kỳ. Công nghiệp làm phim Mỹ đối phó bằng cách quan hệ chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và các sứ quán Hoa Kỳ để tiếp tục giới thiệu và vận động cho phim Mỹ; vào cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, phần lớn các quốc gia châu Âu đã bỏ đạo luật hạn chế đó.

Năm 1947, đã có sự thỏa hiệp trong khuôn khổ của GATT về vấn đề này. Nhưng sau đó Canada và các nước trước đó đã nhân nhượng Mỹ lại đưa ra các chính sách bảo hộ trong lĩnh vực truyền hình.

Năm 1970, tại Vòng đàm phán Tokyo, Mỹ phản nản đã có ít nhất 21 quốc gia bảo hộ công nghiệp phim và truyền hình bất

lợi cho Mỹ. Vấn đề này lại nổi lên tại Vòng Uruguay những năm 1980.

Năm 1990, một Nhóm công tác được thành lập để thảo luận xem các nước có quyền bảo hộ công nghiệp nghe - nhìn của mình không, nhưng sau đó đã giải thể vì không tìm được tiếng nói chung. Hiệp định GATT năm 1994, nền tảng của Hiệp định thương mại WTO hiện nay, về cơ bản, đã đặt văn hóa vào tất cả các quy tắc của hiệp định, bao gồm đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc và cấm không được hạn chế về số lượng. Tuy nhiên, cũng có hai trường hợp ngoại lệ nhỏ: một quốc gia thành viên có thể định ra và duy trì một số hạn ngạch nhỏ về nhập khẩu phim, nhưng ngoại lệ này sẽ được đưa ra thương lượng trong Vòng thiên niên kỷ 1999, và Mỹ đã nói họ muốn xóa bỏ điều này; và theo Điều XX, ngoại lệ chung được GATT đưa ra, cho phép có các biện pháp bảo vệ các kho tàng quốc gia có giá trị lịch sử hoặc khảo cổ học.

Sự bế tắc hiện nay về vấn đề văn hóa

Bất chấp tính chất hạn chế của các biện pháp bảo vệ mà GATT đưa ra, các quốc gia châu Âu ngày càng có xu hướng tăng thêm chứ không phải giảm đi việc bảo vệ nền văn hóa của họ trong những năm gần đây. Nghị viện châu Âu vận động cho việc cắt bớt các chương trình truyền hình nước ngoài để gạt bỏ các chương trình truyền hình và giải trí của Mỹ. Mới đây Pháp quy định thêm hàm lượng nội địa trong các chương trình phát thanh ngoài những quy định bảo hộ đã đưa ra trước đây. Ailen, Bồ Đào Nha đã áp đặt hạn ngạch trên sóng điện tử của mình; Vương quốc Anh đang cố làm sống lại nền công nghiệp phim ảnh của nước này, vì nay phim Anh chỉ có mặt trên màn hình có 6 phần trăm. Từ năm 1995 đến 1998, có bảy vụ khiếu nại ở WTO liên quan đến văn hóa. Trong số được giải quyết, tất cả đều dẫn đến

kết quả là hạn chế quyền của các nước bảo vệ công nghiệp văn hóa của họ.

Năm 1997, Hoa Kỳ đã thành công trong việc buộc Canada phải từ bỏ những bảo hộ đối với ngành sản xuất tạp chí, mặc dù các tạp chí Mỹ đã chiếm tới 85 phần trăm thị phần tại đây. WTO phán quyết các tạp chí là những 'sản phẩm' nằm trong phạm vi điều chỉnh của các luật lệ thương mại như các sản phẩm khác. Charlene Barshefsky cho rằng phán quyết này là một vũ khí lợi hại để sử dụng chống lại các bảo hộ của Canada về công nghiệp phim ảnh, ấn phẩm, phát thanh và truyền hình. Khi Canada xoay sang biện pháp khác để bảo vệ các tạp chí của mình, chẳng hạn sẽ phạt các nhà quảng cáo Canada đăng quảng cáo trong các tạp chí Mỹ như tờ *Họa báo thể thao*, được Mỹ coi đó là đáp ứng 'hàm lượng Canada', Mỹ đe dọa sẽ trả đũa ở tất cả các lĩnh vực khác. Ví dụ, Mỹ có thể áp dụng thuế lên tới 4 tỷ USD đối với các sản phẩm như thép, gỗ, áo quần, chiếu theo một điều khoản ghi trong Hiệp định tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA), theo đó Hoa Kỳ có quyền trả đũa ở bất cứ lĩnh vực nào nếu Canada vi phạm quyền bảo vệ nền văn hóa của mình.

Christopher Sands, thuộc Trung tâm nghiên cứu chiến lược quốc tế cho rằng đường lối cứng rắn của Mỹ đối với Canada có hai lý do. Thứ nhất, bất cứ ngoại lệ nào dành cho Canada cũng sẽ trở thành tiền lệ tiêu cực cho các nước khác, đặc biệt là các nước thuộc Thế giới thứ ba, nơi bảo vệ văn hóa chỉ mới nổi lên thành một chủ đề. Oasinhton muốn tiến hành một cuộc chiến tranh tổng lực trên một lĩnh vực mà về cơ bản chẳng tốn lao gì, bởi vì phải lấy Canada làm một bài học cho các nước khác muốn bảo vệ văn hóa.

Sands nói rằng Hoa Kỳ vẫn hết sức giận dữ về vai trò của các công dân Canada và những người bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trong việc kích động quốc tế chống đối Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) do OECD đưa ra. "Điều làm cho các

nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ bàng hoàng là các luận cứ của Canada được vang vọng ở châu Âu và cả châu Á. Trong một thế giới ngày càng nhỏ đi mà tư tưởng thì lan nhanh, khi Canada lo ngại hiệp định đầu tư sẽ dẫn tới bá quyền văn hoá lớn hơn của Mỹ thì nỗi lo đó cộng hưởng trên khắp hành tinh. Bài học đối với các nhà thương lượng mậu dịch Hoa Kỳ: phải coi chừng tấm gương tây liệt của Canada”.

Lý do thứ hai là bên trong nước Mỹ đã hình thành một ‘mặt trận thống nhất’ bao gồm các công nghiệp giải trí, các phương tiện truyền thông, công nghệ thông tin để chống chủ nghĩa bảo hộ văn hóa. Các công ty như Time-Warner và Disney có những ông bạn tai to mặt lớn trong Nhà Trắng và đòi Capitol nên họ muốn tiếp tục như hiện nay.

Vòng thiên niên kỷ của WTO

Vòng thiên niên kỷ của WTO được dự tính sẽ khởi động những cuộc thương lượng mới về lĩnh vực viễn thông, bao gồm tất cả những công nghệ mới kể cả Internet và Digital, và như vậy vấn đề văn hóa lại nằm trên bàn nghị sự. Các cuộc đàm phán toàn cầu về phi điều tiết phát thanh và truyền hình cũng được dự tính bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng 2000, cho nên lĩnh vực này cũng có thể được thảo luận tại Vòng thiên niên kỷ. Các tài liệu của WTO cho thấy cuộc thảo luận trong lĩnh vực này bao gồm “sự tiếp cận và nguyên tắc có đi có lại của các thị trường trong nước và nước ngoài”, có thể dẫn đến việc các quốc gia phải từ bỏ phát thanh và truyền hình công cộng, chấm dứt việc kiểm soát trong nước, mở đường cho các công ty giải trí xuyên quốc gia chiếm lĩnh sóng truyền thanh truyền hình. Mĩa mai là trong lúc các tập đoàn Hoa Kỳ ra sức thúc đẩy phi điều tiết, thì Chính phủ Mỹ lại bảo vệ lĩnh vực phát thanh và truyền hình của mình ở NAFTA và WTO, với lý do “vì sự cần thiết của an ninh quốc

gia”.

Cuối cùng, từ một sáng kiến của Mỹ, Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã được đặt dưới quyền tài phán của WTO, để kịp cho Vòng thiên niên kỷ Siaton. Điều này có nghĩa là nay WTO có thẩm quyền phán quyết về bằng sáng chế, thương hiệu, và cực kỳ quan trọng là luật bản quyền. Điều đó cho phép Mỹ, chẳng hạn, biến đe dọa thành sự thật như phản đối đạo luật về bản quyền của các nước khác, như Canada, để đòi bồi thường cho các nghệ sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ bị sao chép mà không được nhuận bút.

Một số nước, lo lắng trước mối đe dọa đang hiện lên về vấn đề văn hóa, đã họp nhau lại để chia sẻ chiến lược hành động. Canada khởi kiến một hội nghị vào mùa Xuân 1998 với sự tham dự của hơn một chục nước, bao gồm Hy Lạp, Pháp và Mêhicô. Họ thoả thuận sẽ gặp lại trước Hội nghị Siaton. Hoa Kỳ không được mời tham dự hội nghị này. Chủ đề văn hóa sẽ tạo nên một cơ hội cho các công dân tác động tới chính phủ của mình để có một lập trường cứng rắn tại Vòng thiên niên kỷ WTO. Đó là một cơ hội chúng ta phải nắm lấy.

Phần thứ tư
Con đường phía trước

Chương XIV

Ba năm để WTO thực hiện toàn cầu hoá

Chủ quyền quốc gia bị đe dọa đến mức độ nào

Dưới tác động của toàn cầu hoá và việc khẳng định 'quyền can thiệp', chủ quyền của các quốc gia đang bị xói mòn mà cuộc tấn công của NATO vào Kosovo là một minh hoạ nổi bật. Tiến trình này khởi đầu bằng sự ra đời của quyền con người và quyền chiến tranh, từ các Hội nghị hoà bình 1899 và 1907, đặc biệt là các công ước Geneva năm 1949, đã mở rộng ra ở nhiều lĩnh vực khác, chẳng hạn trong kinh tế. Tuy nhiên, khi quyền lực của mọi nhà nước dường như khó tránh khỏi bị tác động, thì sự phân rã nguyên tắc chủ quyền ở mỗi nước lại có mức độ khác nhau. Nếu sự xuất hiện của một trật tự kinh tế thượng đẳng - dựa trên ưu thế của thị trường và được các thiết chế quốc tế mà trước hết là WTO, vừa vô trách nhiệm vừa đồng lõa bảo vệ, là hiển nhiên, thì không thấy có chỗ cho vấn đề xã hội và môi trường. Việc xây dựng công pháp quốc tế đã quên bằng các 'tội ác' kinh tế và tài chính, trong lúc đó thì Hiến chương Liên hợp quốc được người ta áp dụng một cách tùy tiện.

Susan George¹

Bất chấp chiến thắng của Hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) - nhờ việc Pháp rút lui khỏi các cuộc đàm phán vào cuối tháng 10 năm 1998 - có nhiều vấn đề còn tồn tại. Tại sao các chính phủ lại sẵn sàng ký bản hiệp ước đầy tai tiếng này và từ bỏ nhiều lĩnh vực lớn thuộc chủ quyền của họ mà đổi lại không hề có được lợi thế rõ ràng nào. Có lẽ sự lý giải duy nhất là, như

1. Chủ tịch Tổ chức Quan sát toàn cầu hoá, Paris; Giám đốc liên kết Viện xuyên quốc gia, Amsterdam.

Mác và Ăngghen nói, “chính quyền nhà nước hiện đại chỉ là một uỷ ban quản lý những công việc chung của toàn thể giai cấp tư sản”.²

Giai cấp ‘tư sản’ này, mà hiện thân là các công ty công nghiệp và tài chính xuyên quốc gia, thông qua hoạt động của các lực lượng vận động hành lang hùng hậu, đã buộc ‘quyền lực nhà nước’ phải chú ý lắng nghe. Trong số này, Phòng thương mại quốc tế (ICC) có một vị thế đặc biệt, tự xưng là “cơ quan đại diện duy nhất có thẩm quyền phát ngôn thay mặt cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực từ khắp mọi nơi trên thế giới”.³ Những đòi hỏi của ICC đều được chuyển trực tiếp cho các nguyên thủ quốc gia. Mọi vấn đề liên quan tới châu Âu và thương mại, bao gồm cả các cuộc thương thuyết tại Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đều do ông Léon Brittan, một uỷ viên Uỷ ban châu Âu đã xin từ chức, chịu trách nhiệm.

Ông này xem ra chưa hề biết gì về việc ông ta sắp bị bãi nhiệm và vẫn tiếp tục là phát ngôn viên cho chính phủ tất cả các nước thuộc Liên minh châu Âu. Chính phủ các nước này đã chấp nhận việc đánh mất chủ quyền trong thương mại và các lĩnh vực khác, vì họ cho rằng những lợi ích của sự hợp tác lớn hơn những gì hạn chế trường hoạt động của họ. Song hợp tác là một chuyện, việc lựa chọn một người tự do cực đoan kế vị Margaret Thatcher làm phát ngôn viên hoàn toàn là chuyện khác. Trong trường hợp của WTO, người ta đang thấy một cuộc chạy đua thực sự để trấn lột chủ quyền quốc gia, một cuộc liên

2. C. Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.599.

3. Tuyên bố của ICC thay mặt cho giới doanh nghiệp quốc tế gửi các nguyên thủ quốc gia tham dự Hội nghị thượng đỉnh Cologne, 18-20 tháng Sáu tại Pari. *Kinh doanh và nền kinh tế toàn cầu*, 11 tháng Năm 1999; xem thêm ICC, *Các ưu tiên thương mại quốc tế cho Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ hai của WTO*, tài liệu 103/202, 3 tháng Tư 1998.

hoan của sự tước đoạt, đẩy lùi mọi triển vọng xã hội và chính trị của châu Âu.

Ông Brittan đang tìm kiếm một thứ giống hệt như ICC - một thể giới tự do thương mại chi phối hoàn toàn. Các quan điểm của ông Brittan và ICC về Hội nghị cấp bộ trưởng WTO tại Siaton vào tháng Mười một tới đều tương tự như nhau, cả về hình thức lẫn nội dung.⁴ Ở thời điểm hiện nay, chính phủ các nước châu Âu 'có chủ quyền' của chúng ta đã thích thú rạp mình trước những quan điểm này, làm cho chúng trông ngỡ ngợ như kiểu một uỷ ban hoàn hảo mà Mác và Ăngghen đã nói.

Cặp bài trùng Brittan/ICC cho rằng nên tiếp tục tự do hoá nông nghiệp. Điều này sẽ đe dọa tương lai của các cộng đồng nông thôn. Những cộng đồng nghèo nhất có thể sẽ mất quyền kiểm soát tình trạng an ninh lương thực. Hiệp định về Sở hữu trí tuệ - dưới tiêu đề TRIPs (các lĩnh vực liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ) bao gồm cả việc 'cấp bằng sáng chế các sinh thể' - cũng sẽ được đưa ra thảo luận tại Siaton.

Kém nổi tiếng hơn hai chương trình này là Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ (GATS), cũng là một nội dung trong chương trình nghị sự. ở đây, Léon và ICC đang tìm cách "phá dỡ mọi rào cản quy định trong nước đối với nhiều loại dịch vụ" để "tăng số lượng và cải thiện chất lượng cam kết của các nước về sự tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia".⁵ Các dịch vụ cần mở

4. So sánh các văn bản của ICC nói tới trong Chú thích 3 với các văn bản của Uỷ ban châu Âu (tức là Léon Brittan) ghi chú cho Uỷ ban 113, ngày 26 tháng Tư 1999, Hội nghị không chính thức của các Bộ trưởng thương mại EU, Berlin ngày 9-10 tháng Năm 1999; và Léon Brittan, *Đóng góp của Vòng thiên niên kỷ của WTO vào quá trình toàn cầu hoá và quan điểm của EU*, tham luận tại diễn đàn Herbert Batliner, "Châu Âu trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, trật tự kinh tế và luật pháp quốc tế", Vienna, 29 tháng Tư 1999.

5. ICC, *Kinh doanh và nền kinh tế toàn cầu*.

cửa cho đầu tư nước ngoài trên phạm vi toàn thế giới, vì theo như được hiểu, hiệp định này sẽ bao gồm cả “sự hiện diện về mặt thương mại” và “sự đi lại của các thể nhân” nhằm thực hiện dịch vụ nói trên. Chúng ta có thể sẽ đặt câu hỏi: điều đó thì có gì không ổn? Đây là triển vọng tốt đẹp cho các công ty của chúng ta. Song liệu các chính phủ có biết đến những mất mát về quyền chấp chính của họ hay không?

‘Dịch vụ’, một nội dung sắp được đưa vào khuôn khổ WTO, chiếm tới hàng ngàn tỉ đô la trong tổng trị giá giao dịch thương mại. Thuật ngữ xem ra có vẻ vô hại này có mặt ở hầu hết mọi hoạt động có thể có của con người: phân phối, bán sỉ, bán lẻ và cấp đăng ký kinh doanh; xây dựng, kiến trúc, trang trí, bảo trì; cơ khí dân dụng, công nghiệp và các ngành cơ khí khác; các dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; nghiên cứu và phát triển; các dịch vụ bất động sản, cho thuê, mua trả góp; liên lạc, dịch vụ bưu chính, viễn thông và nghe nhìn, công nghệ thông tin; du lịch và lữ hành, khách sạn, nhà hàng; các dịch vụ môi trường bao gồm xây dựng và bảo trì đường bộ, thu gom rác, xử lý chất thải, cung cấp nước sạch, bảo vệ cảnh quan và quy hoạch đô thị; các dịch vụ vui chơi, văn hoá và thể thao, gồm cả giải trí, thư viện, hồ sơ lưu trữ và hệ thống bảo tàng; xuất bản, in ấn, quảng cáo; giao thông bằng mọi phương tiện, kể cả hàng không; và giáo dục (tiểu học, trung học, đại học và giáo dục cho người lớn) và chăm sóc sức khoẻ cho người và động vật. Tổng cộng lĩnh vực dịch vụ bao quát tới trên 160 tiểu lĩnh vực và hoạt động.⁶

6. Tác giả cảm ơn các đồng nghiệp tại WTO đã cung cấp tài liệu *Tiến trình cam kết cụ thể, Cộng đồng châu Âu và các quốc gia thành viên, GATS/SC 31* và các số tiếp theo, 14 tháng Tư 1994.

Tư nhân hoá ngành y tế

Các nước thành viên của Liên minh châu Âu chỉ có tới đa vài chục công chức đang nghiên cứu những vấn đề này nhưng trong mọi trường hợp đều nằm trong giới hạn quy định của Ủy ban châu Âu. Trong khi đó, Mỹ có tới hàng trăm hàng ngàn chuyên gia được trang bị đầy đủ nhất để tự do hoá toàn bộ dịch vụ trong mọi lĩnh vực.

Đại diện thương mại đặc biệt của Mỹ (USTR), Charlene Barshefsky, người đã đem lại thắng lợi của Mỹ trong cuộc chiến về chuối, các sản phẩm biến đổi gen và bò thịt nuôi bằng thức ăn có hoóc môn. Hiển nhiên là Charlene làm việc vì lợi ích của các doanh nghiệp Mỹ. Vì thế, Charlene đã yêu cầu họ liệt kê những đòi hỏi của họ đối với Hội nghị Siaton. Yêu cầu này được Liên minh các ngành công nghiệp dịch vụ đáp ứng bằng một tài liệu chi tiết dài 31 trang.⁷

Không phải toàn bộ mấy chục ngành dịch vụ kể trên đã được tổ chức lại để giành được những nhượng bộ thông qua WTO. Cũng không phải những lĩnh vực đã liệt kê đều là đối tượng của tham vọng từ phía Mỹ, ít nhất là chưa phải như thế. Tuy nhiên, ngành y tế của châu Âu là mục tiêu đặc biệt của sự thềm muốn. Chi phí cho ngành này sẽ tăng rất cao do sự gia tăng của nhóm người cao tuổi, nhóm sử dụng dịch vụ chăm sóc y tế nhiều nhất. Liên minh các công nghiệp dịch vụ tin chắc rằng họ sẽ “có thể thúc đẩy các cuộc thương thuyết để tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Mỹ mở rộng hoạt động vào thị trường dịch vụ y tế nước ngoài”.

Thật đáng tiếc là theo Charlene, cho đến nay, “các dịch vụ

7. Liên minh các ngành công nghiệp dịch vụ, Dịch vụ 2000, Tài liệu đăng ký của USTR, Phúc đáp Thông báo đăng ký của Liên bang, 19 tháng Tám 1998 [Tài liệu của FR 98-22279].

chăm sóc sức khoẻ ở nhiều nước chủ yếu vẫn là trách nhiệm của khu vực công... [gây] khó khăn cho các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tư nhân của Mỹ trong việc chiếm lĩnh các thị trường nước ngoài”. Song WTO gợi mở một lối thoát. Trong số những ‘rào chắn’ mà Barshefsky đang trông đợi sẽ giúp đỡ đỡ bỏ là “hạn chế việc cấp phép hành nghề cho các chuyên gia y tế” và “các quy định quá nghiêm ngặt về sự kín đáo và riêng tư”.

Những mục tiêu đàm phán của bà Barshefsky bao gồm “khuyến khích tư nhân hoá hơn nữa” và “xử tiên cải cách các quy định theo hướng cạnh tranh”. Liên minh còn muốn có cả “sự tiếp cận thị trường và quy chế đối xử quốc gia cho phép cung cấp mọi dịch vụ y tế vượt qua biên giới” cũng như “thừa nhận quyền của nước ngoài sở hữu đa số cổ phần trong các cơ sở y tế”. Để chốt cho chặt, dịch vụ y tế phải được đưa vào các quy định của WTO về mua sắm của chính phủ để các công ty nước ngoài có thể tham gia đấu thầu tất cả các hợp đồng của chính phủ trong lĩnh vực này.⁸ Nếu một thoả thuận về việc cung cấp những dịch vụ y tế này được thảo luận và ký tại WTO, chúng ta có thể nói lời tạm biệt các hệ thống chăm sóc y tế ở châu Âu.

Ngoài chương trình nghị sự đã được thông qua, ICC, ông Léon và các chính phủ của chúng ta đều có nhiều mục tiêu khác. Trước hết là việc bãi bỏ các loại thuế quan công nghiệp hiện hành, một đòi hỏi mang tính cổ điển. Thứ đến là “thương mại thuận lợi”, nhằm “làm hài hoà, hiện đại hoá và đơn giản hoá” những thủ tục hải quan quan liêu và lạc hậu, mà nếu được thực hiện sẽ có nghĩa là giảm bớt nhiều sự kiểm soát và thanh tra. Tiếp theo là vấn đề mua sắm của chính phủ, chiếm tới 15 phần trăm GNP trở lên của bất kỳ nước nào. Những thị trường này phải được mở cửa cho các nhà cung cấp từ mọi nơi trên thế giới theo cái nguyên tắc thiêng liêng là đối xử quốc gia. Ông

8. *Dịch vụ 2000*, tr.14-16.

Brittan và ICC cũng tìm kiếm một thoả thuận pháp lý về chính sách cạnh tranh đòi hỏi phải xây dựng một khung pháp lý có tính ràng buộc của các quy tắc quốc tế.

Những người ủng hộ MAI có thể yên tâm: một thoả thuận về đầu tư vẫn chưa bị bỏ quên đâu. Từ khi thoả thuận này bị gạt bỏ tại OECD, ông Léon đã làm rùm beng ở khắp mọi nơi rằng ông ta luôn luôn ủng hộ WTO với tư cách là một “hệ thống các quy tắc quốc tế hoàn chỉnh”. Cuối cùng, WTO nên đề cập vấn đề môi trường vì thực tế vẫn còn đó những bất bình đẳng và đôi khi mâu thuẫn giữa các quy tắc của WTO và nội dung của các Thoả thuận đa phương về môi trường (MEA) liên quan tới các vấn đề: thay đổi khí hậu, tầng ôzôn, đa dạng sinh học, chất thải độc hại, các loài động vật, thực vật bị đe dọa tuyệt chủng... Có một câu hỏi đơn giản đặt ra cho các chính phủ của chúng ta là: tại sao lại ký MEA để rồi lại phải đưa ra xem xét tại WTO?

Môi quan tâm đột nhiên đối với môi trường này khiến cho người ta phải cảm kích, vì cho đến nay phán quan của WTO luôn đưa ra phán quyết cho mọi tranh chấp có liên quan tới môi trường hoặc y tế công cộng mà chẳng bao giờ chú ý đến các khía cạnh môi trường hay y tế cả, như trong vấn đề bò được bổ sung hoóc môn. Lớp kem phủ lên chiếc bánh môi trường chính là Hiệp định về lâm sản đang được chuẩn bị. Hiệp định này sẽ loại bỏ mọi rào chắn trong hoạt động buôn bán các sản phẩm khai thác từ rừng và tháo dỡ mọi cản trở đối với việc khai thác rừng. Barshefsky trước đây từng vận động cho ngành công nghiệp chế biến gỗ của Canada; còn hiện nay bà lại chịu sự cố vấn của các công ty xuyên quốc gia kinh doanh các sản phẩm gỗ và giấy lớn nhất của Mỹ.⁹

Những biện pháp này - chương trình nghị sự ‘cài đặt sẵn’ cùng với toàn bộ những nội dung mới - đã được ông Léon ‘đặt

9. Để có thêm thông tin, các bạn có thể liên hệ với Mark Valliannatos: M. Valliannatos@foe.org.

tên thánh' là Vòng thiên niên kỷ. Ông Léon coi như nó đã được thông qua. ICC và chính phủ các nước G7 cũng nghĩ như vậy. Ông này khẳng khái đề nghị 'giải pháp trọn gói', tức là "các nước tham gia đều phải chấp nhận toàn bộ kết quả của các vòng đàm phán, chứ không được lựa chọn".

Ông Léon muốn đưa rất nhiều vấn đề vào chương trình nghị sự của WTO để cùng đàm phán một lúc: "Những vấn đề khó khăn đối với một số nước nhưng lại quan trọng đối với những nước khác không thể để bị cách ly và bế tắc mà phải được tính toán như là một bộ phận của lợi ích chung mà mỗi thành viên của WTO có thể thu được khi chịu nhân nhượng lẫn nhau".¹⁰

Chương trình không lồ này vốn đã khó quản lý ngay cả đối với các nước phát triển, thực sự là quá sức đối với các nước đang phát triển. Rất nhiều nước đang phát triển không có đại diện thường trực tại WTO; một số sử dụng chung một đại sứ. Ngay cả những nước lớn ở phương Nam cũng thiếu những người có đủ trình độ để theo dõi các cuộc đàm phán phức tạp và liên tục trên hàng loạt các vấn đề. Tuyên bố của Thủ tướng Pháp, Lionel Jospin, mà theo đó WTO là "một điểm hẹn dân chủ hơn" so với OECD vì nó có các nước phương Nam là thành viên, không hề đề cập những thực tiễn này. Trong thực tế, 'bộ tứ' (Mỹ, EU, Canada và Nhật bản) sẽ tiếp tục áp đặt ý chí của họ và Mỹ, với đội ngũ chuyên gia tay nghề cao, sẽ có ảnh hưởng lớn hơn tất cả.

"Đừng lo, mọi thứ đều được kiểm soát", các viên chức nhà nước của chúng ta, khi đề cập vấn đề chủ quyền của nhà nước, nhất định sẽ trả lời như vậy. Song thực sự chúng ta cần cái gì ở châu Âu lại là một loại 'chỉ số đấu tranh' với các giá trị từ một đến mười nhằm xác định các chính phủ của chúng ta sẵn sàng bảo vệ cái gì, vì rõ ràng họ sẽ không có khả năng bảo vệ tất cả

10. Léon Brittan, *Đóng góp của Vòng thiên niên kỷ của WTO vào quá trình toàn cầu hoá và quan điểm của EU*.

mọi lợi ích của nhân dân được. Vậy thì, thưa các đại biểu tham gia đàm phán, nó phải là cái gì? Y tế hay tầng lớp tiểu nông? Thịt bò nuôi bằng thức ăn có chứa hoóc môn hay nạn phá rừng? Quyền sở hữu các phương tiện nghe nhìn hay việc tôn trọng Công ước Lomé, nay đang bị gần như vô hiệu hoá vì quyết định liên quan tới mặt hàng chuỗi đang tranh chấp? Trong thế giới toàn cầu hoá này, bạn phải biết bạn muốn đấu tranh cho cái gì.

Các chính phủ nên quyết định nhanh chóng, vì toàn bộ thỏa thuận này có thể bị gói ghém lại trong vòng ba năm tới. Tại sao phải vội vàng? Rất đơn giản là: “các quy tắc đa phương cần phải đáp ứng được với thực tiễn và nhu cầu kinh doanh sôi động của thị trường toàn cầu”.¹¹ Như tất cả chúng ta đều biết, yêu cầu của doanh nghiệp được đặt trước yêu cầu của công dân - do đó phải tăng tốc cực đại cho điểm đích là tháng Giêng 2003.

Cho đến nay, quan điểm về ‘tính toán lợi ích chung’ và ‘có đi có lại’ vẫn chưa gây tranh cãi gì trong dư luận. Tuy nhiên rất cần có sự tranh luận như thế, vì xã hội dân sự không hề muốn bị điều hành bởi một ‘ủy ban’ của các công ty xuyên quốc gia, và sẽ phản đối mạnh mẽ bất kỳ sự mở rộng quyền lực nào cho WTO. Xã hội dân sự muốn tham gia đánh giá toàn diện về tổ chức này.¹² Tính cấp bách thực sự là ở việc phải mất thời gian để kiểm tra những ảnh hưởng hiện tại và có thể có trong tương lai của WTO và những mục đích của nó. Nếu không các nhà nước có chủ quyền sẽ không còn gì để nói hay thực hiện nữa.

11. ICC, *Kinh doanh và nền kinh tế toàn cầu*, tr. 5.

12. Tuyên bố của các thành viên xã hội dân sự quốc tế phản đối Vòng thiên niên kỷ, do 600 tổ chức thuộc 75 nước ký giữa tháng Năm 1999.

Chương XV

Thương mại công bằng**Định nghĩa thương mại công bằng¹****Pauline Tiffen**

Trong khi những ước tính thương mại công bằng chỉ mới chiếm một tỷ lệ cón con trong tổng thương mại - từ 300 đến 500 triệu USD một năm - thì rõ ràng phương thức mua bán này đã được sự hưởng ứng và thừa nhận thực sự của công luận, bao gồm cả người kinh doanh, các cá nhân và các thiết chế. Các định nghĩa về thương mại công bằng do nhiều tổ chức quan tâm đến nó đưa ra khá đa dạng. Nhưng sự nhấn mạnh chủ đạo kể từ khi phong trào tìm kiếm một phương thức mua bán khác xuất hiện trong những năm 1960 là vấn đề phân phối, cụ thể là thương mại công bằng liên quan tới việc bảo đảm cho chủ thể sản xuất - người nuôi trồng hay người làm nghề thủ công - có được giá cả cao hơn cho sản phẩm của họ, và có được một giá tối thiểu khi giá hàng

1. Trích bài *Liên kết với nhau: Vấn đề tiêu dùng trong thực tiễn mới* của Pauline Tiffen, Giám đốc Mạng lưới thông tin Thế giới thứ ba (TWIN) và là nhà nghiên cứu thuộc Viện nghiên cứu xuyên quốc gia, Amsterdam, Hà Lan.

trên thế giới xuống thấp hoặc khi kỹ năng và khả năng của họ bị đánh giá thấp một cách có hệ thống.

Một số các tổ chức khác đưa ra các tiêu chí phát triển: đáng chú ý là các tiêu chí về phương pháp sản xuất không ảnh hưởng xấu đến môi trường và sinh thái, hỗ trợ cho người sản xuất phát triển, và khuyến khích người sản xuất nhỏ kiểm soát các tổ chức xí nghiệp hoặc hợp tác xã để tăng cường sự hiện diện của chúng trên thương trường. Để xác nhận các sản phẩm đáp ứng tiêu chí sinh thái hoặc môi trường, các tổ chức điều phối như Liên đoàn quốc tế các phong trào vận động cho nông nghiệp hữu cơ (IFOAM) đã thảo luận từng bước để đưa các tiêu chí có định hướng xã hội hơn đối với cây trồng và các quan niệm về phương pháp canh tác. Tổ chức Mạng lưới thông tin Thế giới thứ ba (TWIN) thì tập trung vào khả năng đáp ứng cả hai phương diện, sự thay đổi về kinh tế và tác động tới thế giới bên ngoài, nhằm nâng cao nhận thức, khả năng tiếp cận và sử dụng thông tin, các biện pháp phát huy sáng kiến thông qua mạng lưới và quan hệ đối tác, các phương pháp tiếp cận dài hạn đối với vấn đề phát triển sản xuất một cách có trách nhiệm với xã hội và môi trường, các doanh nghiệp tồn tại lâu dài và chịu sự giám sát của xã hội.

Điều rõ ràng là 'phía cung' trong thương mại thế giới bao gồm nông dân và công nhân nằm trong thế yếu: họ là những người sản xuất nguyên liệu thô hoặc là những công cụ để lắp ráp trong dây chuyền sản xuất các hàng hóa cơ bản; số lượng của họ tăng nhưng vị thế thương lượng của họ giảm đi trước thực tiễn của thị trường toàn cầu. Họ không có được mấy sự ủng hộ về thiết chế. Tiêu thụ một cách có đạo đức - một con đường lành mạnh của nền kinh tế thế giới - dường như bị chi phối bởi hai lực lượng định hướng chính. Trước hết, nó làm cho người dân phải đứng ngoài lề. Khắp nơi trên thế giới, các nhu cầu, đòi hỏi và bất công được khắc họa và mô tả cụ thể. Và chúng được

đáp ứng một cách cấp thời bởi các tổ chức thứ hai, các TCPCP, các tổ chức có phương thức kinh doanh khác và cả một số nhà kinh doanh truyền thống. Ý thức và đòi hỏi của người tiêu dùng cũng đột phá vào thị trường ồn ã của lối kinh doanh truyền thống: khí hậu thay đổi và mặt trời thiêu đốt, trẻ em khâu bóng và giày đá banh, phụ nữ lao động gần như nô lệ trên những dây chuyền lắp ráp các chip điện tử, những xí nghiệp sản xuất đồ chơi rất đáng yêu nhưng không bảo đảm an toàn lao động, tình trạng ô nhiễm và nhiễm độc hóa chất, động vật và thực vật biến đổi gen hoặc sinh sản vô tính. Tất cả những cái đó đã làm cho bức tranh của những người được quyền tiêu dùng thoải mái, không chịu bất cứ 'giới hạn' hay kiểm soát nào, không còn nguyên vẹn nữa.

Hiện vẫn còn nhiều cuộc tranh luận về các con đường để giải quyết những vấn đề đó, đặt ra ngoài vòng pháp luật những tập quán xấu và khuyến khích những thông tục tốt. Phạm vi các sản phẩm và tập tục cần xem xét vẫn còn hẹp: lâm sản, cây trồng và sản phẩm truyền thống, tiền lương của lao động ở các doanh nghiệp. Những đòi hỏi 'phải làm gì' và 'phải thay đổi như thế nào' tất nhiên có khác nhau và có hàng loạt vấn đề rắc rối cụ thể phải tính đến đối với một sản phẩm hoặc cả một lĩnh vực, chẳng hạn sự khác nhau về địa lý hoặc văn hóa (xem phần nói về cafedirect dưới đây). Tuy nhiên, nhìn chung các đòi hỏi là nhằm thay đổi thái độ đối với người nuôi trồng và nhà chế biến, từ chỗ không để cho những người đó dính líu gì, hoặc vô can trong mô thức kinh tế và thương mại thịnh hành, đến chỗ xử sự đẹp hơn với người sản xuất, tạo cho họ cơ hội thiết lập quan hệ đối tác. Điều này đã trở nên khả thi theo cách trước đây không thể hình dung nổi, với công nghệ thông tin và truyền tải mới, từ chiếc máy fax nay đã trở nên quá khiêm tốn đến Internet nổi lên hùng mạnh, đều có thể phục vụ cho mục đích đó.

Động lực để phát triển các tổ chức thương mại công bằng là

nỗi khát khao tìm kiếm một lối đi mới để cống hiến cho tiến trình phát triển, nhằm thành đạt được sự phát triển nhân lực một cách bền vững và thực sự giảm được đói nghèo. Cà phê là sản phẩm trụ cột của sự phát triển phong trào thương mại công bằng. Đó là một sản phẩm chín muồi cho sự trao đổi nhiều hơn giữa con người đậm nét nhân văn. Cà phê chất lượng cao tùy thuộc vào sự nuôi dưỡng đất, chăm bón cây, và kỹ năng canh tác. Các tiểu nông cùng gia đình và hàng xóm trồng trọt một vài mẫu đất, xen canh với cây ăn quả để có tán che phủ, cộng thêm những cây chắn nắng để có lương ăn, là một trong những hình thức canh tác phổ biến nhất ở tất cả các quốc gia nhiệt đới, nơi duy nhất cà phê được trồng. Phương thức canh tác này, có khi được gọi là 'cà phê bóng râm' khác hẳn với các đồn điền là những nơi đất đai được khai quang, sản xuất được thâm canh hơn, đất đai không mấy khi được nghỉ và được tồn tại bằng phân hóa học và các đầu vào khác.

Quan hệ đối tác của thương mại công bằng tạo điều kiện cho nông dân bảo vệ được quyền lợi của mình. Nó giúp cho nông dân tránh được bợn cho vay cắt cổ, giúp họ tổ chức nhau lại, mở rộng tầm nhìn ra khỏi cổng làng, nắm bắt thông tin về giá cả của Niu Yoóc bằng các máy thu thanh của cộng đồng, và mang theo các hợp đồng chắc chắn ký với những nhà nhập khẩu phương Bắc, họ bước vào các ngân hàng hoặc các trụ sở hành chính để được phục vụ, không còn mặc cảm với thân phận hay sắc tộc nữa. Đối với những khách hàng bận rộn hàng ngàn dặm xa cách, có lẽ họ không thể ngờ rằng cái chuyện đơn giản mua một món hàng ưa thích lại có thể là một bộ phận của quá trình cải biến xã hội đến như vậy. Nó cũng làm cho người ta hiểu ngày một sâu sắc hơn và cuối cùng trở thành kinh nghiệm chung của mỗi người khiến cho họ lo lắng về ý đồ và hành vi của những đại công ty mà họ phải phụ thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, hoạt động của những người làm thương mại công bằng - các nhà sản xuất và người tiêu dùng - có thể đang tham gia vào một thách thức rộng lớn hơn cho tương lai, được UNDP định nghĩa là một nhu cầu được thực hiện 'bởi người nghèo' thay vì 'cho người nghèo'. Thương mại công bằng đòi hỏi một phía là sự nhận thức và sức mua phải theo định hướng mới, và một phía khác là phải gắn liền một cách hiệu quả với việc tổ chức và phát triển sản xuất theo một phương thức mới là sự nhấn mạnh vào 'lợi ích hỗ tương', không rõ ràng bằng nhưng là hiển nhiên trong các mô thức thương mại mới. Đó là sự cần thiết phải phối kết và tôn trọng phẩm giá giữa các nền văn hóa và các giai cấp khác nhau, mà ở đó có thể phản ánh sự khác biệt giữa các thể hệ, và cũng ở đó chủ nghĩa quốc tế mới được vun trồng bằng bản chất toàn cầu hơn của kinh tế và văn hóa thế giới, ý thức rộng rãi hơn trong lớp trẻ về những vấn đề môi trường đang ảnh hưởng đến sinh thái của hành tinh. Đó là điềm lành. Nó chỉ cho chúng ta một con đường thay thế lành mạnh đặt trên cơ sở của sự công bằng và một hệ thống các giá trị dựa trên những nhu cầu và các mối quan tâm của con người, vượt lên trên những luật lệ kinh tế hiện hành và có thể dẫn đến một tiến trình khác.

Người uống và người trồng cà phê cùng có lợi

Thương mại công bằng trong thực tiễn

Humphrey King²

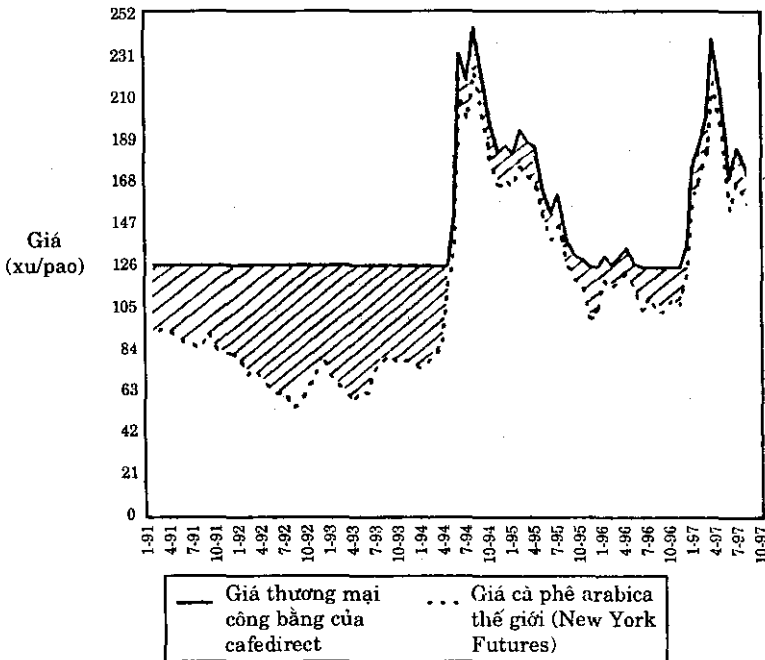
“Chúng tôi cố gắng thiết lập quan hệ mật thiết với người tiêu dùng. Thông qua các tổ chức, họ đến với chúng tôi, trả cho chúng tôi giá cả phải chăng, và nhờ đó chúng tôi có thể phát triển tốt. Những người tiểu nông chúng tôi hiểu đó là một phương thức tốt - cả cho chúng tôi và cả cho người tiêu dùng. Đây là cách giúp chúng tôi trực tiếp được với người tiêu dùng, và chúng tôi làm hết sức mình để vừa lòng người tiêu dùng, cung cấp cho họ những sản phẩm tốt nhất. Với giá cả khá hơn, chúng tôi có thể cải thiện đời sống cho gia đình, có thể làm thêm được nhiều việc như nâng cao kỹ năng canh tác, sửa sang nhà cửa, chăm nom sức khoẻ, bảo đảm việc học hành cho con cái, và những việc khác” - **Froilan Guitierrez**, *Hợp tác xã COCLA, Pêru, ngày 30 tháng Năm 1997.*

Cafedirect bảo đảm cho người trồng cà phê được lợi hơn – thu nhập khá hơn, có ảnh hưởng hơn, và được an sinh hơn. Làm được như vậy là nhờ cafedirect trực tiếp mua cà phê của các hợp

2. Humphrey King, Giám đốc tiếp thị của cafedirect, bài đăng trong TWIN, 1998.

tác xã nhỏ, không thông qua trung gian. Việc mua bán công bằng này bao gồm trả cho người trồng cà phê giá cao hơn giá chuẩn của thị trường (gấp đôi giá thế giới từ giữa năm 1989 đến đầu năm 1994),³ đề ra giá sàn tối thiểu, trả tiền trước và cập nhật thường xuyên các biến động của giá cả thị trường - tạo điều kiện cho nông dân chọn được thời điểm tốt nhất để bán. Mỗi quan hệ thương mại này mang tính chất cam kết lâu dài và bao gồm sự hỗ trợ kinh doanh của hợp tác xã; ngoài phần điều kiện mua bán tốt hơn còn giúp hợp tác xã có tư thế tốt hơn trên thị trường tiêu chuẩn.

Sự khác biệt giữa giá cà phê cafedirect và giá cà phê thế giới 1991-1997



3. Xem biểu đồ kèm theo về giá cà phê Arabica thế giới từ năm 1985 đến nay. Đường cắt ngang từ điểm 126,000 cents (xu) một pao (453g) là giá tối thiểu mua bán công bằng. Khi giá thế giới cao hơn, cafedirect trả cao giá hơn cộng thêm 10 phần trăm tiền bảo hiểm xã hội. Cafedirect mua cà phê và giúp người sản xuất phát triển hoạt động thông qua công ty Twin Trading.

Tỷ lệ phần trăm người quen thuộc với thương hiệu	
Kenco	99 phần trăm
Lyons	98 phần trăm
Carte noire	81 phần trăm
Douwe Eg	79 phần trăm
Cafedirect	53 phần trăm
Taylors	38 phần trăm
Lavazza	31 phần trăm
Percol	26 phần trăm

Nguồn: RSGB Omnibus

Cafedirect ra đời năm 1991 do một liên minh các tổ chức thương mại có trụ sở ở Anh cùng chia sẻ quan điểm tìm kiếm một phương thức mua bán khác với quan điểm kinh doanh truyền thống vì lợi nhuận.⁴ Liên minh cố gắng giành một thị phần thích đáng cho phương thức thương mại công bằng trên thị trường cà phê ở Anh và hoạt động như một lực xúc tác công nghiệp để thúc đẩy những người trồng cà phê cải tiến phương pháp canh tác. Các sản phẩm cà phê của cafedirect có mặt hầu khắp các siêu thị nước Anh, chiếm khoảng 3 phần trăm cà phê rang (1 phần trăm tương đương với 4 triệu USD một năm), chừng 2 phần trăm cà phê hòa tan (1 phần trăm tương đương với 4 triệu USD một năm), và khối lượng bán ra tăng trưởng hàng năm gần 60 phần trăm trên các siêu thị hàng đầu.⁵

4. Bao gồm các tổ chức Equal Exchange, Oxfam, Traidcraft và Twin Trading.

5. Ví dụ, Tesco bán cà phê rang của cafedirect tăng 60 phần trăm so với năm trước; Sainsbury bán cà phê hòa tan của cafedirect tăng 57 phần trăm so với trước đó một năm.

Thương hiệu của *cafedirect* được biết rộng rãi.

Thành tích đạt được đây hứa hẹn đó trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt là nhờ có một quyết định chiến lược đúng đắn khi tạo nên thương hiệu mang tính đặc thù, để người mua nhận biết ngay chất lượng cao của sản phẩm và quan điểm gần người tiêu dùng với người làm ra sản phẩm, bảo đảm cho người sản xuất có thu nhập thỏa đáng hơn. Ngày càng có nhiều người thường xuyên dùng cà phê cảm thấy đây là một cách làm khác thường và có sức lôi cuốn.

Vào những ngày đầu, sản phẩm được bán qua các cơ sở mua bán công bằng như của các cửa hàng *Oxfam*, các cửa hàng bán buôn, và mạng lưới mua bán phân minh của *Traidcraft*. Thế nhưng nếu muốn tăng được khối lượng bán ra nhiều hơn thì *cafedirect* phải gia nhập và cạnh tranh với các thương hiệu khác trên các siêu thị chủ lưu. Ngay cả hiện nay một thách thức rất lớn đối với một công ty bị hạn chế về nguồn lực tài chính. Muốn thành công ở các siêu thị lớn, thương hiệu phải mau chóng được người tiêu dùng biết tới, được họ dùng thử, được tiếp tục mua trong bối cảnh có đối thủ cạnh tranh mạnh và có mạng lưới bán lẻ rộng rãi (nhờ chi tiêu nhiều về quảng cáo và khuyến mại). Công ty cũng đứng trước thách thức làm sao tranh thủ được những người tiêu dùng bận rộn và khó tính chịu bỏ tiền ra mua một thương hiệu mới chưa từng biết tới trong lúc đã có vô số những thương hiệu quen thuộc khác. Công ty còn phải làm sao được các cửa hàng bán lẻ lớn và có nhiều quyền lực của nước Anh chấp nhận khi thị trường không thiếu các thương hiệu lừng danh. Nếu sản phẩm bán ra không đạt tỷ lệ lợi nhuận cần thiết, thương hiệu này chẳng mong gì được chiếu cố trong chốn thương trường lạnh lùng, bạc bẽo.

Cafedirect giành được vị trí như hiện nay là nhờ sức mạnh của thương hiệu do mình tạo nên và sự ủng hộ rộng rãi trên toàn quốc của những người tiêu dùng và của các tổ chức công

tác phát triển. Cafedirect cũng chú ý tác động thị trường để người tiêu dùng biết tới và chịu mua sản phẩm của mình, thông qua quảng cáo, quan hệ công cộng và khuyến mại, nhưng chi tiêu trong những lĩnh vực này cho đến nay vẫn không đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh lớn.⁶

Cafedirect nhằm mục đích làm cầu nối giữa người tiêu dùng muốn thưởng thức cà phê ngon với người sản xuất cà phê hạt. Thông qua bản chất và ý nghĩa của thương hiệu cafedirect, chúng tôi tin tưởng rằng người tiêu dùng sẽ cảm nhận mình đang dự phần trực tiếp vào mối quan hệ công bằng và tốt đẹp hơn với những người trồng cà phê mà không nhất thiết phải nắm được hoàn toàn tất cả các chi tiết kỹ thuật trong quan hệ thương mại. Các nhóm nghiên cứu khẳng định những người tiêu dùng đã có được cái cảm giác đó ngay từ khi nghe được tên ‘cà phê trực tiếp’, phong cách quảng cáo của cafedirect trên báo chí (với chân dung người trồng cà phê chứ không phải các diễn viên xinh đẹp), hình ảnh người trồng cà phê trên bao bì sản phẩm, và lời giới thiệu trên quảng cáo hoặc trên ấn phẩm nói rõ “sản phẩm không qua trung gian” hay không qua ‘đầu nậu’ (trong nguyên bản ‘sói đồng cỏ’). Ý nghĩ được đối xử công bằng và được kính trọng có tiếng vang xa trong cộng đồng những người tiêu dùng.

Tiến bộ của cafedirect như hiện nay cần được đặt trong bối cảnh của những thay đổi về thái độ, chờ mong và đòi hỏi của người tiêu dùng. Những người tiêu dùng và các phương tiện truyền thông nay đặt ra nhiều câu hỏi cho người chế biến và cung cấp. Một số người tiêu dùng cảm thấy áy náy không được biết gì mấy thực phẩm họ sử dụng từ đâu đến. Những nỗi lo về bệnh bò điên (BSE), các vi khuẩn trong thức ăn như khuẩn sal-

6. Chẳng hạn, năm 1994 Công ty Nestle Anh quốc chi 30 triệu USD quảng cáo cho riêng sản phẩm cà phê.

monella, và mới đây là khuẩn lysteria trong phô mát khiến mọi người thêm quan tâm: thực phẩm được sản xuất như thế nào, có an toàn không, và ngày mỗi nhiều hơn, liệu có chấp nhận được về 'đạo đức' hoặc có 'trách nhiệm về xã hội' không (xét về sự đối xử với những người sản xuất ra các sản phẩm đó, về môi trường, về súc vật).

Những thay đổi đó trong thái độ của người tiêu dùng có nghĩa là hình mẫu cổ điển của thương hiệu truyền thống có lẽ không còn thích hợp nữa. Lấy ví dụ trường hợp của Procter & Gamble (P&G), công ty lớn nhất thế giới về đồ dùng trong gia đình. Công ty này đã thành công rất lớn với việc làm ra các sản phẩm tốt hơn nhiều so với sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh, và quảng cáo rất rầm rộ cho các sản phẩm đó. P&G là công ty quảng cáo cho các sản phẩm của mình lớn nhất thế giới. Nhãn hiệu điển hình của P&G thường là quảng cáo sản phẩm của mình có chất lượng cao và có lợi cho người tiêu dùng; giải thích tại sao lại có lợi; và kèm theo một đặc trưng của nhãn hiệu để tác động đến cảm quan của người tiêu dùng. Chẳng có gì thuộc về đạo đức hay trách nhiệm xã hội để thanh minh cho việc đưa một số các chất hóa học vào sản phẩm. Thương hiệu có tiếng tăm làm tăng giá trị của sản phẩm nhưng hiện nay đang có chiều hướng chính của người tiêu dùng muốn xác định lại 'giá trị' của sản phẩm theo một loạt đòi hỏi mới của người tiêu dùng, mà nếu đó là những đòi hỏi thực sự và kiên trì thì có thể làm thay đổi cung cách làm ăn của các công ty đứng đắn.

Những cuộc thăm dò gần đây của Gallup và DEMOS cho thấy vấn đề đạo đức là quan trọng đối với người tiêu dùng nước Anh. Năm 1996, kết quả thăm dò của Gallup cho thấy 67 phần trăm người lớn quan tâm đến lập trường đạo đức của công ty (như gây tai họa cho môi trường, quảng cáo không đúng sự thật, hoặc sản phẩm không an toàn), khi mua hàng, và 60 phần trăm người mua sắm muốn tẩy chay các sản phẩm hoặc các cửa hàng

vì lý do đạo đức. Cũng trong năm 1966, DEMOS điều tra thấy 66 phần trăm số người được hỏi cho rằng các công ty đa quốc gia không hài hòa giữa lợi nhuận và lợi ích công cộng. Gallup so sánh các dữ liệu năm 1968 với 1996 (xem Bảng 1 dưới đây) và nhận thấy đa số dân chúng tin rằng các tiêu chí chân thật, hành vi chung và cảm nhận yên tâm đang xấu đi, và đạo đức của các công ty suy giảm.

Tuy nhiên, cần thận trọng đối với việc đánh giá quá mức sự thay đổi trong tâm lý của người tiêu dùng. Nếu được quản lý tốt, các thương hiệu truyền thống vẫn rất được tin cậy, vẫn giành được sự trung thành của người tiêu dùng. Nghiên cứu gần đây của Trung tâm Henley⁷ (xem Bảng 2) cho thấy người tiêu dùng nước Anh tin cậy các thương hiệu nổi tiếng như Kellogg's, Cadbury's và Heinz còn hơn các thiết chế truyền thống như Nhà Thờ và Nghị viện.

Nghiên cứu trên đây cho thấy sức mạnh của thương hiệu và tại sao các công ty phải bỏ ra nhiều tiền bạc, công sức để phát triển chúng. Uy tín của thương hiệu phải được giữ gìn kỹ càng, phải được quản lý chặt chẽ để có thể xây dựng hoặc duy trì lòng tin của khách hàng. Chính vì vậy, các công ty cần nhắc rất kỹ

Bảng 1		
Tỷ lệ phần trăm thấy xấu đi	1968	1996
Tiêu chí chân thật	50	74
Tiêu chí hành vi	62	92
Không yên tâm	48	76
57 phần trăm người lớn cho rằng đạo đức của các công ty kém đi trong năm năm qua		
Nguồn: Gallup 1996		

7. Kế hoạch cho sự thay đổi xã hội 1998, xuất bản tháng Mười 1997.

Bảng 2**Tỷ lệ phần trăm đặt nhiều niềm tin vào**

Kellogg's	84
Cadbury's	83
Heinz	81
Nhà thờ	25
Nghị viện	10

Nguồn: The Henley Center 1997

mọi thay đổi về tiêu chí mà thông qua đó người tiêu dùng có thể phán xét họ.

Thành tích của cafedirect ở các siêu thị chỉ là một phần của mảng dữ liệu chứng minh cho những nhà bán lẻ và những nhà chế biến khác thấy rằng đang có một sự thay đổi đáng kể trong môi trường của người tiêu dùng, có ảnh hưởng lớn đến cơ hội kinh doanh nhưng cũng tiềm ẩn những mối đe dọa. Những thay đổi đó sẽ dẫn tới đâu thì chưa rõ ràng, nhưng cuối cùng thì sự phân tích về cân bằng các lợi ích theo cái lô gích thương mại lạnh lùng, căn cứ vào kết quả nghiên cứu người tiêu dùng, trắc nghiệm tiếp thị và quan sát thực tế các chiều hướng, sẽ quyết định thương mại công bằng có vị trí như thế nào trong các ưu tiên của người tiêu dùng, bên cạnh các vấn đề chất lượng, giá cả và uy tín thương hiệu.

Chương XVI

Hướng tới tương lai

Chính lợi ích của các nước hùng mạnh đòi hỏi họ giúp chúng ta, giúp bạn bè mình là giúp cho chính mình.

**Kêu gọi khởi động một
vòng phát triển**

Mark Ritchie¹

Ngày 20 tháng Chín 1999, các quan chức cao cấp của Ngân hàng thế giới (WB) kêu gọi các thành viên WTO hãy tiến hành một 'Vòng phát triển' toàn diện trong các cuộc trao đổi ý kiến về mậu dịch toàn cầu để mang lại những lợi ích thực sự cho các nước nghèo. Nhà kinh tế hàng đầu của WB, Joseph Stiglitz nói vòng thương lượng mới cuối năm nay Siaton cần giải quyết những vấn đề mà các nước đang phát triển quan tâm, như loại bỏ trợ cấp xuất khẩu và giảm thuế suất đối với các sản phẩm nông nghiệp, kiềm chế sự lạm dụng chống bán phá giá và đền bù, mở thị trường cho dịch vụ xây dựng qua biên giới, và tự do hóa di chuyển của các thể nhân.

1. Mark Ritchie, Viện Nghiên cứu chính sách nông nghiệp và thương mại, Hoa Kỳ.

Stiglitz cũng hưởng ứng việc Tổng giám đốc WTO Mike Moore hồi thúc các nước công nghiệp thừa nhận yêu cầu chính đáng của các nước đang phát triển kéo dài thời hạn thực thi các hiệp định WTO hiện hữu như Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs) và Hiệp định về các phương diện thương mại liên quan đến biện pháp đầu tư (TRIMs).

Liên minh châu Âu là tổ chức đầu tiên đưa ra ý kiến về một vòng thương lượng tập trung vào các mối quan tâm của các nước đang phát triển, và cũng kêu gọi các nước công nghiệp tại Siaton quyết định xóa bỏ thuế đánh vào các mặt hàng nhập khẩu từ 48 nước nghèo nhất thế giới. Hoa Kỳ cũng kêu gọi tập trung vào các mối quan tâm của các nước đang phát triển nhưng lại yêu cầu giới hạn các cuộc thương lượng tập trung vào những chủ đề của cái gọi là nghị trình 'lập sẵn'.

Sự ve vãn các nước đang phát triển một phần là do có ý kiến rộng rãi trong các thành viên nghèo của WTO rằng các cuộc thương lượng Vòng Uruguay trước đây chủ yếu chỉ làm lợi cho các nước giàu. Các nước đang phát triển nay chiếm tới ba phần tư số thành viên WTO, và sự ủng hộ của họ được coi là thiết yếu cho việc tiến hành thắng lợi của một vòng mới.

Trong cuộc họp báo trước Hội nghị Geneva ngày 21 tháng Chín 1999, cố vấn trưởng kinh tế của Ngân hàng thế giới Stiglitz thừa nhận thành quả của tự do hóa thương mại trong quá khứ đã không đến được với các nước đang phát triển. "Nhiều nước đang phát triển đã tiến những bước dài trong việc mở cửa cho thế giới để rồi thấy mình vấp phải những hàng rào mậu dịch đáng kể. Họ đụng đầu với các sắc thuế chống bán phá giá hoặc thấy mình không thể nào thâm nhập được vào các thị trường được bảo hộ trên những lĩnh vực mà họ có lợi thế cạnh tranh như nông nghiệp, dệt may".

Tuy nhiên, Stiglitz vẫn cho rằng "tự do hóa mậu dịch hơn

nữa sẽ mang lại cho các nước đang phát triển nhiều lợi ích lớn lao. Lịch sử gần đây cho thấy việc mở cửa ra thế giới là một yếu tố then chốt của chuyển đổi phát triển cho các nước rất khác nhau, từ Hàn Quốc đến Môrixơ, từ Thái Lan đến Chilê. Nhưng muốn cho vòng này thắng lợi, gương cao được ngọn cờ tự do hóa mậu dịch và tập hợp được các nước đang phát triển dưới ngọn cờ đó, thì vòng thương lượng này phải mang tính tổng hợp, phải công bằng và được người ta nhận thức nó là công bằng”.

Các quan chức WB trình bày những báo cáo trước hội nghị và lập luận rằng các nước đang phát triển sẽ được lợi rất nhiều với các cuộc thương lượng sắp tới để xóa bỏ các rào cản đối với mậu dịch nông nghiệp và cắt giảm mạnh thuế quan đánh vào hàng công nghiệp. Một tài liệu do Will Martin của WB viết chung với Tom Hertel Trường đại học Perdue cho rằng ba phần tư lợi nhuận thu được từ tự do hóa hơn nữa buôn bán các chế phẩm sẽ thuộc về các nước đang phát triển.

Một số nước đang phát triển có tâm cỡ như Ai Cập, Ấn Độ, Pakistan lập luận rằng vòng sắp tới không nên tiến hành các cuộc thương lượng về các lĩnh vực mới mà nên tập trung vào các khó khăn mà các nước đang phát triển gặp phải khi thực thi các hiệp định hiện hữu. Một nghiên cứu trình bày trước hội nghị đã nêu bật các khó khăn - đặc biệt là các khó khăn trong lĩnh vực tài chính - mà các nước này phải đối mặt khi thực hiện các nghĩa vụ với WTO.

Một báo cáo chung khác của nhà kinh tế J. Michael Finger, Ngân hàng thế giới và Philip Schuler, Trường đại học Maryland, ước tính các chính phủ phải tốn khoảng 130 triệu USD để thực thi các hiệp định WTO về các biện pháp vệ sinh, vệ sinh thực vật và định giá hải quan cũng như Hiệp định TRIPs - một con số lớn hơn toàn bộ ngân sách phát triển của nhiều nước kém phát triển.

Được hỏi liệu các phí tổn lớn lao đó có biện minh được cho

các yêu cầu của một số nước đang phát triển muốn có thêm thời gian để thực thi các Hiệp định như TRIPs và TRIMs, - cả hai sẽ có hiệu lực đối với các nước này từ tháng Giêng 2000 - Stiglitz cho rằng, nói chung, các nước đang phát triển cần có thời gian chuẩn bị thi hành dài hơn so với các nước phát triển đối tác. “Thời gian dài ngắn chính xác tùy thuộc vào thỏa thuận cụ thể với từng nước cụ thể, nhưng tôi tin rằng nó đòi hỏi chúng ta phải có sự thông cảm.”

Mike Moore, Tổng giám đốc WTO nói các thành viên cần thừa nhận là có những nước “thực sự có những vấn đề về thực thi... đây không phải là một cuộc chơi mà ta có thể tìm cách lẩn tránh”. Moore cho rằng lỗi lầm là ở chỗ WTO và các thành viên giàu hơn không hỗ trợ các nguồn lực cần thiết cho các nước đang phát triển trong việc thực thi. “Nếu chúng ta không hợp sức trong thi hành và trong các vấn đề kỹ thuật, mọi người sẽ đòi thêm thời gian và lại cần thêm một vòng nữa tức là phải mất thêm nhiều năm cho các nước đang phát triển. Chính lợi ích của các nước hùng mạnh đòi hỏi họ giúp chúng ta, giúp bạn bè mình là giúp cho chính mình”.

Đâu là tương lai của châu Á và WTO?

(Tạp chí *Kinh tế Viễn Đông - FEER* mà tác giả là một nhà phê bình đã gửi cho ông Walden Bello nhiều câu hỏi ngay sau sự thất bại của các cuộc đàm phán của WTO tại Siaton. Dưới đây là toàn bộ câu trả lời của ông).

FEER: Liệu các nền kinh tế châu Á với thương mại là chủ đạo có bị ảnh hưởng bởi sự xáo trộn trong hệ thống thương mại thế giới và sự thất bại ở Siaton trong việc khởi động một vòng đàm phán thương mại mới hay không?

Bello: Tôi không nghĩ như vậy. Như đã được ấn định trong Hiệp ước Marrakesh các cuộc đàm phán về nông nghiệp và dịch vụ bắt đầu vào năm 2000 vì thế không cần có một vòng mới để khởi động các cuộc đàm phán này. Và như vậy các cuộc đàm phán theo chương trình nghị sự hạn chế này sẽ tiếp tục tại Geneva. Theo tôi, có hay không có một vòng đàm phán mới thì vấn đề chủ yếu trong nông nghiệp vẫn vậy: đó là sự từ chối của EU xoá bỏ mức độ trợ cấp xuất khẩu cao và trợ giúp thu nhập trực tiếp cho các lợi ích nông nghiệp của họ. Trừ phi EU nhượng bộ, nếu không sẽ vẫn có sự khác biệt trong vấn đề nông nghiệp như những gì đã góp phần đưa đến sự sụp đổ của các cuộc đàm phán tại Siaton.

Các vấn đề nghị sự bổ sung mà Mỹ và EU muốn đưa vào vòng đàm phán mới là những vấn đề mà các nước châu Á hoàn toàn không muốn quan tâm: đó là chính sách đầu tư, chính sách cạnh tranh, tính minh bạch trong việc mua sắm của chính phủ, thuế công nghiệp, rồi thương mại, lao động và thương mại và những vấn đề liên quan đến môi trường. Họ cho rằng đây là những hành động nguy hiểm nhằm biến đổi nền kinh tế của họ theo kiểu thị trường tự do anglo-saxon nhằm tạo điều kiện cho sự thâm nhập của các công ty xuyên quốc gia phương Bắc.

Cùng với hầu hết các nước đang phát triển, chính phủ các nước ASEAN không muốn có một vòng tự do hóa mới mà muốn các cuộc đàm phán tập trung vào các vấn đề thực thi có liên quan đến những cam kết của họ tại Vòng Uruguay, bởi vì nhiều nước đã gặp phải những khó khăn, và tập trung vào một đợt đánh giá tác động của Vòng Uruguay trên khía cạnh cái được và cái mất. Cũng như các nước ASEAN, nhiều nước cũng muốn trước khi có một vòng đàm phán mới EU và Mỹ phải cam kết mạnh mẽ hơn nữa đối với khái niệm 'đối xử khác biệt và đặc biệt' của các nước đang phát triển cho phép họ được áp dụng các biện pháp cố định thuế quan, nâng thuế hoặc hạn chế nhập khẩu nhằm có được sự ổn định lớn hơn trong quá trình hội nhập nền kinh tế của họ vào nền kinh tế toàn cầu.

Sau cùng đó là ý tưởng về 'một vòng đàm phán vì phát triển' không phải xuất phát từ các nước châu Á hay từ các nước đang phát triển khác mà là từ Chính phủ Anh. Và ngay cả EU cũng không đồng thuận với ý tưởng này. Lý do chính phủ các nước châu Á và các nước đang phát triển khác lo ngại ý tưởng này là điều mà ai cũng biết rằng EU muốn có một vòng đàm phán tổng hợp hơn cho phép họ có thể đánh đổi những nhượng bộ ở các lĩnh vực khác để duy trì mức trợ giá cao trong nông nghiệp của mình hoặc là làm cho những nhượng bộ trong lĩnh vực nông nghiệp của họ trở nên dễ chấp nhận hơn về mặt chính

trị bằng việc đạt được những nhượng bộ của các nước khác trong các lĩnh vực khác. Ý tưởng về một vòng đàm phán phát triển được đưa vào cuộc chơi rất muộn và nhiều chính phủ cho nó là một thủ đoạn bất cần đạo lý của EU nhằm buộc các nước đang phát triển ủng hộ chương trình nghị sự của họ.

FEER: Việc Mỹ và EU thất bại trong việc đưa các vấn đề về lao động và môi trường vào các cuộc đàm phán có phải là một thắng lợi của các nước đang phát triển châu Á hay không?

Bello: Tôi cho rằng họ coi đó là một thắng lợi trước chủ nghĩa bảo hộ được che đậy bằng nhân quyền và những quan ngại về môi trường. Trong vấn đề này, cần phải chỉ ra một điều quan trọng là các chính phủ và hầu hết các TCPCP ở châu Á cùng có chung quan điểm. Đối với các TCPCP, mối lo về chủ nghĩa bảo hộ trá hình đi kèm với sự nhận thức rằng vấn đề về mức tiền lương và lao động trẻ em là một vấn đề phức tạp cần phải được giải quyết thận trọng. Sự nhận thức này là việc trao cho WTO quyền phán quyết đối với các vấn đề thương mại và môi trường, thương mại và lao động tức là trao quyền cho một tổ chức không hề có kinh nghiệm gì về vấn đề này. Cơ quan thích hợp về các vấn đề thương mại - lao động là Tổ chức lao động quốc tế và về các vấn đề thương mại - môi trường là các Hiệp định đa phương về môi trường. Điều cần thiết là trao quyền pháp chế cho các cơ quan chuyên môn này.

FEER: Các nước đang phát triển châu Á muốn thấy gì ở Geneva nơi sắp diễn ra các cuộc thương lượng về một vòng đàm phán mới.

Bello: Tôi cho rằng mối quan tâm chủ yếu vẫn như vậy; đó là EU và Mỹ phải đồng ý hạ mức trợ giá cao cho nông nghiệp của

họ mà không đòi hỏi sự nhượng bộ đối ứng từ phía các nước đang phát triển; rằng các cuộc đàm phán phải tập trung vào chương trình nghị sự đã có sẵn nghĩa là về các vấn đề thực thi có liên quan đến Vòng Uruguay; và rằng các cuộc đàm phán phải đề cập vấn đề dân chủ và tính minh bạch của quá trình ra quyết định, một trong những yếu tố chính đã phá vỡ các cuộc đàm phán tại Siaton. Nhưng thực sự WTO đang bị xáo trộn nghiêm trọng. Tôi rất nghi ngờ khả năng khởi động một vòng đàm phán mới trong thời điểm trước mắt vì cần phải có một hội nghị cấp bộ trưởng và một tuyên bố đồng thuận của hội nghị cấp bộ trưởng này để khởi động một vòng đàm phán như vậy - điều đó có nghĩa là phải đợi thêm một năm rưỡi nữa, tất nhiên, trừ phi các cường quốc lớn có thể thuyết phục được các nước khác đẩy nhanh kỳ họp cấp bộ trưởng này.

Tóm lại, châu Á cùng với các nước đang phát triển khác được lợi nhiều hơn là hại từ sự thất bại của hội nghị cấp bộ trưởng của WTO này.

WTO sau Siaton¹

Thông điệp chính

- Chính phủ (Anh) cần thúc đẩy các đối tác EU tiến hành những hành động đơn phương để thực thi cam kết cho phép tất cả hàng xuất khẩu của 48 quốc gia nghèo nhất thế giới được tiếp cận tự do các thị trường của nước mình mà không phải đánh thuế và không chế hạn ngạch.
- Hội nghị Siaton phơi trần bản chất phi dân chủ của các tiến trình thương lượng WTO. Cần có sự cải cách triệt để về thể chế để biến WTO thành một tổ chức minh bạch với sự tham gia của toàn thể các nước nghèo khi ra quyết định.
- Các cuộc đàm phán theo chương trình nghị sự 'lập sẵn' của WTO sẽ được tiếp tục, bao gồm cả vấn đề nông nghiệp. Chính phủ Anh cần ráo riết vận động các đối tác EU xóa bỏ các trợ cấp cho nông sản xuất khẩu. Các trợ cấp trong nước cần được thiết kế lại để khuyến khích các mục tiêu xã hội và môi trường mà không làm phương hại đến những người sản xuất của các nước đang phát triển.
- Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ của WTO (TRIPs), cũng nằm trong nghị trình 'lập sẵn', đòi hỏi phải cấp bách cải tổ. EU cần ủng hộ

1. Báo cáo của Oxfam tại Nghị viện Anh, số 7, tháng Chạp 1999.

tuyên bố của Tổng thống Clinton nên có sự linh hoạt trong diễn dịch Hiệp định TRIPs để tạo điều kiện cho việc tiếp cận các dược phẩm rẻ tiền. Các nước phải được quyền quyết định chế độ sở hữu trí tuệ của mình, bao gồm cả quyền không cấp bằng sáng chế cho các sinh thể và quyền của nông dân giữ lại hạt giống sau thu hoạch.

Điều gì đã xảy ra ở Siaton?

Mục đích của Hội nghị cấp bộ trưởng ở Siaton là để đạt được sự nhất trí về một nghị trình mới cho các cuộc thương lượng mậu dịch quốc tế của vòng tiếp theo. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán đã sai sót một cách căn bản, và không thỏa thuận được gì cả. Trong những ngày hội nghị, Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ đã theo đuổi những quyền lợi thương mại mang tính dân tộc hẹp hòi và rõ ràng đã không chuẩn bị để thoả nhượng. Những cuộc thảo luận công khai trong các nhóm công tác đã tỏ ra khó điều khiển để đi tới quyết định, và chuyển sang hội họp một cách không dân chủ trong Phòng Xanh mà thành viên lại do một uỷ ban điều hành được thành lập vội vã, lựa chọn.

Các nước đang phát triển cảm thấy bị gạt ra ngoài nên đã mạnh mẽ yêu cầu được đưa ra chính kiến. Các nước châu Phi, Mỹ Latinh và Caribê hình thành một mặt trận thống nhất hùng hậu đòi các cuộc đàm phán WTO phải minh bạch và cởi mở hơn, và tuyên bố bất đồng với các đề nghị của Mỹ và EU đưa ra một nghị trình thương lượng mới. Họ không để bị lôi cuốn vào một sự nghiệp mà họ không muốn, và có thể làm tăng mức nghèo khổ cho đất nước họ.

Hội nghị Siaton đã chứng tỏ các nước giàu không còn có thể mặc cả thông lưng nhau rồi trông đợi các nước đang phát triển chấp nhận, mà không được quyền tham dự hoặc tham vấn đầy đủ. Các bài học đó phải được quán triệt. WTO phải được cải tổ

triệt để nếu nó muốn trở thành một tổ chức đa phương đáng tin cậy và là một động lực của phát triển, thay vì mang danh là một câu lạc bộ của các nước giàu.

Các lĩnh vực bất đồng cụ thể

Đề nghị khiêm tốn của EU chấm dứt việc đánh thuế và áp đặt hạn ngạch lên hàng xuất khẩu của 48 nước nghèo nhất thế giới đã bị Mỹ ngăn cản. Sự không khoan nhượng của Liên minh châu Âu là nguyên nhân chính của thất bại không đạt được một hiệp định về nông nghiệp. Yêu cầu của các nước đang phát triển kiểm điểm việc thực thi các hiệp định thương mại trước đây cũng không được chấp nhận. Đề nghị của Tổng thống Mỹ đưa các tiêu chí lao động vào chương trình nghị sự của vòng thương mại tới cũng chẳng được mấy ai ủng hộ. Tuy có gây ra nhiều tranh cãi, nhưng các đề nghị của EU về thảo luận chủ đề lao động tại một diễn đàn thương mại nằm ngoài các tiến trình chính của WTO, cũng đạt được một số tiến bộ.

Vào cuối tuần, tuy có những bất đồng nêu trên, nhiều đại biểu vẫn cảm thấy có thể đạt được một hình thức thoả thuận nào đó. Tuy nhiên, đại diện thương mại của Hoa Kỳ, bà Charlene Barshefsky, đã đình chỉ thảo luận vào khuya thứ Sáu với nhận xét:

- WTO đã vượt ra khỏi các tiến trình của nó;
- Cần có thêm minh bạch cả bên trong lẫn bên ngoài;
- Có sự khác nhau về những chủ đề then chốt.

Điều gì sẽ tới?

Các cuộc đàm phán theo nghị trình lập sẵn của WTO sẽ được tiếp tục vào đầu năm 2000. Bao gồm nông nghiệp, dịch vụ,

quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs) và các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs). Liên minh châu Âu được trông đợi sẽ sớm đưa ra các đề nghị cải tổ WTO. Tổng giám đốc Mike Moore được yêu cầu bảo đảm cho WTO phát triển các luật lệ và các tiến trình nhằm đạt được sự minh bạch, và tham vấn đại diện thương mại của các nước ở Geneva để tìm ra cách tháo gỡ khó khăn và hàn gắn những bất đồng. Các cuộc thảo luận vẫn được tiếp tục ở Geneva về khả năng đưa thêm các vấn đề mới vào nghị trình. Chưa rõ phải mất bao nhiêu thời gian để xây dựng lại lòng tin nhằm nhất trí với nhau về một chương trình nghị sự cho vòng đàm phán thương mại mới.

Nay là lúc có thể bình tâm suy nghĩ. Điều cần thiết là phải xem xét lại toàn bộ công việc của WTO, phải đánh giá tác động của các hiệp định của WTO từ trước đến nay, và đề ra được những nguyên tắc chỉ đạo bao gồm phát triển bền vững và giảm nghèo. Mối quan hệ giữa các luật lệ của WTO với các hiệp định và công ước quốc tế về quyền con người và môi trường cần được làm sáng tỏ. Như Bộ trưởng thương mại và công nghiệp đã nói, WTO sẽ không bao giờ giống như trước nữa, và đó là một điều tốt lành. Hy vọng rằng một Tổ chức thương mại thế giới được cải tổ triệt để sẽ là nền móng để xây đắp một hệ thống thương mại dân chủ và dựa trên luật lệ, lấy giảm nghèo làm mục tiêu trung tâm.

Bình minh¹

Ignacio Ramonet

Một vầng sáng hiện lên ở Siatơn vào lúc thế kỷ sang trang. Đã từ rất lâu, bị truất quyền phát biểu, các công dân mạnh mẽ lên tiếng: “Đã quá đủ!”. Đã quá đủ việc chấp nhận toàn cầu hóa như một định mệnh. Đã quá đủ việc nhìn thị trường quyết định, thay vì những người được dân chúng bầu ra. Đã quá đủ việc chứng kiến thế giới chuyển thành hàng hóa. Đã quá đủ việc chịu tổn thất, nhẫn nhục, khuất phục.

Thắng lợi giành được ở hội nghị của Tổ chức thương mại thế giới phần lớn là do một hiện tượng có thể được coi như một cái phôi của xã hội dân sự quốc tế với sự tham gia của hàng trăm tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội và công đoàn của nhiều quốc gia.

Toàn cầu hóa và sự khoan hòa của các nhà lãnh đạo chính trị suốt thập kỷ qua, đã tạo thuận lợi cho sự ra đời của một kiểu chấp chính toàn cầu, trong đó bốn vai diễn chính là Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (World Bank), Tổ chức

1. L'Aurore, bài đăng trên tờ *Le Monde diplomatique*, tháng Giêng 2000.

hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Thờ ơ trước việc tranh luận dân chủ, không thông qua phổ thông đầu phiếu, cỗ máy quyền lực phi chính thức này trên thực tế là kẻ cầm lái hành tinh, và nắm quyền định đoạt số phận của những con người sinh sống trên đó. Chẳng có bất cứ một đối lực nào - nghị viện, đảng phái chính trị, các phương tiện truyền thông - để bổ khuyết, chấn chỉnh hay phủ định các nghị quyết của tứ đầu chế. Chính vì thế, để làm đối trọng, mọi người cảm thấy cần phải có một đối lực toàn cầu.

Với việc nhen lại ngọn lửa tranh luận quốc tế, những người phản đối ở Siaton đã bắt đầu xây dựng nó. Vàng, đây là một bước ngoặt. Sự đòi hỏi công lý và bình đẳng xuyên suốt chiều dài lịch sử của nhân loại nay lại trở dậy. Trước sự tàn phá của toàn cầu hóa, các công dân yêu cầu phải có một thể hệ các quyền mới, lần này là quyền *tập thể**: quyền được sống hòa bình, quyền bảo tồn thiên nhiên, quyền được thông tin, quyền của trẻ em, quyền của các dân tộc được phát triển...

Kể từ đây, không thể nào quan niệm nổi xã hội dân sự đã sinh thành đó không được tham gia nhiều hơn vào các cuộc thương lượng quốc tế lớn, nơi thảo luận những vấn đề liên quan đến môi trường, sức khỏe, vị thế thượng tôn của tài chính, chủ nghĩa nhân ái, sự đa dạng về văn hóa, những toan tính biến đổi gen các sinh thể v.v..

Đó là vì chúng ta phải nghĩ đến việc xây dựng một tương lai khác. Không còn có thể bằng lòng với một thế giới chỉ bao gồm hai trạng thái: số không và vô tận. Một thế giới trong đó một tỷ người sống sung túc, một tỷ người khác sống trong cảnh cơ hàn, và bốn tỷ khác chỉ sống ở mức tối thiểu. Đã đến lúc phải xây dựng lại một nền kinh tế mới, đoàn kết mật thiết hơn, đặt trên cơ sở của sự *phát triển bền vững và lấy con người làm trung*

* Các chỗ nhấn mạnh được thêm vào.

tâm. Bắt đầu bằng việc tước bỏ vũ khí của quyền lực tài chính từ mấy thập kỷ qua đã không ngừng lấn sân của địa hạt chính trị, hạn chế phạm vi của dân chủ.

Việc giải giáp tài phiệt đòi hỏi phải đánh thuế lợi tức tư bản, đặc biệt là các giao dịch mang tính chất đầu cơ trên thị trường tài chính (thuế Tobin). Cũng cần phải dẹp bỏ các thiên đường thuế khóa, là những nơi tiến hành các giao dịch ngân hàng bí mật nhằm mục đích che đậy những hành vi bất minh về tài chính.

Cũng phải tính đến một sự phân công lao động và phân phối thu nhập mới trong một nền kinh tế nhiều thành phần trong đó thị trường chỉ chiếm lĩnh một phần, bên cạnh đó là một khu vực đoàn kết và có trách nhiệm, với thời gian lao động ngày càng giảm bớt một cách thỏa đáng.

Cần định ra một mức *thu nhập cơ sở không kèm theo điều kiện* cho tất cả mọi người, từ khi ra đời, không lệ thuộc vào hoàn cảnh gia đình hay ngành nghề. Đó là một nguyên tắc *cách mạng*, thừa nhận mỗi người được quyền hưởng mức thu nhập cơ sở đó, bởi vì người đó tồn tại trong xã hội, chứ không phải cho người ta hưởng để tồn tại. Quan điểm đó coi năng lực sản xuất của một xã hội là thành quả của kiến thức khoa học và kỹ thuật tích lũy từ nhiều thế hệ, nên phải trở thành tài sản chung và được phân phối dưới hình thức một thu nhập cơ sở vô điều kiện. Tài sản đó phải san sẻ cho toàn thể nhân loại, bởi vì nếu sản phẩm toàn thế giới được phân phối một cách công bằng thì có thể bảo đảm cho tất cả những cư dân của hành tinh một cuộc sống tốt đẹp.

Muốn làm được điều đó, phải trả lại cho các nước nghèo ở phương Nam vị trí chính đáng của họ, phải chấm dứt các chính sách điều chỉnh cơ cấu; phải xóa bỏ phần lớn số nợ chính thức của họ; phải tăng cường viện trợ phát triển và không bắt buộc họ phải theo mô hình phát triển không thể tồn tục được của

phương Bắc; khuyến khích các nền kinh tế dựa vào nguồn lực nội sinh; tập trung đầu tư vào trường học, nhà ở và y tế; thiết lập, chẳng hạn ở phương Bắc, các quy định gìn giữ môi trường và bảo hiểm xã hội trong các sản phẩm nhập khẩu, nhằm bảo đảm các điều kiện lao động tốt, an toàn cho những người lao động ăn lương ở phương Nam cũng như bảo vệ sinh thái.

Bên cạnh đó, cần thêm một số yêu cầu khẩn thiết: lập tòa hình sự quốc tế, thúc đẩy quyền của phụ nữ trên phạm vi thế giới, tôn trọng nguyên tắc cân trọng đối với mọi hành động liên quan đến việc biến đổi gen v.v..

Sự không tương trở thành các mục tiêu chính trị cụ thể trong thế kỷ mới bắt đầu. Khi một thế giới khác có thể là hiện thực thì dùng từ ngữ nào để mệnh danh nó? Đó là một danh từ rất đẹp. Vâng, đó là *binh minh*.

Kết luận

Nguyễn Văn Thanh

Thế là sau bốn ngày làm việc sóng gió, Hội nghị cấp bộ trưởng WTO đã bế mạc không kèn, không trống. Không có Vòng đàm phán mới, không ra Tuyên bố chung, và thậm chí không có đến một Lời cảm ơn chung của 135 thành viên dự hội nghị. Nhưng khác với các hội nghị Singapo và Geneva, các đại biểu dự hội nghị Siatơn đều có chung một suy nghĩ : sau Siatơn, WTO sẽ không thể như trước đây, cả về nội dung lẫn hình thức, cả về nguyên tắc lẫn phương pháp. Đó có lẽ là sự đồng thuận duy nhất đạt được. Và ấn tượng không kém phần sâu đậm là đã bước đầu thấy một sự sắp xếp lực lượng, trong đó vị trí và vai trò của các nước đang phát triển nổi lên, chứ không phải chỉ là những diễn viên phụ làm nền cho hai kếp chính là Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, có thể kể thêm cả Nhật Bản.

“Lần đầu tiên trong lịch sử của WTO, các nước đang phát triển nói chung một thứ tiếng, và lập trường không bao giờ

lung lay”.¹

Nathan Shamuyarira, Bộ trưởng công nghiệp và thương mại Dimbabuê trở về sau hội nghị nói với các nhà báo, thất bại của hội nghị là một cảnh báo không được coi thường châu Phi trong những cuộc thương lượng tới. Ý kiến đó được chia sẻ từ Lagos đến Nairôbi, từ Hararê đến Giôhannesbua. Và không riêng gì châu Phi mà cả Mỹ Latinh và châu Á.

Các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân dân, các nhóm lao động và các TCPCP Philippin thống nhất ra Tuyên bố chung về thất bại của Hội nghị Siaton:

Hơn bất cứ điều gì khác, thảm bại của WTO làm nổi bật những mâu thuẫn nội tại của hệ thống thương mại đa phương và cuộc khủng hoảng hiện nay của chủ nghĩa tư bản toàn cầu. Đó là mâu thuẫn giữa luật lệ của các tập đoàn toàn cầu với công nhân và quần chúng bị áp bức; mâu thuẫn giữa tư bản toàn cầu do chính phủ các nước phát triển đại diện với các nước đang phát triển và các nước kém phát triển; mâu thuẫn giữa các cường quốc kinh tế toàn cầu cạnh tranh với nhau.²

Tuy nhiên, vào thời gian này, mâu thuẫn nổi lên là cuộc đối đầu giữa Mỹ và châu Âu. Về phía châu Âu, thủy chung, họ vẫn đòi khởi động một vòng thương lượng mới về thương mại “trên cơ sở một nghị trình rộng rãi”, nhưng theo lời Pascal Lamy, Cao ủy thương mại của châu Âu, tương trình với Nghị viện châu Âu vào tối thứ Hai 13 tháng Mười hai 1999, “cần tiến hành một cách

1. Lewis Machipisa và Remi Oyo, *Hoan hỷ trước thất bại của WTO, châu Phi thấy mình đúng*. Lagos 10 tháng Mười hai 1999.

2. Margrete Strand - Rangnes, *Tuyên bố thống nhất của các TCPCP Philippin về thất bại của WTO ở Siaton*.

thận trọng”, vì nếu thất bại thêm một lần nữa sẽ là một “thảm họa”. Lamy nêu ra ba kịch bản:

Thứ nhất, một hội nghị cấp bộ trưởng khác có thể được triệu tập sớm. Và nếu quả đúng như vậy thì phải tập trung nỗ lực “để giải quyết nhanh chóng những vấn đề chẳng đi đến đâu ở Siaton như nông nghiệp, chống bán phá giá và các tiêu chuẩn xã hội cơ bản”. Lưu ý lời của Tổng thống Clinton “chu kỳ (đàm phán) sẽ được khởi động trong tương lai rất gần”, Lamy cảm thấy rằng, cuộc gặp gỡ thượng đỉnh ngày 17 tháng Mười hai giữa EU và Hoa Kỳ tại Oasinhton “sẽ cho thấy liệu đây có phải là một dấu hiệu của mềm dẻo hay đây là sự lặp lại của lập trường đã được biết của Hoa Kỳ chỉ muốn một vòng hạn chế trong vấn đề tiếp cận thị trường”.

Thứ hai, dựa trên giả định là Mỹ “sẽ không có bất cứ động thái nào trong thời kỳ vận động tranh cử”, thì sẽ chẳng có tiến bộ nào về thương lượng mậu dịch trước năm 2001. Và như vậy “chẳng những chúng ta mất một thời gian quý báu mà còn có nghĩa là một thành viên không hành động được cũng đủ làm tê liệt toàn bộ hệ thống mậu dịch đa phương”.

Thứ ba, một kịch bản mang tính chất quá độ. Nếu không muốn chờ đến 18 tháng để nối lại các cuộc thương lượng, thì ngay bây giờ phải cố gắng đi từng bước. Những bước đi đó có thể “giúp củng cố lòng tin trong hệ thống” và tạo điều kiện để khởi động một vòng mới sớm sủa. Theo Lamy, như vậy cần thúc đẩy các công tác chuẩn bị ở Geneva, và trước hết là phải “củng cố sự liên minh theo hướng mở rộng các vòng đàm phán”.

Nhưng ngay nội bộ châu Âu cũng không có sự thống nhất về quan điểm đối với vấn đề WTO. Ông Seguro, Đảng Xã hội Bồ Đào Nha cho rằng “đối với những người Xã hội, vì thương mại là một công cụ phục vụ cho một xã hội hài hòa và thịnh vượng hơn”, nên chúng tôi ủng hộ cải tổ WTO để tổ chức này chú ý hơn đến các nước đang phát triển. Schwaiger, báo cáo viên của Nghị

viện châu Âu, hy vọng một Nghị viện WTO sẽ được thành lập để tạo điều kiện cho một sự hợp tác thực sự giữa EU, Bắc Mỹ, Mercosur, ASEAN, và các nước ACP (châu Phi, Caribê và Thái Bình Dương). Ông coi cái tổ WTO là “cần thiết và cấp bách”. Ông Clegg, Đảng Dân chủ tự do Anh, cho rằng cái tổ WTO là cần thiết, nhưng chúng ta không nên làm cái việc phát minh lại bánh xe. Nếu có quyết tâm chính trị cần thiết, chủ yếu là trong chính quyền Mỹ thì “những khiếm khuyết về thủ tục của hệ thống thương mại đã có thể được khắc phục”. Ông cho rằng ý kiến của nguyên Cao uỷ thương mại Leon Brittan nên lấy cuộc gặp cấp cao EU/Hoa Kỳ làm điểm khởi là không đúng, không thể đại diện cho mọi người. Rõ ràng EU muốn đàm phán với Mỹ, tôi không phản đối, nhưng dành ưu tiên cho nó sẽ gây khó khăn cho các cuộc đàm phán với các nước chậm phát triển, nhất là các nước ACP. Nhóm Xanh cũng vạch rõ không thể đối xử với các nước nghèo như trong quá khứ. Ông Wurtz, chủ tịch Nhóm cánh tả thống nhất cho rằng nếu EU quá thật muốn lấp cái hố ngăn cách giữa lợi nhuận thương mại và phát triển bền vững thì chó quen WTO là “thống nhất giả và bất bình đẳng thật”.

Pascal Lamy cũng phải thừa nhận có vấn đề về thiết chế. “Bánh xe vẫn phải quay hoặc phải xem lại nó có bị quá tải không”. Nhiều đại biểu tán thành ý kiến của ông Elles, đại biểu Đảng Bảo thủ Anh, WTO quá bị quá tải vì những vấn đề chẳng đáng gì đến thương mại. Nhưng có lẽ nỗi băn khoăn của Lamy phản ánh đúng tình thế lưỡng nan của Liên minh châu Âu: “Chúng ta không có các nước đang phát triển cũng chẳng có người Mỹ bên phía chúng ta, do đó chúng ta rất khó đạt được tiến bộ”. Cao uỷ thương mại EU cho rằng nay là lúc phải hướng về các nước đang phát triển, cố gắng thuyết phục họ, làm cho họ thấy rõ là chúng ta có khả năng lập liên minh... tất nhiên điều này đòi hỏi phải có thêm nỗ lực... và một điều chắc chắn của những nỗ lực đó là phải mở cửa thị trường nhiều hơn cho các

nước đang phát triển.

Còn về phía Mỹ thì bị các nước đang phát triển tố cáo thái độ giả nhân giả nghĩa trong việc cố tình đưa các vấn đề tiêu chuẩn lao động và môi trường vào WTO. “Lô gích của luật lệ các tập đoàn toàn cầu là giữ lương và tiêu chuẩn lao động thấp ở các nước đang phát triển để làm cho đồng vốn linh hoạt và kiếm được lợi nhuận tối đa từ công lao động thấp và dễ sai khiến. Cũng chính tại các nước đang phát triển, tư bản toàn cầu đẩy mạnh công nghiệp khai thác để thâm tóm nguyên liệu thô rẻ tiền tàn phá môi trường và cơ sở nguồn lực của thế giới thứ ba”.³

Liệu thất bại của Hội nghị Siaton có mang lại hy vọng cải tổ hệ thống ra quyết định nằm trong tay của tứ đầu chế (QUAD) không? Đó là câu hỏi đặt ra cho các nước đang phát triển, cho những người tiên bộ trên thế giới, cả phương Bắc và phương Nam. Câu trả lời còn ở phía trước, nhưng nếu các nước Thế giới thứ ba đoàn kết với nhau, đoàn kết với lực lượng không ngừng lớn mạnh của các tổ chức nhân dân, của các TCCP, của những người có lương tri và có hiểu biết thì chắc chắn các tập đoàn tư bản không thể dễ dàng thao túng bộ máy thương mại thế giới. Đã có nhiều ý kiến về chiến lược và sách lược khác nhau được đưa ra, nhưng tất cả đều nhấn mạnh vai trò của chính bản thân các nước đang phát triển. Nếu muốn thành đạt công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tất nhiên phải chống lại các chủ trương phi công nghiệp hóa mà các nước phát triển không ngừng tìm mọi cách để áp đặt lên các nước đang phát triển.

Mấy trăm năm trước chủ nghĩa thực dân thành công bằng tàu to, súng lớn và giáo sĩ. Trong thế giới đa cực ngày nay, chủ nghĩa thực dân đang tái hiện bằng kỹ thuật công nghệ cao và siêu lộ thông tin. Nhưng các nước ‘nhược tiểu’ nay cũng có vũ

3. Margrete Strand-Rangnes, *Thảm bại của WTO ở Siaton*, mstrand@citizen.org, 10 tháng Mười hai 1999.

khí của mình. Đó là đoàn kết với nhau để phát huy ưu thế về số lượng và đoàn kết với bạn bè trong thế giới phát triển. Tại đây, phong trào vì một thế giới xanh, sạch, đẹp, vì một thế giới công bằng, ấm no cho tất cả mọi người ngày một phát triển. Đó là những nhân tố mà hệ thống thương mại thế giới WTO dưới sự chi phối của các nước phương Tây phải tính đến.

Sau Siaton, WTO sẽ không còn như trước nữa, nhưng nó thay đổi đến đâu thì còn là vấn đề tương quan lực lượng.

“Nhân dân và chính phủ tất cả các nước cần tái khẳng định một hệ thống công pháp quốc tế bảo vệ cho những người ở trong thế yếu, chứ không phải bên vực cho quyền lợi của người giàu”.⁴ Trong thế giới đa cực ngày nay rõ ràng lực lượng các nước đang phát triển ngày càng thống nhất hơn, cho phép họ có thể “bác bỏ việc tự do hóa hơn nữa các nền kinh tế của Thế giới thứ ba và phấn đấu cho một mặt trận thống nhất của tất cả các nước đang phát triển và chậm phát triển để chiến đấu cho chủ quyền kinh tế quốc gia của mình và cho sự phát triển thực sự”.⁵

4. Stefaan Declercq, Tổng thư ký Oxfam đoàn kết Bỉ, *Thách thức của một vòng đàm phán mậu dịch quốc tế mới*, tháng Mười 1999.

5. Margrete Strand-Rangnes, *Tài liệu đã dẫn*.

Phụ lục

Phụ lục I
Tuyên bố của Hội nghị G77
ở Marrakesh
tháng Chín 1999
(trích phần liên quan đến WTO)

Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ chín của các nước G77 ở Marrakesh (Marôc) đã ra Tuyên bố Marrakesh bao quát một loạt vấn đề về tài chính quốc tế, nợ nần, hàng tiêu dùng, mậu dịch và WTO. Tham dự hội nghị có các bộ trưởng và quan chức cao cấp của khoảng 80 nước đang phát triển.

Phần nói về WTO là phần quan trọng nhất và được tách riêng thành một thông điệp gửi cho Hội nghị cấp bộ trưởng WTO lần thứ ba ngày 30 tháng Mười một - 3 tháng Mười hai 1999 tại Siaton. Trong thực tế, đây là phần duy nhất mang tính chất tập thể của các nước G77 cộng Trung Quốc liên quan đến Hội nghị cấp bộ trưởng WTO. G77 không hoạt động như một nhóm trong WTO. Nó hoạt động với tư cách nhóm trong khuôn khổ của Liên hợp quốc.

Tuyên bố này có nhiều lời phàn nàn về sự không cân bằng trong WTO, về lợi ích không được chia sẻ một cách công minh. Về các chủ đề mới, có lập trường chung về vấn đề lao động và môi trường. Tuy nhiên, bản tuyên bố im lặng về các chủ đề mới khác, có lẽ đó là sự phản ánh không có được sự đồng thuận về những chủ đề mới khác như đầu tư, mua sắm của chính phủ, cạnh tranh và thuế quan công nghiệp.

Các Bộ trưởng G77 tuyên bố họ cam kết mạnh mẽ với các chính sách mậu dịch tự do và cởi mở được kết hợp với phát triển. Thách thức đối với Hội nghị cấp bộ trưởng WTO lần thứ ba là

phải đạt được những tiến bộ vững chắc trên con đường tiến tới một hệ thống thương mại cởi mở mà lợi ích được phân phối một cách công bằng.

“Tuy nhiên, chúng tôi ghi nhận với nhiều lo ngại trước tình hình thực tế là những lợi ích của hệ thống thương mại đa phương hiện hữu vẫn tiếp tục không đến được với các nước đang phát triển. Việc tự do hóa hoàn toàn các lĩnh vực đặc biệt có lợi cho các nước đang phát triển vẫn tụt lại phía sau, và nhiều sự không cân bằng về quyền lợi và nghĩa vụ vẫn tồn tại trong các Hiệp định đa phương về thương mại (MTA) cũng như trong các điều kiện tiếp cận thị trường. Sự tồn tại của những dị thường đó có thể làm xói mòn lòng tin vào hệ thống thương mại đa phương và tiếp tay cho những kẻ muốn náu mình trong các chính sách và phương pháp tiếp cận lạc lối.

“Do đó, chúng tôi đặt nó thành quan trọng nhất là việc giải quyết những vấn đề và những khó khăn nổi lên trong quá trình thực thi hiệp định đa phương về thương mại của WTO mà các nước đang phát triển gặp phải. Chỉ bằng cách đó thì các nước đang phát triển mới đạt được một phần trong sự tăng trưởng của thương mại thế giới, tương thích với nhu cầu phát triển kinh tế của họ.

“Việc nhiều nước đang phát triển không đạt được lợi ích trong những lĩnh vực họ quan tâm là do các đối tác mậu dịch lớn không đáp ứng toàn bộ và nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình trong các lĩnh vực đó, đặc biệt là về vải vóc và may mặc. Vì vậy, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ ba của WTO xem xét và giải quyết việc thực thi các hiệp định và các nghị quyết Marrakesh”.

Tuyên bố cũng cho rằng các điều khoản đặc biệt và phân biệt, mà phần lớn chưa được thực hiện, cần được triển khai ngay để các nước đang phát triển có được lợi ích như mong đợi. Nghị

trình lập sẵn' cần được khởi động ngay để đáp ứng những ưu tiên của các nước đang phát triển, cụ thể là ba điểm sau:

"Về nông nghiệp, mục tiêu nên là chế định lĩnh vực này theo các quy định bình thường của WTO, giải quyết vấn đề đặc biệt của các quốc đảo nhỏ chủ yếu sản xuất nông nghiệp và các nước đang phát triển phải nhập lương thực.

"Các cuộc thương lượng về thương mại trong dịch vụ cần được tiến hành trong khuôn khổ của cấu trúc GATS hiện hữu và nhằm tự do hóa các lĩnh vực lợi ích đặc biệt của các nước đang phát triển và sự di chuyển của các thể nhân, đồng thời chú ý tới tác động của thương mại điện tử.

"Việc kiểm điểm kết quả thực thi các hiệp định mậu dịch đa phương của WTO phải nhằm khắc phục các bất cân đối và bảo đảm cho các điều khoản có lợi cho các nước đang phát triển được thực thi một cách hiệu quả".

Các bộ trưởng cũng kêu gọi các nước phát triển hãy chứng tỏ một sự cam kết dứt khoát và rạch ròi mở thị trường cho hàng xuất khẩu của các nước đang phát triển, và dành thị trường xuất khẩu được miễn thuế và miễn hạn ngạch cho các nước kém phát triển mà không ảnh hưởng đến các cam kết hiện hữu liên quan đến kế hoạch ưu đãi của các thành viên.

"Mọi cuộc thương lượng tương lai cần nhằm xoá bỏ các đỉnh điểm của thuế quan cũng như việc leo thang của chúng, và cần đưa thêm các hình thức trừng phạt để ngăn ngừa việc lạm dụng các biện pháp như chống phá giá, bù thuế và hành động bảo vệ an toàn, vệ sinh, các quy định về an toàn thực vật, các hàng rào kỹ thuật đối với mậu dịch, cũng như để ngăn ngừa việc tự nguyện hạn chế xuất khẩu đang có dấu hiệu tái diễn. Chương trình xây dựng các quy định nguồn gốc hàng hóa không được ưu đãi cần được thúc đẩy nhanh để đạt được các

quy định đơn giản, hài hoà và minh bạch hơn”.

Các bộ trưởng cũng hứa sẽ cùng theo đuổi một nghị trình tích cực cho các cuộc thương lượng mậu dịch đa phương tương lai với sự chú ý đặc biệt tới những vấn đề như chuyển giao công nghệ, bảo đảm an toàn thích đáng cho các nước đang phát triển, tín dụng cho việc độc lập tự do hóa, tài chính xuất khẩu, các thị trường hàng hóa và sự hội nhập của các nước đang phát triển vào hệ thống thương mại đa phương trên cơ sở công bằng.

“Các cuộc thương lượng đó cần kích hoạt các điều khoản của Hiệp định TRIPs liên quan tới chuyển giao công nghệ, lợi ích tương hỗ của người sáng chế kiến thức công nghệ và người sử dụng nó, và tìm kiếm các cơ chế để bảo vệ các nguồn sinh học đi kèm với các biện pháp trừng phạt để bảo vệ kiến thức truyền thống; tạo khả năng cho các nước đang phát triển, trong khuôn khổ Hiệp định TRIMs và Hiệp định về các biện pháp trợ cấp và đền bù, sử dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện các chính sách phát triển, đa dạng hóa và nâng cấp xuất khẩu”.

Các bộ trưởng G77 thấy rõ sự cần thiết phải có chế độ phân biệt và ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển. Bao gồm hỗ trợ cho các nước này những chi phí của thời kỳ quá độ và dành cho họ thời gian thành đạt các mục tiêu của phát triển và nâng cao sức cạnh tranh.

“Khái niệm đối xử đặc biệt và phân biệt cần được xem xét và tăng cường thêm, có tính đến những thay đổi thực tế của mậu dịch thế giới và của toàn cầu hóa sản xuất, và phải đi kèm với xây dựng năng lực, mở rộng tiếp cận thị trường và thúc đẩy các biện pháp do các nước phát triển tiến hành nhằm khuyến khích các doanh nghiệp và các thiết chế của họ chuyển giao công nghệ và bí quyết cũng như đầu tư vào các nước đang

phát triển”.

Lưu ý rằng việc loại bỏ các hàng rào mậu dịch sẽ không đủ để đẩy nhanh sự hội nhập của các nước đang phát triển vào hệ thống thương mại đa phương, bản Tuyên bố kêu gọi cộng đồng quốc tế mở rộng các chương trình hợp tác kỹ thuật và xây dựng năng lực, cũng như giúp đỡ khắc phục những thiếu hụt về phương diện cung ứng và cải thiện cơ sở hạ tầng thương mại của các nước đang phát triển, nhất là các nước kém phát triển và những nền kinh tế nhỏ bé.

“Có nhu cầu củng cố và tăng cường khu vực xuất khẩu của các nước đó, kích thích sự đóng góp tích cực của khu vực hàng tiêu dùng cho phát triển thông qua đa dạng hóa. Việc thực thi các hoạt động trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến mậu dịch của các nước chậm phát triển được Hội nghị cấp cao WTO 1997 ủng hộ, cần được đẩy nhanh, và chúng tôi kêu gọi các đối tác phát triển của chúng tôi cung cấp các nguồn lực cần thiết cho mục tiêu này”.

“Thêm nữa, chúng tôi kêu gọi cộng đồng quốc tế nghiêm chỉnh nghiên cứu các đề nghị do các nước chậm phát triển đưa ra trong hội thảo ở Nam Phi tháng Sáu 1999”.

Các bộ trưởng cũng lưu ý tầm quan trọng đối với tất cả các nước phải bảo đảm sự thống nhất giữa các chính sách mậu dịch quốc gia và các hiệp định thương mại đa phương. Liên quan đến vấn đề này, họ bày tỏ sự quan tâm đến:

- Việc tiếp tục sử dụng các biện pháp cưỡng ép về kinh tế chống lại các nước đang phát triển như trừng phạt thương mại và kinh tế đơn phương trái với luật pháp quốc tế, đặc biệt là những mưu toan mới nhằm áp đặt tại ngoại pháp tri

là sự vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc và các luật lệ của WTO;

- Tình trạng ban cấp ưu đãi mậu dịch cho một số nước đang phát triển kèm theo các điều kiện chẳng liên quan gì với mậu dịch. Các bộ trưởng cho rằng các thông lệ có hại đó, đi ngược với các quy định của WTO phải được loại bỏ.

Bản Tuyên bố cũng nêu lên cần giúp đỡ cho các nước đang phát triển đang muốn gia nhập WTO. “Các nước đó cần được yêu cầu những điều kiện không vượt quá hoặc không nằm ngoài những cam kết của các nước thành viên WTO là nước đang phát triển hoặc kém phát triển. Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi tất cả các thành viên WTO đừng áp đặt những đòi hỏi quá đáng hoặc quá khắt khe đối với việc xin gia nhập của các nước đang phát triển. Và do đó, cần có một quy trình rõ ràng, thống nhất và khẩn trương xét duyệt gia nhập phù hợp với các quy định và luật lệ của WTO”.

Các bộ trưởng cũng thừa nhận tầm quan trọng của việc hội nhập vùng và tiểu vùng. Những dân xếp như vậy tạo thuận lợi cho các luồng mậu dịch và đầu tư, kinh tế quy mô, tự do hóa kinh tế và hội nhập các thành viên vào hệ thống các quan hệ kinh tế quốc tế trong khuôn khổ của một chủ nghĩa khu vực mở, tạo đà tiến tới một hệ thống đa phương cởi mở hơn.

Tuyên bố chú ý tầm quan trọng của việc đạt được sự cân bằng hơn trong hoạch định chính sách kinh tế quốc tế. Các thiết chế quốc tế tham gia cần theo đuổi các chính sách hỗ trợ lẫn nhau khả dĩ tạo điều kiện cho các nước đang phát triển thu hoạch được lợi ích tối đa từ các Hiệp định đa phương về thương mại, đồng thời tôn trọng quyền lợi của các nước này như đã ghi rõ trong các hiệp định đó.

Phụ lục II

Báo cáo của OXFAM về WTO trước Nghị viện Anh

Mười đề nghị trình Hội nghị Siaton và xa hơn nữa¹

Thông điệp chủ đạo

Hội nghị cấp bộ trưởng thương mại của Tổ chức thương mại thế giới diễn ra tại Siaton đầu tháng Mười hai 1999 tạo ra một cơ hội quan trọng cho chính phủ Anh dẫn đầu trong việc đưa các quy chế thương mại tới chỗ phù hợp với các mục tiêu phát triển quốc tế đã được sự hưởng ứng rộng rãi.² Oxfam tin tưởng rằng, nhìn từ góc độ của những người nghèo chiếm một nửa số dân trên thế giới, các nguyên tắc cốt yếu cần được thoả thuận là:

- sân chơi thương mại thế giới phải được san bằng, vì lợi ích của các nước đang phát triển và thực tế nên nghiêng về phía có lợi cho khoảng sáu mươi quốc gia kém phát triển và dễ bị tổn thương nhất;
- việc mở rộng tự do hoá đa phương nên được đình chỉ cho đến khi có được một sự đánh giá đúng mức về vấn đề làm thế nào và với những điều kiện gì người nghèo có thể giành được những lợi ích bền vững;

1. Số 3, tháng Mười 1999.

2. Những mục tiêu này bao gồm: giảm một nửa tỷ lệ toàn cầu về nghèo tính trên thu nhập, giảm hai phần ba số ca tử vong của trẻ dưới năm tuổi, và phổ cập giáo dục tiểu học trước năm 2015.

- WTO không được xâm phạm sự lựa chọn về mặt đạo đức của người tiêu dùng và luật pháp của các quốc gia nhằm bảo vệ lao động, sức khỏe và môi trường ở cả phương Bắc và phương Nam;
- các chính sách và nguyên tắc thương mại đa phương phải được xã hội dân sự thảo luận rộng rãi hơn và quá trình ra quyết định phải minh bạch và có trách nhiệm hơn.

Giới thiệu

Các bộ trưởng thương mại gặp mặt vào cuối tháng Mười một 1999 tại Siaton, Mỹ để thảo luận quy mô và trọng tâm của các cuộc thương lượng tương lai tại WTO. Các cuộc thảo luận của họ sẽ có tác động lớn tới người nghèo mà cuộc sống đang chịu ảnh hưởng ngày càng tăng của các nguyên tắc và cam kết mậu dịch đa phương. Hội nghị bộ trưởng kỳ này đem đến cho các nước thành viên của WTO một cơ hội quan trọng để xem xét lại những thoả thuận hiện hành của WTO và để bắt đầu chuyển đổi các quy chế thương mại quốc tế sao cho có thể giảm đói nghèo và xúc tiến phát triển bền vững. Các mục tiêu phát triển quốc tế mà Anh đã hoàn toàn ủng hộ sẽ là tiêu chí để đánh giá những cố gắng của WTO.

Trong hai thập kỷ qua, thị phần hàng xuất khẩu của 48 nước chậm phát triển nhất (LDC), chiếm 10 phần trăm số dân thế giới, đã giảm xuống chỉ còn một tỷ lệ rất nhỏ là 0,4 phần trăm. Mỹ và EU với tổng số dân xấp xỉ như vậy, lại chiếm tới 50 phần trăm lượng hàng hoá xuất khẩu của thế giới. UNCTAD ước tính rằng, việc thực hiện các thoả thuận của Vòng Uruguay sẽ làm cho các nước LDC bị thua thiệt từ 163 đến 265 triệu USD trong kim ngạch xuất khẩu, và đồng thời buộc họ phải chi thêm từ 145 đến 292 triệu USD để nhập khẩu lương thực.

Chiều hướng các nước nghèo nhất và những người khổ cực

Tổ chức thương mại thế giới là gì?

Năm 1948, một nhóm các nước quyết định tiến hành thương thuyết về việc cắt giảm thuế quan và thành lập Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). Mục đích của GATT là tạo ra một hệ thống lâm thời cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương song trong thực tế nó đã tồn tại cho đến khi WTO ra đời năm 1995. Các thỏa thuận của GATT đạt được thông qua hàng loạt các 'vòng' đàm phán lôi kéo sự tham gia của ngày càng nhiều quốc gia. 'Vòng Uruguay' 1986 - 1994 mở rộng phạm vi của các nguyên tắc thương mại quốc tế, bao gồm: hàng hoá, dịch vụ và sở hữu trí tuệ. Nó còn thành lập nên WTO, đặt trụ sở tại Geneva, với tư cách là một tổ chức thành viên quốc tế có thêm nhiều quyền lực chấp pháp hơn. GATT với tư cách là một cơ quan quốc tế được thay thế bởi WTO, song GATT với tư cách là một hiệp ước mẫu dịch vẫn tiếp tục là một trong những thỏa thuận dưới sự giám sát của WTO. WTO có 134 nước thành viên, 3 phần 4 số đó là các nước đang phát triển. 30 nước khác đang thương lượng để xin gia nhập.

Mục đích của WTO là khuyến khích tăng dần tự do hoá thương mại thông qua hoạt động đàm phán và thực thi hàng loạt các thỏa thuận thương mại đa phương. Lời mở đầu trong văn bản khai sinh WTO bao gồm một số mục tiêu phi thương mại như: mức sống cao hơn và toàn dụng lao động, còn các thỏa thuận của nó ảnh hưởng tới nhiều chính sách quốc gia về kinh tế và xã hội, chẳng hạn như đầu tư, an ninh lương thực và y tế. Trong thực tế, các cuộc thương thuyết này đều bị chi phối bởi lợi ích thương mại của các nước thành viên và được tiến hành bởi các quan chức thương mại. Ảnh hưởng của các công ty xuyên quốc gia đối với vị thế đàm phán của các chính phủ là rất đáng kể. Đối với Anh, Bộ Thương mại và công nghiệp là cơ quan đứng đầu giải quyết các công việc liên quan đến WTO.

nhất phải gánh chịu sự bất bình đẳng và thiệt thòi trong việc hưởng lợi từ hoạt động thương mại quốc tế phải được đảo ngược lại. Để làm được như vậy, bên cạnh những nhân tố khác, phải có sự thay đổi về cán cân lực lượng trong WTO, từ chỗ vì các lợi ích của các công ty lớn và những mối quan tâm chiến lược của nhóm G7 sang nhu cầu của những người bị thua thiệt.

Chương trình nghị sự của Hội nghị Siaton và nội dung của các cuộc thương lượng tương lai vẫn đang được thảo luận. Các nước thành viên đã cam kết trước là sẽ xem xét lại tiến bộ của tự do hoá thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ, của việc bảo vệ sở hữu trí tuệ và phi điều tiết đầu tư. Tuy nhiên, chương trình nghị sự 'cài sẵn' này chứa đựng nhiều vấn đề gây tranh cãi và không dễ dàng gì đạt được sự đồng thuận. EU kêu gọi tổ chức một vòng đàm phán toàn diện hơn, gọi là 'Vòng thiên niên kỷ', nhằm tự do hoá những lĩnh vực quan trọng như đầu tư, chính sách cạnh tranh, mua sắm của chính phủ và thuế quan công nghiệp. EU cũng kêu gọi các nguyên tắc thương mại bao gồm những quy định bảo đảm quyền lao động và bảo vệ môi trường. Mỹ thì muốn có một vòng đàm phán hẹp hơn về những vấn đề quan trọng đối với lợi ích thương mại của mình. Tuy nhiên, nhiều nước đang phát triển đang phản đối việc tiến hành một vòng thương lượng toàn diện với lý do là họ không có đủ khả năng để đàm phán một cách có hiệu quả cùng một lúc nhiều vấn đề và có thể buộc phải chấp nhận những nhượng bộ không tương hợp với các chiến lược phát triển của họ.

Quan điểm của Oxfam về chương trình nghị sự của WTO

Oxfam cho rằng thách thức lớn nhất đối với WTO là việc thiết kế các quy chế thương mại quốc tế có khả năng đóng góp cho sự phát triển bền vững và đem lại lợi ích cho số người nghèo trên

thế giới. Vì vậy, chúng tôi hoan nghênh lời kêu gọi của bà Clare Short rằng các cuộc thương lượng tới đây cần lấy phát triển làm một trọng điểm. Trong khuôn khổ mục tiêu chung đó, chúng tôi hoan nghênh Chính phủ Anh xúc tiến một chương trình nghị sự mười điểm cho Hội nghị Siaton và xa hơn nữa.

“Hơn bao giờ hết, thương mại và các quy tắc của hệ thống thương mại - giao hoà với hàng loạt các vấn đề và mối quan tâm có tác động mạnh mẽ tới cuộc sống hàng ngày của con người...”. **Renato Ruggiero**, nguyên Tổng giám đốc WTO

1. Đánh giá lại tốc độ của tự do hoá

Điều quan trọng là phải xem xét những thoả thuận hiện hành liên quan tới các nước đang phát triển, với sự quan tâm đặc biệt đến các cộng đồng nghèo và môi trường của họ, trước khi bắt đầu một giai đoạn tự do hoá đa phương sâu rộng hơn. Đã có bằng chứng cho thấy quá trình tự do hóa thương mại với tiến độ không hợp lý và các biện pháp hỗ trợ không phù hợp có thể sẽ làm tăng sự bất bình đẳng trong nước và giữa các nước và gây phương hại tới môi sinh của họ. Tuy nhiên, cần có phân tích sâu hơn để nâng cao nhận thức về các mối quan hệ nhân quả này và thông tin định hướng cho các cuộc thương lượng trong tương lai. Một nghiên cứu như thế nên được tiến hành độc lập cũng như thông qua các cơ chế của WTO, dựa vào kỹ năng của các cơ quan Liên hợp quốc.

2. Dỡ bỏ mọi hàng rào đối với hàng hoá xuất khẩu từ các nước đang phát triển

WTO phải giải quyết vấn đề tiếp cận thị trường cho hàng hoá xuất

khẩu từ các nước đang phát triển, gồm cả hàng dệt và nông sản. Oxfam hy vọng EU sẽ vận động mạnh mẽ việc giành mức thuế quan bằng 0 phần trăm cho hàng xuất khẩu từ các nước đang phát triển sang thị trường của các nước phát triển trước năm 2003. EU cũng nên kêu gọi thúc đẩy nhanh việc thi hành Hiệp định về hàng dệt và may mặc, giúp cải thiện khả năng tiếp cận thị trường ngoài nước cho các nước như Cộng hoà Dominica và Sri Lanka, nơi Oxfam đang có các chương trình cải thiện điều kiện làm việc tại các xí nghiệp sản xuất hàng may mặc. Các nước phát triển cũng nên xóa bỏ tập quán 'bậc thang thuế quan' (ví dụ như thuế quan đánh vào mặt hàng cà phê hoà tan cao hơn so với cà phê nguyên hạt) vì điều đó kìm hãm quá trình công nghiệp hoá ở các nước đang phát triển.

Không phải là lúc để làm nghề trồng ngô...

Nghiên cứu của Oxfam ở Philippin ước tính rằng thu nhập bình quân của các hộ tiểu nông trồng ngô trên đảo Mindanao tới năm 2000 sẽ giảm 15 phần trăm, và tới năm 2004 sẽ giảm khoảng 30 phần trăm do ảnh hưởng của việc thực hiện Hiệp định về nông nghiệp của Vòng Uruguay làm cho giá ngô nhập khẩu trở nên rẻ mạt. Cái giá về mặt xã hội của tự do hoá mậu dịch đối với các gia đình bị ảnh hưởng sẽ rất cao, vì họ buộc phải cắt giảm chi tiêu, chẳng hạn cho việc học hành của con cái họ, và phải tìm kiếm các nguồn thu nhập khác.

3. San bằng sân chơi

Các nước phát triển phải ngừng việc phá giá và trợ giá xuất khẩu, đặc biệt trong ngành nông nghiệp. Việc làm và thu nhập đều chịu tác động xấu bởi những kiểu can thiệp này, và thường là do lỗi của các nước châu Âu. Như nhiều tài liệu của Oxfam đã nói tới tình

trung ở các nước như Mêhicô, Philippin và miền Nam châu Phi, giới tiểu nông là những người đặc biệt chịu ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh không lành mạnh này. Ngay cả ở những nơi có sự cạnh tranh quốc tế 'lành mạnh', các quy chế của WTO cũng không nên ngăn cản các nước đang phát triển bảo vệ ngành nông nghiệp trong nước nhằm bảo đảm an ninh lương thực.

... hay trồng chuối

"Nếu ngành chuối tan rã, điều đó sẽ đồng nghĩa với sự nghèo đói của hàng ngàn người. Cả đời tôi làm nghề trồng chuối. Tôi có chín đứa con. Làm sao tôi có thể kiếm đủ tiền để nuôi chúng nếu không có chuối?". Claudius Jan-Marie, nông dân trồng chuối, Roseau Valley, San Luxia.

4. Cải thiện những dàn xếp đặc biệt cho các nước LDC và các nền kinh tế nhỏ, dễ bị tổn thương

Các chế độ đối xử đặc biệt và có phân biệt (SDT) dành cho các nước LDC phải được tăng cường và mở rộng đến cả các quốc gia nhỏ bị lệ thuộc vào một số ít mặt hàng xuất khẩu. Chế độ này cho phép được tiếp cận thị trường mà không cần phải có đi có lại cả trong các hiệp ước thương mại đa phương và khu vực, và thời hạn để tuân thủ các thoả thuận của WTO được kéo dài hơn. Những lợi ích này hiện vẫn chưa được áp dụng cho các nước đang phát triển khác, mặc dù họ có thể phụ thuộc rất nặng vào một hoặc hai mặt hàng xuất khẩu. Trong vụ tranh chấp giữa Mỹ và EU về vấn đề EU dành sự đối xử ưu đãi cho mặt hàng chuối nhập khẩu từ các nước vùng Caribê, WTO đã phán quyết cho Mỹ thắng. Tầm quan trọng của chuối đối với nền kinh tế của các quốc đảo nhỏ bé này bị xem là không liên quan.

Mua bán công bằng

Chương trình mua bán công bằng của Oxfam nhằm mục đích đào tạo, tư vấn kỹ thuật và tạo sự tiếp cận thị trường cho các nhà sản xuất nhỏ. Bằng việc duy trì giá cả hợp lý và tuân thủ các công ước chủ đạo của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về chu trình sản xuất, chương trình này đem lại lợi ích cho các nước xuất khẩu đồng thời bảo đảm cho cả người sản xuất và công nhân cùng hưởng lợi. Các chính phủ có thể hỗ trợ thực hiện những chương trình tương tự có quy mô lớn hơn.

5. Hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các nước LDC

Cần có những cam kết hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các nước LDC để giúp họ tận dụng được các cơ hội buôn bán và tham gia đàm phán thương mại quốc tế một cách có hiệu quả. Xuất khẩu đang ngày càng trở nên một thách thức đối với các xí nghiệp nhỏ và vừa, vì họ vừa phải thoả mãn các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, vừa phải đáp ứng thị hiếu của khách hàng; họ còn cần tiếp cận được các nguồn tín dụng, thông tin có chất lượng về thị trường và xây dựng khả năng để thành công. Trong các cuộc đàm phán thương mại, các nước LDC chịu thiệt thòi rất lớn vì họ không có đại diện ở Geneva, nơi WTO tổ chức tới khoảng 50 cuộc hội họp mỗi tuần, và vì họ thiếu kỹ năng và kinh nghiệm cần có tại các cuộc đàm phán lớn.

6. Không cản trở quyền lựa chọn mang tính đạo lý của người tiêu dùng và sự bảo hộ người tiêu dùng

Cần cải cách các quy định của WTO để giúp các chính phủ và người tiêu dùng phân biệt được chủng loại sản phẩm theo các tiêu

Các vấn đề tôm, thịt bò, Mianma, thức ăn biến đổi gen và sôcôla của Oxfam có gì chung?

- WTO quyết định rằng Mỹ không được cấm nhập khẩu các loại tôm đánh bắt bằng lưới đe dọa loại rùa biển;
- WTO quyết định rằng EU không được cấm nhập thịt bò đã qua xử lý hoóc môn;
- WTO có thể quyết định rằng bang Massachusetts không được bác đơn dự thầu các hợp đồng công ích của các công ty có quan hệ buôn bán chặt chẽ với Mianma, một chế độ bị các nước phương Tây coi là đàn áp nhất trên thế giới;
- nếu Mỹ chính thức khiếu nại, WTO có thể sẽ bãi bỏ quy định của EU về việc bắt buộc dán nhãn trên các sản phẩm biến đổi gen của EU;
- hơn nữa, rất có thể WTO sẽ cấm các chương trình tự nguyện dán nhãn hàng hoá đạt các tiêu chuẩn về đạo đức hoặc mua bán công bằng, nếu các chương trình đó phải được chính phủ cho phép.

chí đạo đức, môi trường và sức khoẻ con người. Hiện nay, đang có một số trường hợp được nêu ra trong hệ thống xử lý tranh chấp của WTO cho thấy yêu cầu của khách hàng có được thông tin đầy đủ để lựa chọn sản phẩm đang bị đe dọa. Điều này làm cho WTO vượt ra khỏi vai trò hợp pháp của nó, tức là phải bảo đảm rằng các chính phủ không lạm dụng những lý do liên quan đến đạo đức hay y tế công bằng để bảo hộ các ngành công nghiệp của họ tránh khỏi sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu có giá cả thấp hơn. Các vấn đề y tế, chẳng hạn như ảnh hưởng của nông nghiệp do biến đổi gen, có liên quan tới nhân dân các nước đang phát triển không kém so với các nước phương Bắc.

Hiệp định TRIPs và tân dược

Hiệp định TRIPs đòi hỏi các nước phải áp dụng bằng sáng chế đối với cả sản phẩm và quy trình sản xuất, trong khi nhiều nước trước đây chỉ áp dụng cho quy trình sản xuất. Việc này sẽ ngăn chặn các nước đang phát triển không tiếp thu được công nghệ mới thông qua mô phỏng, chẳng hạn, thông qua sản xuất trong nước các loại dược phẩm đã được cấp bằng sáng chế theo một quy trình khác. Những cách làm đó đã giúp các nước đang phát triển duy trì được nguồn cung cấp tân dược vừa túi tiền của những người có thu nhập thấp. Ngay cả khi chưa đến thời hạn cuối cùng cho các nước đang phát triển thực hiện Hiệp định TRIPs, nhằm hỗ trợ các công ty dược phẩm của mình, Chính phủ Mỹ hiện đang gây sức ép, hối thúc các nước đang phát triển thay đổi luật và các chính sách về tân dược trong nước, để tuân thủ, thậm chí trong một số trường hợp, vượt quá cả yêu cầu của Hiệp định TRIPs. Do nhiều áp lực chính trị trong nước, Chính phủ Mỹ mới chịu nhượng bộ sau một cuộc đối đầu mới đây với Nam Phi về vấn đề Nam Phi sản xuất thuốc chữa trị AIDS với giá cả phải chăng.

7. Bảo vệ các quyền lao động

Cần thành lập một nhóm làm việc ILO-WTO để xem xét mối liên hệ giữa tự do hoá mậu dịch và các tiêu chuẩn về lao động, và đề xuất những cơ chế đưa các quyền then chốt về lao động vào các quy định của WTO. WTO không thể là phương tiện chính để bảo đảm rằng các công ty thương mại không vi phạm nặng nề các quyền thuê mướn nhân công. Tuy nhiên, Oxfam tin tưởng rằng các công ước của ILO về tự do lập hội và mặc cả tập thể sẽ được đưa vào các hiệp định thương mại, với điều kiện có những biện pháp

Một hiệp định về đầu tư tại WTO?

EU đang kêu gọi đưa nội dung đầu tư vào chương trình nghị sự của WTO. Vấn đề mà Oxfam quan tâm là nếu quả đầu tư của tư nhân nước ngoài đóng góp cho sự phát triển bền vững thì tự do hoá đầu tư phải được cân bằng bởi điều tiết trong nước và quốc tế. Đặc biệt, cần có các qui tắc quốc tế để cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư. Chúng tôi cho rằng WTO không phải là một diễn đàn thích hợp cho việc xây dựng các quy tắc này. Thay vào đó, EU nên đề ra một cách tiếp cận mới, đặc biệt là cần thông qua một bộ quy tắc hành xử quốc tế mang tính ràng buộc cho các doanh nghiệp. Một sáng kiến như thế có thể được thảo luận và xây dựng bởi cộng đồng quốc tế trong Hội nghị UNCTAD X sắp được tổ chức tại Băngcôc vào tháng Hai 2000. Hội nghị này cũng có thể thảo luận việc thiết lập một khung thiết chế phù hợp cho việc xây dựng bất kỳ thoả thuận đầu tư quốc tế nào trong tương lai đi kèm với các tiêu chuẩn về trách nhiệm công ty được quốc tế thừa nhận. Oxfam tin rằng cần có một cơ chế đàm phán mới, có thể tận dụng được kỹ năng chuyên môn của UNCTAD, WTO và các cơ quan Liên hợp quốc có liên quan khác.

ngăn ngừa không để cho các nước phát triển lạm dụng để bảo hộ, và ILO phải đứng ra giám sát việc thực hiện.

8. Không để cho luật sở hữu trí tuệ chi phục vụ các công ty khổng lồ

WTO không nên bị biến thành chiếc gậy để buộc các nước đang phát triển phải ký kết tất cả các luật về sở hữu trí tuệ do các nước giàu đề ra, chủ yếu nhằm phục vụ lợi ích cho các công ty của họ.

Hiệp định TRIPs buộc tất cả các quốc gia thành viên phải tuân thủ các luật sở hữu trí tuệ chung có thể trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng bất lợi đến những người tiêu dùng và nông dân nghèo. Chẳng hạn, các doanh nghiệp canh nông có thể đăng ký sáng chế cho các loại giống cây trồng đã được nông dân lai tạo từ hàng ngàn năm nay, hoặc có thể hạn chế việc sử dụng kỹ thuật biến đổi gen dành cho những sản phẩm mang lại lợi nhuận cao, nhưng lại ngăn chặn các ứng dụng làm lợi cho tiểu nông. Các nước phải có khả năng tự định đoạt cơ chế bảo vệ sở hữu trí tuệ của mình, bao gồm cả việc không cấp bằng sáng chế cho các sinh thể.

9. Giảm tiến độ tự do hoá

Những vấn đề như mua sắm của chính phủ, chính sách cạnh tranh và đầu tư không nên được đề cập trong các cuộc thương lượng sắp tới. Chương trình nghị sự 'cài sẵn' đã là quá tham vọng đối với đa số các nước đang phát triển. Hơn nữa, các quy định trong những lĩnh vực này sẽ buộc các nước đang phát triển phải mở cửa các nền kinh tế của họ cho các công ty nước ngoài khi chưa chín muồi, và khi chưa có những cơ chế điều tiết và những biện pháp hỗ trợ nhằm bảo đảm rằng các quy định đó sẽ giúp đạt được các mục tiêu phát triển quốc gia.

10. Dành quyền phát biểu cho mọi công dân

Quá trình xây dựng chính sách của WTO phải được soát xét kỹ càng hơn và phải có trách nhiệm hơn. Nghị viện các nước và Nghị viện châu Âu cần phải có trò tích cực hơn trong việc xác định các mục tiêu đàm phán và trong việc giám sát thường xuyên tiến trình đàm phán. Quy chế ưu đãi mà các chuyên gia vận động hành lang cho các công ty vẫn được hưởng từ trước tới nay cần được làm cân bằng bởi việc tạo cơ hội tham gia rộng rãi hơn cho xã hội dân sự trong các cuộc tranh luận, chẳng hạn như tham vấn trên phạm vi quốc gia và bãi bỏ việc hạn chế các tài liệu đàm phán.

Phụ lục III

Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng WTO tại Singapo

thông qua ngày 13 tháng Mười hai 1996

Mục đích

1. Chúng tôi, các bộ trưởng, gặp mặt tại Singapo từ ngày 9 đến 13 tháng Mười hai 1996 trong phiên họp thường kỳ cấp bộ trưởng đầu tiên hai năm một lần của WTO, theo quy định tại Điều IV của Hiệp ước thành lập Tổ chức thương mại thế giới, để đẩy mạnh hoạt động của WTO với tư cách là một diễn đàn đàm phán, thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá thương mại trong khuôn khổ một cơ chế dựa trên các quy tắc và đánh giá các chính sách mậu dịch, đặc biệt là nhằm:

- đánh giá việc thực hiện các cam kết của chúng tôi theo các thỏa thuận và quyết định của WTO;
- xem xét các cuộc thương lượng đang tiến hành và Chương trình hoạt động;
- xem xét những bước phát triển của mậu dịch quốc tế; và
- đề cập những thách thức của một nền kinh tế toàn cầu đang lớn mạnh.

Mậu dịch và tăng trưởng kinh tế

2. Gần 50 năm nay, các nước thành viên của GATT trước đây và

WTO hiện nay, luôn cố gắng hoàn thành các mục tiêu đề ra trong Lời mở đầu của Thoả thuận WTO về việc thực thi các quan hệ mậu dịch nhằm nâng cao mức sống trên toàn thế giới. Sự tăng trưởng của thương mại toàn cầu nhờ quá trình tự do hoá mậu dịch dựa trên các quy tắc thoả thuận. Những thành tựu của WTO trong hai năm đầu tiên hoạt động cho thấy nguyện vọng chung của chúng ta là cộng tác để tận dụng mọi khả năng nhằm đẩy mạnh tăng trưởng và phát triển bền vững đồng thời góp phần xây dựng các mối quan hệ quốc tế ổn định và vững chắc.

Hội nhập của các nền kinh tế: cơ hội và thách thức

3. Chúng tôi tin tưởng rằng quy mô và tiến độ vận động của nền kinh tế quốc tế, trong đó có cả tăng trưởng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và đầu tư trực tiếp và sự hội nhập ngày càng tăng về kinh tế, sẽ mở ra những cơ hội chưa từng có cho sự tăng trưởng hơn nữa, tạo việc làm và sự phát triển. Những biến động này đòi hỏi có sự điều chỉnh của các nền kinh tế và các dân tộc. Đồng thời, chúng cũng đề ra những thách thức đối với hệ thống mậu dịch. Chúng tôi cam kết sẽ tìm cách giải quyết những thách thức này.

Các tiêu chuẩn lao động cốt yếu

4. Chúng tôi tiếp tục cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn lao động cốt yếu đã được quốc tế công nhận. Tổ chức lao động quốc tế (ILO) là cơ quan có thẩm quyền xây dựng và xử lý các tiêu chuẩn đó, chúng tôi khẳng định sự ủng hộ của chúng tôi đối với chức năng này của ILO. Chúng tôi tin tưởng rằng tăng trưởng và phát triển kinh tế nhờ tăng cường mậu dịch và tự do hoá

mậu dịch sẽ góp phần vào việc áp dụng những tiêu chuẩn này. Chúng tôi phản đối việc sử dụng các tiêu chuẩn lao động nhằm mục đích bảo hộ, và nhất trí rằng lợi thế so sánh của các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển có chi phí lao động thấp, nhất thiết không được đưa thành vấn đề. Như vậy là chúng tôi nhấn mạnh việc Ban thư ký WTO và ILO sẽ tiếp tục sự cộng tác hiện có.

Lề hoá

5. Chúng tôi cam kết khắc phục vấn đề các nước kém phát triển nhất bị gạt ra ngoài lề (lề hoá), và nguy cơ này đối với cả một số nước đang phát triển. Chúng tôi sẽ tiếp tục tăng cường sự cố kết của quá trình ra quyết định kinh tế quốc tế và sự điều phối giữa WTO và các thiết chế khác trong hoạt động hỗ trợ kỹ thuật.

Vai trò của WTO

6. Để theo đuổi mục đích tăng trưởng và phát triển bền vững vì lợi ích chung, chúng tôi hướng tới một thế giới tự do mậu dịch. Để đạt được điều này, chúng tôi tiếp tục cam kết thực hiện:

- một hệ thống mậu dịch dựa trên các quy tắc công bằng, bình đẳng và cởi mở hơn;
- tự do hoá mậu dịch và xoá bỏ các hạn chế thuế quan và phi thuế quan trong mậu dịch hàng hoá;
- tự do hoá ngày càng tăng mậu dịch dịch vụ;
- phản đối mọi hình thức bảo hộ;
- chấm dứt sự phân biệt đối xử trong các quan hệ mậu dịch quốc tế;
- hội nhập các nước đang phát triển và kém phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi vào hệ thống đa phương; và

- mức độ minh bạch cao nhất có thể được

Các thoả thuận khu vực

7. Chúng tôi nhận thấy rằng quan hệ mậu dịch của các nước thành viên WTO đang ngày càng chịu ảnh hưởng của các thoả thuận mậu dịch khu vực, vốn đã được mở rộng về cả số lượng, phạm vi và tầm bao quát các lĩnh vực. Những sáng kiến như thế có thể đẩy mạnh tự do hoá và giúp các nền kinh tế kém phát triển, đang phát triển và chuyển đổi hội nhập vào hệ thống mậu dịch quốc tế. Trong bối cảnh này, chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của các thoả thuận khu vực hiện hữu. Sự mở rộng và phạm vi của các thoả thuận mậu dịch khu vực cho thấy một điều quan trọng là phải phân tích được liệu hệ thống các quyền lợi và nghĩa vụ của WTO khi có liên quan tới các thoả thuận mậu dịch khu vực có cần giải thích rõ ràng hơn hay không. Chúng tôi tái khẳng định tầm quan trọng hàng đầu của hệ thống mậu dịch đa phương, trong đó chứa đựng một khuôn khổ cho việc xây dựng các thoả thuận mậu dịch khu vực, và chúng tôi tiếp tục cam kết bảo đảm rằng các thoả thuận mậu dịch khu vực bổ sung cho hệ thống mậu dịch đa phương và nhất quán với các quy tắc của nó. Vì vậy, chúng tôi hoan nghênh sự thành lập và ủng hộ hoạt động của Ủy ban về các thoả thuận mậu dịch khu vực. Chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh quá trình tự do hoá trong WTO, vì chúng tôi cam kết thực hiện Thoả thuận WTO và các Quyết định được thông qua tại Marrakesh, và làm như thế để tạo điều kiện cho các quá trình tự do hoá mậu dịch toàn cầu và khu vực vì lợi ích chung.

Gia nhập

8. Điều quan trọng là 28 nước đang tiến hành thương lượng

hiện nay phải đóng góp vào việc hoàn thành quá trình xin gia nhập bằng việc chấp nhận các quy tắc của WTO và đưa ra những cam kết có ý nghĩa về việc mở cửa thị trường của họ. Chúng tôi sẽ cố gắng đưa những nước này nhanh chóng tham gia vào hệ thống WTO.

Giải quyết tranh chấp

9. Quy ước giải quyết tranh chấp (DSU) là một phương tiện để giải quyết các tranh chấp giữa các thành viên. Đây là quy ước duy nhất về vấn đề này trong các thoả thuận quốc tế. Chúng tôi coi sự hoạt động minh bạch của quy ước này có tầm quan trọng căn bản bảo đảm cho việc giải quyết các tranh chấp, và thúc đẩy việc thực hiện và áp dụng các thoả thuận của WTO. Các quy ước, bao gồm khả năng khiếu nại quyết định của ban bồi thẩm lên một Cơ quan xét xử tối cao và các quy định về việc thi hành các phán quyết, đã góp phần khắc phục sự khác biệt giữa các thành viên. Chúng tôi tin rằng DSU đã hoạt động có hiệu quả trong hai năm đầu tiên vừa qua. Chúng tôi cũng nhấn mạnh vai trò mà một số cơ quan của WTO đã đảm nhiệm trong việc tránh phát sinh tranh chấp. Chúng tôi vẫn quyết tâm tuân thủ các quy tắc và thủ tục của DSU và các thoả thuận khác của WTO trong việc tiến hành các quan hệ mậu dịch và giải quyết tranh chấp. Chúng tôi tin rằng với kinh nghiệm đã tích lũy, kể cả việc chấp hành các phán quyết của ban bồi thẩm và cơ quan xét xử tối cao, DSU sẽ tăng cường hơn nữa hiệu quả và uy tín của hệ thống giải quyết tranh chấp.

Thi hành

10. Chúng tôi ưu tiên cao việc thi hành đầy đủ và có hiệu quả Thoả thuận WTO theo phương thức nhất quán với mục tiêu của

tự do hoá thương mại. Việc thi hành thoả thuận này cho tới nay nói chung đạt yêu cầu, mặc dù đã có một số nước thành viên tỏ ra không bằng lòng với một số khía cạnh của thoả thuận. Như đã đề cập trong báo cáo của một số bộ phận có liên quan thuộc WTO, rõ ràng là cần có thêm nỗ lực trong lĩnh vực này. Việc thực hiện các cam kết cụ thể với lịch trình do các thành viên đưa ra liên quan tới sự tiếp cận thị trường hàng hoá công nghiệp và dịch vụ xem ra đang tiến triển thuận lợi. Việc giám sát quá trình thực hiện đó riêng trong khía cạnh tiếp cận thị trường công nghiệp có thể được tăng cường nếu có được các dữ liệu về mậu dịch và thuế quan kịp thời. Sự tiến bộ cũng đạt được trong việc khởi xướng chương trình cải cách trong nông nghiệp của WTO, trong đó có cả việc thực hiện những nhượng bộ đã thoả thuận về sự tiếp cận thị trường và những cam kết trợ giá trong nước và trợ giá xuất khẩu.

Các thủ tục thông báo và chế định

11. Việc tuân thủ các yêu cầu về thủ tục thông báo chưa hoàn toàn thoả đáng. Do cơ chế hoạt động của WTO phụ thuộc vào công tác giám sát - coi đó là phương tiện để đánh giá việc thi hành các thoả thuận, những thành viên chưa trình các thông báo đúng thời hạn, hoặc những thông báo đó không hoàn chỉnh phải tiếp tục cố gắng khắc phục. Đồng thời, các bộ phận có liên quan, khi xem xét đơn đề nghị thực tế, phải tiến hành những bước đi thích hợp nhằm đẩy mạnh việc tuân thủ đầy đủ các thoả thuận để đơn giản hoá các thủ tục thông báo.

Trong trường hợp cần có chế định pháp lý để thực hiện các nguyên tắc của WTO, các thành viên sẽ phải quan tâm tới những nghĩa vụ của họ đối với việc hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước mà không bị chậm trễ thêm. Những thành viên đã

được xếp vào giai đoạn chuyển đổi được hồi thúc tiên hành các bước cần thiết để bảo đảm việc thực hiện đúng thời hạn những nghĩa vụ đáo hạn. Mỗi thành viên nên xem xét kỹ lưỡng hệ thống luật pháp hiện hữu hoặc đã đề nghị, những chương trình và biện pháp nhằm bảo đảm sự tương thích đầy đủ với các nghĩa vụ của WTO, nên xem xét cẩn thận những điểm đã nêu ra trong đánh giá tổng kết của các bộ phận có liên quan của WTO về tính nhất quán của cơ sở pháp lý, các chương trình và biện pháp, và đưa ra những thay đổi thích hợp nếu cần thiết.

Các nước đang phát triển

13. Sự hội nhập của các nước đang phát triển vào hệ thống mậu dịch đa phương có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các nước này và việc mở rộng mậu dịch toàn cầu. Liên quan tới vấn đề này, chúng tôi nhắc lại rằng Thoả thuận WTO cho thấy có những quy định cho phép có sự đối xử khác biệt và ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển, trong đó đặc biệt chú ý tới tình trạng của các nước kém phát triển. Chúng tôi ghi nhận thực tế thành viên là các nước đang phát triển đã thực hiện những cam kết mới có ý nghĩa, cả về nghĩa vụ và thủ tục. Chúng tôi cũng thấy được phạm vi và nội dung những nỗ lực mà họ đang thực hiện nhằm tuân thủ các cam kết đó. Để hỗ trợ họ trong những nỗ lực này, kể cả liên quan tới các quy định về thông báo và pháp lý, chúng tôi sẽ tăng cường cung cấp hỗ trợ kỹ thuật theo những hướng dẫn đã thoả thuận. Chúng tôi cũng đã nhất trí với những khuyến nghị liên quan tới quyết định đưa ra tại Marrakesh về những ảnh hưởng tiêu cực của chương trình cải cách nông nghiệp đối với các nước kém phát triển và các nước đang phát triển phải nhập khẩu lương thực.

Các nước chậm phát triển

14. Chúng tôi tiếp tục quan tâm tới những vấn đề của các nước kém phát triển và đã nhất trí với:

- một Kế hoạch hành động, bao gồm cả quy định về việc phải tiến hành các biện pháp tích cực, chẳng hạn như việc miễn thuế, trên cơ sở tự quản, nhằm tăng cường khả năng cho họ để tận dụng được những cơ hội mà hệ thống mậu dịch tạo ra;
- việc xây dựng nội dung tác nghiệp cho Kế hoạch hành động đó, chẳng hạn, bằng cách củng cố môi trường đầu tư và tạo điều kiện tiếp cận thị trường ổn định và thuận lợi cho sản phẩm của các nước chậm phát triển, để thúc đẩy việc mở rộng và đa dạng hoá hàng hoá xuất khẩu của họ tới tất cả các nước đang phát triển; và trong trường hợp các nước đang phát triển có liên quan và bối cảnh Hệ thống ưu đãi mậu dịch toàn cầu; và
- tổ chức một hội nghị với UNCTAD và Trung tâm thương mại quốc tế càng sớm càng tốt vào năm 1997, với sự tham gia của các cơ quan viện trợ, các định chế tài chính quốc tế và các nước kém phát triển để tìm cách hỗ trợ các nước này tăng cường các cơ hội tham gia vào mậu dịch quốc tế.

Dệt và may mặc

15. Chúng tôi khẳng định cam kết của chúng tôi đối với việc thực hiện đầy đủ và trung thành các quy định của Thỏa thuận về hàng dệt và may mặc (ATC). Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa các sản phẩm dệt, như đã được quy định trong ATC, vào GATT 1994 theo những luật lệ và nguyên tắc

đã được tu chỉnh của nó, do ý nghĩa đối với đối với một hệ thống mậu dịch không phân biệt đối xử, cũng như căn cứ trên các nguyên tắc và sự đóng góp vào việc tăng kim ngạch xuất khẩu cho các nước đang phát triển. Chúng tôi coi trọng việc thi hành thoả thuận này nhằm bảo đảm sự chuyển đổi có hiệu lực của GATT 1994 theo phương thức hội nhập - một phương thức mang tính chất tiến bộ. Việc sử dụng các biện pháp bảo hộ phù hợp với các quy định của ATC càng ít càng tốt. Chúng tôi quan tâm đến việc sử dụng các biện pháp hạn chế mậu dịch khác. Chúng tôi tái khẳng định tầm quan trọng của việc thực hiện đầy đủ các quy định của ATC liên quan tới các nhà cung cấp nhỏ, những doanh nghiệp mới tham gia thị trường và các thành viên là các nước chậm phát triển, cũng như những quy định liên quan tới các nước thành viên sản xuất và xuất khẩu bông. Chúng tôi nhận thức được tầm quan trọng của các sản phẩm len đối với một số nước thành viên. Chúng tôi khẳng định lại rằng, với tư cách là một phần của quá trình hội nhập và chiếu theo những cam kết cụ thể do các nước thành viên thực hiện sau Vòng Uruguay, tất cả các thành viên đều phải hành động như vậy nếu cần thiết để cải thiện sự tiếp cận thị trường cho hàng dệt và may mặc. Chúng tôi thống nhất rằng, Bộ phận giám sát hàng dệt (TMB), trong khi tiếp tục xem xét tính chất bán pháp lý của mình, phải đạt được sự minh bạch trong quá trình giải trình những căn cứ của những kết luận và khuyến nghị mà bộ phận này đưa ra. Chúng tôi hy vọng TMB sẽ cung cấp được những kết luận và khuyến nghị bất kỳ khi nào được đề nghị làm như vậy theo thoả thuận. Chúng tôi nhấn mạnh trách nhiệm của Hội đồng hàng hoá trong việc xây dựng, theo Điều IV.5 của Thoả thuận WTO và Điều 8 của ATC, chức năng hoạt động của ATC, mà việc thực thi ATC đang do TWM giám sát.

Mậu dịch và môi trường

16. Ủy ban mậu dịch và môi trường đã có đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành Chương trình hoạt động. Ủy ban đang xem xét và sẽ tiếp tục xem xét, bên cạnh một số vấn đề khác, những đặc điểm bổ sung lẫn nhau của tự do hoá mậu dịch, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Việc thực hiện đầy đủ các thoả thuận của WTO sẽ có đóng góp quan trọng cho các mục tiêu phát triển bền vững. Hoạt động của uỷ ban cho thấy rõ tầm quan trọng của việc phối hợp hoạch định chính sách ở cấp trung ương trong lĩnh vực thương mại và môi trường. Theo hướng này, hoạt động của uỷ ban cho đến nay đã được làm phong phú hơn bởi sự tham gia của các chuyên gia môi trường cũng như thương mại từ chính phủ các nước thành viên. Sự tham gia tích cực hơn của những chuyên gia đó vào các hoạt động phi tự do hoá sẽ được hoan nghênh. Phạm vi và tính phức tạp của những vấn đề nằm trong Chương trình hoạt động của uỷ ban cho thấy rằng cần hoàn chỉnh hơn mọi vấn đề đưa ra trong chương trình nghị sự của uỷ ban, như đã được nêu trong báo cáo của uỷ ban. Chúng tôi dự định sẽ tiếp tục những công việc đã hình thành từ trước tới nay, và căn cứ vào đó để hướng dẫn uỷ ban thực hiện nhiệm vụ của mình, báo cáo lên Đại hội đồng, theo những quy định hiện hành.

Đàm phán về dịch vụ

17. Việc hoàn thành các mục tiêu đàm phán được thoả thuận đưa ra tại Marrakesh về vấn đề cải thiện sự tiếp cận thị trường dịch vụ - cụ thể là dịch vụ tài chính, sự di chuyển của các tự nhiên nhân, dịch vụ hàng hải, thể thao và các dịch vụ viễn thông cơ bản - đã tỏ ra khó khăn. Những kết quả đạt được cho đến nay đều không được như mong muốn. Các cuộc đàm phán

đều buộc phải kéo dài thời hạn cho phép trong ba lĩnh vực. Chúng tôi quyết tâm sẽ nâng cao tiến độ tự do hoá các ngành dịch vụ trên cơ sở cùng có lợi cho các bên, có ưu tiên linh hoạt cho các thành viên là các nước đang phát triển theo từng trường hợp cụ thể, như đã nêu trong thoả thuận, trong những cuộc đàm phán đang tiếp diễn và những cuộc đàm phán dự định sẽ bắt đầu không muộn hơn ngày 1 tháng Giêng 2000. Trong bối cảnh này, chúng tôi hy vọng sẽ đạt được các thoả thuận về quy chế đãi ngộ tối huệ quốc đầy đủ dựa trên những cam kết tiếp tục mở cửa thị trường và nguyên tắc đối xử quốc gia. Vì vậy, chúng tôi sẽ:

- kết thúc thành công các cuộc đàm phán về dịch vụ viễn thông cơ bản vào tháng Hai 1997; và
- tiếp tục các cuộc đàm phán về dịch vụ tài chính vào tháng Tư 1997 nhằm mục đích đạt được những cam kết tăng cường sự tiếp cận thị trường trong khung thời gian đã thoả thuận với sự tham gia rộng rãi hơn.

Chia sẻ những mục đích đó, chúng tôi cũng hy vọng các cuộc đàm phán về dịch vụ vận tải hàng hải sẽ kết thúc thành công trong vòng đàm phán tiếp theo về tự do hoá dịch vụ.

Trong số các dịch vụ mang tính nghề nghiệp, chúng tôi sẽ đặt mục tiêu hoàn thành công việc liên quan tới ngành kế toán vào cuối năm 1997, và sẽ tiếp tục xây dựng các nguyên tắc và hướng dẫn mang tính chất đa phương. Vì vậy, chúng tôi khuyến khích IFAC, IASC và IOSCO hoàn chỉnh các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Liên quan đến các luật lệ của GATS, chúng tôi sẽ thực hiện các công việc cần thiết để kết thúc các cuộc đàm phán và về các biện pháp bảo hộ vào cuối năm 1997. Chúng tôi nhận thấy cần phân tích thêm các biện pháp bảo hộ khẩn cấp, vấn đề mua sắm dịch vụ của chính phủ và bao cấp

của chính phủ.

ITA và dược phẩm

18. Chúng tôi hoan nghênh sáng kiến được đưa ra bởi một số thành viên đã thoả thuận xoá bỏ thuế quan theo quy chế tối huệ quốc cho các sản phẩm công nghệ thông tin, cũng như việc một số thành viên bổ sung hơn 400 sản phẩm vào danh sách các sản phẩm được miễn thuế quan trong lĩnh vực dược phẩm.

Chương trình hoạt động và Chương trình nghị sự được lập sẵn

19. Lưu ý rằng một khía cạnh quan trọng của các hoạt động của WTO là liên tục giám sát việc thi hành các thỏa thuận, do đó, việc kiểm tra định kỳ và cập nhật Chương trình hoạt động của WTO là có vai trò cốt yếu để giúp WTO đạt được các mục tiêu của mình. Trong bối cảnh này, chúng tôi thông qua các báo cáo của các bộ phận của WTO. Một phần khá lớn trong Chương trình hoạt động được dẫn ra từ Thỏa thuận WTO và các quyết định được đưa ra tại Marrakesh. Như là một phần của những thỏa thuận và quyết định này, chúng tôi đồng ý với một số quy định khuyến khích các cuộc thương lượng trong tương lai về nông nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực của TRIPs, hoặc các đánh giá tổng kết và các hoạt động khác liên quan đến vấn đề chống phá giá, định giá hải quan, giải quyết tranh chấp, cấp phép nhập khẩu, kiểm hoá trước khi giao hàng, các quy tắc về nguồn gốc hàng hoá, các biện pháp kiểm dịch và kiểm dịch thực vật, các hạn chế mang tính chất kỹ thuật đối với mậu dịch và hàng dệt may, cơ chế đánh giá chính sách mậu dịch, các phương diện liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ và các biện

pháp đầu tư liên quan tới thương mại. Chúng tôi nhất trí với cơ chế phân tích và trao đổi thông tin, như được nêu trong phần kết luận và khuyến nghị của các bộ phận có liên quan của WTO, về các vấn đề của Chương trình nghị sự đã lập sẵn, nhằm giúp các thành viên hiểu rõ hơn những vấn đề liên quan và xác định được những lợi ích mà họ thu được trước khi tiến hành đàm phán hoặc đánh giá như đã thoả thuận. Chúng tôi nhất trí rằng:

- trong mọi trường hợp, thời gian biểu đưa ra trong các thoả thuận phải được tôn trọng;
- hoạt động được tiến hành không được quyết định những vấn đề thuộc phạm vi của các cuộc đàm phán đang được triệu tập hoặc đang diễn ra;
- hoạt động được tiến hành không được gây định kiến về tính chất của cuộc đàm phán hay đánh giá đã thoả thuận.

Đầu tư và cạnh tranh

20. Liên quan đến các quy định hiện hành của WTO về những vấn đề liên quan đến chính sách đầu tư và cạnh tranh và chương trình nghị sự đã lập sẵn trong các lĩnh vực này, gồm cả những vấn đề nêu trong Thoả thuận TRIMs; và hiểu rằng hoạt động được tiến hành không được quyết định liệu các cuộc đàm phán sẽ được bắt đầu trong tương lai hay không, chúng tôi cũng nhất trí:

- thành lập một nhóm làm việc để xem xét lại mối quan hệ giữa mậu dịch và đầu tư; và
- thành lập một nhóm làm việc để nghiên cứu những vấn đề do các thành viên nêu ra liên quan tới sự tương tác giữa chính sách mậu dịch và cạnh tranh, gồm cả các tập quán chống cạnh tranh, nhằm xác định những lĩnh vực có thể

được tiếp tục xem xét trong khuôn khổ WTO.

Các nhóm làm việc này sẽ giúp đỡ nhau nếu cần thiết, phải chia sẻ cũng như đối xử không có định kiến với công việc của UNCTAD và các diễn đàn liên chính phủ khác có liên quan. Đối với UNCTAD, chúng tôi hoan nghênh hoạt động nêu trong Tuyên bố Midrand và khả năng đóng góp của nó đối với việc nâng cao hiểu biết về các vấn đề. Trong hoạt động của các nhóm làm việc này, chúng tôi khuyến khích sự hợp tác với các tổ chức trên để tận dụng được tốt nhất các nguồn lực sẵn có và để bảo đảm rằng quy mô phát triển được xem xét một cách đầy đủ. Đại hội đồng sẽ giám sát hoạt động của mỗi bộ phận, và sẽ quyết định hoạt động của các bộ phận đó sẽ diễn ra như thế nào sau hai năm. Một điều đã rõ là nếu có các cuộc thảo luận tương lai liên quan đến các quy tắc đa phương trong những lĩnh vực này thì chỉ diễn ra sau khi đạt được một sự đồng thuận giữa các thành viên của WTO.

21. Chúng tôi cũng đồng ý:

Tính minh bạch trong mua sắm của chính phủ

- thành lập một nhóm làm việc để tiến hành một nghiên cứu về tính minh bạch trong các hoạt động mua sắm của chính phủ, có tính đến các chính sách quốc gia, và dựa trên nghiên cứu này để xây dựng nội dung cho một thoả thuận phù hợp; và

Hỗ trợ mậu dịch

- hướng dẫn Hội đồng mậu dịch hàng hoá tiến hành hoạt

động thử nghiệm và phân tích, tổng kết từ hoạt động của các tổ chức quốc tế có liên quan khác về việc đơn giản hoá các thủ tục mậu dịch nhằm đánh giá phạm vi của các quy tắc của WTO trong lĩnh vực này.

22. Trong việc tổ chức hoạt động nêu ra tại Mục 20 và 21, cần lưu ý giảm thiểu gánh nặng của các phái đoàn thành viên tại WTO, đặc biệt là những thành viên có nguồn lực hạn chế hơn, và coi trọng điều phối các cuộc hội nghị với các bộ phận có liên quan của UNCTAD. Chương trình trợ giúp kỹ thuật do ban thư ký tiến hành sẽ được thực hiện với các nước đang phát triển và đặc biệt là các nước chậm phát triển để tạo điều kiện cho các nước đó tham gia vào hoạt động này.

Phụ lục IV**Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng
WTO tại Geneva****thông qua ngày 20 tháng Năm 1998**

Phiên họp thứ hai của Hội nghị cấp bộ trưởng WTO đang diễn ra tại một thời điểm đặc biệt có ý nghĩa của hệ thống mậu dịch đa phương, khi hệ thống này kỷ niệm 50 năm ngày ra đời. Nhân dịp này, chúng tôi ghi nhận sự đóng góp quan trọng của hệ thống trong nửa thế kỷ qua đối với sự tăng trưởng, việc làm và ổn định chung thông qua việc thúc đẩy tự do hoá và mở rộng hoạt động thương mại và việc đưa ra một khuôn khổ cho các quan hệ mậu dịch quốc tế, theo những mục đích đã nêu trong phần Mở đầu của Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch và Thoả thuận của Tổ chức thương mại thế giới. Tuy nhiên, chúng tôi nhất trí rằng còn nhiều việc nữa cần phải làm để giúp cho tất cả các dân tộc trên thế giới cùng chia sẻ những thành tựu này một cách đầy đủ và bình đẳng.

2. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống mậu dịch đa phương dựa trên luật lệ. Chúng tôi tái khẳng định những cam kết và đánh giá đã đưa ra tại Singapo, và lưu ý rằng từ lần hội nghị trước tới nay những hoạt động trong khuôn khổ các thoả thuận và quyết định hiện hành đã tạo ra những bước tiến mới có ý nghĩa. Đặc biệt, chúng tôi hoan nghênh việc kết thúc thành công các cuộc đàm phán về dịch vụ tài chính và viễn thông cơ bản và ghi nhận việc thi hành Thoả thuận công nghệ

thông tin. Chúng tôi tiếp tục cam kết sẽ đẩy mạnh tự do hoá mậu dịch hàng hoá và dịch vụ.

3. Lễ kỷ niệm lần thứ 50 này đến đúng vào lúc nền kinh tế của một số nước thành viên WTO đang trải qua nhiều khó khăn do hậu quả của những biến động trên thị trường tài chính. Nhân dịp này, chúng tôi nhấn mạnh rằng việc mở cửa mọi thị trường phải là yếu tố quan trọng trong một giải pháp bền vững nhằm khắc phục những khó khăn này. Với tinh thần đó, chúng tôi phản đối việc sử dụng mọi biện pháp bảo hộ và nhất trí mở rộng hợp tác trong WTO cũng như trong IMF và Ngân hàng thế giới để tăng cường sự liên kết của quá trình hoạch định chính sách kinh tế quốc tế nhằm tối đa hoá sự đóng góp của một chế độ mậu dịch cởi mở, dựa trên luật lệ đối với sự tăng trưởng ổn định của các nền kinh tế ở mọi mức độ của sự phát triển.

4. Chúng tôi nhận thấy tầm quan trọng của việc tăng cường sự hiểu biết về những lợi ích của hệ thống mậu dịch đa phương để xây dựng sự ủng hộ đối với hệ thống và nhất trí sẽ hoạt động theo mục tiêu này. Trong bối cảnh đó, chúng tôi sẽ xem xét làm thế nào để cải thiện sự minh bạch trong các hoạt động của WTO. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục những nỗ lực của mình để đạt được những mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

5. Chúng tôi tiếp tục cam kết bảo đảm rằng các lợi ích của hệ thống mậu dịch đa phương được chia sẻ ở mức độ rộng rãi nhất có thể được. Chúng tôi nhận thấy một nhu cầu là hệ thống này phải có những đóng góp riêng để đáp ứng những lợi ích thương mại cụ thể và những nhu cầu phát triển của các thành viên là những nước đang phát triển. Chúng tôi hoan nghênh những hoạt động đã được tiến hành trong Uỷ ban mậu dịch và phát

triển trong việc xem xét áp dụng những quy định đặc biệt của các Thoả thuận Mậu dịch đa phương và các Quyết định cấp bộ trưởng có liên quan mang tính chất ưu đãi đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển. Chúng tôi nhất trí với nhu cầu cần thực hiện một cách có hiệu quả những quy định đặc biệt này.

6. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến tình trạng các nước đang phát triển và một số nền kinh tế nhỏ bé bị lệ hoá, và nhận thấy cần cấp bách giải quyết vấn đề này mà rất nhiều trong số đó đang phải đương đầu cùng với tình trạng nợ nước ngoài kinh niên. Trong bối cảnh này, chúng tôi hoan nghênh các sáng kiến mà WTO hợp tác với các cơ quan khác đã đưa ra nhằm thực hiện một cách tổng thể Kế hoạch hành động cho các nước chậm phát triển mà chúng tôi đã thoả thuận tại Singapo, đặc biệt là tại Hội nghị cấp cao các nước chậm phát triển tổ chức tại Geneva vào tháng Mười 1997. Chúng tôi cũng hoan nghênh báo cáo của ngài Tổng giám đốc về việc thực hiện sáng kiến này mà chúng tôi coi là có tầm quan trọng lớn lao. Chúng tôi cam kết tiếp tục mở rộng và tự do hoá ở mức cao nhất có thể sự tiếp cận thị trường cho những sản phẩm được xuất khẩu bởi các nước kém phát triển. Chúng tôi kêu gọi các thành viên thực hiện những cam kết về sự tiếp cận thị trường đã đạt được tại Hội nghị cấp cao.

7. Chúng tôi hoan nghênh các thành viên đã gia nhập WTO tại Hội nghị Singapo: Cônggô, Cộng hoà dân chủ Cônggô, Môngcô, Nigiê và Panama. Chúng tôi hoan nghênh những tiến bộ của 31 nước đang đàm phán để xin gia nhập và tiếp tục nghị quyết mà chúng tôi đã đưa ra để bảo đảm rằng quá trình gia nhập WTO của những nước này tiến triển ở mức nhanh chóng nhất có thể được. Chúng tôi nhắc lại rằng việc gia nhập WTO đòi hỏi phải có

sự tôn trọng đầy đủ các luật lệ và nguyên tắc của WTO cũng như những cam kết về sự tiếp cận thị trường của phía các ứng cử viên.

8. Việc thực hiện đầy đủ và trung thành Thoả thuận và các Quyết định cấp bộ trưởng là bắt buộc nhằm bảo đảm uy tín của hệ thống mậu dịch đa phương và là yêu cầu không thể thiếu để duy trì động lực mở rộng mậu dịch toàn cầu, tạo việc làm và tăng mức sống ở mọi nơi trên thế giới. Vào phiên họp thứ ba, chúng tôi sẽ tiếp tục theo đuổi đánh giá việc thực hiện từng thoả thuận đơn lẻ và hoàn thành những mục tiêu của các thoả thuận đó. Đánh giá này sẽ đề cập những vấn đề gặp phải bên cạnh nhiều vấn đề khác trong quá trình thực hiện các thoả ước này và ảnh hưởng của nó đối với những triển vọng thương mại và phát triển của các thành viên. Chúng tôi tái khẳng định cam kết tôn trọng lịch trình hiện có của các cuộc đánh giá, đàm phán và các công việc khác mà chúng tôi đã đồng ý.

Chúng tôi nhấn mạnh rằng Thoả thuận Marrakesh thành lập Tổ chức thương mại thế giới đã tuyên bố rằng WTO phải tạo ra một diễn đàn đàm phán giữa các thành viên liên quan đến các quan hệ mậu dịch đa phương của họ trong những vấn đề được đề cập trong các thoả thuận ghi trong phần Phụ lục của Thoả thuận, và WTO cũng có thể tạo ra một diễn đàn để tiếp tục đàm phán giữa các thành viên liên quan đến các quan hệ mậu dịch đa phương của họ, và một khuôn khổ cho việc thực hiện những kết quả của các cuộc đàm phán như thế có thể được quyết định bởi Hội nghị cấp bộ trưởng. Theo tinh thần đã nêu trong các đoạn 1-8 ở trên, chúng tôi quyết định rằng theo hướng dẫn của Đại hội đồng, một cơ chế sẽ được thiết lập để bảo đảm thực hiện một cách đầy đủ và trung thành những thoả thuận hiện có, và để chuẩn bị cho phiên họp thứ ba của Hội nghị cấp bộ trưởng. Cơ chế này sẽ cho phép Đại hội đồng đệ trình lên Hội

ngợi cấp bộ trưởng các khuyến nghị liên quan đến chương trình hoạt động của WTO, gồm cả quá trình tự do hoá rộng rãi đáp ứng những lợi ích và mối quan tâm để đưa ra cho Phiên họp đặc biệt lần thứ ba tiến hành vào tháng Chín 1998 quyết định, và theo định kỳ sau đó nhằm bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội đồng một cách đầy đủ và kịp thời, tôn trọng đầy đủ nguyên tắc quyết định dựa trên sự đồng thuận. Chương trình hoạt động của Đại hội đồng sẽ bao gồm những vấn đề sau:

a) Các khuyến nghị liên quan đến:

- (1) các vấn đề, gồm cả những vấn đề do các thành viên đưa ra, liên quan đến việc thực hiện các thỏa thuận và quyết định hiện hành;
- (2) những cuộc đàm phán đã đặt kế hoạch tại Marrakesh, để bảo đảm rằng các cuộc đàm phán đó sẽ bắt đầu diễn ra theo đúng lịch trình;
- (3) những hoạt động trong tương lai theo quy định của các thỏa thuận và quyết định hiện hành được đưa ra tại Marrakesh;

b) Những khuyến nghị liên quan đến các hoạt động có thể diễn ra trong tương lai trên cơ sở chương trình hoạt động được đưa ra tại Singapo:

- (1) những khuyến nghị về các công việc nối tiếp Hội nghị cấp cao về các nước chậm phát triển;
- (2) những khuyến nghị nảy sinh từ việc xem xét những vấn đề do các thành viên đề nghị và thỏa thuận liên quan đến các quan hệ mậu dịch đa phương.

10. Đại hội đồng cũng sẽ trình lên Phiên họp thứ ba của Hội nghị cấp bộ trưởng, trên cơ sở đồng thuận, những khuyến nghị

để quyết định liên quan đến việc tăng cường tổ chức và điều hành chương trình hoạt động nêu trên, gồm cả phạm vi, cấu trúc và lịch trình, để bảo đảm rằng chương trình đó được bắt đầu và kết thúc nhanh chóng.

11. Chương trình hành động nêu trên sẽ nhằm đạt được sự cân bằng chung về lợi ích của tất cả các thành viên.

Phụ lục V**Tuyên bố của Hội nghị cấp bộ trưởng
về thương mại điện tử toàn cầu****thông qua ngày 20 tháng Năm 1998**

Các Bộ trưởng,

Trên cơ sở nhận thức rằng nền thương mại điện tử toàn cầu đang phát triển và tạo ra nhiều cơ hội mậu dịch.

Tuyên bố rằng:

Đại hội đồng, trong phiên họp đặc biệt của hội nghị lần tới, sẽ xây dựng một chương trình hoạt động toàn diện để xem xét mọi vấn đề liên quan đến thương mại điện tử toàn cầu, gồm cả các vấn đề do các thành viên đưa ra. Chương trình hoạt động này sẽ có sự tham gia của các bộ phận có liên quan của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), xem xét những nhu cầu kinh tế, tài chính và phát triển của các nước đang phát triển, và xác định những hoạt động cũng đang được tiến hành tại các diễn đàn quốc tế khác. Đại hội đồng sẽ có một báo cáo về tiến độ thực hiện của chương trình hoạt động và đưa ra bất kỳ khuyến nghị nào để thảo luận tại phiên họp lần thứ ba. Với nhận thức công bằng về kết quả của chương trình hành động hay những quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên theo các thoả thuận của WTO, chúng tôi cũng tuyên bố rằng các thành viên sẽ tiếp tục không áp dụng thuế

quan đối với các mặt hàng truyền thông điện tử. Khi báo cáo lên phiên họp thứ ba của Hội nghị cấp bộ trưởng, Đại hội đồng sẽ xem xét lại tuyên bố này và việc gia hạn hiệu lực của nó sẽ được quyết định thông qua bằng đồng thuận, có tính đến tiến độ thực hiện của chương trình hoạt động.

Phụ lục VI

Tuyên bố của các tổ chức thành viên xã hội dân sự quốc tế phản đối Vòng đàm phán thiên niên kỷ hay vòng đàm phán thương mại toàn cầu mới¹

Tháng Mười một 1999 chính phủ của các nước trên thế giới sẽ họp mặt tại Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ ba Tổ chức thương thế giới ở Siaton. Chúng tôi, những tổ chức ký tên dưới đây, thành viên của xã hội dân sự quốc tế, phản đối bất kỳ cố gắng nào nhằm mở rộng các quyền lực của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) thông qua một vòng đàm phán mới, toàn diện về tự do mậu dịch. Các chính phủ tham dự nên xem xét và phê chuẩn những khiếm khuyết của hệ thống này và ngay cả cơ chế hoạt động của WTO.

Những thoả thuận của Vòng đàm phán Uruguay và sự thành lập WTO được tuyên bố là nhằm đẩy mạnh sự kiến tạo của cải và phần vinh toàn cầu và cải thiện đời sống cho tất cả mọi người ở các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, trong thực tế năm năm qua, WTO đã góp phần làm cho của cải tập trung vào tay một số ít những người giàu có; tăng tình trạng nghèo khổ

1. Nếu tổ chức của bạn muốn tham gia ký tuyên bố này, xin liên hệ: ronnieh@foe.co.uk

của phần lớn số dân thế giới; và các phương thức sản xuất và tiêu dùng không mang tính bền vững.

Các thoả thuận của Vòng đàm phán Uruguay có chức năng chủ yếu là mở tung cửa các thị trường vì lợi ích của các công ty xuyên quốc gia mà không tính đến lợi ích của nền kinh tế mỗi nước: của công nhân, nông dân và những tầng lớp khác, và của môi trường. Thêm vào đó, cơ chế WTO, các luật lệ và thủ tục của nó đều không dân chủ, không minh bạch, vô trách nhiệm và vận hành nhằm gạt ra ngoài lề đa số dân chúng trên thế giới.

Tình hình này đã diễn ra trong bối cảnh bất ổn định kinh tế toàn cầu ngày càng tăng, sự sụp đổ của các nền kinh tế, sự bất bình đẳng giữa các quốc gia và nội bộ của các quốc gia, sự suy thoái về mặt môi trường và xã hội ngày càng tăng, đây chính là hậu quả của sự gia tăng quá trình toàn cầu hoá.

Các chính phủ có vai trò chủ đạo trong WTO và các công ty xuyên quốc gia, những người đã từng thu lợi từ cơ chế WTO lại từ chối không xác định và tìm ra cách giải quyết cho những vấn đề này. Thay vào đó, họ hối thúc tăng cường tự do hoá bằng cách đưa vào khuôn khổ WTO thêm nhiều vấn đề mới. Điều này sẽ dẫn đến việc làm trầm trọng hơn cuộc khủng hoảng gắn liền với quá trình toàn cầu hoá và WTO.

Chúng tôi phản đối bất kỳ cuộc đàm phán nào về vấn đề đẩy mạnh tự do hoá, đặc biệt là những cuộc đàm phán sẽ bổ sung nhiều lĩnh vực mới vào cơ chế WTO, như đầu tư, chính sách cạnh tranh và mua sắm của chính phủ. Chúng tôi tự cam kết sẽ tiến hành các chiến dịch chống những đề nghị như thế. Chúng tôi cũng phản đối Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của các quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs). Chúng tôi kêu gọi đình chỉ thảo luận những vấn đề mới mà sẽ dẫn đến việc mở rộng phạm vi và quyền lực của WTO.

Trong quá trình đình chỉ đó, nên có sự xem xét và đánh giá toàn diện và sâu sắc những thoả thuận hiện hành. Sau đó cần

tiến hành từng bước, có hiệu quả để sửa đổi các thoả thuận này. Một đánh giá như thế phải nêu được ảnh hưởng của WTO đối với các cộng đồng bị thiệt thòi, tình hình phát triển, dân chủ, môi trường, sức khoẻ, quyền con người, quyền lao động và quyền của phụ nữ và trẻ em. Đánh giá đó phải được thực hiện với sự tham gia đầy đủ của xã hội dân sự.

Sự thất bại của Hiệp định đa phương về đầu tư của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế thể hiện sự phản đối rộng rãi của dư luận đối với sự phi điều tiết nền kinh tế toàn cầu, sự thống trị ngày càng mạnh mẽ của các công ty xuyên quốc gia, việc gia tăng sử dụng các nguồn tài nguyên và sự xuống cấp về môi trường.

Có được một đánh giá về cơ chế WTO sẽ tạo cơ hội cho xã hội thay đổi tiến trình phát triển và thiết lập một hệ thống quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế khác mang tính bản thiện và tồn tục.

Tuyên bố này được ký bởi:

- 50 Years is Enough: Network for Global Justice, Mỹ
- 8th Day Centre for Justice, IL, Mỹ
- A SEED, Europe
- A SEED JAPAN
- AAI - Anti Atom International, Wien, Áo
- Aboriginal Tourism Authority, Canada
- Absolventenverein der Landwirtschaftlichen Lehranstalt Lienz, Áo
- Abya Yala Fund for Self-Development of Indigenous Peoples (Mêhicô, Trung và Nam Mỹ)
- AC! (Agir Ensemble contre le chômage), Pháp
- Accion Ecologica - Friends of the Earth Ecuador, Êcuado
- Action Committee Sem-Terra, Hà Lan

- ADHOC (Cambodian Human Rights Association), Campuchia
- Advocates for Animal Rights Nassau, Bahama
- Africa Policy Information Centre (APIC), Mỹ
- Africa Faith and Justice Network
- Agora - Associacao para Projetos de Combate à Fome Brasilia, Braxin
- Akin-Redaktion (Wochenzeitschrift "aktuelle informationen"), Áo
- AID/WATCH, Ôxtrâylia
- AITEC (Association Internationale de techniciens, Experts et Chercheurs), Pháp
- AK Weltwirtschaft Nuernberg, Đức
- Aktion Umweltgesprache Lienz, Áo
- Alberta Aboriginal Tourism Alliance, Canada
- All India Catholic University Federation (AICUF), Ấn Độ
- All Japan Federation of Farmers' Union (Zennichino), Nhật Bản
- Alliance for Democracy, Indiana Chapter, Mỹ
- Alliance for Democracy, Mỹ
- ALT - Ambiente Lavoro Toscana, Italia
- Alt Ref Boku / Oeh, Áo
- Alternative Consumer Association, Hà Lan
- Alternative Information and Development Centre (AIDC), Nam Phi
- Alternative to the EU, Phần Lan

Phụ lục VII

Lời kêu gọi của tổ chức ATTAC¹

Quốc tế của tư bản đang chiến thắng. Nhưng những hy vọng của con người vẫn chưa sinh thành.

Cứ mỗi ngày trôi qua, từng chút một, thị trường tiếm quyền kiểm soát cuộc sống. Thị trường sắp xếp công việc, định mức lương tiền, bố trí lại xí nghiệp, quyết định ta được ăn gì, được uống gì, được hô hấp gì. Thị trường cắt dần sự tiến bộ xã hội, loại bỏ bản sắc, hủy hoại dịch vụ công cộng, xóa sạch dân chủ và quyền tự quyết của nhân dân.

Cứ mỗi ngày trôi đi, toàn cầu hóa mỗi chuyển động nhanh hơn, mà không có một thiết chế dân chủ nào được chỉ định để tiến hành công việc đó. Trong vòng đàm phán tới, có nguy cơ Tổ chức thương mại thế giới sẽ thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa đó với gia tốc nghệt thờ. Nếu kế hoạch của nó được duy trì thì sẽ sớm đến cái ngày chẳng có gì còn lại sau biết bao thế kỷ đấu tranh về xã hội và chính trị.

Nhân danh tự do thương mại, người ta đã huỷ diệt bản thân *tự do*. Thế nhưng, nếu được điều hành trong sự tôn trọng chủ quyền của các dân tộc, thì các thành quả về xã hội và môi

1. ATTAC, tên gọi tắt của tổ chức những người chủ trương đánh thuế các giao dịch tài chính để giúp đỡ cho các công dân (Association pour la taxation des transactions financières pour l'aide aux citoyens) có 13.000 hội viên, 130 chi hội ở Pháp và có chi nhánh ở 80 quốc gia.

sinh được các nhà cầm quyền dân chủ kiểm soát, việc quốc tế hóa các nền kinh tế, văn hóa, tư tưởng và nhân dân, sẽ làm cho nhân loại vô cùng phong phú.

Chúng tôi, những người ký tên vào lời kêu gọi này xin đề nghị với toàn thể nhân dân thế giới hãy siết chặt hàng ngũ để yêu cầu chính phủ của nước mình đưa ra các quyết định sau đây:

1. Kiểm toán toàn bộ hậu quả của toàn cầu hóa, đặc biệt là việc WTO tuân thủ Tuyên ngôn quyền con người và tất cả các công ước quốc tế khác.
2. Tổ chức các cuộc hội họp rộng rãi trên phạm vi thế giới để các công dân, công nhân, các xí nghiệp, các công đoàn, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ, các đại biểu dân cử và tất cả những người mà đời sống ít nhiều bị ảnh hưởng bởi việc cắt giảm hơn nữa những hạn chế về thương mại, được tranh luận một cách dân chủ.
3. Như yêu cầu của hàng ngàn tổ chức trên thế giới, hãy tạm ngưng tất cả các hiệp định thương mại tự do mới, đặc biệt là hãy đình hoãn các cuộc thương lượng của vòng WTO tới cho đến khi hoàn tất công việc kiểm toán và lập pháp.

Phụ lục VIII

Điều 301 đặc biệt của Mỹ¹

Điều '301 đặc biệt' (Special 301), một phần trong luật thương mại của Mỹ, yêu cầu Cơ quan đại diện thương mại Mỹ (USTR) xếp hạng những nước từ chối việc bảo vệ đầy đủ và có hiệu quả các quyền sở hữu trí tuệ (IPR) hay những nước từ chối quyền của người Mỹ được tiếp cận thị trường một cách công bằng và bình đẳng dựa trên IPR. Một khi bị 'xếp hạng', nước đó có thể bị trừng phạt thương mại song phương của Mỹ nếu không tiến hành thay đổi để giải toả những mối quan ngại của Mỹ.

Trong Điều 301 đặc biệt, các nước có những đạo luật, chính sách hay thông lệ phiền hà hoặc quá đáng hay những nước có những đạo luật, chính sách hay thông lệ có tác động tiêu cực nhất (hiện tại hay có tiềm năng) đối với các sản phẩm có liên quan của Mỹ, và không tham gia vào những cuộc đàm phán mang tính thiện chí để giải quyết những vấn đề này, phải bị coi là những nước cần 'ưu tiên điều tra'.

Cơ quan đại diện thương mại Mỹ (USTR) phải quyết định xem mỗi năm có những nước nào nằm trong danh sách theo Điều 301 đặc biệt. Danh sách này được đưa ra trong vòng 30 ngày sau Báo cáo đánh giá thương mại quốc gia hàng năm của Mỹ thường được công bố vào ngày 31 tháng Ba. Nếu một đối tác

1. Bản tin của Phòng thông tin văn hoá Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam.

thương mại bị xếp là cần 'ưu tiên' thì trong vòng 30 ngày USTR phải quyết định xem liệu có nên tiến hành một cuộc điều tra về các đạo luật, chính sách và thông lệ làm cơ sở cho việc xếp hạng này hay không.

Trong vòng sáu tháng kể từ ngày bắt đầu cuộc điều tra, USTR phải ra quyết định - sau khi điều tra và thảo luận - xem tình hình dẫn đến biện pháp ban đầu có còn tồn tại hay không. Nếu còn thì USTR phải quyết định tiến hành biện pháp nào. Những biện pháp này có thể bao gồm cả lệnh trừng phạt thương mại song phương theo Điều 301 của Đạo luật thương mại năm 1974. Thời hạn đưa ra quyết định này có thể kéo dài đến chín tháng kể từ ngày mở cuộc điều tra nếu USTR thấy có liên quan đến những vấn đề phức tạp rắc rối hoặc đã có những tiến bộ đáng kể.

USTR duy trì việc phân loại các nước mà Mỹ có những quan ngại về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhưng những nước đó hoặc không còn nằm trong diện những nước 'ưu tiên điều tra' hoặc chưa bị xếp vào hạng đó. Những nước có các thông lệ ít gây ảnh hưởng hơn nhưng vẫn rất nghiêm trọng được liệt vào 'danh sách cần ưu tiên theo dõi'. Những nước này là trung tâm của các cuộc thảo luận song phương đang gia tăng về các lĩnh vực có vấn đề.

USTR sử dụng một 'danh sách theo dõi' riêng đối với những nước mà Mỹ có những mối quan ngại về nhịp độ tiến triển trong việc thực thi vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tạo cơ hội tiếp cận thị trường tương xứng cho các sản phẩm của Mỹ. Cũng có một danh sách cần 'quan sát' khác đối với các nước có những thông lệ đáng quan ngại đủ để USTR phải nêu tên trong bản danh sách tổng kết hàng năm.

Trong bản danh sách tổng kết Điều 301 đặc biệt hàng năm của USTR, các nước có thể bị chuyển lên danh sách các nước cần 'ưu tiên' hoặc chuyển sang một danh sách khác hay được đưa ra

khỏi danh sách.

Các bản danh sách tổng kết đột xuất có thể hoặc thường được thực hiện ở bất kỳ thời điểm nào trong năm. Những bản tổng kết này, giống với bản tổng kết định kỳ hàng năm, xác định những nước nào cần phải 'ưu tiên', và những nước nào có thể được bổ sung vào danh sách hay loại ra khỏi danh sách cần 'theo dõi'.

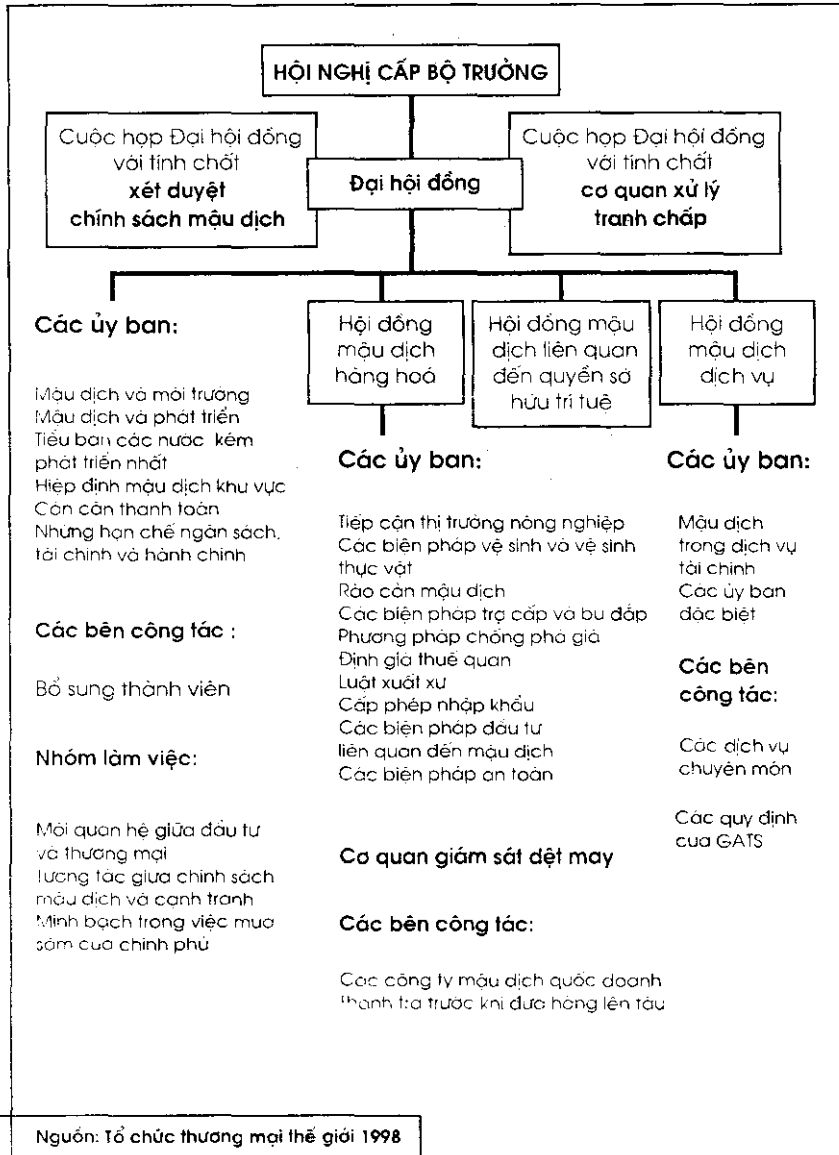
Theo kết quả báo cáo Điều 301 đặc biệt hàng năm ngày 1 tháng Năm 1998, USTR đã công bố có 14 nước và Liên minh châu Âu bị xếp vào danh sách cần 'ưu tiên điều tra', và 30 nước cùng đặc khu hành chính Hồng Kông bị xếp vào danh sách cần theo dõi. Mười bảy nước khác bị đưa vào loại cần 'quan sát' khác.

USTR cũng công bố rằng cuộc điều tra theo Điều 301 đặc biệt đối với Paraguay bắt đầu tiến hành khi nước này bị coi là nước cần 'ưu tiên' vào tháng Giêng 1998. Thêm vào đó USTR công bố rằng Mỹ sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp với Hy Lạp và Cộng đồng châu Âu trong phạm vi Tổ chức thương mại thế giới (WTO) về việc đánh cắp bản quyền phim và các chương trình truyền hình của Mỹ. Đây là lần thứ mười Mỹ đưa những tranh chấp có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ ra giải quyết trong phạm vi Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

USTR công bố thêm rằng USTR sẽ theo dõi việc Trung Quốc tuân thủ các hiệp định song phương về quyền sở hữu trí tuệ. Vì Trung Quốc chưa phải là thành viên của WTO, nên USTR có thể trực tiếp chuyển sang thi hành lệnh trừng phạt thương mại nếu nước này lơ là trong việc thực thi các hiệp định song phương.

Phụ lục IX

Cơ cấu của Tổ chức thương mại thế giới



Chịu trách nhiệm xuất bản

Trần Đình Nghiêm

Biên tập

Nguyễn Khánh Hoà và Bùi Thị Hồng Thuý

Trình bày và vẽ bìa

Nguyễn Thị Hoà

Sửa bản in

Ban sách Những vấn đề quốc tế

In 1500 cuốn, khổ 15 x 22 cm tại Xí nghiệp in Á -Phi.

Số xuất bản 382 - 1501 / XB - QLXB

ngày 16 tháng Mười hai 1999.

In xong và nộp lưu chiểu tháng Ba 2000.